

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG DIỆU HẢI AN

Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA NÔNG DÂN
TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
Ở NAM TRUNG BỘ HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG
VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ

HÀ NỘI - 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG DIỆU HẢI AN

**Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA NÔNG DÂN
TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
Ở NAM TRUNG BỘ HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

**NGÀNH: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG
VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ**

Mã số: 9229002

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. GS.TS. TRẦN VĂN PHÒNG

2. TS. NGÔ THỊ NỤ

HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án



Trương Diệu Hải An

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	8
1.1. Những công trình nghiên cứu liên quan đến lý luận về ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới	8
1.2. Những công trình nghiên cứu về thực trạng ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Nam Trung Bộ	26
1.3. Những công trình nghiên cứu về quan điểm, giải pháp nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Nam Trung Bộ	34
1.4. Giá trị của các công trình đã được tổng quan và những vấn đề đặt ra mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu	42
Chương 2: Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN	48
2.1. Một số khái niệm cơ bản	48
2.2. Nội dung ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới	74
2.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới	81
Chương 3: Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở NAM TRUNG BỘ HIỆN NAY (QUA KHẢO SÁT CÁC TỈNH TÂY NGUYÊN CŨ) - THỰC TRẠNG VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA	90
3.1. Khái lược về Nam Trung Bộ và nông dân các tỉnh Nam Trung Bộ	90
3.2. Thực trạng ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Nam Trung Bộ hiện nay (Qua khảo sát các tỉnh Tây Nguyên cũ)	104
3.3. Một số vấn đề đặt ra đối với ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Nam Trung Bộ hiện nay	133
Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP CƠ BẢN NÂNG CAO Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở NAM TRUNG BỘ THỜI GIAN TỚI	141
4.1. Quan điểm cơ bản nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Nam Trung Bộ	141
4.2. Giải pháp cơ bản nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Nam Trung Bộ thời gian tới	149
KẾT LUẬN	174
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	176
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	177
PHỤ LỤC	190

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
BCH TW	Ban Chấp hành trung ương
CNH, HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
DTTS	Dân tộc thiểu số
HACCP	Hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn
HTX	Hợp tác xã
GMP	Thực hành sản xuất tốt
GRDP	Tổng sản phẩm trên địa bàn
Nxb.	Nhà xuất bản
OCOP	Mỗi xã một sản phẩm

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong tiến trình phát triển của dân tộc Việt Nam, nông nghiệp, nông dân và nông thôn luôn giữ vị trí nền tảng và có ý nghĩa chiến lược lâu dài. Với một quốc gia xuất phát từ nền văn minh lúa nước, nông dân không chỉ là lực lượng trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất mà còn là chủ thể gìn giữ, sáng tạo và truyền thụ những giá trị văn hoá - xã hội đặc trưng của dân tộc. Trong suốt quá trình cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định giai cấp nông dân là lực lượng chính trị - xã hội to lớn, là một trong ba giai tầng nòng cốt của liên minh công - nông - trí thức, giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nghị quyết số 26-NQ/TW (2008) nhấn mạnh: *“Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước”* [4].

Trên cơ sở đó, Nhà nước đã triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2045 theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW (2022) [5]. Xây dựng nông thôn mới không chỉ là chương trình tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, mà còn là một cuộc vận động xã hội sâu rộng nhằm khơi dậy và phát huy ý thức trách nhiệm, năng lực tự chủ, tinh thần sáng tạo của nông dân - những chủ thể trung tâm trong công cuộc kiến tạo nông thôn mới văn minh, hiện đại.

Nam Trung Bộ [24] là vùng đất bao gồm các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ - có vị trí tiếp giáp với biển về phía đông và các tỉnh Tây Nguyên - có vị trí an ninh chiến lược quan trọng về phía tây của tổ quốc. Với vị trí địa lý giàu tiềm năng bao gồm cả miền núi, cao nguyên, đồng bằng ven biển, Nam Trung

Bộ đang hội tụ đầy đủ tiềm năng để phát triển kinh tế nông nghiệp. Sau hơn 15 năm thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, khu vực này đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân đặc biệt các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo,... . Tuy nhiên, những kết quả ấy cũng bộc lộ nhiều vấn đề mang tính mâu thuẫn nội tại. Một mặt, chương trình đã tạo động lực cho sự chuyển biến trong tư duy và hành động của người nông dân; mặt khác, vẫn tồn tại biểu hiện thiếu chủ động, dè dặt, thụ động, trông chờ, ỷ lại, tâm lý thụ hưởng,... Đặc biệt là tiểu vùng Tây Nguyên (cũ) gồm các tỉnh: Kon Tum (cũ), Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng. Tuy nằm trong tổng thể vùng Nam Trung Bộ nhưng mang những đặc điểm riêng biệt về điều kiện tự nhiên, dân cư, kinh tế, văn hoá và tâm lý xã hội... . Đồng thời là khu vực có vị trí chiến lược về an ninh - quốc phòng, song tốc độ xây dựng nông thôn mới có phần chậm, chưa đồng đều giữa các tỉnh hay giữa các xã cùng tỉnh; chưa hình thành được chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp, chưa có nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp áp dụng công nghệ cao, chưa đem lại thu nhập như mong đợi cho nông dân; chưa phát huy tốt nguồn lực con người - nhất là ý thức trách nhiệm và tinh thần làm chủ của nông dân.

Thực tế này phản ánh, mâu thuẫn giữa yêu cầu khách quan của sự phát triển với yếu tố chủ quan là chủ thể, cụ thể là người nông dân trong xây dựng nông thôn mới. Trong đó, ý thức trách nhiệm của con người không phải là một yếu tố tự phát, tự hình thành mà là kết quả của quá trình nhận thức và hoạt động thực tiễn, trên hết con người trở thành chủ thể tự giác trong kiến tạo. Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu sinh chọn chủ đề: ***“Ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Nam Trung Bộ hiện nay”*** làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ triết học, ngành Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích làm rõ một số vấn đề lý luận về ý thức trách nhiệm của nông dân và thực trạng ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Nam Trung Bộ (qua khảo sát các tỉnh Tây Nguyên cũ), luận án đề xuất quan điểm và giải pháp cơ bản nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Nam Trung Bộ trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu đã nêu, cần thực hiện các nhiệm vụ như sau:

Thứ nhất, tổng quan các công trình khoa học liên quan tới đề tài luận án;

Thứ hai, phân tích làm rõ một số vấn đề lý luận về ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới.

Thứ ba, phân tích, đánh giá thực trạng và xác định những vấn đề đặt ra từ thực trạng ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Nam Trung Bộ (qua khảo sát các tỉnh Tây Nguyên cũ) trong thời gian từ 2021 đến 2024.

Thứ tư, đề xuất một số quan điểm và giải pháp cơ bản nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Nam Trung Bộ thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, đối tượng nghiên cứu là ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Nam Trung Bộ.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới được luận án nghiên cứu trên phương diện đạo đức và pháp luật, nội dung ý

thức trách nhiệm tập trung phân tích góc độ nhận thức, thái độ và tình cảm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Nam Trung Bộ.

Về không gian: Số liệu nghiên cứu trong luận án được thực hiện điều tra tra khảo sát và thu thập từ 05 tỉnh Tây Nguyên (cũ) bao gồm các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, nay thuộc vùng Nam Trung Bộ, theo thông báo số 65-TB/ĐU ngày 04/6/2025 của Đảng ủy Chính phủ [24].

Về thời gian: Luận án nghiên cứu trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến 2024. Sở dĩ nghiên cứu sinh lựa chọn khoảng thời gian này vì sau 15 năm triển khai và thực hiện nghị quyết số 26-NQ/TW [4], Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã ban hành Nghị quyết 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [5]; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 [100].

4. Cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án nghiên cứu dựa trên quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về ý thức trách nhiệm của nông dân. Ngoài ra luận án còn dựa trên cơ sở chính trị là chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới và văn kiện của các tỉnh Tây Nguyên (cũ) về xây dựng nông thôn mới.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

- Về phương pháp luận, nghiên cứu sinh dựa trên nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Đây là công cụ tiếp cận, giải quyết các vấn đề của luận án, giúp cho tác giả có cái nhìn khách quan, toàn diện khi nghiên cứu các nội dung lý luận và thực tiễn; trên cơ sở đó, thấy được tính cụ thể, tính đặc thù, tính phổ biến, tính quy luật và có những đánh giá khách quan, khoa học liên quan đến ý thức trách nhiệm

của nông dân Nam Trung Bộ nói chung và ý thức trách nhiệm của họ trong xây dựng nông thôn mới ở Tây Nguyên cũ nói riêng.

- Trên cơ sở phương pháp luận, tác giả sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau:

+ *Phương pháp lịch sử và lôgic*: Phương pháp này được luận án sử dụng trong chương 1 và chương 2 nhằm tổng quan một cách có hệ thống, phân tích, luận giải làm rõ khái niệm, nội dung ý thức trách nhiệm của nông dân.

+ *Phương pháp phân tích và tổng hợp*: phương pháp phân tích sử dụng chủ yếu trong chương 2 và chương 3 để làm rõ nội hàm của khái niệm, nội dung và chỉ ra phương thức đánh giá. Trên cơ sở kết quả điều tra chương 3, bằng phương pháp tổng hợp số liệu các tỉnh, luận án phân tích làm rõ luận điểm, kết luận, đề xuất những giải pháp cho vấn đề nghiên cứu.

+ *Phương pháp thống kê*: Được sử dụng trong chương 1 và 3 của luận án nhằm tập hợp, đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án. Phương pháp này được sử dụng trong chương 3 để tổng hợp số liệu thực trạng các tỉnh trong xây dựng nông thôn mới.

+ *Phương pháp so sánh - đối chiếu*: Giúp so sánh những điểm tương đồng và khác biệt giữa các vùng

+ *Phương pháp điều tra xã hội học*: Để có cơ sở thực tiễn trong chương 3, luận án tiến hành điều tra, khảo sát thực trạng về ý thức, nhận thức, hành vi của nông dân khi tham gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn một số xã thuộc 05 tỉnh Tây Nguyên. Điều tra đã thu thập 500 phiếu, nghiên cứu sinh tiến hành nhập dữ liệu thông tin câu trả lời, tổng hợp kết quả và sử dụng công cụ hỗ trợ của Google driver để phân tích dữ liệu, thể hiện dưới dạng bảng tính và biểu đồ.

+ *Phương pháp phỏng vấn*: Trong quá trình điều tra xã hội học tại các địa phương, nghiên cứu sinh kết hợp phỏng vấn một số người dân để làm rõ hơn ý thức, nhận thức, đánh giá của họ trong quá trình xây dựng nông thôn

mới. Sau khi ghi âm, tách băng, trích dẫn đưa thông tin vào nội dung luận án, câu hỏi đưa vào phụ lục.

+ *Phương pháp dự báo khoa học*: Dựa trên những căn cứ khoa học, phân tích thực trạng - nguyên nhân, những quy luật vận động, phát triển, từ đó luận án đề cập đến những vấn đề đang đặt ra, những nhận định mang tính dự báo trong chương 4 về các quan điểm, giải pháp nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Nam Trung Bộ trong thời gian đến.

- Nguồn tài liệu nghiên cứu: Nguồn tài liệu thứ cấp được sử dụng, tổng hợp, phân tích trong luận án chủ yếu là các tài liệu đã được công bố trên sách, báo, tạp chí, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước; tài liệu của các cơ quan quản lý trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên và Nam Trung Bộ.

5. Ý nghĩa khoa học

Khi hoàn thành, luận án sẽ có những ý nghĩa và đóng góp sau:

Về phương diện khoa học:

- Luận án đề xuất cơ sở lý luận về “ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới”.

- Luận án đánh giá thực trạng và những vấn đề đặt ra về ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Nam Trung Bộ qua nghiên cứu khảo sát thực tế ở Tây Nguyên.

- Luận án đề xuất một số quan điểm, giải pháp cơ bản nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Nam Trung Bộ trong thời gian tới.

Về phương diện thực tiễn:

Về mặt thực tiễn, luận án có thể được dùng làm tài liệu tham khảo phục vụ cho nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn trong nghiên cứu về ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới. Những đề xuất của luận án có ý nghĩa nhất định trong việc hoạch định chính sách, nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh Tây Nguyên nói riêng và Nam Trung Bộ nói chung trong thời gian tới.

6. Đóng góp mới của luận án

- Luận án góp phần làm rõ cơ sở lý luận về ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới

- Luận án cũng bổ sung nguồn tư liệu thực chứng mới về ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Nam Trung Bộ (khảo sát tại các tỉnh Tây Nguyên cũ, giai đoạn 2021–2024), qua đó nhận diện các đặc điểm biểu hiện, những “điểm nghẽn” và nhân tố chi phối.

- Trên cơ sở đó, luận án đóng góp thêm cho hệ thống tư liệu về ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Tây Nguyên nói riêng và Nam Trung Bộ nói chung.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, danh mục công trình khoa học của nghiên cứu sinh có liên quan đến luận án, luận án có 4 chương và 12 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LÝ LUẬN VỀ Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1.1.1. Những nghiên cứu về trách nhiệm, ý thức trách nhiệm

Trách nhiệm là thuật ngữ xuất hiện từ sớm, được đề cập mang tính gợi mở bước đầu thông qua một vài luận điểm của các nhà tư tưởng thời kỳ Trung Hoa cổ đại ở phương Đông và thời kỳ Hy Lạp cổ đại ở phương Tây. Những quan điểm này được tác giả Trần Nguyên Việt và Trần Văn Đoàn chia sẻ trong sách “*Công bằng xã hội, trách nhiệm xã hội và đoàn kết xã hội*” [30]. Tác giả Trần Nguyên Việt cho rằng “trách nhiệm” cụ thể là “trách nhiệm xã hội” gắn với các học thuyết chính trị - xã hội thời Xuân Thu - Chiến Quốc. Theo tác giả, các nhà tư tưởng muốn nhấn mạnh đến trách nhiệm của cá nhân đối với xã tắc, xã hội... Trách nhiệm xã hội xuất hiện khi hành vi cá nhân mang ý nghĩa xã hội và được điều chỉnh bởi chuẩn mực xã hội. Sở dĩ như vậy là vì thời kỳ lịch sử ấy, xã hội rối ren, loạn lạc, nên mục tiêu đặt ra là phải ổn định trật tự xã hội. Các nhà tư tưởng lúc bấy giờ đã đề xuất những biện pháp, cách thức khác nhau thông qua đó thể hiện trách nhiệm của họ đối với xã tắc, thời cuộc. Chẳng hạn như Khổng Tử cho rằng để xã hội ổn định thì phải dựa trên cơ sở là những chuẩn mực đạo đức. Nhưng để vận hành được xã hội cần có những người quân tử, với tinh thần trách nhiệm, dựa trên khuôn mẫu về đạo đức. Mạnh Tử cho rằng trách nhiệm đạo đức thể hiện tinh thần hướng thiện, hành thiện, khuyến khích người khác làm việc thiện.

Nhìn chung, ưu điểm của những tư tưởng thời kỳ này hướng đến đề cao trách nhiệm xã hội của người quân tử bằng cách thực hành giá trị đạo đức.

Muốn có được xã hội tốt đẹp thì người quân tử phải nêu gương, thể hiện năng lực chịu trách nhiệm trước xã hội. Biện pháp chủ yếu là giáo hóa, thu phục lòng dân nhằm xây dựng một xã hội lành mạnh, trật tự, ổn định. Tuy nhiên, những nhà tư tưởng giai đoạn này mới chỉ nhấn mạnh trách nhiệm đạo đức của cá nhân đối với xã hội, nhưng cá nhân này chủ yếu đề cao người quân tử. Mà quân tử thật ra là hình ảnh của giai cấp cầm quyền, bậc vương tôn, mẫu nghi thiên hạ, là tầng lớp thiểu số trong xã hội. Điều đó phần nào cho thấy ngoài tầng lớp thiểu số, thì đa số con dân còn lại trong xã hội không cần có trách nhiệm đạo đức đối với xã hội, mà trách nhiệm của họ có chăng chỉ là thực hiện theo ý chí, nguyện vọng của tầng lớp trên.

Trong tư tưởng phương Tây, các quan điểm phân tích về “trách nhiệm” và những từ có nghĩa tương tự như “nghĩa vụ”, “bổn phận” do Lâm Thiện Thanh và Lâm Duy Chấn dịch (2001), “*Phần 8. Thuyết học trực giác của Immanuel Kant*” (I.Kant) [94]. Quan niệm về “trách nhiệm” theo I.Kant là nhiệm vụ và nghĩa vụ của con người được thực thi dựa trên ý chí phổ quát của toàn nhân loại. Ý chí phổ quát của toàn nhân loại là ý chí của cộng đồng, của xã hội đặt ra cho cá nhân, cá nhân nhận thức và thực thi. Xét về mặt ngữ nghĩa “trách nhiệm”, “nghĩa vụ”, “bổn phận” đều có nội hàm gần với nhau. Levinas E (1969) trong tác phẩm “*Totality and Infinity*” (tạm dịch là “*Tổng thể và vô cực*”) [33], cũng tiếp cận từ góc nhìn đạo đức học khi cho rằng trách nhiệm là nền tảng của tất cả các quan hệ liên quan xung quanh cá nhân, là nền tảng của đạo đức cá nhân. Trách nhiệm có năng lực hồi đáp từ cả bên nhận, lẫn bên cho. Tư tưởng của những đại diện thời kỳ này nhìn nhận “trách nhiệm” ở khía cạnh đạo đức, trách nhiệm là nghĩa vụ xuất phát từ hai phía trong mỗi quan hệ cụ thể. Nếu chỉ nhấn mạnh ở khía cạnh đạo đức thì đây là điểm chung so với những tư tưởng cùng thời, nhưng điểm khác biệt là khi các học giả phát hiện trong từng mối quan hệ cụ thể, trách nhiệm, nghĩa vụ hay bổn phận đều xuất phát từ ý thức của bên thực thi và

bên được nhận. Quan điểm này mới chỉ dừng lại ở góc độ là cách hiểu, ý niệm của tác giả về nghĩa vụ của một người, một cá nhân, chưa hoàn toàn đề cập đến thuật ngữ “trách nhiệm”, nhưng những quan điểm này đã góp phần hình thành quan niệm về trách nhiệm của các học giả sau này. Những nghiên cứu chính thức quan tâm, phân tích về thuật ngữ “trách nhiệm” chỉ thực sự bắt đầu vào khoảng những năm 50 của thế kỷ XX. Khi gắn trách nhiệm với hoạt động kinh doanh thông qua vai trò, trách nhiệm của doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế.

Michael Cornwell (2006) *“Trách nhiệm và cơ hội. Kinh nghiệm thực tế của các giám đốc thành công”* [15]. Tác giả chưa định nghĩa về trách nhiệm, nhưng khi gắn trách nhiệm với kinh nghiệm trong hoạt động kinh doanh cho thấy trách nhiệm mở cơ hội, tạo nên uy tín, thương hiệu cho doanh nghiệp trên hành trình chinh phục khách hàng, thị trường nhờ vào những giá trị mà doanh nghiệp đã tạo dựng, những giá trị đó xuất phát từ đạo đức nghề nghiệp, đạo đức kinh doanh. Michel Capron Francoise Quairel-Lanoizelee (2009) chia sẻ trong *“Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp”* [14] cũng đồng quan điểm khi cho rằng trách nhiệm xã hội sẽ giúp những người sản xuất kinh doanh tự điều chỉnh hoạt động của mình sao cho phù hợp với nhu cầu xã hội, những đòi hỏi của thị trường và cả những chuẩn mực pháp lý, chuẩn mực đạo đức để hướng tới chân, thiện, mỹ.

Khi xu hướng hội nhập ngày càng phát triển sâu rộng, thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa, một số nhà nghiên cứu đã đặt sự quan tâm nhiều hơn đến trách nhiệm xã hội trước sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường. Trong tham luận *“Trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế hiện nay”* của tác giả Mai Phú Hợp [31] đã góp phần tiếp tục làm rõ vấn đề trách nhiệm xã hội trên nhiều phương diện, trong đó bao gồm cả trách nhiệm xã hội của nhà nước, doanh nghiệp, doanh nhân và các tổ chức chính trị - xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường

cũng như trách nhiệm xã hội trong một số lĩnh vực văn hóa, xã hội. Nhìn chung, các tác giả trên đều hướng đến việc khẳng định: Trong một xã hội nếu các cá nhân chỉ biết quan tâm đến lợi ích của bản thân mà không có hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm đối với sự phát triển chung của xã hội thì sớm hay muộn xã hội ấy cũng sẽ vướng vào tình trạng mâu thuẫn, mất đoàn kết, xung đột,... Trên cơ sở nghiên cứu các quan điểm về trách nhiệm trong bối cảnh phát triển kinh tế, trong nền kinh tế thị trường hay với tư cách là doanh nghiệp,... trách nhiệm gắn với vấn đề lợi ích kinh tế mà các cá nhân, các chủ thể có được. Sự dung hòa, cân bằng giữa lợi ích và trách nhiệm chính là nền tảng thúc đẩy các cá nhân, chủ thể không ngừng điều chỉnh sao cho phù hợp để tạo nên sự hài hòa, bền vững. Đây là một khía cạnh luận án kế thừa ở khía cạnh những yếu tố tác động đến việc thực hiện ý thức trách nhiệm của cá nhân.

Tác giả Nguyễn Tuấn Anh (2019) trong cuốn sách có tựa đề: “*Ý thức trách nhiệm xã hội của thanh niên*” [3], cho rằng “trách nhiệm xã hội” là sự quan tâm của cá nhân đến phúc lợi của người khác và của xã hội trên cơ sở hành động tuân theo các chuẩn mực đạo đức, xã hội, luật pháp đã được quy định [3, tr.27]. Từ đó, tác giả lựa chọn cách hiểu về “ý thức trách nhiệm xã hội” là sự chủ động, tự nguyện quan tâm đến phúc lợi của người khác và xã hội trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực đạo đức và pháp luật, được biểu hiện tích cực trên ba mặt nhận thức, thái độ và hành vi [3, tr.31]. Đối tượng mà tác giả muốn lựa chọn nghiên cứu là thanh niên, nên đã đưa ra quan niệm về ý thức trách nhiệm xã hội của thanh niên là sự chủ động, tự nguyện quan tâm đến phúc lợi của người khác và xã hội của những người tuổi từ 16 đến 30 trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực đạo đức và quy định pháp luật được biểu hiện tích cực trên ba mặt nhận thức, thái độ và hành vi [3, tr.36]. Xét ở khía cạnh khái niệm về “ý thức trách nhiệm xã hội”, đây là nghiên cứu có tính hệ thống

mà nghiên cứu sinh có thể tham khảo và kế thừa ý tưởng để hoàn thiện khái niệm “ý thức trách nhiệm” và “ý thức trách nhiệm của nông dân”.

Tác giả Nguyễn Lương Ngọc (2020) trong cuốn sách: *“Ý thức công dân với việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay”* [73] cũng đã đề cập đến thuật ngữ “ý thức công dân”. Tác giả nhận định ý thức công dân là sự bao hàm của nhận thức, ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ, bổn phận của công dân. Đây là khía cạnh thứ hai của “ý thức trách nhiệm”. Ý thức công dân cũng như trách nhiệm của công dân, không chỉ dừng lại trong cảm giác yêu quê hương, đất nước, mà còn phải thực hiện nghĩa vụ ở góc độ là một công dân của quê hương, đất nước, tổ quốc, phải có trách nhiệm tham gia tích cực vào sự phát triển chung của xã hội. Do đó, ý thức trách nhiệm là nhận thức và hành động của công dân. Hành động đó không thể theo ý muốn chủ quan của cá nhân mà còn tuân theo quy định của pháp luật. Nghiên cứu sinh thống nhất với cách hiểu của tác giả và kế thừa quan điểm này khi phân tích hai phương diện của ý thức trách nhiệm, đó là nội hàm của ý thức đạo đức và ý thức pháp luật trong ý thức trách nhiệm. Hơn nữa “ý thức trách nhiệm” không chỉ là sự nhận thức mà chuyển biến thành hành động. Cũng tương đồng với quan điểm của tác giả Nguyễn Tuấn Anh đã cho rằng: “ý thức trách nhiệm được biểu hiện tích cực trên ba mặt nhận thức, thái độ và hành vi” [3, tr.36].

Nhìn một cách tổng quát, những nghiên cứu về “trách nhiệm” đều hướng đến trách nhiệm xã hội nói chung hoặc trách nhiệm cụ thể từng đối tượng, chủ thể doanh nghiệp, thanh niên, cá nhân... Từ những công trình khác nhau mà luận án đã tổng quan, nghiên cứu sinh nhận thức rằng “ý thức trách nhiệm” có thể được hiểu ở hai khía cạnh cơ bản là đạo đức của con người và nghĩa vụ pháp lý của công dân. Đây là nền tảng lý luận quan trọng mà luận án kế thừa. Tuy nhiên, nhìn chung số công trình đề cập đến khái niệm cụ thể về “ý thức trách nhiệm” và đặc biệt là khái niệm về “ý thức trách nhiệm của

nông dân” vẫn chưa có nghiên cứu nào đề cập trực tiếp. Đây cũng là khoảng trống, là nhiệm vụ cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện trong việc xây dựng khái niệm về “ý thức trách nhiệm” và “ý thức trách nhiệm của nông dân”.

1.1.2. Những nghiên cứu về nông dân Việt Nam và ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới

Các công trình nghiên cứu về nông dân Việt Nam được khai thác ở những khía cạnh riêng. Vai trò của người nông dân đã được phân tích ở những phương diện như khái niệm, phẩm chất, tính cách, thực trạng cơ cấu, vị trí, vai trò chủ thể, đặc điểm, vấn đề việc làm, thu nhập, năng lực,... đơn cử một số công trình như:

Luận án *“Tâm lý nông dân miền Bắc Việt Nam khi chuyển sang kinh tế thị trường - Đặc trưng và xu hướng biến đổi”* [61] của Đỗ Thị Thanh Mai (2001), tập trung nghiên cứu các đặc điểm tâm lý của nông dân vùng Đồng bằng Bắc Bộ trong bối cảnh lịch sử và hiện tại. Tác giả đồng thời phân tích và dự báo xu hướng biến đổi tâm lý của người nông dân trong quá trình chuyển đổi mạnh mẽ sang nền kinh tế thị trường, bao gồm cả những chiều hướng tích cực lẫn tiêu cực. Mặc dù phạm vi nghiên cứu chủ yếu giới hạn trong khu vực miền Bắc và chưa mở rộng sang các vùng khác, công trình vẫn là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích, góp phần hỗ trợ việc so sánh đặc điểm tâm lý - tính cách nông dân giữa các vùng miền, đặc biệt là cung cấp cơ sở để đối chiếu với tâm lý nông dân tại khu vực Tây Nguyên trong các nghiên cứu sau này.

Tác giả Trương Minh Dục (2006), *“Nông nghiệp các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ trong những năm đổi mới”* [19], đã đánh giá khái quát về các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ với những ưu thế về điều kiện tự nhiên, rất phù hợp cho phát triển nông nghiệp. Song nông nghiệp khu vực này vẫn chưa phát triển thật sự tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của vùng. Bên cạnh việc chỉ ra một số nguyên nhân chủ yếu như chưa khai thác hết thế mạnh của vùng, lúng túng trong xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp,... bài viết còn gợi

mở nguyên nhân xuất phát từ nhân tố con người, trong đó phải kể đến nông dân. Người nông dân Nam Trung Bộ chỉ quen với tư duy sản xuất theo kinh nghiệm, trình độ thấp,... nên đó là lực cản lớn nhất khiến nông nghiệp chưa thể khởi sắc. Tác giả đánh giá cao nguồn lực con người và đề xuất nhiều giải pháp nâng cao nhận thức, trình độ của nông dân.

Hoàng Ngọc Hòa (2008) trong bài *“Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta”* [36], đã chỉ rõ vai trò của nông dân trong phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn: “Nông dân vừa là chủ thể, vừa là động lực của phát triển nông nghiệp. Do đó, đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước về nông nghiệp phải đặt nông dân vào đúng vị trí chủ thể của sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế xã hội nông thôn, phải làm sao khơi dậy, phát huy được sự cố gắng, nhiệt tình, tích cực, năng động sáng tạo và các nguồn lực của nông dân đầu tư vào phát triển sản xuất nông nghiệp, kinh tế - xã hội nông thôn” [39, tr.46,47]. Thực tiễn lịch sử đã nhiều lần khẳng định vai trò và sức mạnh to lớn của giai cấp nông dân qua các thời kỳ. Tuy vậy, theo nhận định của tác giả, vì nhiều nguyên nhân khác nhau, vai trò đó vẫn chưa được khai thác một cách đầy đủ và hiệu quả; đời sống của người nông dân vẫn còn gặp không ít khó khăn, và các vấn đề liên quan đến nông nghiệp, nông thôn vẫn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập cần được quan tâm giải quyết.

Trong sách *“Nông dân, Nông thôn và Nông nghiệp: Những vấn đề đang đặt ra”* (2008) [70] của Trương Lai, Đào Thế Tuấn, Nguyễn Ngọc,... Các tác giả có điểm chung đều gắn bó, thiết tha với lĩnh vực nông nghiệp và địa bàn nông thôn, thấu hiểu nông dân, chia sẻ với những khó khăn, vất vả, thua thiệt của người nông dân Việt Nam thời điểm nghị quyết “Tam nông” chưa ra đời, chương trình xây dựng nông thôn mới chưa được định hình. Các tác giả chỉ ra những hạn chế, khiếm khuyết từ các chủ trương, chính sách và cũng như những nguyên nhân dẫn đến đến “dự báo” cho rằng “Diện mạo

nông thôn trong mười, hai mươi năm tới thật là ảm đạm: Nông thôn sẽ là nơi không ai muốn ở, nông nghiệp sẽ là ngành không ai muốn đầu tư, nông dân muốn thoát khỏi nông thôn, nông nghiệp!” [70, tr.110].

Trần trở trước thực tế đó, trong sách *“Kinh nghiệm quốc tế về nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong quá trình công nghiệp hóa”*, tác giả Đặng Kim Sơn (2008) [87], đã nêu lên một câu hỏi lớn “nông nghiệp, nông thôn, nông dân ngày mai sẽ ra sao?”. Để trả lời cho vấn đề đặt ra, tác giả đưa ra dự báo rằng quá trình đô thị hóa sẽ dẫn đến sự thay đổi mạnh mẽ trong cơ cấu lao động và việc làm, khiến phần lớn cư dân nông thôn có xu hướng chuyển dịch về các đô thị. Hệ quả là hàng chục triệu người gia nhập lực lượng “lao động không chính thức” với mức thu nhập thấp, do phần lớn trong số họ thiếu kỹ năng nghề nghiệp, quá trình di cư gặp nhiều trở ngại, công việc bấp bênh và thiếu sự bảo vệ từ pháp luật cũng như các tổ chức công đoàn. Trong khi đó, số nông dân tiếp tục ở lại nông thôn vẫn chiếm tỷ lệ khá lớn, chủ yếu là các hộ tiểu nông sản xuất nhỏ, vừa làm nông nghiệp vừa tranh thủ kiếm thêm thu nhập lúc nông nhàn.

Tình trạng rủi ro ngày càng tăng đối với nhóm nông dân này cũng được tác giả Đặng Kim Sơn (2008) đề cập trong tác phẩm *“Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam - Hôm nay và mai sau”* [86]. Tác giả đã chỉ ra nguyên nhân của những rủi ro, chủ yếu xuất phát từ yếu tố khách quan như thiên tai, dịch bệnh thường xuyên xảy ra; tác động không mong muốn từ thị trường; Những yếu tố chủ quan như bản thân người nông dân chưa thực sự nỗ lực trong nâng cao hiểu biết, trình độ, hoặc chưa thực sự nghiên cứu áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất; tìm kiếm sản xuất theo nhu cầu thị trường, tìm đầu ra cho nông sản,... [86, tr.43].

Trong công trình *“Việc làm của nông dân trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2020”* (2008), Trần Thị Minh Ngọc [74] đã phản ánh thực trạng việc làm của nông dân vùng đồng

bằng sông Hồng dưới tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn 2000 - 2007. Theo tác giả, quá trình này đã mở ra nhiều cơ hội mới về việc làm, thu hút một bộ phận lao động nông nghiệp chuyển sang lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ. Tuy nhiên, mặt trái là nhiều nông dân bị thu hồi đất, buộc phải rời bỏ sản xuất nông nghiệp khi chưa được trang bị đầy đủ kỹ năng và điều kiện để chuyển đổi nghề nghiệp, dẫn đến tình trạng thiếu việc làm gia tăng. Điều này tạo nên một nghịch lý trong quan hệ cung - cầu lao động: lao động phổ thông dư thừa trong khi lại khan hiếm lao động có tay nghề. Công nghiệp hóa cũng tác động trực tiếp đến thu nhập nông dân - dù thu nhập có cải thiện và tỷ lệ hộ nghèo giảm, nhưng nhìn chung vẫn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng của khu vực. Dù phạm vi nghiên cứu chỉ giới hạn ở vùng đồng bằng sông Hồng và mang tính dự báo cho giai đoạn 2010 - 2020, song đây là tư liệu quý, có thể dùng làm hệ quy chiếu để so sánh với dữ liệu hiện tại, nhất là khi đặt vào tương quan với thực trạng việc làm và thu nhập của nông dân các tỉnh Tây Nguyên.

Nguyễn Từ (2010) trong công trình *“Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đối với phát triển nông nghiệp Việt Nam”* [106] cho rằng hội nhập kinh tế quốc tế đã và đang tác động mạnh mẽ đến các lĩnh vực trong đó có nông nghiệp. Một khi Việt Nam tham gia vào thị trường thế giới cần tuân thủ nguyên tắc nghiêm ngặt của thị trường. Môi trường quốc tế thực sự là thời cơ cho nông sản Việt Nam, nhưng đồng thời là thách thức lớn nếu nông dân không đủ kiến thức và trình độ để đáp ứng. Thậm chí họ sẽ chịu nhiều tổn thất về kinh tế, thua ngay trên chính sân nhà trước sự cạnh tranh của các đối thủ khác. Bên cạnh đó, tác giả đã đề xuất một số những giải pháp như nâng cao nhận thức, trình độ của nông dân; mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản, không để bị lệ thuộc, bị động hoàn toàn vào “thương lái” hay bất kỳ một thị trường cố định nào.

Tác giả Nguyễn Thị Tố Quyên (2012) trong “*Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong mô hình tăng trưởng kinh tế mới giai đoạn 2011 - 2020*” [78] và tác giả Lê Quốc Lý (2012) trong “*Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Vấn đề và giải pháp*” [57] đều tập trung phân tích toàn diện các vấn đề có liên quan đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và những vấn đề đặt ra qua khảo sát thực tiễn tại các tỉnh khu vực phía Bắc. Tác giả chỉ ra rằng tình trạng xung đột lợi ích giữa các chủ thể trong xã hội ngày càng trở nên phức tạp, đặc biệt là giữa: (i) nông dân và các cơ quan quản lý nhà nước; (ii) nông dân và doanh nghiệp. Theo phân tích, mức độ xung đột giữa nông dân với cơ quan công quyền cũng như với các doanh nghiệp không chỉ gia tăng mà còn diễn biến theo những chiều hướng mới, khó lường. Thậm chí, trong một số trường hợp, các mâu thuẫn này có thể tích tụ thành những điểm nóng, tiềm ẩn nguy cơ gây mất ổn định chính trị tại khu vực nông thôn [57, tr.28].

Trần Quốc Vượng (2012) khi nghiên cứu về “*Văn hóa nông nghiệp, nông thôn và nông dân Việt Nam*” [120], cho rằng có nhiều truyền thống tốt mà ta cần phải gìn giữ và phát huy như là lòng yêu nước; tinh thần quật cường, bất khuất, dám nghĩ, dám làm” yếu chống mạnh, ít địch nhiều; thông minh sáng tạo, tùy cơ ứng biến;... nhưng cũng có nhiều mặt hạn chế như ít chịu suy nghĩ sáng tạo; “bất chước”; tâm lý nhỏ nhen, manh mún; tâm lý phân biệt sang hèn, đầu óc ngôi thứ, sĩ diện; “sau lũy tre làng” đã quen nên ít biết đến tình hình cả nước và thế giới; gia trưởng; khi vui thì vỗ tay vào, không vui thì cũng đập dìm nhau; nhiều khi thiếu tính kỷ luật “vô nguyên tắc”... [120, tr.250-254].

Công trình “*Tách biệt xã hội về kinh tế đối với nông dân Việt Nam*” của Mai Ngọc Anh (2013) [1] cũng đã khẳng định: “tình trạng tách biệt về kinh tế đối với nông dân phụ thuộc vào tình trạng việc làm. Tuy nhiên, tình trạng việc làm của nông dân đến lượt nó lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố nội sinh của

nông dân. Đó là tình trạng sức khỏe không tốt, khả năng và mức độ chăm sóc y tế không cao; mặt bằng dân trí và trình độ học vấn thấp, thiếu chuyên môn và tay nghề;...” [1, tr.154-158] là nguyên nhân làm cho đời sống kinh tế của nông dân ngày càng có sự cách biệt so với mặt bằng chung của xã hội. Tác giả Trần Sỹ Dương (2013) *“Tâm lý sản xuất nhỏ ở đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp cơ sở đồng bằng bắc bộ hiện nay”* [20] cũng đã chỉ ra nguyên nhân thứ hai là tâm lý sản xuất nhỏ của nông dân. Cả hai cuốn sách đều nhấn mạnh những hạn chế bắt nguồn từ chính nội tại của người nông dân. Đến nay, phần lớn nông dân vẫn chịu ảnh hưởng sâu đậm của lối sống và tư duy tiểu nông truyền thống, thể hiện qua tư duy nhỏ lẻ, tầm nhìn ngắn hạn; tâm lý thụ động, cam chịu; thiếu tinh thần dám nghĩ dám làm, sợ rủi ro; phong cách lao động tùy tiện, thiếu kỷ luật; ít tuân thủ pháp luật mà chủ yếu hành xử theo lệ làng, nếp sống cộng đồng. Bên cạnh đó là tư tưởng bình quân chủ nghĩa còn phổ biến. Những đặc điểm này đang khiến người nông dân rơi vào thế yếu, gặp nhiều bất lợi trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn hiện nay.

Bàn về vấn đề vai trò chủ thể, trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới, tác giả Nguyễn Xuân Thắng và Bùi Quang Dũng (2013) trong bài viết *“Trách nhiệm xã hội và vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới”* [97], đã nhấn mạnh đến mối quan hệ giữa đặc điểm tâm lý tiểu nông với tính hạn chế về trách nhiệm xã hội của nông dân thông qua minh chứng từ góc độ Dân tộc học và lịch sử. Nhóm tác giả cũng cho rằng: “Trách nhiệm xã hội của nông dân không phải là cái gì trừu tượng, mà gắn liền với các quan hệ xã hội hiện nay trong nền kinh tế và xã hội nông thôn. Chừng nào nông dân còn là người gắn liền với các quan hệ ruộng đất truyền thống (kinh tế tiểu nông) và các tập thể cộng đồng hạn chế, thì chừng đó chưa thể nói tới trách nhiệm xã hội. Trách nhiệm xã hội thực sự sẽ chỉ nảy sinh trên cơ sở sự phát triển các quan hệ kinh tế mới.” [97,

tr.10]. Bài viết góp phần định hướng nghiên cứu, tiếp tục luận giải và tìm tòi cơ sở khoa học cho việc nâng cao vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Trong bài viết “*Cơ cấu giai cấp nông dân - một số biến đổi (chủ yếu từ năm 1996 đến nay)*” [96], Mạch Quang Thắng (2015) đã phân tích quá trình biến đổi cơ cấu giai cấp nông dân ở nước ta trong những thập niên gần đây. Theo tác giả, cơ cấu dân cư nông thôn đã có sự chuyển dịch đáng kể cả về nơi cư trú lẫn môi trường lao động, với làn sóng lao động - đặc biệt là thanh niên - rời nông thôn lên thành thị ngày càng gia tăng. Đồng thời, sự thay đổi trong cơ cấu kinh tế đã tác động sâu sắc đến cơ cấu xã hội - nghề nghiệp của nông dân, ảnh hưởng đến điều kiện sản xuất, thu nhập và đời sống. Tác giả cho rằng sự biến đổi cơ cấu giai cấp nông dân là tất yếu, song một vấn đề đáng lo ngại là chất lượng nguồn nhân lực nông thôn còn thấp, làm hạn chế khả năng tiếp cận khoa học - công nghệ, tổ chức sản xuất và đổi mới kỹ thuật. Trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, nông dân vẫn là bộ phận yếu thế, thiếu sự hỗ trợ hiệu quả từ các chủ thể khác, thậm chí còn phát sinh xung đột lợi ích. Những biến đổi về số lượng, độ tuổi, trình độ học vấn... dẫn tới sự suy giảm về chất lượng đội ngũ nông dân hiện nay, và điều này hoàn toàn phù hợp với nhận định của tác giả. Nghiên cứu sinh có thể kế thừa các phân tích đó để lý giải nguyên nhân thực trạng về số lượng và chất lượng nông dân trong bối cảnh hiện tại.

Trong cuốn “*Đổi mới chính sách nông nghiệp Việt Nam: Bối cảnh, nhu cầu và triển vọng*” (2015), Đặng Kim Sơn cùng các cộng sự [89] nhận định rằng việc ban hành các chính sách liên quan đến nông nghiệp và nông thôn trong thời gian qua là cần thiết, góp phần tạo ra cú hích quan trọng thúc đẩy sự phát triển của nền nông nghiệp Việt Nam. Tuy vậy, quá trình xây dựng và triển khai chính sách vẫn tồn tại nhiều hạn chế, trong đó nổi bật là mức độ tham gia của nông dân còn thấp. Việc người dân được tham vấn, đóng góp ý

kiến trong quá trình hoạch định cũng như phối hợp thực hiện chính sách còn rất hạn chế, dẫn đến hiệu quả chưa như mong đợi. Nhìn chung, nông dân chưa có tiếng nói riêng, hầu như không tham gia vào kiến nghị đưa ra chính sách cho giai cấp mình, sự phản hồi đối với các chính sách liên quan cũng hạn chế.

Luận án tiến sĩ triết học của Phạm Huỳnh Minh Hùng (2016) "*Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*" [47], đã nghiên cứu lý luận và thực tiễn về vai trò chủ thể của nông dân đồng bằng sông Cửu Long trong xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, do giới hạn và phạm vi nghiên cứu mà luận án chỉ tập trung làm rõ tính chủ thể của nông dân đồng bằng sông Cửu Long thông qua tính cách, đặc điểm tâm lý của họ. Mặt khác, luận án đã chỉ ra những ưu điểm và những hạn chế trong quá trình xây dựng nông thôn mới thông qua 5 nhóm tiêu chí được định hình từ 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới của Chương trình. Luận án kế thừa cơ sở lý luận để có thể nghiên cứu vấn đề ý thức trách nhiệm của nông dân bởi vì suy cho cùng nói đến trách nhiệm là ý thức của cá nhân, vai trò của chủ thể cũng là vai trò của cá nhân với tư cách là chủ thể. Vì vậy, nghiên cứu lý luận về tính chủ thể của nông dân là cơ sở để nâng cao ý thức trách nhiệm của họ.

Bên cạnh đó, tác giả Nguyễn Thiện Nhân trên Tạp chí Cộng sản số 892 (2017) với bài viết "*Bảo đảm vai trò chủ thể của giai cấp nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới*" [68], đã điếm qua thực trạng nông nghiệp Việt Nam với những loại cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản nằm trong nhóm những quốc gia dẫn đầu thế giới về xuất khẩu, nhưng bản thân nông dân đang phải đối mặt với bốn bất cập còn tồn tại. Đó là "được mùa mất giá", thiếu vốn sản xuất, thu nhập của người nông dân thấp hơn thu nhập các ngành nghề khác, giá và lượng xuất khẩu nông sản không ổn định trong tiêu thụ. Đồng thời, tồn tại sáu mâu thuẫn, mà những mâu thuẫn này chính là những nguyên nhân của trở lực cho sự phát huy vị thế "làm chủ" của

nông dân như: sản xuất trong cơ chế thị trường nhưng không nắm bắt được nhu cầu thị trường; thiếu vốn cần vay vốn nhưng lại không đủ điều kiện vay vốn; năng suất tăng nhưng thu nhập lại tăng chậm; nông dân liên kết với doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp không thể liên kết với từng hộ nông dân; thị trường đòi hỏi chứng nhận chất lượng trong khi cơ quan quản lý chất lượng lại không thể giám sát được chất lượng tất cả nông sản... Đây chính là bài toán thực trạng đã và đang ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong thực tế. Những quan điểm này được luận án kế thừa trong quá trình nghiên cứu thực trạng đặc biệt là lồng ghép vào nguyên nhân của thực trạng. Song cần khái quát lại những nguyên nhân khách quan và chủ quan đã và đang tác động đến quá trình nhận thức và thực thi ý thức trách nhiệm của nông dân.

Nguyễn Trọng Bình và Nguyễn Trung Tín (2018) “*Về nội dung và hình thức tham gia của người dân ở cơ sở trong xây dựng nông thôn mới*” [10], cho rằng sự tham gia của người dân là một yếu tố không thể thiếu để thực thi có hiệu quả chính sách xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, nội dung và hình thức tham gia của người dân trong quản trị công nói chung và trong xây dựng nông thôn mới nói riêng chưa được quan tâm đúng mức. Điều này đã ảnh hưởng nhất định đến việc xây dựng và hoàn thiện thể chế về tăng cường sự tham gia của người dân. Có thể khẳng định, những vấn đề về nông dân được các tác giả phân tích rất sâu sắc, làm tiền đề để luận án tiếp tục phân tích trong phạm vi hẹp về nông dân ở Tây Nguyên thuộc Nam Trung Bộ hiện nay.

Hội đồng lý luận trung ương (2022) “*Xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh*” [44], gồm 15 tham luận thể hiện quan điểm và góc nhìn của các nhà nghiên cứu như khẳng định tầm quan trọng về vị trí của nông nghiệp, nông dân và nông thôn từ trong lịch sử đến hiện tại, đặc biệt sau 15 năm đưa nghị quyết 26 vào thực tiễn xây dựng nông thôn mới của nước ta. Các bài viết cũng đã chỉ ra nhiều thành công và không

ít những hạn chế vướng mắc đang gặp phải trong xây dựng nông thôn mới, đồng thời đề xuất giải pháp, kiến nghị để hướng đến bước tiến mới đối với vấn đề “tam nông” đó là xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng.

Tạp chí Cộng sản, Chuyên đề số 4 (2022) về *“Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”* [92] tổng hợp nhiều bài viết phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn kinh nghiệm, trao đổi về vấn đề nông nghiệp, nông thôn. Trong đó, nhấn mạnh đến vai trò, vị trí chủ thể của người nông dân như *“Xây dựng nông dân văn minh - chủ thể phát triển nông nghiệp sinh thái, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn hiện đại”* của tác giả Đoàn Minh Huân; *“Tổ chức sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị dựa trên sự tham gia liên kết của nhiều tác nhân, lấy nông dân làm chủ thể”* của tác giả Trần Công Thắng và Nguyễn Việt Hưng; *“Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh - những vấn đề đặt ra cho vùng dân tộc thiểu số”* của tác giả Trần Trung;... Các công trình tập trung phân tích lý luận về nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, trong đó “nông dân văn minh” là người đóng đúng vai trò “chủ thể” trong xây dựng nông thôn mới.

Nhìn chung, những công trình sách, tạp chí đã đề cập ở trên được nghiên cứu sinh kế thừa trong nghiên cứu lý luận về nông dân Nam Trung Bộ trong xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, trong số đó chưa có công trình nào đề cập đến ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới, dù cố nhiên để phát huy vai trò chủ thể của nông dân cũng bao hàm việc người nông dân phải có trách nhiệm trong tư duy và hành động. Điều này có lẽ cũng là khoảng trống trong nghiên cứu lý luận cần được khai thác, nhưng đồng thời cũng là một khó khăn đối với nghiên cứu sinh khi là một trong những người tiên phong nghiên cứu, tổng hợp về vấn đề này.

Xây dựng nông thôn mới đã diễn ra ở một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam nghiên cứu, học tập để vận dụng, cụ thể hóa trong Chương trình xây dựng nông thôn mới. Việt Nam không phải là quốc gia đầu tiên nghiên cứu đề xuất mô hình này, những công trình nghiên cứu về các mô hình xây dựng nông thôn mới ở một số quốc gia trên thế giới như:

Kỷ yếu hội thảo “*Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn - Kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc*” (2009) [43] các nhà khoa học Việt Nam và Trung Quốc đã cùng trao đổi về những kinh nghiệm từ việc xây dựng, phát triển nông nghiệp, nông thôn của Trung Quốc và Việt Nam trong quá trình triển khai xây dựng nông thôn mới. Một số bài viết tập trung khai thác thực tiễn ở những địa phương khác nhau trong giải quyết một số vấn đề đặt ra khi xây dựng nông thôn mới. Các nhà học giả Trung Quốc cho biết Trung Quốc tiến hành cải cách kinh tế nông thôn như xóa bỏ công xã nhân dân, chuyển sang thể chế kinh doanh hai tầng kết hợp lấy khoán trách nhiệm làm chính, mở rộng giá cả. Đẩy mạnh quá trình đô thị hóa, phát triển thị trường ở nông thôn, góp phần giải quyết những vấn đề xã hội. Ban hành chính sách về đất đai, tài chính; chủ trương kinh doanh bao thầu gia đình như “hai mở, một điều chỉnh”;... Nhờ vậy, đã khơi dậy được tinh thần trách nhiệm của nông dân, làm cho bộ mặt nông thôn đã thay đổi từng ngày, có những làng trở thành mô hình kinh doanh độc lập như những công ty lớn, trong đó có những công ty gia đình, dòng họ. Những mô hình kinh doanh này đã đem lại những lợi nhuận cao cho các gia đình làm thay đổi bộ mặt của làng, nông thôn thông qua việc chia lợi nhuận và theo thỏa thuận một phần lợi nhuận cố định được trích ra để xây dựng cơ sở vật chất cho làng, thôn.

Đặng Kim Sơn (2015) trong bài viết “*Bài học từ phong trào làng mới Saemaul Undong*” [88]; Tác giả Ngô Thị Phương Lan cũng đã cụ thể hóa mô hình này trong 2 cuốn sách “*Giáo trình phát triển nông thôn Việt Nam từ bài học kinh nghiệm của phong trào Saemaul*” (2020) [53], đều chia sẻ và phân

tích mô hình các Saemaul Undong, hay còn được gọi là Phong trào Cộng đồng mới, phong trào làng mới như một sáng kiến chính trị phát động vào ngày 22 tháng 4 năm 1970 bởi tổng thống Hàn Quốc Park Chung Hee, để hiện đại hóa kinh tế nông thôn Hàn Quốc. Phong trào này đã đạt được những thành tựu từ ba giá trị tinh thần cốt lõi được đề cao là “Chăm chỉ - Tự lực - Hợp tác”. Ông Park Chung Hee nhận ra rằng bản thân ngân sách chính phủ không đủ để giải quyết cũng như vực dậy nông thôn Hàn Quốc lúc bấy giờ mà người nông dân phải tự cứu lấy mình bằng cách tự hợp tác, cùng giúp nhau tìm điểm mạnh để phát huy, điểm yếu để hạn chế khắc phục trong quá trình xây dựng nông thôn. Ý tưởng này được xem là phép thử nhưng đồng thời là linh hồn của phong trào Saemaul ở Hàn Quốc lúc bấy giờ. Những biện pháp của phong trào đã kích thích, trở thành nội lực rất lớn trong xã hội, đặc biệt đối với người nông dân.

Trong sách *“Một số yếu tố tâm lý của người nông dân ảnh hưởng đến quá trình xây dựng nông thôn mới”* của tác giả Lê Thị Thanh Hương (2015) [49] tiếp tục chia sẻ thêm một số quốc gia như Trung Quốc với mô hình xây dựng nông thôn mới những năm 1978; Nhật Bản với phong trào “mỗi làng, một sản phẩm” năm 1979; Thái Lan với phong trào “Mỗi làng một sản phẩm”, “Quỹ Làng”;... Những mô hình này thực sự trở thành kinh nghiệm có giá trị tham khảo đối với thực tiễn xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay, đặc biệt có ý nghĩa quan trọng đối với phát huy ý thức, tinh thần trách nhiệm của nông dân trong chính sân chơi của họ. Nét đặc trưng làm nên thành công ở những mô hình trên về cơ bản là tạo động lực để người nông dân “tự lực” cánh sinh, tự thân vận động, tự suy nghĩ, chủ động, hành động mà không trông mong hay ỷ lại vào chính quyền.

Bài viết *“Thực hiện “tự trị thôn dân” trong xây dựng nông thôn mới ở Trung Quốc”* của Nguyễn Trọng Bình (2018) [9]. Tác giả giới thiệu bốn nội dung cơ bản là phát triển kinh tế, thực hiện dân chủ pháp quyền, phát triển xã

hội, phát triển văn hóa đã góp phần làm nên thành tựu trong công cuộc xây dựng nông thôn mới ở Trung Quốc. Thực hiện tự trị thôn dân vừa là một trong những yêu cầu cơ bản của xây dựng nông thôn mới, vừa là nhân tố quan trọng bảo đảm tính bền vững. Các mô hình đều có giá trị tham khảo cho Việt Nam khi xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại. Song tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, tiềm lực kinh tế mỗi nước, mỗi địa phương, gia đình nông hộ khác nhau, dẫn đến việc vận dụng kinh nghiệm cũng sẽ không thể giống nhau trong thực tiễn. Việt Nam là một nước nông nghiệp, nông dân luôn được khẳng định là một giai cấp có vị trí vai trò quan trọng, luôn song hành cùng dân tộc qua mọi giai đoạn thăng trầm của lịch sử.

Nguyễn Văn Dương (2022) “*Sổ tay hướng dẫn xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu*” [21]. Tác giả đã hướng dẫn cụ thể về các tiêu chí, quy trình để các địa phương thực hiện thành công chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu giành cho cán bộ quản lý, đội ngũ chuyên trách xây dựng nông thôn mới và các bên liên quan. Tài liệu cung cấp chi tiết các tiêu chí cụ thể cho từng lĩnh vực, như hạ tầng, kinh tế, văn hóa, môi trường, an ninh trật tự, và hệ thống chính trị. Hướng dẫn các bước thực hiện từ khâu lập kế hoạch, triển khai, giám sát, đánh giá, và công nhận kết quả. Đề xuất các giải pháp, mô hình, và kinh nghiệm thực tiễn để giải quyết các khó khăn, thách thức trong quá trình xây dựng nông thôn mới với mong muốn nâng cao nhận thức, thống nhất hành động, và đảm bảo hiệu quả của chương trình xây dựng nông thôn mới, góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn.

Phạm Thị Hồng Diệp - Hoàng Thị Hương - Nguyễn Thị Lan Hương (2022) “*Giáo trình nông nghiệp, nông dân, nông thôn*” [18], nghiên cứu đã hệ thống về ba trụ cột then chốt của nền kinh tế nông nghiệp Việt Nam. Nội dung tập trung làm rõ vai trò và mối quan hệ biện chứng giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Công trình phân tích các xu hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp; chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn; các chính sách về đất đai, tín dụng, đào tạo nghề và tổ chức sản xuất. Đồng thời, giáo trình còn đề cập đến những vấn đề xã hội đặt ra ở nông thôn như lao động, di cư, văn hóa và phát triển bền vững. Từ đó, nhóm tác giả hướng đến cung cấp nền tảng lý luận và thực tiễn phục vụ đào tạo, nghiên cứu và hoạch định chính sách trong lĩnh vực "tam nông" trong bối cảnh đổi mới và hội nhập.

Bùi Thị Ngọc Lan (2023), *“Xu thế phát triển của giai cấp nông dân Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045”* [52]. Bài viết phân tích vị trí và vai trò của nông dân Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đưa ra dự báo xu thế phát triển của giai cấp này đến năm 2030, tầm nhìn 2045. Công trình đánh giá và nhận định về nông dân từ góc độ của vấn đề giai cấp, là một trong những giai tầng nòng cốt trong khối liên minh hiện nay ở Việt Nam.

1.2. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ THỰC TRẠNG Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở NAM TRUNG BỘ

Chương trình xây dựng nông thôn mới chính thức triển khai trong thực tiễn, gắn bó với đời sống nông thôn, nông dân Việt Nam từ năm 2010, cho đến nay trải qua 15 năm không ngừng bổ sung, điều chỉnh đã gần tiệm cận hơn với thực tiễn ở từng vùng miền địa phương đặc biệt là đặc thù của các tỉnh Nam Trung Bộ, trong đó có Tây Nguyên.

1.2.1. Những công trình nghiên cứu về kinh tế, văn hóa, xã hội

Trong sách *“Đất và Người Tây Nguyên”* của nhiều tác giả (2007) [69], đã đặc biệt nhấn mạnh về nét đặc thù trong văn hóa của các dân tộc thiểu số được hình thành và phát triển trong suốt chiều dài lịch sử vùng đất Tây Nguyên. Công trình là sự tích hợp nhiều bài viết như *“Quyền sử dụng và quyền sở hữu đất đai của Tây Nguyên trong lịch sử”* của tác giả Phan An.

Tuy mỗi dân tộc phân biệt những vùng đất có mục đích sử dụng khác nhau nhưng cơ bản có ba loại đất chính: Đất canh tác, đất thổ cư, đất cấm canh tác - đất thiêng. Quyền sử dụng, sở hữu, chiếm hữu của mỗi dân tộc cũng được quy định khác nhau. Điều đó cho thấy ruộng đất là tư liệu sản xuất chính của đồng bào các dân tộc, ảnh hưởng, tác động không chỉ đến tình trạng cư trú của người dân mà cả những truyền thống sở hữu, chiếm hữu, sử dụng đất đai của đồng bào cũng vì thế bị tác động, tất yếu làm thay đổi cả quan hệ sở hữu đất đai. Hiện nay tình hình sở hữu đất đai ở Tây Nguyên còn tồn tại ba dạng sau: Ruộng đất thuộc quyền sử dụng và quản lý của các làng đồng bào dân tộc; ruộng đất của các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất; ruộng đất của các nông trường, lâm trường, khu kinh tế mới; một bộ phận ruộng đất rất ít của tư nhân.

Bài viết “*Vài nét về làng Tây Nguyên*” của tác giả Lưu Hùng [46, tr.92-104], không chỉ cho ta hiểu làng là đơn vị địa chính, mà nói đến “làng” là nói đến cộng đồng xã hội, cộng đồng cư trú, cộng đồng tự quản, gần như mang tính độc lập tương đối, có ý nghĩa thiêng liêng đối với mỗi người dân Tây Nguyên. Tác giả đã chỉ ra mặt tích cực là tinh thần bình đẳng, tương trợ và hữu ái, tính cộng đồng làng với ý thức tập thể,... nhưng vẫn có những mặt tiêu cực nhất định khó tránh khỏi đó là sự trì trệ trong tiến trình vận động xã hội, vẫn theo kiểu “phép vua thua lệ làng”, là tư tưởng cục bộ địa phương, bình quân chủ nghĩa nguyên thủy, những lối sống với quan niệm cá nhân là bộ phận thụ động, hòa tan vào cộng đồng, hạn chế vai trò chủ động, tích cực của cá nhân nói chung, nông dân nói riêng.

Lê Văn Liêm (2015), *Tây Nguyên vùng văn hóa đặc sắc* [55] đã ghi chép lại những câu chuyện sử thi, những luật tục, lễ hội như nhà Rông, lễ ăn trâu, đầu trâu, máng nước, nhà mồ, tượng mồ, lễ chúc sức khỏe, văn hóa công chiêng, chôn chung, chia lửa cho người chết,... có phần ly kỳ, đầy bí ẩn về giai đoạn khai hoang mở đất của các tộc người bản địa bấy giờ ở vùng đất Tây Nguyên. Qua đó, có thể hiểu nét văn hóa và con người đặc biệt phản

ánh thói quen canh tác, sản xuất rất riêng của nông nghiệp, nông dân Tây Nguyên như hình ảnh “đầu trâu máng nước” là hình ảnh đại diện cho “làng”; Họ tránh lũ lụt bằng cách di chuyển theo đường rừng; Phân công lao động trong gia đình theo giới tính; Quy trình làm rẫy theo trình tự từ “phát” đến “đốt” đến “chọc” đến “tĩa”; Họ không sử dụng phân bắc để bón mà thường dùng tro do phát rẫy có được để bón phân cho đất. Lịch trồng trọt của họ dựa trên quan sát các loài hoa nở theo mùa để phân định...

Bùi Thị Hòa (2015), *“Phát triển bền vững với việc giữ gìn giá trị truyền thống các dân tộc thiểu số bản địa tỉnh Đắk Nông trong giai đoạn hiện nay”* [38]. Công trình nghiên cứu này cũng góp phần mô tả những nét đặc sắc riêng trong văn hóa, phản ánh nét tính cách chung và riêng của mỗi tộc người đồng thời thể hiện ý thức cộng đồng là sợi chỉ đỏ trong lưu truyền và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc. Việc nghiên cứu lịch sử văn hóa của các tộc người để hiểu hơn về tính cách con người Tây Nguyên cũ, hiểu về thói quen, tư duy, nhận thức của họ trong lao động, sản xuất đặc biệt trong phát triển nông nghiệp.

1.2.2. Những công trình nghiên cứu về thực trạng ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Nam Trung Bộ

Cho đến nay, đã có những công trình nghiên cứu đề cập đến thực trạng xây dựng nông thôn mới ở Nam Trung Bộ nói chung, cũng như Tây Nguyên nói riêng và một số địa bàn khác nhau trên cả nước. Trong đó, có thể kể đến một số công trình như:

Đỗ Thanh Phương (2009), *Kinh tế nông hộ ở Tây Nguyên* [77], công trình đã tập trung phân tích về phát triển kinh tế của các hộ nông dân Tây Nguyên. Có thể thấy, trước khi chương trình xây dựng nông thôn mới được khởi động, Tây Nguyên chuyển mình một cách chậm chạp. Nguyên nhân chính xuất phát từ nhận thức, tư duy của người nông dân Tây Nguyên, đặc biệt là đồng bào người dân tộc thiểu số vẫn chưa nhận thức cần phải thay đổi

những thói quen như du canh du cư, đốt rừng làm nương rẫy, phương thức canh tác lạc hậu lâu đời,... . Mặt khác, phần đông trong số nông dân vẫn đang nhận được sự quan tâm, thụ hưởng nhiều chính sách ưu đãi của chính quyền và các tổ chức nên có tâm lý trông chờ, ỷ lại, không có động lực làm giàu, thoát nghèo. Nông nghiệp được xem là kinh tế mũi nhọn ở Tây Nguyên nhưng các nông hộ dường như vẫn canh tác sản xuất theo cảm tính, họ sẵn sàng nhổ bỏ cây trồng nếu gặp tình cảnh mất giá. Vai trò của nông dân khá mờ nhạt, không thực sự rõ nét, vai trò chủ thể vốn có nhưng thực sự chưa đánh thức những tố chất tiềm ẩn trong con người Tây Nguyên.

Vũ Văn Phúc (2014), *Quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai gắn với xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh Tây Nguyên* [76], công trình nghiên cứu tầm quan trọng của việc quản lý, sử dụng tài nguyên đất ở Tây Nguyên, đây là tư liệu sản xuất đặc biệt không thể thay thế trong các ngành nông, lâm, ngư nghiệp. Đảng và Nhà nước đã có những chủ trương, chính sách phát triển riêng cho vùng Tây Nguyên, gắn việc quản lý, sử dụng đất đai với xây dựng nông thôn phát triển ở các tỉnh Tây Nguyên. Cùng với quá trình tăng trưởng, phát triển cũng để lại một áp lực nặng nề cho nền kinh tế bền vững trong tương lai như vấn đề đa dạng sinh học, suy kiệt tài nguyên môi trường. Công trình được chia thành 3 phần. Phần I, đề cập những tư tưởng, quan điểm của Đảng ta cũng như chính sách, pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai của Nhà nước ta, đồng thời nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước về quản lý đất đai và đền bù khi thu hồi đất; Phần II, tập trung giới thiệu thực trạng quản lý, sử dụng đất đai gắn với xây dựng nông thôn mới ở Tây Nguyên, nêu ra các bất cập, thách thức trong vấn đề này; Phần III, một số giải pháp.

Phạm Đi (2015), *Xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay (Nghiên cứu vùng Duyên hải Nam Trung Bộ)* [26], cũng đã cung cấp một bức tranh sau hơn 5 năm thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ. Mặc dù khoảng thời gian thật sự chưa đủ dài để có

thể đánh giá tính hiệu quả của chương trình, song bộ mặt nông thôn các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ đã bắt đầu có sự thay đổi. Qua khảo sát nghiên cứu đã chỉ ra những kết quả đạt được và chưa đạt được của chương trình, trong đó nguyên nhân cơ bản dẫn đến những hạn chế xuất phát từ sự nhầm lẫn của cả cán bộ và nông dân trong xác định chủ thể của chương trình xây dựng nông thôn mới. Chính sự nhầm vai này dẫn đến thực trạng nông dân là người tham gia vào hoạt động xây dựng 19 tiêu chí nông thôn mới dưới sự chỉ đạo của cán bộ cơ sở. Một bộ phận cán bộ cơ sở lúc này chưa nhận thức đúng vai trò chủ thể là nông dân nên triển khai xây dựng các tiêu chí mang tính chủ quan, hành chính hóa, chạy theo số lượng, theo thành tích, không dựa trên tiềm năng, lợi thế, không khơi dậy được ý thức, tinh thần trách nhiệm, tính chủ thể của nông dân, người dân địa phương đối với chương trình.

Phạm Đi (2016) trong bài viết *“Nhận thức của cán bộ lãnh đạo, quản lý về Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới (Qua khảo sát tại một số tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ)”* [27]. Bằng phương pháp điều tra xã hội học, tác giả đã phản ánh thực trạng cả người nông dân lẫn một số cán bộ cơ sở vẫn chưa nhận thức được vai trò chủ thể thuộc về ai trong giai đoạn đầu xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ. Tác giả kết luận rằng hiện nay đang tồn tại một thực trạng phổ biến là tình trạng “nhầm vai”. Chính sự “nhầm vai” này đã dẫn đến việc người nông dân - đối tượng trực tiếp tham gia và được hưởng lợi từ chương trình xây dựng nông thôn mới - lại bị đặt ra ngoài tiến trình ấy. Lẽ ra họ phải được thông tin đầy đủ, được thảo luận, tham gia, quyết định, giám sát và thụ hưởng các kết quả, thì trên thực tế, họ lại trở thành những người đứng bên lề, chỉ đóng vai trò như “khán giả”. Do đó, đánh giá một cách khách quan về những kết quả ban đầu ở giai đoạn này chỉ là những kết quả bề nổi, chưa thực chất xuất phát từ ý thức làm chủ sân chơi, chưa thể hiện ý thức trách nhiệm của nông dân.

Luận án tiến sĩ triết học của Phạm Huỳnh Minh Hùng (2016) *Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay* [47] và bài viết *Vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bến Tre* cùng tác giả Phạm Huỳnh Minh Hùng (2022) [49]. Các công trình đã nghiên cứu lý luận về vai trò chủ thể của nông dân thông qua khái niệm, nội dung, phương thức. Qua thực tiễn xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, nghiên cứu đã cung cấp thực trạng nhận thức của nông dân Nam Bộ với những ưu điểm và hạn chế. Bên cạnh một số nguyên nhân khách quan dẫn đến hạn chế, còn có những nguyên nhân chủ quan như tính cách của con người Nam Bộ, trình độ học vấn của đa số nông dân,... Do đó, để phát huy vai trò chủ thể của nông dân cần tiếp tục đề ra những giải pháp phát huy vai trò chủ thể của họ trong thực tiễn. Công trình là cơ sở lý luận để nghiên cứu sinh kế thừa, xây dựng khung lý luận về ý thức trách nhiệm của nông dân. Đồng thời là cơ sở thực tiễn để tham khảo, so sánh với nhận thức của nông dân Nam Trung Bộ khi tham gia xây dựng nông thôn mới.

Nguyễn Dũng Anh (2016) “*Việc làm cho nông dân bị thu hồi đất trong quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá ở Thành phố Đà Nẵng*” [2], đã chỉ ra quá trình đô thị hóa đang diễn ra khá nhanh, các khu công nghiệp phát triển mạnh chiếm một quỹ đất không nhỏ khu vực ngoại ô, ven thành phố. Quỹ đất này một phần từng là đất sản xuất nông nghiệp của nông dân Đà Nẵng. Diện tích đất nông nghiệp thu hẹp lại đồng nghĩa với việc người nông dân ngày càng sở hữu ít hơn tư liệu sản xuất nông nghiệp và buộc phải chuyển đổi ngành nghề. Một bộ phận nông dân bị thu hồi đất có xu hướng chuyển sang làm công nhân ở các khu công nghiệp, thợ hồ, xây dựng, các nghề thương mại dịch vụ,... làm cho số lượng nông dân giảm dần. Mặc dù tỷ lệ đất nông nghiệp có phần giảm, nhưng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới được các địa phương hoàn thành nhờ vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền, sự hỗ

trợ của doanh nghiệp, sự đồng thuận của người dân. Nông dân tiếp cận nhiều cơ hội việc làm thời vụ, cải thiện đáng kể thu nhập, họ đóng góp và có ý thức muốn thay đổi diện mạo nông thôn cho tiến kịp với những quận khác trong thành phố. Thực trạng này đã bước đầu tạo nên sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của nông dân Đà Nẵng khi tham gia xây dựng nông thôn mới.

Ban chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2010-2020 (2019) *“Tài liệu Hội nghị tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 ở các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên”* [6]. Tài liệu tập hợp nhiều bài viết phản ánh thực tiễn xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh Nam Trung Bộ của các bộ, ngành trung ương và đại diện lãnh đạo các tỉnh trong vùng, các chuyên gia, cơ quan nghiên cứu, doanh nghiệp. Trong đó, các tham luận tập trung vào một số thế mạnh của vùng, đặc biệt đối với một số tỉnh Tây Nguyên (cũ) có thể gắn chương trình xây dựng nông thôn mới với bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số; Kết hợp giữa sản xuất nông nghiệp với thu hút khách du lịch trải nghiệm, tăng thu nhập cho người dân như mô hình của Đắk Lắk, Kon Tum, Lâm Đồng (cũ); Thúc đẩy sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thích ứng với biến đổi khí hậu (Kon Tum, Đắk Nông, Lâm Đồng);... Nhìn chung, công trình đã khái quát bức tranh thực trạng sau gần 10 năm xây dựng nông thôn mới trên miền đất Nam Trung Bộ, là cơ sở thực tiễn quan trọng cho luận án có thể kế thừa, so sánh về số liệu đã được thu thập trong giai đoạn 10 năm đầu xây dựng nông thôn mới với giai đoạn 2020-2024 mà luận án đang nghiên cứu. Thông qua số liệu công trình cho thấy, ý thức trách nhiệm của nông dân Nam Trung Bộ trong xây dựng nông thôn mới đã có nhiều chuyển biến tích cực so với thời điểm ban đầu, thể hiện qua sự chủ động, năng động, sáng tạo của nông dân khi tham gia hoàn thành các tiêu chí. Tuy nhiên, lại có sự phát triển không đồng đều giữa các tỉnh, giữa những đối tượng, những nhóm nông dân khác

nhau, điều này phản ánh những nguyên nhân khác nhau, quan trọng nhất vẫn là trình độ nhận thức của nông dân không đồng đều nhau.

Phạm Văn Hồ chủ biên (2022), *“Xây dựng nông thôn mới ở Tây Nguyên (2010-2020)”* [42], nhóm tác giả đã khái quát quá trình xây dựng nông thôn mới ở Tây Nguyên giai đoạn 2010 - 2020. Tài liệu cung cấp số liệu, thực trạng và những vấn đề đang đặt ra trong quá trình xây dựng nông thôn mới và rút ra một số nhận xét và kinh nghiệm cho quá trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn tiếp theo. Công trình là nguồn tư liệu thực tiễn có giá trị tham khảo, kế thừa trong quá trình khảo cứu luận án, đặc biệt đối với những số liệu tổng hợp trong tài liệu sau 10 năm xây dựng nông thôn mới ở Tây Nguyên giai đoạn 2010-2020. Công trình phân tích nhìn từ góc độ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các tỉnh trong xây dựng nông thôn mới, nhưng thể hiện được sự quan tâm của cả hệ thống chính trị đã và đang góp phần thay đổi đáng kể nhận thức của nông dân. Những kết quả của xây dựng nông thôn mới có được không còn là cuộc chạy đua về số lượng, hình thức, mà đã tạo sự chuyển hóa, thay đổi và nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân.

Phạm Thị Vĩnh Hà (2024), *“Nhận diện và phản bác luận điệu xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng đối với nông dân”*[34]. Trên cơ sở nhận diện luận điệu xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước đối với nông dân Việt Nam, tác giả đã dựa trên thành tựu xây dựng nông thôn mới, và sự trưởng thành từ trong nhận thức đến hành động, ý thức trách nhiệm đối với vị trí chủ thể của giai cấp nông dân trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thành công trong xây dựng nông thôn mới chính là minh chứng về thực tiễn sinh động, phản bác những luận điệu xuyên tạc, bịa đặt của các thế lực thù địch.

Các công trình đã tiếp cận thực tiễn xây dựng nông thôn mới trên phạm vi từ hẹp đến rộng, từ trong nước đến ngoài nước. Các nghiên cứu góp phần tô điểm những gam màu mới cho bức tranh tươi đẹp của nông thôn, mà nhân

vật trung tâm là người nông dân hiện đang xây dựng nông thôn mới. Ý thức trách nhiệm của nông dân đang dần hình thành ngày càng rõ nét từ trong nhận thức, thái độ, tình cảm và biểu hiện qua hành động cụ thể. Mặc dù chưa có công trình nào nghiên cứu một cách công phu về thực trạng ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới khu vực Nam Trung Bộ nhưng các nghiên cứu trên có giá trị tham khảo, cung cấp cơ sở thực tiễn là căn cứ để luận án tiếp tục phân tích, làm rõ thực trạng ý thức trách nhiệm của nông dân các tỉnh Nam Trung Bộ trong xây dựng nông thôn mới.

1.3. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP NÂNG CAO Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở NAM TRUNG BỘ

Để phát huy ý thức trách nhiệm của nông dân trong quá trình xây dựng nông thôn mới, đồng thời nâng cao đời sống cho nông dân, nhiều công trình nghiên cứu về những giải pháp hỗ trợ nông dân.

Thứ nhất, phát huy dân chủ tức là “dân làm chủ” là nhân tố quyết định đối với phát huy vai trò chủ thể của nông dân, là giải pháp then chốt trong nâng cao tinh thần trách nhiệm của nông dân đối với quá trình xây dựng nông thôn mới. Một số công trình đã đề cập đến khía cạnh này như:

Hoàng Chí Bảo, “*Dân chủ và dân chủ ở cơ sở nông thôn trong tiến trình đổi mới*” (2010) [8], đã nhấn mạnh vai trò then chốt của dân chủ, đặc biệt là dân chủ ở cơ sở. Theo tác giả, việc thực hiện hiệu quả và phát huy đầy đủ dân chủ cơ sở tại khu vực nông thôn hiện nay chính là yếu tố mang tính quyết định để khơi dậy vai trò chủ thể và nâng cao ý thức trách nhiệm của người nông dân trong quá trình phát triển và đổi mới đất nước, trong thực hiện tốt công tác xóa đói giảm nghèo và phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Cuốn sách là nguồn tài liệu có giá trị, có thể được vận dụng hiệu quả trong thực tiễn xây dựng nông thôn mới hiện nay.

Bởi lẽ, để hướng tới một nông thôn hiện đại, văn minh, việc bảo đảm và phát huy dân chủ là điều kiện tiên quyết, cần được triển khai đi trước một bước. Chỉ khi thực hiện tốt dân chủ mới có thể huy động và phát huy tối đa sức mạnh của quần chúng nhân dân, đặc biệt là lực lượng nông dân. Tuy nhiên, để dân chủ thực sự phát huy hiệu quả, đòi hỏi hệ thống chính trị ở cơ sở phải thật sự trong sạch, vững mạnh trên mọi phương diện - đây cũng chính là nội dung then chốt được phản ánh trong tiêu chí số 18 của Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

Trương Giang Nam, Nguyễn Thành Phong (2011) *“Liên kết “4 nhà” - giải pháp cơ bản góp phần xây dựng nông thôn mới ở đồng bằng sông Cửu Long”* [66]. Công trình đã cung cấp thực tiễn sinh động với kết quả bước đầu có được từ mô hình này, cho thấy tính hiệu quả mà “4 nhà” (nhà doanh nghiệp, Nhà nước, nhà nông và cuối cùng là nhà khoa học) đều có được trên cơ sở đảm bảo 6 tiêu chí. Mỗi tiêu chí mức độ quan trọng cũng được sắp xếp theo thứ tự các bên tham gia như động lực để họ cùng gắn kết, cùng chia sẻ về lợi ích. Tuy nhiên công trình cũng chỉ ra những vướng mắc, bất cập trong liên kết, tính thiếu bền vững mà trong đó xuất phát từ phía “nhà nông” là thói quen sản xuất tùy tiện, không tuân thủ cam kết, tự phá bỏ cam kết nếu thương lái không tham gia hợp đồng trả mức giá cao hơn. Điều này phần nào cho thấy tính thiếu trách nhiệm của nông dân trong liên kết. Do đó tác giả đề xuất một số giải pháp để đảm bảo liên kết bền vững trong thời gian đến. Đây là một trong những giải pháp đóng vai trò quan trọng đảm bảo yếu tố đầu ra cho nông sản của nông dân, tạo động lực để nông dân nâng cao ý thức trách nhiệm của mình khi gắn với lợi ích kinh tế của họ.

Nguyễn Thiện Nhân (2012) trong bài viết *“Phát triển hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới - khâu đột phá để cơ cấu lại nông nghiệp và nâng cao thu nhập bền vững cho người nông dân”*, Tạp chí Cộng sản, (873) [67] đã chỉ ra

giải pháp quan trọng nhằm nâng cao thu nhập cho nông dân trong quá trình xây dựng nông thôn mới, đó là con đường tất yếu cần phải hướng đến mô hình hợp tác xã kiểu mới gắn với sự ra đời của Luật Hợp tác xã năm 2012. Theo tác giả, nông dân không thể sản xuất riêng lẻ vì “nếu canh tác độc lập, riêng lẻ thì sức mạnh kinh tế của hộ nông dân rất nhỏ bé, khả năng chịu đựng rủi ro rất thấp, tình trạng tái nghèo rất dễ xảy ra” [67, tr.16-22]. Đây cũng là giải pháp quan trọng nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới.

Tác giả nhận định rằng chừng nào nền sản xuất nông nghiệp của nước ta vẫn còn dựa chủ yếu vào các hộ gia đình sản xuất đơn lẻ, thiếu sự liên kết, thì 10 triệu hộ nông dân vẫn sẽ là 10 triệu đơn vị yếu thế. Trong bối cảnh đó, những yêu cầu chính đáng như tổ chức lại sản xuất, tiếp cận tín dụng, đào tạo nghề hay hợp tác với giới khoa học sẽ rất khó được thực hiện hiệu quả. Do đó, để đổi mới mô hình sản xuất nông nghiệp, việc liên kết giữa các hộ nông dân là điều tất yếu, và mô hình hợp tác xã kiểu mới chính là giải pháp phù hợp. Việc tham gia vào hợp tác xã không chỉ là xu hướng đúng đắn trong giai đoạn hiện nay mà còn mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho nông dân trên nhiều phương diện, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện đời sống. Đây cũng là giải pháp quan trọng nâng cao, phát huy ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới.

Trần Văn Phòng, Nguyễn Thị Nga, (đồng chủ biên) (2013), “*Triết học chính trị - con người - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” [75] cho rằng để thực hiện dân chủ thì phải từ nhiều chủ thể khác nhau như Đảng, Nhà nước và đặc biệt là nhân dân: “Nhân dân phải có năng lực làm chủ. Năng lực đó không phải bỗng dưng mà có, không phải từ trên trời rơi xuống, không phải do “ban phát” mà một mặt Đảng, Nhà nước phải tạo ra cơ chế, chính sách, luật pháp thích hợp, mặt khác người dân phải phấn đấu, rèn luyện, phải học dân chủ, phải nâng cao trình độ hiểu biết về dân chủ, phương pháp thực

hành dân chủ và bản lĩnh thực hành dân chủ. Có như vậy, nhân dân mới có quyền dân chủ thực sự, tránh tình trạng dân chủ chung chung, dân chủ hình thức” [75, tr.12]. Đây cũng là một động lực, chìa khóa quan trọng để nông dân phát huy ý thức trách nhiệm về vai trò chủ thể của mình trong tham gia xây dựng nông thôn mới.

Lê Hữu Nghĩa (2016) “*Thực hành và phát huy dân chủ qua 30 năm đổi mới - Thực trạng và giải pháp*” [72], cũng góp phần tổng kết kinh nghiệm thực hành dân chủ rộng rãi trong thực tiễn kể từ khi đổi mới. Bài học lịch sử được đúc kết, nay tiếp tục là kim chỉ nam dẫn đường trong bối cảnh xây dựng khối liên minh giữa các giai cấp tầng lớp trong xã hội. Tác giả đã đề cập đến thực trạng và đề xuất những giải pháp có giá trị tham khảo trong xây dựng nông thôn mới đối với hệ thống chính trị, các tổ chức đoàn thể nhằm thực hành dân chủ rộng rãi trong nhân dân để xây dựng nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân.

Thứ hai, phát triển kinh tế - xã hội là điều kiện quan trọng tạo tiền đề xây dựng nông thôn mới, đồng thời là động lực tác động đến nhận thức của nông dân, một số công trình đề cập đến khía cạnh phát triển kinh tế như:

Trung tâm phát triển nông thôn bền vững (SRD) (2014) “*Xây dựng câu lạc bộ sinh kế cộng đồng góp phần xóa đói giảm nghèo*” [105], cuốn sách ra đời với mục đích hướng dẫn giúp cho người dân có nhu cầu thành lập Câu lạc bộ sinh kế cộng đồng có thể tham khảo để hiểu rõ hơn lợi ích khi tham gia, các bước thành lập, cách tổ chức quản lý và phát triển Câu lạc bộ sinh kế cộng đồng một cách bền vững, chống đỡ được với những cạnh tranh của thị trường. Cuốn sách này cũng giúp cho các cán bộ địa phương làm công tác hỗ trợ câu lạc bộ sinh kế cộng đồng, cán bộ phát triển cộng đồng trong các dự án phát triển tư vấn cho người dân thành lập các loại hình câu lạc bộ sinh kế cộng đồng phù hợp với từng sản phẩm, từng hoạt động dịch vụ. Một số nội dung mà câu lạc bộ sinh kế cộng đồng có liên quan như: sản xuất kết nối thị trường,

phát triển chuỗi giá trị, vay vốn tín dụng, cân bằng giới... cũng được giới thiệu và giải thích. Đây là một trong những mô hình có thể hình thành chuỗi liên kết trong sản xuất nông sản của nông dân, tăng tính liên kết, có thể hỗ trợ lẫn nhau theo nhóm nông dân.

Nguyễn Sinh Cúc (2015) *“Kết quả sau bốn năm thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới”* [17], tập trung đánh giá tổng quát những thành tựu đạt được trong giai đoạn 2011-2014 thông qua các mô hình điển hình tại một số địa phương như Đồng Nai, Thái Bình, Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Lâm Đồng. Bên cạnh việc nêu bật những kết quả tích cực, tác giả cũng chỉ rõ các khó khăn, hạn chế còn tồn tại và đưa ra một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả chương trình trong thời gian tới. Bài viết kịp thời phản ánh thực trạng xây dựng nông thôn mới với số liệu cập nhật và nội dung cụ thể, đồng thời đề xuất nhiều giải pháp thiết thực như: tăng cường vai trò chỉ đạo của chính quyền các cấp; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, nêu gương; chủ động thử nghiệm và phổ biến các mô hình hiệu quả vào thực tiễn. Vì vậy, đây là tài liệu tham khảo có giá trị trong việc nhân rộng những mô hình thành công.

Hồ Quế Hậu (2016), *“Liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp chế biến nông sản với nông dân ở Việt Nam”* [37] đi sâu phân tích mối liên kết giữa doanh nghiệp chế biến và người nông dân - một khâu trọng yếu trong chuỗi liên kết “bốn nhà”. Đặc biệt, sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 khuyến khích tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng, vấn đề này càng được quan tâm hơn. Tuy nhiên, tác giả cũng chỉ ra nhiều bất cập trong quá trình thực hiện liên kết như tốc độ triển khai còn chậm, gặp nhiều rào cản, và tình trạng vi phạm hợp đồng xảy ra thường xuyên từ cả hai phía. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra những định hướng và giải pháp nhằm củng cố và phát triển mối quan hệ hợp tác giữa

doanh nghiệp chế biến và nông dân một cách hiệu quả và bền vững hơn trong tương lai.

Thứ ba, nâng cao nhận thức, khơi dậy tính tích cực, chủ động, tự giác của nông dân đóng vai trò then chốt nhằm thay đổi nhận thức, hành động của nông dân, một số công trình đã đề cập như:

Trong bài viết “*Bảo đảm vai trò chủ thể của giai cấp nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới*” của Nguyễn Thiện Nhân (2017) [68], tác giả cũng đã chỉ ra sáu mâu thuẫn, bất cập trong nông nghiệp nước ta, trong đó, cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, tập trung thực hiện đồng bộ hiệu quả các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững, xây dựng nông thôn mới và cải thiện đời sống của nông dân. Đây cũng là một trong những vấn đề đặt ra cần hướng đến những giải pháp trong xây dựng nông thôn mới.

Nguyễn Thế Trung (2017), “*Vận động nông dân và doanh nhân thực hiện chủ trương phát triển nông nghiệp công nghệ cao*” [104]. Xuất phát từ một trong những vấn đề đang đặt ra đối với nông dân hiện nay đó là tình trạng chất lượng nông sản, là điệp khúc “được mùa mất giá, được giá mất mùa”,... tác giả đề xuất giải pháp liên kết giữa nông dân và doanh nhân, trên cơ sở xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao. Đây vừa là xu hướng trong phát triển nông nghiệp bền vững hiện nay, nhưng đồng thời đòi hỏi nông dân phải tiếp cận với khoa học kỹ thuật mới, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình trong sản xuất. Liên kết song phương giữa nông dân và doanh nhân đã hình thành từ lâu nhưng không bền vững, giải pháp này đòi hỏi đôi bên cần nghiêm túc tuân thủ hợp đồng, song điều quan trọng là bản thân nông dân cần tích cực chủ động thay đổi tư duy kinh nghiệm trong sản xuất.

Lê Đình Hải (2018) “*Giải pháp tăng cường sự sẵn lòng tham gia của người dân vào chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai*” [36], công trình đã phân tích 6 nhóm nhân tố ảnh hưởng

đến sự tham gia của người dân trong xây dựng nông thôn mới ở 6 xã huyện Tân Phú. Bao gồm: điều kiện gia đình; chính sách xây dựng nông thôn mới; tham gia của người dân; tiếp cận thông tin; cấp chính quyền địa phương; nhận thức của người dân. Xuất phát từ kết quả điều tra, công trình đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao sự sẵn lòng của người dân khi xây dựng nông thôn mới bằng cách nâng cao nhận thức về vai trò chủ thể của người dân; thực hiện công tác vận động tuyên truyền; xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở trong xây dựng nông thôn mới; hoàn thiện thực hiện tốt quy chế phối hợp và quy chế dân chủ cơ sở trong xây dựng nông thôn mới. Những giải pháp trên là cơ sở tham khảo đối với luận án khi đề ra những giải pháp nhằm tăng cường tính chủ động của nông dân trong các hoạt động.

“Khơi dậy khát vọng vươn lên và phát huy vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong phát triển nông nghiệp, kinh tế, nông thôn và xây dựng nông thôn mới” của tác giả Lương Quốc Đoàn (2021) [28]. Trên cơ sở phân tích vị trí, vai trò của giai cấp nông dân, tác giả chỉ ra tầm quan trọng và đóng góp của nông dân trong phát triển nông nghiệp và kinh tế nước nhà. Đồng thời đề xuất một số giải pháp khơi dậy khát vọng và phát huy vai trò chủ thể của nông dân. Các giải pháp được tác giả đề cập đặc biệt giải pháp gắn phát huy vai trò chủ thể của nông dân với xây dựng con người mới, tạo động lực quan trọng để giai cấp nông dân vượt qua mọi khó khăn, thách thức, phát triển nông nghiệp thịnh vượng, giàu có, nông thôn văn minh, hiện đại.

Nguyễn Văn Thanh (2022), *“Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”* [95]. Bài viết đã làm rõ nội hàm của khái niệm nông dân văn minh là chủ thể để xây dựng nông nghiệp sinh thái và nông thôn hiện đại. Do đó, người nông dân từ phát triển nông nghiệp vì mục tiêu sản lượng sang mục tiêu giá trị sinh thái - nhân văn là cốt lõi; 3- Tăng cường năng lực chủ thể của nông dân trong liên kết theo chuỗi giá trị, vượt lên tư duy sản xuất nhỏ lẻ, manh mún của hộ gia đình tiểu nông; 4- Tạo mọi điều kiện để nông

dân luôn giữ quyền chủ động, làm chủ toàn bộ quá trình chuyển đổi sinh kế gắn với phát triển kinh tế nông thôn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; 5- Phát huy vai trò chủ thể văn hóa của nông dân trong xây dựng nông thôn mới, trên cơ sở gìn giữ, kế thừa và nâng tầm các giá trị truyền thống, đi đôi với tiếp thu cái mới, tiến bộ và bài trừ các tập tục lạc hậu; 6- Nâng cao năng lực làm chủ, thật sự là chủ thể xây dựng nông thôn mới, củng cố hệ thống chính trị cơ sở, bảo vệ an ninh, trật tự nông thôn; 7- Chăm lo cải thiện, nâng cao mức sống và chất lượng sống gắn với tăng cường năng lực tự chủ đời sống cá nhân, gia đình, ngõ/xóm, làng/bản văn minh, hạnh phúc mang đặc trưng nông thôn.

Diệp Thanh Tùng (2024) *“Phát huy vai trò chủ thể và sự tham gia của người dân trong chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới”* [107]. Công trình đã khái quát tầm quan trọng và ý nghĩa của chương trình xây dựng nông thôn mới được triển khai trong thời gian quan, qua đó khẳng định vai trò của chủ thể và sự tham gia của người dân. Nhìn chung, phần lớn chính quyền địa phương kỳ vọng và đánh giá người dân đóng vai trò chủ thể (cả về mặt lý luận và thực tế), là đối tác quan trọng nhất, đóng góp nhiều nhất cho xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, trong thực tế, người dân lại cho rằng, chủ thể chính vẫn là Nhà nước, người dân làm theo các hướng dẫn và tham gia hạn chế vào việc thảo luận, giám sát, quản lý các công trình, hoạt động trên địa bàn của mình. Những khác biệt giữa hai nhóm thể hiện những vấn đề đang phát sinh và có nguy cơ làm giảm hiệu quả và tính bền vững của chương trình trong tương lai. Do đó, nghiên cứu đề xuất một số quan điểm: 1, chính quyền địa phương nên hỗ trợ cho các dự án, hỗ trợ người dân tìm kiếm, phát huy các sáng kiến, nhất là các mô hình phát triển cộng đồng dựa vào nội lực. 2, khi mức độ biết và bàn của người dân ở mức cao thì mức độ làm có thể chuyển từ tham gia thụ động sang tham gia chủ động, tăng tính bền vững của dự án. 3, Phát huy truyền thống văn hóa gia đình, dòng tộc là một hình thức để gắn kết cộng đồng tích cực trong xây dựng nông thôn mới. Ngoài ra,

khuyến khích các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tham gia hỗ trợ, đỡ đầu cho các xã khó khăn. 4, Chỉ khi người dân thực sự tham gia đầy đủ ở các mức độ biết - bàn - làm - kiểm tra thì người dân mới thực sự là chủ thể của chương trình.

1.4. GIÁ TRỊ CỦA CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA MÀ LUẬN ÁN CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.4.1. Giá trị của các công trình đã được tổng quan

Xuất phát từ việc khảo cứu những công trình liên quan, nghiên cứu sinh tìm thấy những giá trị nhất định của các công trình được tổng quan đối với luận án ở các góc độ sau:

Thứ nhất, qua quá trình tổng quan các công trình nghiên cứu trên cơ sở tiếp cận lý luận về “trách nhiệm” và “ý thức trách nhiệm”, cho thấy đây là một vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu từ cổ đại tới hiện đại, từ phương đông đến phương tây đều quan tâm, bàn luận. Những tài liệu đã tổng quan chỉ ra sự khác biệt cơ bản giữa các học giả chủ yếu ở góc độ tiếp cận, lĩnh vực nghiên cứu. Tính đến những công trình gần nhất đã tổng hợp “trách nhiệm” có nghĩa tương đồng với “nghĩa vụ”, “bồn phận”. Đa số các nghiên cứu giai đoạn trước đây chỉ xem xét ý thức trách nhiệm như bộ phận của ý thức đạo đức được quy định chuẩn mực trong từng mối quan hệ. Tuy nhiên những nhà nghiên cứu giai đoạn hiện đại xem xét ý thức trách nhiệm không chỉ ở phương diện đạo đức mà quan tâm cả phương diện luật pháp với tư cách như là ý thức của công dân.

Những nghiên cứu gần đây nhất của các tác giả trong nước đã tiếp tục hệ thống mang tính tổng hợp cả hai phương diện đạo đức và pháp luật vào trong khái niệm về “ý thức trách nhiệm” và “ý thức trách nhiệm xã hội”. Đây là một giá trị quan trọng đối với góc độ tiếp cận các khái niệm về ý thức trách nhiệm mà luận án đã có được qua quá trình tổng quan, đồng thời là căn cứ quan trọng để nghiên cứu sinh xác định được những nội dung lý luận về ý

thức trách nhiệm của nông dân theo mục đích và phạm vi nghiên cứu của luận án.

Thứ hai, chương trình xây dựng nông thôn mới đã triển khai và thực hiện gần 15 năm. Trong thời gian này, có khá nhiều công trình nghiên cứu về nông dân, vai trò chủ thể của nông dân. Các nghiên cứu thể hiện tương đối phong phú, đa dạng, nhiều phương diện, góc nhìn khác nhau... góp phần quan trọng để nghiên cứu sinh có thể tổng hợp, phân tích, so sánh, đánh giá khi khái quát cơ bản về nông nghiệp, nông dân và xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam. Một số công trình tiêu biểu đã đưa ra khái niệm về nông thôn mới, nông dân, đặc biệt thông qua các quan điểm, thể hiện tinh thần Nghị quyết, Quyết định, chủ trương,... của Đảng và Nhà nước mà nghiên cứu sinh có thể sử dụng để làm rõ khái niệm công cụ về đối tượng là nông dân trong xây dựng nông thôn mới mà luận án đang nghiên cứu.

Thứ ba, luận án đã tổng quan các công trình nghiên cứu về thực trạng xây dựng nông thôn mới từ phạm vi hẹp đến phạm vi rộng, trong nước và ngoài nước, đặc biệt là một số tài liệu ở dạng báo cáo tổng kết những năm gần đây về tình hình, kết quả xây dựng nông thôn mới của các tỉnh Nam Trung Bộ. Trên cơ sở kết quả tổng quan thực trạng xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh Tây Nguyên và các tỉnh như Duyên hải Nam trung bộ và một số tỉnh, thành khác trên cả nước. Những công trình tổng quan góp phần cung cấp giá trị thực tiễn để nghiên cứu sinh có thể phân tích, so sánh sự tương đồng và khác biệt giữa nông dân Nam Trung Bộ với nông dân các khu vực khác, phân nào lý giải nguyên nhân của những thành tựu, hạn chế đã và đang đặt ra trong ý thức trách nhiệm của họ đối với chương trình xây dựng nông thôn mới. Mặt khác, giá trị của những tài liệu đã tổng quan còn là cơ sở thực tiễn quan trọng để luận án khái quát về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên,... đặc biệt là đặc điểm văn hóa - xã hội, lịch sử hình thành các tộc người ở Nam Trung Bộ làm cơ sở quan trọng để nghiên cứu phân tích những yếu tố tác động hình thành nên tính cách, phương thức canh tác, sản xuất của nông dân Nam Trung Bộ.

Thứ tư, hầu như trong các công trình đã tổng quan đều đưa ra khá nhiều các kiến nghị, giải pháp nhằm phục vụ cho chủ đích tiếp cận riêng của mỗi nhà nghiên cứu. Nhìn chung các giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của nông dân được các tài liệu đã tổng quan đề xuất một số biện pháp có giá trị tham khảo như: đẩy mạnh công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở các địa phương trong thực tiễn xây dựng nông thôn mới; Tiếp tục phát huy công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức đối với chủ thể; Phát triển các mô hình kinh tế nông hộ bằng nhiều hình thức khác nhau; Tăng cường liên kết 4 nhà, 5 nhà, 6 nhà giữa nông dân và các tổ chức, cá nhân nhằm giải quyết tốt vấn đề nguồn giống, công nghệ, máy móc, kinh phí, khâu nuôi trồng, thu hoạch, chế biến, tiêu thụ, quảng bá,...; Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân; Xây dựng, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự,... và sử dụng có hiệu quả đối với các thiết chế, các tiêu chí đã hoàn thành... Nhìn chung, các giải pháp có ý nghĩa nhằm phát huy vai trò, nhận thức của nông dân với tư cách là chủ thể trong xây dựng nông thôn mới, là cơ sở để luận án tham khảo, kế thừa và tiếp tục đề xuất những quan điểm, giải pháp khác nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân Nam Trung Bộ.

1.4.2. Những vấn đề đặt ra mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Trên cơ sở tổng quan các công trình đã nghiên cứu đơn cử kể trên, nghiên cứu sinh nhận thấy các công trình đã xuất bản vẫn chưa đề cập một cách trực tiếp, có tính hệ thống đối với vấn đề ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Nam Trung Bộ. Chính vì vậy, luận án cần tập trung nghiên cứu, làm sáng tỏ các vấn đề như sau:

Một là, khía cạnh lý luận, về thuật ngữ “ý thức trách nhiệm” có nhiều cách tiếp cận về khái niệm, nhưng vẫn chưa có công trình nào đề cập trực tiếp đến khái niệm về “ý thức trách nhiệm của nông dân”, đây là một khoảng trống về mặt lý luận mà luận án cần tiếp tục hoàn thiện trong cơ sở lý luận của đề tài. Vì vậy, nghiên cứu sinh cho rằng “ý thức trách nhiệm của nông dân trong

xây dựng nông thôn mới” cần được nghiên cứu làm sáng tỏ. Hơn nữa, cần phân tích làm rõ những nhân tố tác động đến “ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới” khi được xác lập gắn với địa bàn Nam Trung Bộ.

Xét về mặt cấu trúc của ý thức trách nhiệm, như nghiên cứu của Nguyễn Tuấn Anh cho rằng bao gồm Nhận thức - Thái độ - Hành vi; Nhưng cũng có nhà nghiên cứu cho rằng nó được cấu trúc bởi Nhận thức-Tình cảm-Hành vi;... Đây là một vấn đề quan trọng mà luận án tiếp tục nghiên cứu và đưa ra quan điểm về cấu trúc của ý thức trách nhiệm nói chung, là cơ sở lý luận để tác giả luận án tiếp tục phân tích, bổ sung và hoàn thiện khi nghiên cứu lý luận về ý thức trách nhiệm.

Hai là, luận án thu thập các báo cáo tổng kết xây dựng nông thôn mới của 05 tỉnh Tây Nguyên (cũ) trong những năm gần đây. Đồng thời, tập trung phân tích, đánh giá thực trạng ý thức trách nhiệm của nông dân. Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu nào trực tiếp đề cập nông dân nhận thức như thế nào về chương trình nông thôn mới mà họ đang tham gia xây dựng; từ góc độ nhận thức đó, nông dân thể hiện “ý thức trách nhiệm” của mình như thế nào trong xây dựng nông thôn mới ví dụ như với tư cách là cá nhân, với tư cách là công dân, với tư cách là thành viên của cộng đồng xã hội. Do đó, luận án phân tích chỉ rõ tính đặc thù, đặc điểm tâm lý nông dân ở các tỉnh Nam Trung Bộ nói chung và Tây Nguyên nói riêng, qua khảo sát, đánh giá thực trạng ý thức trách nhiệm của nông dân các tỉnh Tây Nguyên cũ từ năm 2021 đến năm 2024 trên các khía cạnh: Ý thức trách nhiệm của nông dân trong ủng hộ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới; Ý thức trách nhiệm của nông dân trong tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới; Ý thức trách nhiệm của nông dân trong giữ gìn và phát huy kết quả đạt được trong xây dựng nông thôn mới.

Đây là một nhiệm vụ quan trọng mà đề tài cần thực hiện trong quá trình nghiên cứu luận án.

Ba là, Tây Nguyên thuộc Nam Trung Bộ hiện nay là vùng đất có những nét đặc trưng riêng không chỉ về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, mà còn cả những vấn đề dân tộc, tôn giáo,... nên tác động không nhỏ đến hình thành tâm lý, tính cách của người nông dân nơi đây, đặc biệt là thói quen, đặc tính sản xuất nông nghiệp. Đây là những vấn đề có ý nghĩa thực tiễn, cần phải tiếp tục nghiên cứu làm sáng tỏ và đề xuất những giải pháp đúng đắn nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân các tỉnh Tây Nguyên nói riêng và Nam Trung Bộ nói chung trong xây dựng nông thôn mới hiện nay - Thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ của luận án chính là góp phần giải quyết các vấn đề trên.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Nông dân có số lượng đông đảo trong xã hội, trong mối quan hệ “tam nông”, nông dân có vị trí quan trọng là chủ thể trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Vì vậy, nghiên cứu “ý thức trách nhiệm của nông dân” nhằm góp phần làm sâu sắc hơn vị trí, tầm quan trọng của họ trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt trong xây dựng nông thôn mới.

Chương 1 của luận án đã tiến hành tổng quan trên ba khía cạnh chính: *Một là*, những công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề lý luận về ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới; *Hai là*, những công trình nghiên cứu về thực trạng ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh Nam Trung Bộ; *Ba là*, những công trình nghiên cứu về quan điểm, giải pháp nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh Nam Trung Bộ. Các công trình đã cung cấp một bức tranh tổng quát về những nghiên cứu đã thực hiện trước đề tài, là nguồn tư liệu quan trọng, phong phú để đề tài kế thừa, tiếp thu. Đồng

thời, tổng quan đã giúp nghiên cứu sinh phát hiện và tiếp tục bổ sung, lấp đầy những khoảng trống còn bỏ ngỏ. Đây là vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cần tiếp tục thực hiện. Nội dung chương tổng quan đã đóng góp quan trọng trong định hình đề cương nghiên cứu luận án và chỉ ra nhiệm vụ mà luận án cần tiếp tục triển khai, thực hiện cả trên phương diện lý luận lẫn thực tiễn.

Chương 2

Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

2.1.1. Ý thức trách nhiệm

Trách nhiệm

Thuật ngữ “Trách nhiệm” trong tiếng Latinh là “Respondere”, nghĩa là “đáp lại”; trong tiếng anh là “responsibility”, nghĩa là “trách nhiệm, sự chịu trách nhiệm”. Theo Oxford Learner’s Dictionaries (từ điển Oxford cho người học), định nghĩa của từ *responsibility* là: “a duty to deal with or take care of somebody/something, so that you may be blamed if something goes wrong”. Diễn giải nghĩa Oxford: *Responsibility* ở đây nhấn mạnh một nhiệm vụ hoặc bổn phận phải xử lý/ chăm sóc ai đó hoặc việc gì đó. Đồng thời nghĩa này cũng bao hàm rằng nếu có chuyện không ổn xảy ra thì bạn có thể bị quy là chịu trách nhiệm [122]. Theo từ điển Tiếng Việt thông dụng, trách nhiệm được định nghĩa là điều phải làm, phải gánh vác hoặc phải nhận lấy về mình [118, tr.1161].

Xét về mặt thời gian, khái niệm “trách nhiệm” xuất hiện khá sớm trong tư tưởng các triết gia Trung Hoa cổ đại. Họ coi trách nhiệm là một phẩm chất đạo đức, hình thành trên cơ sở những chuẩn mực ứng xử nhằm giáo hóa con người. Trong mỗi mối quan hệ xã hội đều có chuẩn mực riêng, vì vậy trách nhiệm cá nhân cũng phải tự điều chỉnh cho phù hợp. Nho giáo là học thuyết chính trị và đạo đức phục vụ cho sự thống trị của triều đình phong kiến, xem trách nhiệm trước hết là nghĩa vụ phục tùng của bề dưới đối với bề trên. Với mục tiêu duy trì trật tự xã hội, Khổng Tử và các học trò cho rằng vua phải có trách nhiệm trị quốc bằng đức và lễ, còn thần dân phải trung thành, hiếu thuận, tuân thủ lễ nghĩa, qua đó góp phần giữ gìn trật tự và ổn định xã hội.

Khổng Tử chủ trương dùng đức trị, tức là dùng luân lý đạo đức để thiết lập nên một trật tự xã hội mới, giáo hóa con người nhằm mục đích xây dựng xã hội lành mạnh, trật tự, ổn định dựa trên mô hình của vua Nghiêu, vua Thuấn. Trung tâm của đạo đức Nho giáo là đức “nhân”. Cốt lõi của “nhân” là “trung thứ”. Gắn với trách nhiệm là phạm trù “Lễ”, quy định ràng buộc con người trong từng mối quan hệ cụ thể. Về xây dựng hình mẫu con người cá nhân tiêu biểu của thời đại, ông đưa ra hình mẫu người quân tử (quân là kẻ làm vua, quân tử là chỉ tầng lớp trên trong xã hội, phân biệt với “tiểu nhân”, những người thấp kém về địa vị xã hội). Mạnh Tử cũng viết, gốc của thiên hạ là đất nước, gốc của đất nước là gia đình, gốc của gia đình là bản thân, do đó phải “tu thân” thì mới “tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” được. Chủ trương của đức trị dạy người ta coi trọng đạo đức thông qua việc “tu thân”, sau đó mới dùng cái đức của mình để cảm hóa cái đức của người, dẫn kẻ làm đường lạc lối quay về với cái đức của chính họ. Vì vậy, trách nhiệm của người quân tử về mặt đạo đức là “tu thân”, là nêu gương, đồng thời thể hiện năng lực chịu trách nhiệm đạo đức trước xã hội, góp phần làm cho xã hội trở nên trật tự, ổn định.

Tuy nhiên, tính khả thi trong việc đưa đức trị vào thực tiễn đã không thể đạt được bởi vì trên thực tế tinh thần tự giác của thần dân không cao, do đó tất yếu phải cần đến sự can thiệp của “pháp trị”. Hàn Phi Tử chủ trương thống nhất ba học thuyết “thế” của Thận Đáo, “thuật” của Thân Bất Hại và “pháp” của Thương Ưởng vào làm một. Mặc dù được Tần Thủy Hoàng sử dụng trong suốt thời gian trị vì song học thuyết này lại chưa thể hiện được tính nhân văn của nó. Sau này, Đồng Trọng Thư đã kết hợp cả “đức trị” lẫn “pháp trị” vào trong cùng một học thuyết. Tuy nhiên do những hạn chế về mặt lịch sử mà học thuyết vẫn chưa có cơ hội ứng dụng vào thực tiễn. Có thể thấy các học thuyết vào thời kỳ này đều đi tìm một giải pháp riêng nhằm nâng cao

trách nhiệm của mọi người, nhất là bậc quân tử để xây dựng một xã hội thái bình, thịnh trị.

Trong triết học Phương Tây, từ thời Hy Lạp cổ đại “trách nhiệm” cũng đã được Platon và Aristotle đề cập. Sau này I.Kant, Rousseau cho rằng nhiệm vụ và nghĩa vụ của con người được thực thi dựa trên ý chí phổ quát của toàn nhân loại. Ý chí phổ quát của toàn nhân loại là ý chí của cộng đồng, của xã hội đặt ra cho cá nhân, buộc cá nhân phải nhận thức và thực thi. Xét về mặt ngữ nghĩa “*trách nhiệm*”, “*nghĩa vụ*”, “*bổn phận*” đều có nội hàm gần với nhau, nhưng để phân biệt giữa chúng trong *Khế ước xã hội*, Jean-Jacques Rousseau đã phân biệt hai quan niệm “ý chí chung” (*volonté générale*) và “ý chí con người” (*volonté du tous*). Nghĩa vụ xuất phát từ *ý chí của tất cả con người hay đúng hơn là điều mà bất cứ ai không phân biệt dòng tộc, quốc gia, tôn giáo, giai cấp, ý thức hệ và ở mọi thời đại, mọi dân tộc buộc phải làm*; trong khi đó *bổn phận* nói lên điều mà thành viên của một xã hội (gia đình, đất nước, dòng tộc,...) phải thực thi và biểu hiện cái *ý chí chung* của xã hội đó. Ở đây có sự tách biệt quan niệm về *trách nhiệm* như là *bổn phận, nhiệm vụ*, ra khỏi *trách nhiệm* như là *nghĩa vụ*. Cả hai đều thuộc về phạm trù trách nhiệm. Bổn phận công dân dựa trên *ý chí chung của một xã hội*, hay của một sắc tộc ở *một giai đoạn* lịch sử, mà Hegel thường gọi là *Volksgeist* (tinh thần dân tộc) và được phân biệt với cái gọi là *Zeitsgeist* (tinh thần thời đại). Do đó, chúng ta có thể hiểu *trách nhiệm* theo nghĩa là *nghĩa vụ con người*, được dựa trên ý chí phổ quát của toàn nhân loại [84].

Khi bàn về đạo đức học hiện sinh, các nhà hiện sinh lên tiếng chống lại truyền thống, khẳng định con người phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình trước một “cấp độ” nào đó vượt ra ngoài bản thân, có thể là Thượng đế, pháp luật, xã hội hay những chuẩn mực đạo đức [30, tr.27]. Theo quan niệm này, trách nhiệm không chỉ là bổn phận hay nghĩa vụ phải thực hiện, mà còn bao hàm cả những giới hạn về cái “được làm”, “phải làm” và “nên làm”. Nó

khác căn bản với cách hiểu trách nhiệm trong khuôn khổ pháp lý – vốn chỉ gắn với sự quy định và chế tài. Tuy nhiên, trách nhiệm vẫn có thể hiểu là khả năng của con người ý thức được những kết quả hoạt động của mình, đồng thời là khả năng thực hiện một cách tự giác những nghĩa vụ được đặt ra cho mình [30, tr.330-331].

Từ điển bách khoa Việt Nam:

“Trách nhiệm là khái niệm của ý thức đạo đức và ý thức pháp quyền, nói lên một đặc trưng của nhân cách trong việc thực hiện nghĩa vụ do xã hội đề ra. Nếu nghĩa vụ đặt ra cho con người vấn đề nhận thức và thực hiện những yêu cầu của xã hội, thì vấn đề trách nhiệm là ở chỗ con người hoàn thành và hoàn thành đến mức nào hoặc không hoàn thành những yêu cầu ấy. Trách nhiệm là sự tương xứng giữa hành động với nghĩa vụ, là hệ quả của ý chí con người, là đặc trưng cho hoạt động có ý thức của con người. Con người ngày càng nhận thức được quy luật khách quan của tự nhiên, xã hội khi năng lực chi phối tự nhiên, xã hội của con người lớn lên thì trách nhiệm của con người đối với hành vi của mình cũng lớn lên” [45, tr.513].

Theo từ điển Triết học, “trách nhiệm thuộc phạm trù đạo đức và luật học, phản ánh trình độ xã hội đặc biệt và thái độ đạo đức, pháp luật của cá nhân đối với xã hội (đối với nhân loại nói chung); thái độ này biểu thị sự hoàn thành nghĩa vụ đạo đức của mình và các tiêu chuẩn pháp luật” [79, tr.595]. Trách nhiệm được phản ánh trong ý thức đạo đức dưới hình thức nguyên tắc đạo đức và chuẩn mực hành vi. Vì chuẩn mực đạo đức là phản ánh cái cần có, cho nên trách nhiệm chính là cái cần có, cái tất yếu phải có như là lợi ích xã hội khi cá nhân hoạt động nhằm xác lập lợi ích của mình. Theo lập luận trên, trách nhiệm trở thành nghĩa vụ đạo đức với điều kiện: Một mặt, nó phải được các cá nhân nhận thức một cách thấu đáo những đòi hỏi của lợi ích xã hội và thỏa mãn được các chuẩn mực đạo đức cần và đủ để hành vi của mình đáp

ứng được đòi hỏi của xã hội; Mặt khác, các cá nhân phải có thái độ quan tâm đến trách nhiệm và hoàn thành trách nhiệm một cách tự nguyện, tự giác.

Qua một số bài nói chuyện, bài viết của chủ tịch Hồ Chí Minh, những câu chuyện về chủ đề trách nhiệm và nghĩa vụ đạo đức cách mạng của cán bộ, Người cho rằng: *“Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ cộng sản mà ta được họ yêu mến... đồng chí ta phải học lấy bốn đức cách mạng: cần, kiệm, liêm, chính”* [7, tr.272]. Vì vậy, để góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Đảng, mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và toàn dân, toàn quân ta đều phải tích cực tự giác nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng, hết sức phụng sự tổ quốc, phục vụ nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là việc làm có ý nghĩa vô cùng quan trọng để phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc trong công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước giai đoạn hiện nay.

Từ những phân tích trên, có thể nhận thấy, dù thể hiện dưới góc độ khác nhau nhưng điểm chung của các quan niệm trên khi đề cập đến “trách nhiệm” là việc thực hiện tự giác bổn phận, nghĩa vụ của các chủ thể đối với người khác, đối với công việc, đối với xã hội. Với nhận thức này, trách nhiệm được hiểu đối lập với vô trách nhiệm, với việc không thực hiện bổn phận, không thực hiện nghĩa vụ của bản thân đối với người khác, đối với công việc, đối với xã hội. Điều này cũng cho thấy, trách nhiệm phụ thuộc vào nhận thức của chủ thể. Chủ thể nhận thức về cái gì được làm, cái gì không được làm; nhận thức về trách nhiệm cá nhân của chủ thể trong quan hệ với công việc, với cá nhân khác và với cộng đồng xã hội, v.v..

Khái quát những quan điểm khác nhau về thuật ngữ “trách nhiệm” trong lịch sử cho thấy trách nhiệm được hiểu tương đối đa dạng. Sự đa dạng ấy xuất phát từ những góc độ khác nhau khi tiếp cận đối với thuật ngữ này, mà cơ bản đó là ý chí của xã hội đương thời, chịu sự chi phối của giai cấp cầm quyền. Nghiên cứu sinh đồng quan điểm với nhận định của tác giả

Nguyễn Tuấn Anh khi cho rằng: *“Trách nhiệm chính là sự cam kết thực hiện những nghĩa vụ mà pháp luật và xã hội quy định cho mỗi cá nhân nhằm đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của chính bản thân cá nhân đó và những người khác trong xã hội”* [3, tr.23]. Nếu quyền là những gì mà con người được làm, được hưởng thụ, được yêu cầu người khác phải làm, phải thực hiện; thì trách nhiệm là những gì mà họ phải làm và phải thực hiện cho chính bản thân mình và cho người khác. Do đó, nghiên cứu sinh cho rằng *“Trách nhiệm là nghĩa vụ và bổn phận của mỗi người đối với suy nghĩ, hành động, công việc, quyết định của mình. Nó thể hiện sự tự giác, tự ý thức và cam kết trong việc thực hiện đúng vai trò, đồng thời chịu hậu quả nếu không hoàn thành”*.

Điều kiện để trách nhiệm được thực thi là gì?

Trước hết, phải kể đến quan điểm của tác giả E.V.Zolotokhina Abolina - nhà triết học Nga, trong tác phẩm *“Đạo đức học hiện đại: cội nguồn và những vấn đề”* đã quan niệm:

“Trách nhiệm được đặt trong mối quan hệ với tự do, là mặt trái của tự do, trách nhiệm gắn liền và luôn đi kèm với tự do, kẻ nào hành động tự do thì phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về những gì họ đã làm. Trách nhiệm đó chính là sự phản ứng lại thử thách mà tình huống đặt ra cho ta và phản ứng lại yêu cầu từ phía người khác. Trách nhiệm cũng có nghĩa là khả năng hiểu đúng những nhu cầu của người khác và nhu cầu của chính mình [3, tr.194].

Đồng quan điểm này tác giả Nguyễn Văn Phúc cho rằng: *“tự do là hành động thực hiện trách nhiệm một cách tự giác, tự nguyện; còn trách nhiệm là hành động đáp ứng và đảm bảo cho tự do của con người”* [30, tr.331]. Như vậy, tự do là điều kiện để con người có trách nhiệm với hành vi của mình. Điều đó cũng có nghĩa là con người ta chỉ có thể có trách nhiệm khi

họ được tự do, mà trước hết là tự do về mặt thân thể, tự do về mặt ý chí và tự do nhận thức đối với các mối quan hệ xung quanh cá nhân. Giữa tự do và trách nhiệm có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó tự do là điều kiện để thực hiện trách nhiệm và trách nhiệm là động lực, bảo đảm cho tự do được thể hiện trong khuôn khổ cho phép của nó.

Một yếu tố nữa liên quan đến quá trình thực hiện trách nhiệm cá nhân là lợi ích. Lợi ích cá nhân và cộng đồng xuất phát từ nhu cầu của bản thân chủ thể. Lợi ích của mỗi người có thể sẽ không hoàn toàn giống với lợi ích của người khác và của xã hội, thậm chí đôi khi lợi ích của người này lại là sự bất lợi đối với người khác. Cũng như việc bảo đảm lợi ích của người này có thể xâm phạm đến lợi ích của người khác. Do đó, trong một mức độ cho phép, để thực hiện lợi ích của mình mỗi người phải đáp ứng ở một mức độ nào đó lợi ích của người khác. Và ngược lại, lợi ích của xã hội chỉ có thể được thực hiện khi xã hội bảo đảm những lợi ích cơ bản của cá nhân với tư cách thành viên của xã hội. Vì vậy, nếu quyền là hình thức biểu hiện của tự do thì nghĩa vụ là hình thức biểu hiện của trách nhiệm.

Trách nhiệm luôn gắn liền với một con người cá nhân cụ thể, C.Mác cho rằng: *“Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội”* [58, tr.11], những quan hệ xã hội ấy buộc con người phải có sự nhận thức hoặc đáp trả trở lại trước những yêu cầu thực tiễn. Đó là trách nhiệm của con người đối với từng mối quan hệ cụ thể. Điều này có ý nghĩa khi cá nhân nhận thức đúng đắn đối với những sự vật, sự việc, những mối quan hệ,... thì cá nhân sẽ thực hiện những hành vi đúng đắn, chuẩn mực, đem đến kết quả tốt đẹp. Ngược lại, cá nhân nhận thức không đúng có thể dẫn đến những hành vi sai trái, gây hậu quả cho chính mình hoặc mọi người,... Như vậy để hành động có tính trách nhiệm thì đòi hỏi cá nhân phải có năng lực nhận thức nhất định, có ý thức đối với hành vi của chính mình, và chịu trách nhiệm cho hành vi của mình. Chẳng hạn như theo pháp luật Việt Nam,

Tại Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, quy định người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm. Theo đó, năng lực chịu trách nhiệm của mỗi cá nhân sẽ còn tùy thuộc vào đức, trí, thể, mỹ... cũng có nghĩa là tùy thuộc vào nhận thức của cá nhân. Mặt khác, nhận thức là quá trình, được diễn ra từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng rồi đến thực tiễn. Như vậy, nhận thức của con người là một quá trình trải qua giáo dục, rèn luyện, nó không thể từ trên trời rơi xuống, cũng không phải là cái sinh ra tự nhiên có được, nó được hình thành khi đủ điều kiện về thể chất, trí tuệ ở một độ tuổi phát triển nhất định, chịu sự tác động, nuôi dưỡng và giáo dục bởi môi trường gia đình, nhà trường, xã hội.

Trong quá trình hình thành nên ý thức của con người, nhận thức đóng vai trò quan trọng. Quá trình này chuyển sự tồn tại hiện thực thành tồn tại tinh thần, chuyển sự vật bên ngoài được tiếp nhận cảm tính thành hình tượng nội tại bên trong chủ thể, thành năng lực hoạt động của chủ thể. Nhận thức là quá trình phản ánh của ý thức con người sau khi đã thâm nhập vào thế giới khách quan ở những mức độ khác nhau của sự phản ánh. Nhận thức, thông thường trải qua hai nấc thang quan trọng đó là nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính. Các hình thức của nhận thức cảm tính như: cảm giác, tri giác, biểu tượng; các hình thức của nhận thức lý tính như: khái niệm, phán đoán, suy lý.

Hai nấc thang này có mối quan hệ qua lại lẫn nhau, trong đó nhận thức lý tính được xuất phát từ cơ sở của nhận thức cảm tính. Nhận thức lý tính vì có tính khái quát cao, lại có thể hiểu biết được bản chất của sự vật sẽ giúp cho nhận thức cảm tính định hướng đúng đắn và trở nên sâu sắc hơn. Tuy nhiên, nhận thức cũng như ý thức con người không phải từ trên trời rơi xuống mà đều được nảy mầm từ mảnh đất của hiện thực, thực tiễn. Nhận thức luôn phải gắn với thực tiễn và thực tiễn như là cơ sở, mục đích, động lực và tiêu chuẩn để khẳng định tính đúng đắn đối với những kết quả mà nhận thức đem lại. Song song với quá trình nhận thức thế giới khách quan, con người cũng thực

hiện đồng thời quá trình tự nhận thức bản thân, tự nhận thức chính mình. Quá trình này là quá trình tự ý thức. Tự ý thức về cơ bản là ý thức, nhưng là ý thức hướng về nhận thức bản thân mình thông qua quan hệ với thế giới bên ngoài. Về phần mình, con người tự ý thức như một cá nhân đang tồn tại, hoạt động, có tư duy, có hành vi đạo đức. Mỗi quan hệ biện chứng ấy là cơ chế hoạt động của sự hình thành và phát triển nhân cách cá nhân con người mà ý thức trách nhiệm là một phần quan trọng trong quá trình ấy.

Để trách nhiệm được thực thi một cách thực chất, cần hội đủ nhiều điều kiện cả từ phía cá nhân lẫn môi trường xã hội. Điều kiện từ phía cá nhân: Nhận thức rõ ràng: mỗi người phải hiểu được vai trò, bổn phận và hậu quả về hành động của mình; Ý chí và sự tự giác: có tinh thần chủ động, không chờ ép buộc mới thực hiện; Năng lực thực hiện: có kiến thức, kỹ năng, sức khỏe để hoàn thành trách nhiệm; Đạo đức và lương tâm: biết phân biệt đúng – sai, đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân. Điều kiện từ phía xã hội: Quan điểm của Đảng, hệ thống pháp luật của Nhà nước phải đầy đủ, rõ ràng: trách nhiệm phải được xác định bằng luật lệ, quy tắc để tránh mơ hồ; Có cơ chế giám sát và kiểm tra: có sự theo dõi, đánh giá để đảm bảo trách nhiệm không chỉ nằm trên giấy; Chế độ khen thưởng – xử phạt công bằng: khuyến khích người làm tốt, xử lý người vi phạm để tạo động lực và răn đe; Môi trường văn hóa – xã hội lành mạnh: đề cao tinh thần trách nhiệm, xây dựng chuẩn mực ứng xử tích cực.

Ý thức trách nhiệm

Theo nghiên cứu về “ý thức công dân” của Nguyễn Lương Ngọc, ý thức công dân vừa bao hàm sự nhận thức (tri thức), vừa bao hàm ý thức trách nhiệm với nhiệm vụ, nghĩa vụ, bổn phận của công dân (tình cảm, thái độ, ý chí) trong xây dựng, phát triển xã hội nói chung và nhà nước nói riêng [73, tr.15]. Bên cạnh đó, tác giả Nguyễn Tuấn Anh phân chia “trách nhiệm” thành “trách nhiệm cá nhân” và “trách nhiệm xã hội”. Về khái niệm “trách nhiệm xã

hội” và “ý thức trách nhiệm xã hội” không hoàn toàn trùng nhau về mặt khái niệm. Chẳng hạn như theo nghiên cứu này chỉ ra thì “trách nhiệm xã hội” đề cập đến nghĩa vụ mà cá nhân cần phải thực hiện đối với xã hội. Còn “ý thức trách nhiệm xã hội” là mặt tích cực hoặc là thái độ tích cực của cá nhân về trách nhiệm của bản thân đối với người khác hoặc đối với xã hội [3, tr.25].

Nghiên cứu sinh cho rằng, *“ý thức trách nhiệm” là sự tự nhận thức đầy đủ về mặt đạo đức và pháp luật của chủ thể, thể hiện qua tri thức, tình cảm, thái độ, v.v.. nhằm thực hiện đúng chuẩn mực đạo đức và quy phạm pháp luật trong các mối quan hệ cụ thể, đem lại kết quả nhất định cho cá nhân và cộng đồng xã hội.*

Theo nghĩa rộng, ý thức trách nhiệm là việc nhận thức đúng, đủ theo hướng tích cực của cá nhân trong từng mối quan hệ cụ thể nhằm hướng đến mục tiêu chung là sự phát triển của bản thân cá nhân và của cộng đồng xã hội.

Theo nghĩa hẹp, ý thức trách nhiệm là tổng hợp những nhận thức đúng, tình cảm và thái độ tích cực của cá nhân trong từng mối quan hệ cụ thể, được hình thành dựa trên cơ sở của những quy định về mặt đạo đức xã hội và pháp luật quốc gia.

Như vậy, Ý thức trách nhiệm là sự nhận thức về bốn phận và nghĩa vụ, đi kèm với thái độ tự giác, nghiêm túc trong hành động. Ý thức trách nhiệm không chỉ là “biết” mình phải làm gì, mà còn là sự cam kết thực hiện đến cùng và chấp nhận hậu quả nếu không hoàn thành. Ý thức trách nhiệm đối với cá nhân trong xã hội không chỉ giới hạn trong khuôn khổ những việc được làm và không được làm theo quy định của Hiến pháp và pháp luật; mà ý thức trách nhiệm còn được xem xét ở góc độ đạo đức học nghĩa là cái buộc phải làm, không những phải hoàn thành mà còn hoàn thành bằng tất cả sự tâm huyết, tự giác, tự nguyện của bản thân đối với công việc đó. Xét cho cùng, nhắc đến “trách nhiệm” là nhấn mạnh khía cạnh pháp luật như quyền và nghĩa vụ của cá nhân; đề cập đến “ý thức trách nhiệm” còn là sự nhấn mạnh cả

phương diện đạo đức và pháp luật của mỗi cá nhân trong quan hệ với chính mình và cộng đồng xã hội.

Bản thân ý thức đạo đức và ý thức pháp luật có mối liên hệ biện chứng với nhau, bổ sung cho nhau và chúng đều có chức năng chung là điều chỉnh các quan hệ xã hội nhằm bảo toàn và phát triển xã hội. Khi chưa có luật pháp hoặc luật pháp mới hình thành thì việc điều chỉnh các quan hệ và trật tự xã hội do đạo đức đảm nhiệm. Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội thường được thể hiện ra dưới hình thức của niềm tin, lý tưởng, các nguyên tắc, quy tắc chung có ý nghĩa trong việc định hướng tinh thần giúp các thành viên xã hội tự điều chỉnh hành vi của mình dưới sự kiểm soát của lương tâm và dư luận xã hội.

Trong xã hội cụ thể, đạo đức và pháp luật về cơ bản thống nhất với nhau ở mục đích, ở chức năng định hướng ý thức và hành vi nhưng lại có nhiều điều khác nhau về hình thức biểu hiện. Luật pháp thông thường biểu hiện ra là những tiêu chuẩn tối thiểu nhằm bảo đảm sự tồn tại xã hội trong mối quan hệ hài hòa giữa các cá nhân, trong khi đó đạo đức bao giờ cũng là những tiêu chuẩn cao của xã hội gắn liền với những lý tưởng hướng đến việc xây dựng hoàn thiện chân dung của con người theo chuẩn mực được xã hội coi trọng, đề cao. Do đó, trên thực tế pháp luật cũng có những hạn chế nhất định, chẳng hạn như khi công dân thực hiện theo đúng nghĩa vụ, theo bổn phận, theo trách nhiệm pháp lý thì có thể dẫn đến tình trạng xét về mặt pháp lý, công dân đã hoàn thành nhiệm vụ xã hội giao phó, tuân thủ đúng theo pháp luật, nhưng nếu nhìn từ góc độ đạo đức họ lại như là một người vô cảm, vô lương tâm với người khác. Vì vậy mà giữa nhận thức và hành động, trách nhiệm cũng cần có sự thống nhất chứ không phải chỉ *“có một sự khác biệt hơn giữa những gì khuyên ta nên làm với những gì ta có bổn phận phải làm”* [83, tr.65] như I.Kant đã từng nói. Cũng như thế, nếu như quyền hạn là những gì mà con người được hưởng, được yêu cầu người khác phải thực hiện, thì

ngược lại, trách nhiệm là những gì mà họ buộc phải làm và phải chịu sự giám sát của người khác, thậm chí chịu sự giám sát và phán xét của chính tòa án lương tâm. Đó là lý do tại sao ý thức trách nhiệm vừa thuộc phạm trù của đạo đức học vừa thuộc phạm trù của luật học, là sự hài hòa để hợp nhất giữa nhận thức, tình cảm, thái độ của mỗi cá nhân.

Bên cạnh đó, ở khía cạnh về đạo đức, nhân cách cá nhân là “hệ thống giá trị làm người mà cá nhân đạt được với sự trưởng thành về phẩm chất và năng lực trong quá trình thực hiện các chức năng xã hội của mình, được xã hội đánh giá và thừa nhận” [41, tr.188]. Trách nhiệm chỉ là một đặc trưng của nhân cách trong quá trình tự ý thức về bản thân mình đặt trong mối quan hệ chung với bản thân và xã hội. Theo cách hiểu thông thường, nhân cách con người được coi là những phẩm chất đạo đức, những giá trị làm người, là sự kết hợp phẩm chất đạo đức và năng lực, là những con người có đủ đức và tài. Nhân cách chính là trình độ thẩm thấu, chuyển hóa về mặt nhận thức trong quá trình tham gia vào đời sống xã hội.

Trong xã hội, đạo đức của mỗi cá nhân chứa đựng những giá trị đạo đức phổ quát của xã hội, với những quan niệm về thiện - ác, tốt - xấu, lương tâm, trách nhiệm, nghĩa vụ,... cùng với những nguyên tắc, quy tắc chuẩn mực xã hội về các quan hệ ứng xử của con người trong cuộc sống cộng đồng theo những giá trị của chân, thiện, mỹ và lợi ích chung của cả cộng đồng xã hội. Đạo đức tồn tại một cách khách quan bởi những nhu cầu của xã hội trong việc duy trì một trật tự chung cho xã hội. Tuy nhiên không có một chế tài nhất định cho hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức mà ngược lại những yêu cầu về đạo đức mang tính chất vô điều kiện, hướng đến những bổn phận hay nghĩa vụ phải thực hiện, bất chấp sự thiệt hại đối với quyền lợi cá nhân. Do đó, đạo đức chỉ có thể thực sự khẳng định sức mạnh của mình một khi cá nhân tự giác, tự nguyện tuân thủ và điều chỉnh hành vi cho phù hợp những quy tắc, chuẩn mực đạo đức chung của xã hội. Một khi họ tìm thấy ý nghĩa của những

hành vi hướng thiện mà mình đã làm cho xã hội là thực sự cần thiết và có ích thì nhất định bản thân họ sẽ tìm thấy động lực để hành động theo lẽ phải cũng như có trách nhiệm với chính mình và cộng đồng xung quanh.

Trên thực tế con người tồn tại và phát triển đặt trong nhiều mối quan hệ tương tác khác nhau. Mỗi người đều có những trách nhiệm riêng trong mối quan hệ của họ với người khác và trách nhiệm đó buộc họ phải bảo đảm hoàn thành. Tất nhiên trong một chừng mực nào đó, việc hoàn thành trách nhiệm của cá nhân đối với các mối quan hệ xung quanh là cơ sở cho việc hoàn thành trách nhiệm chung của toàn xã hội. Mặt khác, ý thức trách nhiệm không chỉ là hành động “đúng chuẩn mực” mà còn là tự thân lựa chọn làm đúng, không cần cưỡng chế. Như vậy, trong cuộc sống của mỗi người vốn nảy sinh bao nhiêu mối quan hệ thì đồng nghĩa với việc họ có bấy nhiêu trách nhiệm cần phải thực thi và hoàn thành. Số lượng các mối quan hệ của cá nhân cũng tỷ lệ thuận với gánh nặng trách nhiệm đặt trên vai họ.

Về mặt pháp lý, trách nhiệm là nghĩa vụ của công dân; về mặt đạo đức, trách nhiệm là lương tâm, là nhận thức của cá nhân. Ý thức trách nhiệm là sự thống nhất cả về mặt pháp luật và mặt đạo đức. Ý thức trách nhiệm của một cá nhân sẽ bao gồm tư cách cá nhân, tư cách công dân (khi đủ điều kiện), tư cách thành viên của cộng đồng xã hội.

Như vậy, ý thức trách nhiệm bao gồm sự điều chỉnh hành vi con người theo pháp luật dựa trên cán cân công lý, sự bắt buộc, cưỡng chế từ bên ngoài; đạo đức điều chỉnh hành vi theo chuẩn mực của xã hội, sự khen chê của dư luận, bằng tòa án lương tâm bên trong mỗi cá nhân. Từ những phân tích trên có thể thấy, *bản chất* của ý thức trách nhiệm chính là sự tự nhận thức về bản phận, nghĩa vụ và việc thực hiện nó. *Vai trò* của ý thức trách nhiệm góp phần khích lệ, động viên và điều chỉnh hành động của con người và *chức năng* của nó là góp phần điều chỉnh các hành vi của con người trên cơ sở có sự thống nhất của lợi ích với nhau.

2.1.2. Xây dựng nông thôn mới

Trong tâm thức của người Việt, nhắc đến “nông thôn” là đề cập hình ảnh của làng, thôn, xóm,... là môi trường để nông dân sinh hoạt, sản xuất kinh tế (chủ yếu là nghề trồng lúa nước) và chăn nuôi. Do đó, ở nước ta, nông nghiệp, nông dân, nông thôn có quan hệ mật thiết; việc xác định vị trí của giai cấp nông dân không tách rời vị trí của nông nghiệp, nông thôn. Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh: *“Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước”* [4]. Nông thôn Việt Nam là địa bàn rộng lớn, nơi sinh sống, cư trú của hơn 60% dân số cả nước. Với bề dày văn hóa, văn hiến, nông thôn Việt Nam chính là nơi lưu giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc. Hơn nữa, nông thôn còn nằm ở hầu khắp các vị trí chiến lược trọng yếu về quốc phòng, an ninh quốc gia, bao gồm biên giới, hải đảo, tiếp giáp với các quốc gia khác. Xuất phát từ vị trí, vai trò quan trọng của nông thôn ngày nay được thể hiện trên mọi bình diện, càng cho thấy đây là nơi cần được quan tâm đầu tư, xây dựng.

Ngày 28/10/2008 Chính Phủ đã ban hành Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP về *“Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới”*. Thủ tướng cũng đã ký Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 phê duyệt *“Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020* nhấn mạnh *“Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ*

vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng xã hội chủ nghĩa” [98].

Nông thôn nước ta là địa bàn tương đối rộng lớn, điều kiện kinh tế giữa các vùng không đồng đều đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo... vì vậy việc đầu tư phát triển kinh tế trên địa bàn nông thôn thông qua chương trình xây dựng nông thôn mới là yêu cầu và nhiệm vụ phát triển kinh tế nông thôn. Mục tiêu chương trình xây dựng nông thôn mới, nông thôn kiểu mẫu, nông thôn nâng cao thực chất đều là để nâng cao đời sống kinh tế - vật chất của người nông dân, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng, thay đổi diện mạo nông thôn Việt Nam. Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XIII *về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045* đã định hướng “xây dựng nền nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, năng suất cao, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia trong mọi tình huống, đồng thời chủ động tham gia đóng góp vào các nỗ lực đảm bảo an ninh lương thực toàn cầu, phù hợp với khả năng và điều kiện của Việt Nam” [5].

Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 8/3/2022 về *Quyết định ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021- 2025* [101]. Theo đó, bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới gồm 19 tiêu chí cơ bản, có thể chia thành 5 nhóm nội dung: Quy hoạch; Hạ tầng kinh tế - xã hội; Kinh tế và tổ chức sản xuất; Văn hóa - Xã hội- Môi trường; Hệ thống chính trị. Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao cũng tương tự nông thôn mới cơ bản về số lượng các tiêu chí như Quy hoạch; Giao thông; Thủy lợi và phòng chống thiên tai; Điện; giáo dục; Văn hóa; Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; Thông tin và truyền thông; Nhà ở; Thu nhập; Nghèo đa chiều; Lao động; Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế; Y tế; Hành chính công; Tiếp cận pháp luật; Môi trường; Quốc phòng

và an ninh quốc gia. Nhưng các tiêu chí như đường giao thông, điện, trường học, y tế, thu nhập... phải ở mức cao hơn. Theo quyết định này, xã nông thôn mới nâng cao *“phải đạt đầy đủ các tiêu chí của nông thôn mới cơ bản và ở mức cao hơn ở tất cả 19 tiêu chí”*. Ngoài việc đạt được toàn bộ các tiêu chí nông thôn mới cơ bản, xã nông thôn mới nâng cao phải có chất lượng và đời sống cao hơn: đường ngõ xóm cứng hóa 100%, điện an toàn ổn định, cơ sở vật chất trường, y tế tốt hơn; thu nhập bình quân cao hơn (≥ 58 triệu đồng/người/năm 2022; ≥ 62 triệu đồng/người/năm 2023; ≥ 66 triệu đồng/người/năm 2024), tỷ lệ hộ nghèo và nghèo đa chiều rất thấp; có hợp tác xã hiệu quả, chuỗi liên kết sản xuất nông nghiệp với truy xuất nguồn gốc; xử lý rác thải, nước thải triệt để; phúc lợi xã hội hoàn thiện (học tập suốt đời, bảo hiểm y tế toàn dân, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý) [101].

Quyết định 319/QĐ-TTg ngày 8/3/2022 về *Quyết định về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021- 2025*. Theo đó, *“xã nông thôn mới kiểu mẫu là xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; Thu nhập bình quân đầu người phải cao hơn 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng so với xã nông thôn mới nâng cao”* [102]; Chưa có hướng dẫn tiêu chí cụ thể, nhưng nông thôn mới kiểu mẫu hướng tới mô hình cộng đồng dân cư tiêu biểu, phát triển theo chiều sâu, khai thác điểm mạnh của từng cộng đồng như “làng mẫu”, “vườn mẫu” theo tinh thần nghị quyết của Đảng nhưng yêu cầu cao hơn ở mỗi tiêu chí, đạt chuẩn ở mức cao hơn toàn diện, mẫu mực trên nền tảng nông thôn mới nâng cao.

Từ *góc độ chính trị*, xây dựng nông thôn mới là chủ trương của Đảng và Nhà nước và cũng là nhiệm vụ chính trị vô cùng khó khăn. Với 11 nội dung, 19 tiêu chí cơ bản, xây dựng nông thôn mới là quá trình tích cực, chủ động của các chủ thể về các mặt như: ổn định chính trị, nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị xã hội; Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân, thực

hiện chính sách an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, đổi mới hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn; Xây dựng đời sống văn hóa, thông tin và truyền thông, nâng cao đời sống tinh thần cho người dân; Phát triển cơ sở vật chất hạ tầng nông thôn, phát triển cơ sở y tế, chăm sóc sức khỏe cho người dân nông thôn, cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường, giữ vững an ninh trật tự xã hội nông thôn.

Từ góc độ kinh tế có thể hiểu, mục tiêu của xây dựng nông thôn mới:

Một là, nông thôn mới làm cho đời sống vật chất, tinh thần của người dân từng bước được nâng cao, giảm dần sự cách biệt giữa nông thôn và thành thị. Nông dân được đào tạo, tiếp thu các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đóng vai trò làm chủ nông thôn mới.

Hai là, nông thôn mới có kinh tế phát triển toàn diện, bền vững, có cơ sở hạ tầng được xây dựng đồng bộ, hiện đại, phát triển theo quy hoạch, gắn kết hợp giữa nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ và đô thị. Nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, môi trường sinh thái được bảo vệ. Sức mạnh của hệ thống chính trị được nâng cao, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Ba là, nông thôn mới có thể coi như làm một cuộc cách mạng ở nông thôn, nhằm phát huy sức mạnh cộng đồng, để người nông dân nhìn lại chính mình, đổi mới tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp. Từ đó, tạo nên một diện mạo mới cho nông thôn, không chỉ nâng cao về đời sống vật chất, mà chú trọng hơn đến chất lượng của đời sống tinh thần. Để thực hiện sự nghiệp cách mạng này đòi hỏi cần có sự tham gia của nhiều lực lượng xã hội. Suy cho cùng, xây dựng nông thôn mới là tạo ra một môi trường để người nông dân có điều kiện phát triển kinh tế hộ gia đình, phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Từ góc độ văn hóa, khi tiếp cận về khái niệm nông thôn mới, tác giả Vũ Trọng Khải cho rằng “*Nông thôn mới là nông thôn văn minh, hiện đại nhưng vẫn giữ được tính truyền thống, những nét đặc trưng nhất, bản sắc*

từng vùng, từng dân tộc và nâng cao giá trị đoàn kết của cộng đồng, mức sống của người dân...” [51]. Nông thôn là không gian, địa bàn mà ở đó đang tồn tại những cộng đồng người (chủ yếu là nông dân) tiến hành một hoạt động sống cơ bản đó là sản xuất nông nghiệp. Nơi đây được xem là không gian sinh tồn, không gian xã hội, không gian văn hóa, cảnh quan văn hóa góp phần tạo nên đời sống văn hóa tinh thần, lối sống, phong cách, tư duy,... của con người Việt Nam. Những nét đẹp truyền thống mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc được lưu truyền, bảo tồn qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước dưới mái đình, nếp nhà, con người tạo nên cốt cách, hồn quê Việt Nam. Xây dựng nông thôn mới là chỉnh trang lại bộ mặt nông thôn, quy hoạch lại hệ thống điện, đường, trường, trạm, chợ, nhà văn hóa,... nhưng vẫn không làm mất đi phần “hồn” của văn hóa dân tộc vốn đã tồn tại vững bền trong lòng bao thế hệ con người Việt Nam.

Xây dựng nông thôn mới góp phần phát huy những giá trị tốt đẹp của văn hóa truyền thống, giúp người nông dân tiếp thu những cái hay, cái mới, cái tiến bộ của các vùng miền trong cả nước, thậm chí của thế giới làm phong phú thêm đời sống tinh thần nông thôn; loại bỏ dần những hủ tục lạc hậu, những tập tục mê tín dị đoan, những lối tư duy lỗi thời lạc hậu, những kiểu sản xuất tự cung, tự cấp, nhỏ lẻ manh mún đã không còn phù hợp với nền kinh tế thị trường hiện đại, nên cần từng bước phải được cập nhật, đổi mới, để hướng đến xây dựng một nông thôn văn minh, hiện đại. Song trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa, thì văn hóa dân tộc nói chung và văn hóa tộc người nói riêng cần được bảo tồn để không bị “hòa tan”, đánh mất đi bản sắc truyền thống. Những nét đẹp trọng tình, trọng đạo lý, tính cộng đồng làng xã, sự chung lưng đấu cật, đoàn kết xóm làng,... vẫn là những nét đẹp trong lối sống hiền hòa của con người Việt Nam.

Hơn nữa, thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới để phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của nông dân, phát huy sức mạnh hơn 60% dân cư

nông thôn về tính tự lực, tự cường với tinh thần “lấy sức ta giải phóng cho ta”. Xây dựng nông thôn mới tạo ra động lực cho người dân nông thôn có niềm tin, sống tích cực, sáng tạo trong lao động sản xuất, đoàn kết giúp đỡ nhau trong xây dựng nông thôn ngày càng văn minh, hiện đại, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và phúc lợi xã hội cho chính người dân nông thôn. Vì vậy, xây dựng nông thôn mới là một chương trình tổng thể nhằm phát triển toàn diện kinh tế, xã hội, văn hóa, chính trị và quốc phòng an ninh ở khu vực nông thôn, với mục tiêu nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Xây dựng nông thôn mới là xu thế, là con đường tất yếu của quá trình tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn hướng đến xây dựng “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”.

Sự nghiệp cách mạng này đòi hỏi cần có sự tham gia của nhiều lực lượng xã hội. Về cơ bản, có ba nhóm chủ thể chủ yếu chịu trách nhiệm xây dựng nông thôn mới: *Một là*, hệ thống chính trị bao gồm: Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh,... Trong đó, Đảng và Nhà nước có trách nhiệm đưa ra đường lối chủ trương, chính sách, pháp luật đúng đắn; các tổ chức chính trị xã hội chịu trách nhiệm lãnh đạo, quản lý, đồng hành cùng với nông dân trong tổ chức thực hiện. Đặc biệt, Hội Nông dân đại diện cho giai cấp nông dân, không chỉ đóng vai trò đại diện về mặt chính trị mà còn đại diện cả về mặt kinh tế, xã hội. Trên thực tế, Hội Nông dân là trung tâm, là đầu tàu, là cầu nối trong các phong trào của nông dân tham gia xây dựng nông thôn mới.

Hai là, các lực lượng như đội ngũ trí thức và đội ngũ doanh nhân đóng vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Đây là những lực lượng có trình độ chuyên môn cao, dày dặn kinh nghiệm thực tiễn và đầy nhiệt huyết, luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm trong việc nghiên cứu, ứng

dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Đặc biệt, đội ngũ doanh nhân đảm nhiệm nhiệm vụ then chốt trong việc mở rộng thị trường tiêu thụ và thúc đẩy xuất khẩu nông sản. Mỗi đội ngũ đều đóng góp thiết thực trong tiến trình phát triển xây dựng nông thôn mới.

Ba là, nông dân - lực lượng đông đảo, sinh sống ở nông thôn - giữ vai trò trung tâm, chủ thể trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Họ là những cá nhân trực tiếp tham gia sản xuất nông nghiệp, gắn bó mật thiết với nông thôn, giàu kinh nghiệm thực tế, cần cù, sáng tạo và năng động...

Tuy mỗi chủ thể có vai trò, chức năng riêng, nhưng điểm chung là đều tham gia xây dựng nông thôn mới từ vị trí và trách nhiệm xã hội của mình. Chính vì vậy, sự liên kết, phối hợp giữa các giai cấp, tầng lớp và các tổ chức trong hệ thống chính trị là yêu cầu tất yếu nhằm thúc đẩy sự hỗ trợ lẫn nhau, cùng hướng tới mục tiêu căn bản là nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống người dân và phát triển nông thôn một cách toàn diện, bền vững. Tuy nhiên, trong mối quan hệ này, suy cho cùng trách nhiệm của nông dân vẫn quan trọng nhất, họ đóng vai trò là người chủ của sân chơi, nên họ cũng là người sẽ quyết định thành công hay thất bại của việc xây dựng nông thôn mới. Đây cũng chính là đối tượng nghiên cứu của luận án, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới trong phạm vi các tỉnh Nam Trung Bộ hiện nay.

Do đó, xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại cũng là vấn đề không hề đơn giản. Bởi lẽ, nếu như không nhận thức đầy đủ, có sự phân biệt rõ ràng giữa cái được xem là nét đẹp nông thôn truyền thống với cái thuộc về nông thôn hiện đại, thì đôi khi trong thực tiễn dễ dẫn đến việc nhầm lẫn mà phá đi cái cần phải bảo tồn, bê tông hóa, hiện đại hóa những văn hóa vật thể...

2.1.3. Ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới

Theo Ph.Ăngghen, ở bất cứ đâu, dù là nước đã phát triển cao hay nước đang phát triển, thì “nông dân đều là nhân tố rất cơ bản của dân cư, của nền sản xuất và của lực lượng chính trị” [60, tr.715]. Do vậy, những người xã hội chủ nghĩa khắp nơi đều phải “đặt vấn đề nông dân vào chương trình nghị sự”. Mặc dù giai cấp này có vai trò quan trọng và chiếm số lượng đông đảo, là lực lượng quan trọng tham gia vào cách mạng, tuy nhiên đặc điểm của giai cấp này là sự thiếu đoàn kết, thống nhất, nên tinh thần cách mạng không triệt để, C.Mác so sánh sự rời rạc của nông dân như hình ảnh “một cái bao tải đựng những củ khoai tây hình thành một bao tải khoai tây” [60, tr.264]. Mỗi khi mở miệng bao tải, mỗi củ khoai tây sẽ lăn đi một hướng khác nhau, do đó, muốn phát huy vai trò to lớn của giai cấp này cần phải tập hợp họ lại dưới sự lãnh đạo của một đảng tiên phong - đảng của giai cấp công nhân.

Sau này, khi V.I.Lênin nghiên cứu phân tích một cách toàn diện giai cấp nông dân, ông chỉ ra đặc điểm của giai cấp nông dân gồm: Một là, giai cấp nông dân vừa là lực lượng lao động, vừa có tư hữu, nhưng tư hữu nhỏ; Hai là, giai cấp nông dân không có hệ tư tưởng độc lập, “địa vị kinh tế như thế tất nhiên sẽ làm họ dao động, ngả nghiêng” [54, tr.320]; Ba là, giai cấp nông dân tất yếu sẽ đi lên sản xuất lớn bằng con đường công nghiệp hóa, hợp tác hóa trong nông nghiệp. Kế thừa và phát triển quan điểm của các nhà mác xít, Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá cao vai trò của giai cấp này vì “nông dân là một lực lượng rất to lớn của dân tộc” [63, tr.248], nhưng họ không biết cách tự phát huy vai trò của mình, vì vậy cách mạng cần “khéo tổ chức, khéo lãnh đạo, thì lực lượng ấy sẽ làm xoay trời chuyển đất” [64, tr.358].

Theo từ điển Tiếng Việt, khái niệm nông dân có nghĩa khá cụ thể “Nông dân là người sản xuất nông nghiệp” và nông nghiệp là “ngành sản xuất vật chất cơ bản của xã hội, cung cấp sản phẩm trồng trọt và sản phẩm chăn

nuôi” [118, tr.36]. Theo từ điển Bách khoa Việt Nam thì “Nông dân là người lao động cư trú ở nông thôn, sống chủ yếu bằng nghề làm ruộng, sau đó bằng các ngành, nghề mà tư liệu sản xuất chính là đất đai” [45, tr.271]. Giáo trình môn Chủ nghĩa xã hội khoa học nhận định “Giai cấp nông dân là một lực lượng đông đảo, bao gồm những người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp (gồm cả nông, lâm, ngư nghiệp, diêm nghiệp), trực tiếp sử dụng một tư liệu sản xuất cơ bản và đặc thù, gắn với thiên nhiên là đất, rừng và biển để sản xuất ra sản phẩm nông nghiệp, hoặc tham gia sản xuất kinh doanh, dịch vụ gia đình (đơn vị kinh tế tự chủ hoặc tập thể)” [40, tr.212].

Theo đó, nông dân là những người thuần túy làm nông nghiệp hoặc những người vừa làm nông nghiệp vừa làm những nghề phi nông nghiệp hoặc những cán bộ, công nhân,... đồng thời sở hữu ruộng đất, trang trại cùng tham gia vào sản xuất tạo ra sản phẩm nông nghiệp.

Nông dân không chỉ có vai trò chủ yếu trong sự nghiệp cách mạng đấu tranh giành và xây dựng chính quyền của nhân dân, mà còn là lực lượng quan trọng trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Để khẳng định tầm quan trọng đó, Nghị quyết 19 của Ban Chấp hành trung ương Đảng khoá XIII về *nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, nhấn mạnh:

“Chú trọng xây dựng nông dân Việt Nam phát triển toàn diện, văn minh, yêu nước, đoàn kết, tự chủ, tự lực, tự cường, đổi mới sáng tạo, có ý chí, khát vọng xây dựng quê hương, đất nước phồn vinh, hạnh phúc; có trình độ, học vấn và năng lực tổ chức sản xuất tiên tiến, nếp sống văn minh, trách nhiệm xã hội, tôn trọng pháp luật, bảo vệ môi trường; được thụ hưởng những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, từng bước tiếp cận các dịch vụ của đô thị” [5].

Theo đó, trong mối quan hệ “tam nông”, giai cấp nông dân giữ vị trí là “chủ thể”, phát triển nông nghiệp là “then chốt”, xây dựng nông thôn mới là “căn bản”. Xuất phát từ vị trí quan trọng đó, nông dân có vai trò như sau:

Một là, trong sản xuất kinh tế, nông dân Việt Nam là chủ thể của ngành sản xuất nông nghiệp. Họ có quyền sở hữu đối với tư liệu sản xuất chủ yếu (đất, rừng, biển, nước, tài nguyên,...) và sử dụng tư liệu sản xuất để tạo ra sản phẩm nông nghiệp.

Hai là, trong đời sống chính trị, nông dân cùng với các giai cấp tầng lớp khác trong xã hội hợp thành cơ sở chính trị - xã hội đáng tin cậy của hệ thống chính trị, là lực lượng chính trực tiếp hiện thực hóa đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ở địa phương.

Ba là, trong lĩnh vực văn hóa xã hội, nông dân nói riêng cùng với các giai tầng khác góp phần gìn giữ và bảo tồn và phát huy các giá trị và bản sắc văn hóa dân tộc; cũng như xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại.

Từ khái niệm, vị trí, vai trò của nông dân Việt Nam, nghiên cứu sinh đưa ra khái niệm *ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới* như sau:

Trước hết, *ý thức trách nhiệm của nông dân* là nhận thức về phương diện đạo đức và pháp luật của nông dân, được biểu hiện thông qua tri thức, tình cảm, thái độ của họ nhằm thực hiện đúng chuẩn mực đạo đức và quy phạm pháp luật, đem lại hiệu quả nhất định cho nông dân và cộng đồng xã hội.

Theo đó, *ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới* là sự tự nhận thức về phương diện đạo đức và pháp luật của nông dân, được biểu hiện thông qua nhận thức đúng đắn, tình cảm sâu sắc, thái độ tích cực, tinh thần tự giác, nhằm đem lại kết quả nhất định cho bản thân nông dân và cộng đồng xã hội trong xây dựng nông thôn mới.

Về đạo đức cá nhân - đạo đức xã hội: “ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới” có thể hiểu là sự tự giác nhận thức và thực hiện đầy đủ vai trò, nghĩa vụ của người nông dân với tư cách là chủ thể trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Người nông dân có ý thức trách nhiệm là người không thờ ơ với sự phát triển của làng xóm, quê hương; sống có ý thức

xây dựng tập thể, cộng đồng; không chỉ chăm lo cho gia đình mình mà luôn quan tâm, chia sẻ, góp phần tạo nên đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng ngày càng tốt đẹp hơn. Khi nông dân có ý thức trách nhiệm, họ không chỉ có tự giác xây dựng và phát triển kinh tế bản thân, gia đình, mà còn tự nguyện chia sẻ với cộng đồng. Xuất phát từ tình yêu quê hương, tình cảm gia đình, dòng tộc, họ tự giác nâng cao hiểu biết, tham gia bàn bạc, trao đổi, thống nhất và ủng hộ chủ trương, chính sách về xây dựng nông thôn mới. Từ sự nhận thức và hiểu biết họ có thái độ chủ động trong học hỏi để nâng cao trình độ, tham gia, đóng góp vào phát triển nông nghiệp, nông thôn, qua đó thực hiện thắng lợi những mục tiêu của chương trình xây dựng nông thôn mới. Đồng thời được thụ hưởng thành quả sau khi các tiêu chí đã hoàn thành, họ càng tự hào và ý thức hơn về việc phải giữ gìn, duy trì những thành quả ấy, tiếp tục xây dựng và bảo vệ, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được.

Về pháp luật, nông dân là trước tiên là công dân của một quốc gia, nên phải tuân thủ, chấp hành theo hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. Mọi hành vi, hành động của công dân đều trong khuôn khổ quy định của pháp luật, chỉ được làm những điều pháp luật cho phép hoặc không cấm. Bên cạnh đó, một số địa phương ở nông thôn vẫn còn duy trì những tục lệ, luật tục, hương ước riêng của làng, bản nhưng những hương ước đó vẫn phải tuân thủ theo quy định chung của Nhà nước. Do đó, công dân có trách nhiệm sẽ không chỉ nhận thức mà còn hành động, chấp hành mọi chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, góp phần xây dựng một xã hội nông thôn ổn định, trật tự và an toàn.

Nội dung ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới được thể hiện trên ba khía cạnh chính:

Thứ nhất, ý thức trách nhiệm của nông dân trong ủng hộ những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng

nông thôn mới; *Thứ hai*, ý thức trách nhiệm của nông dân trong tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới; *Thứ ba*, ý thức trách nhiệm của nông dân đối với giữ gìn và phát huy kết quả đạt được trong xây dựng nông thôn mới.

Nội hàm ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới có thể được hiểu:

Một là, mọi hành động của cá nông dân về cơ bản đều xuất phát từ ý thức của chủ thể nhằm hướng đến mục tiêu sau cùng là đem lại “lợi ích” cho nông dân và cộng đồng xã hội nơi nông dân sống và hoạt động. Lợi ích dường như là cánh cửa khép lại một quá trình (đạt được mục tiêu chủ thể đặt ra), nhưng đồng thời lại là động lực dẫn dắt chủ thể tiếp tục mở sang một quá trình mới. Trong vòng tuần hoàn ấy “ý thức trách nhiệm” chính là cơ chế vận hành nhằm quy định, duy trì và đảm bảo cho các mắc xích chuyển động mà không bị gián đoạn. Tuy nhiên, nếu nông dân chỉ hành động vì lợi ích của riêng mình thì sẽ rơi vào thói tư lợi, ích kỷ có thể sẽ phương hại đến lợi ích cộng đồng. Ngược lại, nếu xây dựng nông thôn mới đòi hỏi nông dân đề cao lợi ích cộng đồng mà quên đi lợi ích cá nhân người nông dân thì sẽ dễ dẫn đến mất tự do, mất dân chủ và trong thực tế có thể mất đi động lực của cá nhân nên khó có thể duy trì, không thể đảm bảo cho sự phát triển bền vững của lợi ích cộng đồng xã hội. Do đó, ý thức trách nhiệm của nông dân bao hàm cả trách nhiệm cá nhân nông dân và trách nhiệm của họ đối với cộng đồng xã hội, là sự thống nhất không tách rời giữa trách nhiệm cá nhân với trách nhiệm cộng đồng xã hội. Trong đó, đảm bảo lợi ích cá nhân là nền tảng để duy trì sự nỗ lực cá nhân vì lợi ích của cộng đồng xã hội.

Hai là, trách nhiệm được thực hiện trên tinh thần tự nguyện, tự giác. Nghĩa là nông dân sẽ tự nguyện, tự giác nhận thức và thực hiện các hành động phù hợp với nguyện vọng, đem lại lợi ích cho cộng đồng xã hội. Phương diện công dân, ý thức trách nhiệm của nông dân thể hiện trên tinh thần tự nguyện, tự giác trong sự hài hòa giữa các quyền và nghĩa vụ của công dân. Song, ý

thức trách nhiệm bao hàm ý thức đạo đức và ý thức pháp luật, điều đó cũng có nghĩa là nó vừa mang tính chất tự nguyện, vừa mang tính chất bắt buộc. Tính tự nguyện có được xuất phát từ nhận thức và tình cảm của chủ thể. Trong mối quan hệ giữa nông dân với chương trình xây dựng nông thôn mới, đó là nhận thức của họ về chương trình, tình cảm, niềm tin của họ đối với thành công mà chương trình mang lại, tình cảm của họ giành cho cộng đồng, quê hương, đất nước, họ càng tự nguyện dâng hiến, ủng hộ bằng tình cảm, bằng vật chất để chương trình được thành công. Tính chất bắt buộc về cơ bản là sự quy định của pháp luật trong từng mối quan hệ cụ thể giữa con người với con người. Là công dân của đất nước Việt Nam, mọi hành vi của công dân đều phải tuân thủ theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Nhà nước.

Mặc dù ý thức trách nhiệm là một khía cạnh thuộc phạm trù ý thức, diễn ra trong nhận thức, tình cảm, thái độ, suy nghĩ của cá nhân nhưng tính độc lập tương đối của ý thức trách nhiệm khi được hình thành sẽ tác động trở lại biểu hiện qua hành động của chủ thể. Về bản chất, ý thức trách nhiệm là sự phản ánh hiện thực xã hội vào trong đầu óc con người, đặc biệt là quá trình nhận thức và đánh giá của chủ thể đối với nghĩa vụ, bổn phận của mình trước cộng đồng, tập thể và bản thân. Tuy nhiên, một khi ý thức đó đã được hình thành, nó không dừng lại ở sự phản ánh thụ động mà trở thành một nhân tố tinh thần có khả năng định hướng, điều khiển, thậm chí cải biến hành vi thực tiễn. Tính “độc lập tương đối” của ý thức trách nhiệm thể hiện ở chỗ, dù chịu sự quy định của tồn tại xã hội, nó vẫn có khả năng vươn lên vượt trước hiện thực, dự báo và dẫn dắt hành động. Khi con người nhận thức sâu sắc về trách nhiệm của mình, ý thức ấy trở thành động lực nội sinh, định hướng hành vi theo chuẩn mực xã hội, thúc đẩy chủ thể hành động một cách tự giác, tích cực, sáng tạo. Chính vì thế, trong hoạt động xây dựng nông thôn mới hay bất kỳ lĩnh vực xã hội nào, việc hình thành ý thức trách nhiệm không chỉ là kết quả của tác động khách quan mà còn là tiền đề để cải biến thực tiễn, làm cho

hành động của con người mang tính chủ động, hướng thiện và phù hợp với quy luật phát triển xã hội.

Ba là, từ góc nhìn đạo đức, lối sống có trách nhiệm không chỉ dừng lại ở chuẩn mực ứng xử đúng đắn mà còn là biểu hiện của một lối sống đẹp, góp phần khẳng định giá trị của bản thân, nâng cao phẩm giá con người, đồng thời tăng cường các mối liên hệ gắn kết giữa cá nhân với cá nhân và giữa cá nhân với cộng đồng. Như tác giả Phạm Minh Hạc (2012) khẳng định, *trách nhiệm xã hội là giá trị cao quý nhất, là một giá trị sống cao đẹp, một phạm trù có ý nghĩa nền tảng đối với sự tồn tại và phát triển của mọi cộng đồng, mọi quốc gia dân tộc và cả nhân loại* [35, tr.86]. Nhìn từ chiều sâu triết học, trách nhiệm chính là sự tự ý thức của con người về mối liên hệ tất yếu giữa cái “tôi” và cái “chúng ta”, là sự lựa chọn hành động phù hợp không chỉ cho lợi ích riêng mà còn cho lợi ích chung, cho sự bền vững của cộng đồng và xã hội.

Đặt trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới, việc phát huy ý thức trách nhiệm của nông dân không đơn thuần là thực hiện những nghĩa vụ kinh tế - xã hội, mà còn là quá trình hình thành nhân cách xã hội mới. Con người nông dân vừa gắn bó với truyền thống, vừa chủ động tiếp cận các giá trị tiến bộ, hiện đại. Đó là sự kết tinh của bản sắc văn hóa dân tộc với những đòi hỏi của thời kỳ đổi mới, hướng tới xây dựng hình ảnh người nông dân Việt Nam văn minh, có tri thức, có ý thức trách nhiệm, có lối sống nhân văn, vừa là chủ thể sáng tạo, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước.

2.2. NỘI DUNG Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

2.2.1. Ý thức trách nhiệm của nông dân trong ủng hộ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới

Trong quá trình xây dựng nông thôn mới, ý thức trách nhiệm của nông dân đối với việc ủng hộ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp

luật của Nhà nước là nền tảng tư tưởng - chính trị đầu tiên, giữ vai trò định hướng nhận thức và hành động đúng đắn cho mỗi chủ thể.

Trên phương diện cá nhân, nông dân là một bộ phận cơ bản của cộng đồng xã hội, là chủ thể vừa chịu tác động, vừa tham gia kiến tạo nên các chính sách về nông thôn. Do đó, họ có trách nhiệm nhận thức rõ mục tiêu, nội dung và phương thức triển khai các dự án, chương trình xây dựng nông thôn mới do Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương khởi xướng. Ý thức trách nhiệm không dừng lại ở sự tuân thủ bị động, mà là quá trình chủ động tìm hiểu, đánh giá, và tham gia với tinh thần xây dựng. Người nông dân cần đặt ra những câu hỏi về tính khả thi, hiệu quả thực tiễn và lợi ích lâu dài khi thực hiện các chủ trương ấy, từ đó có thể đóng góp tiếng nói phản biện tích cực, đồng thời thể hiện tinh thần làm chủ trong mỗi quyết định ảnh hưởng đến cộng đồng mình.

Hồ Chí Minh từng nói: *“Việc gì lợi cho dân ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân ta phải hết sức tránh”* [62, tr.477]. Với tinh thần ấy, nông dân trong vai trò là thành viên của xã hội cần tham gia bàn bạc, đóng góp ý kiến trước khi chính quyền đưa ra quyết sách, nhằm đảm bảo tính dân chủ và phát huy tối đa trí tuệ tập thể. Việc hưởng ứng, đồng tình, tán thành không chỉ là sự chấp thuận, mà còn là biểu hiện của lòng tin - thứ “chất keo” quan trọng tạo nên sức mạnh đồng thuận trong toàn xã hội.

Trên phương diện công dân, tức là cá nhân có mối quan hệ pháp lý - chính trị với một quốc gia nhất định, người nông dân vừa là người thụ hưởng chính sách, vừa là người thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Với tư cách này, họ phải tuân thủ hiến pháp, pháp luật và các quy định chung trong đời sống xã hội. Ý thức trách nhiệm trong vai trò công dân trước hết thể hiện ở sự tôn trọng pháp luật, chấp hành sự điều phối của cán bộ địa phương, phát huy vai trò chủ thể trong thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở - nơi mà “dân biết,

dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Đây chính là sự kết tinh giữa quyền và nghĩa vụ trong một xã hội dân chủ hiện đại.

Đi xa hơn, ý thức trách nhiệm không chỉ nằm ở tầng luật định, mà còn phản ánh chiều sâu đạo đức - tư tưởng của người nông dân. Theo quan điểm triết học của Mác - Lênin, “con người là tổng hòa những mối quan hệ xã hội”. Ý thức trách nhiệm vì thế không thể tách rời khỏi môi trường xã hội - văn hóa - chính trị mà nông dân đang sống. Họ không thể là những chủ thể đơn lẻ mà là những phần tử gắn bó mật thiết với cộng đồng, với lợi ích chung của quê hương. Khi nông dân hiểu rằng, sự phát triển nông thôn bền vững không thể thiếu sự đồng lòng từ chính mình, thì họ sẽ chuyển từ nhận thức sang hành động: chủ động tuyên truyền, vận động người thân, xóa bỏ những hủ tục lạc hậu, tiếp thu mô hình sản xuất mới, ứng dụng công nghệ hiện đại trong canh tác.

Đặc biệt, trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc nâng cao tri thức, mở rộng tầm nhìn, cập nhật kỹ thuật... không còn là lựa chọn, mà là một trách nhiệm tất yếu. Nông dân chính là chủ thể của đổi mới - họ không chỉ làm chủ cánh đồng, mà còn cần làm chủ tri thức, công nghệ, văn hóa sản xuất mới. Mỗi hành vi học tập, mỗi lần cải tiến mô hình canh tác, mỗi đóng góp cho cộng đồng đều là minh chứng sống động cho ý thức trách nhiệm được chuyển hóa thành động lực phát triển.

Tóm lại, sự ủng hộ của nông dân đối với các chủ trương, đường lối, chính sách và pháp luật về xây dựng nông thôn mới không chỉ là biểu hiện ban đầu, mà còn giữ vai trò quyết định trong toàn bộ tiến trình thực hiện chương trình. Đây là sự kết tinh giữa nhận thức - thái độ - hành vi, là sự đồng quy giữa nghĩa vụ công dân với đạo lý cộng đồng, giữa cái tất yếu khách quan của sự phát triển xã hội với cái chủ quan tự giác của chủ thể hành động. Khi tư tưởng đã thông suốt, khi lòng tin vào chủ trương của Đảng, chính sách của

Nhà nước được củng cố, thì những hành động cụ thể tiếp theo sẽ mang tính chủ động, tích cực và hiệu quả hơn.

Quan trọng hơn, sự đón nhận tự nguyện và có ý thức của người nông dân đối với các chính sách xây dựng nông thôn mới chính là nền tảng để lan tỏa những giá trị đó một cách bền vững trong cộng đồng. Nông dân không chỉ là người tiếp nhận mà còn là người truyền dẫn, phổ biến chủ trương chính sách bằng chính thái độ sống, hành vi ứng xử và tiếng nói thường nhật trong gia đình, làng xóm. Khi họ nhận thức đúng đắn và toàn diện về mục tiêu, nội dung và ý nghĩa của chương trình xây dựng nông thôn mới, thì chính sự tích cực ấy sẽ góp phần hình thành “đur luận xã hội tích cực”, thúc đẩy sự đồng thuận và khơi dậy tinh thần trách nhiệm cộng đồng.

Ở phương diện pháp lý và đạo đức, điều này còn thể hiện ở ý thức tuân thủ pháp luật, tinh thần trách nhiệm công dân và thái độ, tình cảm tích cực của nông dân với phong trào chung. Nói cách khác, từ sự ủng hộ đến lan tỏa là hành trình chuyển hóa từ nhận thức cá nhân đến đồng thuận cộng đồng, từ niềm tin vào chính sách đến hành động cụ thể vì lợi ích chung. Đó chính là biểu hiện sinh động của ý thức trách nhiệm - vừa là mục tiêu, vừa là động lực trong công cuộc xây dựng nông thôn mới hiện nay.

2.2.2. Ý thức trách nhiệm của nông dân trong tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới

Với tư cách là cá nhân và thành viên của cộng đồng, ý thức trách nhiệm của nông dân không chỉ dừng lại ở sự nhận thức mà còn được thể hiện qua hành động cụ thể trong tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới. Trong khi trong việc ủng hộ các chủ trương của Đảng và Nhà nước, ý thức trách nhiệm của nông dân được thể hiện qua sự đồng tình và hưởng ứng, thì trong tổ chức thực hiện, họ phải biến những suy nghĩ, nhận thức ấy thành hành động thiết thực. Điều này thể hiện rõ rệt trong việc nông dân chủ động tham gia vào các

công việc cụ thể của chương trình xây dựng nông thôn mới với vai trò không thể thiếu trong việc hiện thực hóa mục tiêu, tiêu chí của nông thôn mới.

Tùy vào đặc thù của mỗi chủ thể, cách thức tham gia có thể khác nhau. Đối với nông dân thuần túy - những người chỉ gắn bó với nông nghiệp, ý thức trách nhiệm của họ thể hiện qua các hình thức đóng góp vật chất, như tiền bạc, hiện vật, hiến đất hay thậm chí là ngày công lao động. Còn đối với những người nông dân vừa làm nông nghiệp, vừa làm các nghề phi nông nghiệp, họ có thể đóng góp bằng tri thức, tiền bạc, hiện vật, cũng như tư vấn, tham mưu hoặc thậm chí đưa ra các quyết định quan trọng trong việc triển khai các dự án nông thôn mới, đặc biệt là khi họ sở hữu trình độ cao, có khả năng giám sát, kiểm tra, thẩm định, và tổ chức thực hiện các tiêu chí nông thôn mới. Điều này cho thấy rằng, dù nông dân thuộc nhóm nào, họ đều có trách nhiệm tham gia vào quá trình tổ chức thực hiện nông thôn mới, từ các hoạt động trực tiếp cho đến gián tiếp, bằng những đóng góp khác nhau nhưng đều hướng đến việc hoàn thành các mục tiêu phát triển của địa phương.

Với tư cách là công dân của Nhà nước, ý thức trách nhiệm của nông dân trong tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới không chỉ thể hiện trong các quyền lợi hợp pháp mà họ được hưởng, mà còn được quy định rõ ràng trong hiến pháp và pháp luật. Nông dân không chỉ có quyền tham gia vào việc thực hiện các chính sách, mà còn phải thực hiện nghĩa vụ của mình trong khuôn khổ pháp lý quy định. Ý thức trách nhiệm công dân thể hiện rõ nhất trong việc thực hiện các nghĩa vụ bảo vệ an ninh, trật tự, phát triển kinh tế xã hội tại địa phương. Đặc biệt, đối với những nông dân sinh sống ở các khu vực biên giới, họ còn có trách nhiệm tham gia bảo vệ an ninh biên giới, xây dựng mối quan hệ ngoại giao với nhân dân các nước láng giềng, bảo vệ an ninh trật tự, chống các hành vi buôn lậu, tệ nạn xã hội, và đảm bảo sự ổn định cho cộng đồng.

Từ những phân tích trên có thể thấy rằng, ý thức trách nhiệm của nông dân trong tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới là sự kết hợp biện chứng giữa tư duy và hành động, giữa nghĩa vụ công dân và tinh thần tự nguyện của chủ thể sống trong cộng đồng. Nông dân không chỉ là người thụ hưởng thành quả của chương trình, mà còn là lực lượng trực tiếp kiến tạo nên những chuyển biến tích cực trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội ở nông thôn. Họ chính là nhân tố trung tâm quyết định tính hiệu quả, tính bền vững và tính lan tỏa của tiến trình xây dựng nông thôn mới. Do đó, việc phát huy ý thức trách nhiệm của nông dân trong giai đoạn tổ chức thực hiện không chỉ là yêu cầu thực tiễn mà còn là một đòi hỏi có tính chiến lược, nhằm đảm bảo rằng chương trình xây dựng nông thôn mới không chỉ hoàn thành về mặt hình thức, mà thực sự trở thành động lực phát triển nội sinh của mỗi địa phương.

2.2.3. Ý thức trách nhiệm của nông dân đối với bảo vệ và phát huy thành quả đạt được trong xây dựng nông thôn mới

Kết quả xây dựng nông thôn mới thường được công nhận thông qua đánh giá của các đại diện ban, ngành đối với từng tiêu chí cụ thể. Tuy nhiên, việc hoàn thành các tiêu chí không phải là kết thúc hành trình nỗ lực của cả cộng đồng sau khi các tiêu chí được công nhận, mà thực tế, nó mở ra một giai đoạn mới - giai đoạn đưa các thiết chế vào sử dụng và phát huy hiệu quả.

Với tư cách là cá nhân, thành viên của cộng đồng, trách nhiệm của mỗi nông dân là cùng với cộng đồng sử dụng một cách hiệu quả các thiết chế cơ sở hạ tầng như điện, đường, trường, trạm, bệnh viện, trạm xá, chợ, nhà văn hóa,... Những thiết chế này không chỉ góp phần thay đổi cảnh quan, quy hoạch, mà còn tạo dựng môi trường nông thôn văn minh, hiện đại. Cùng với những lợi ích từ các thiết chế đã hoàn thành, nông dân không chỉ cảm thấy tự hào về nỗ lực và sự đóng góp của chính họ, mà niềm tự hào sẽ là động lực để họ càng tự nguyện, tự giác, chủ động hơn trong bảo vệ thành quả cách mạng.

Với tư cách là công dân, hiệu quả sử dụng và phát huy các thiết chế phần lớn phụ thuộc vào ý thức trách nhiệm của nông dân và cộng đồng trong việc giữ gìn, bảo vệ những kết quả đã đạt được. Nếu mỗi cá nhân và cộng đồng có ý thức sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các thiết chế cơ sở hạ tầng, thì đó chính là nền tảng quan trọng cho việc thực hiện và hoàn thành các tiêu chí khác. Đồng thời, điều này cũng sẽ tạo ra một môi trường sống văn minh, hiện đại, thúc đẩy sự phát triển bền vững cho nông thôn. Tuy nhiên, không phải thiết chế nào sau khi hoàn thành cũng đều phát huy được tính hiệu quả sử dụng của nó. Một số địa phương gặp phải tình trạng mất đi các tiêu chí đã đạt được sau một thời gian ngắn, chỉ vì thiếu sự đầu tư đúng mức vào việc duy trì và bảo quản, hoặc chưa lường trước được các yếu tố văn hóa, tính khả thi của các thiết chế trước khi triển khai thực hiện.

Điều này cho thấy rằng, ý thức trách nhiệm của công dân chưa được phát huy đầy đủ, và đôi khi, trách nhiệm này bị ảnh hưởng bởi ý muốn chủ quan của chính quyền, sự bao biện hay thiếu sự phối hợp giữa các bên. Vì vậy, để duy trì và phát huy các kết quả đã đạt được trong xây dựng nông thôn mới, cần phải có sự đồng lòng, chung tay của chính quyền, nông dân và cộng đồng, từ đó tạo dựng một nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của nông thôn mới.

Như vậy, bảo vệ và phát huy thành quả trong xây dựng nông thôn mới không chỉ là trách nhiệm sau cùng, mà là bước tiếp nối tất yếu của một tiến trình phát triển có chiều sâu và bền vững. Ý thức trách nhiệm của nông dân trong giai đoạn này chính là thước đo thực chất nhất cho sự chuyển hóa từ “thành tích” sang “giá trị sống”, từ “kết quả công nhận” sang “chất lượng hiện thực”. Khi nông dân thực sự trở thành chủ thể bảo vệ, gìn giữ và phát triển các thiết chế, thì thành quả của chương trình không còn là những con số báo cáo, mà trở thành chất liệu cho một đời sống nông thôn năng động, hiện đại

và bền vững. Do đó, phát huy ý thức trách nhiệm của nông dân trong giai đoạn này không chỉ là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, mà còn là điều kiện căn bản để xây dựng một nông thôn mới thực chất, có chiều sâu văn hóa, tính hiệu quả lâu dài và khả năng tự tái sinh, tự phát triển từ bên trong cộng đồng. Phát huy ý thức trách nhiệm của nông dân để thấy rằng nông dân không chỉ chủ thể trong thụ hưởng thành quả mà còn là chủ thể trong kiến tạo và xây dựng nông thôn mới. Nhưng để ý thức trách nhiệm luôn được tiếp tục duy trì, lưu truyền qua thời gian, qua các thế hệ cần thấy rằng nhận thức, thái độ, tình cảm của nông dân càng cần được nuôi dưỡng để trưởng thành bằng tình yêu đối với quê hương đất nước, gia đình, dòng họ, làng giồng và bằng niềm tự hào dân tộc.

2.3. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Trong quá trình xây dựng nông thôn mới hiện nay, ý thức trách nhiệm của nông dân không tồn tại một cách ngẫu nhiên hay biệt lập, mà là kết quả tổng hòa của nhiều yếu tố tác động đa chiều, từ những điều kiện khách quan bên ngoài đến những yếu tố nội sinh bên trong. Những yếu tố này không chỉ quy định nội dung và mức độ ý thức trách nhiệm mà còn định hình cách thức biểu hiện và phương thức thực thi trách nhiệm của người nông dân trong thực tiễn. Cụ thể gồm:

Thứ nhất, điều kiện kinh tế - xã hội, cơ chế thị trường và môi trường tự nhiên tác động trực tiếp và gián tiếp đến ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới.

Điều kiện kinh tế - xã hội chính là nền tảng vật chất quyết định mức độ tham gia và khả năng gánh vác trách nhiệm của nông dân. Ở những địa phương có tốc độ phát triển kinh tế ổn định, thu nhập của người dân được cải thiện, đời sống vật chất và tinh thần nâng cao, thì ý thức trách nhiệm thường được củng cố và biểu hiện rõ nét hơn. Ngược lại, ở những vùng có tỷ lệ hộ

nghèo cao, kinh tế chậm phát triển, nông dân phải ưu tiên lo toan cho nhu cầu trước mắt, nên sự tham gia vào công việc chung của cộng đồng, vào xây dựng nông thôn mới thường hạn chế. Như vậy, kinh tế phát triển không chỉ là động lực mà còn là điều kiện bảo đảm để ý thức trách nhiệm được hình thành và phát huy.

Cơ chế thị trường cũng đặt ra cả thời cơ và thách thức. Một mặt, cơ chế thị trường mở ra nhiều cơ hội làm giàu, tạo điều kiện cho nông dân mở rộng sản xuất, giao lưu hàng hóa, tiếp cận tri thức mới. Điều này thúc đẩy tư duy chủ động, tinh thần hợp tác, ý thức cộng đồng và trách nhiệm xã hội. Nhưng mặt khác, thị trường cũng kéo theo những hệ quả tiêu cực: giá cả thị trường (giá lúa, giá tôm, chi phí giống, phân bón, vật tư,...); lối sống thực dụng, chạy theo lợi ích cá nhân; tâm lý “mạnh ai nấy lo”;... có thể làm phai nhạt trách nhiệm của nông dân đối với tập thể, cộng đồng. Chính vì vậy, trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cần có sự định hướng về mặt giá trị và điều chỉnh bằng thể chế, chính sách để nông dân vừa phát huy tính năng động, sáng tạo, vừa giữ gìn ý thức trách nhiệm đối với gia đình, cộng đồng, xã hội.

Ngoài ra, yếu tố tự nhiên - bao gồm điều kiện đất đai, khí hậu, tài nguyên, biến đổi khí hậu là yếu tố ảnh hưởng mạnh mẽ, trực tiếp đến thành quả sản xuất nông nghiệp của nông dân, ảnh hưởng đến ý thức trách nhiệm của nông dân. Tây Nguyên nói riêng và Nam Trung Bộ nói chung chịu tác động trực tiếp của biến đổi khí hậu, thiên tai, lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, xói mòn đất,... Những thách thức này vừa là khó khăn, vừa là động lực buộc người nông dân phải thay đổi cách nghĩ, cách làm. Đòi hỏi nông dân chủ động thích ứng, nâng cao ý thức trách nhiệm trong bảo vệ môi trường, khai thác hợp lý tài nguyên, gắn phát triển kinh tế với bền vững sinh thái.

Từ đó có thể khẳng định, điều kiện kinh tế - xã hội, cơ chế thị trường và môi trường tự nhiên vừa là những “yếu tố khách quan” quy định khuôn khổ, vừa là những “nhân tố chủ quan hóa” thông qua sự tiếp nhận và biến đổi trong hành động của người nông dân. Chính sự đan xen này quyết định mức độ biểu hiện và khả năng phát huy ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới.

Thứ hai, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và sự lãnh đạo của chính quyền các cấp là nhân tố định hướng, điều chỉnh và thúc đẩy ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới.

Chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước có vai trò như một “kim chỉ nam” định hướng hành động cho toàn xã hội, trong đó nông dân là lực lượng trọng yếu. Thông qua hệ thống nghị quyết 26, 19 và các nghị quyết liên quan chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, Đảng đã khẳng định nông dân là chủ thể xây dựng nông thôn mới, cho thấy trách nhiệm, quyền lợi, vai trò chủ thể của nông dân. Khi những chủ trương này được quán triệt và triển khai đồng bộ, chúng tạo nên niềm tin, khích lệ tinh thần và nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân đối với công cuộc đổi mới nông thôn.

Pháp luật của Nhà nước giữ vai trò vừa bảo đảm, vừa ràng buộc. Một mặt, pháp luật quy định rõ quyền lợi chính đáng của nông dân trong quá trình tham gia xây dựng nông thôn mới (hưởng lợi từ hạ tầng, từ chính sách hỗ trợ sản xuất, tín dụng, đào tạo nghề...). Mặt khác, pháp luật cũng đặt ra những nghĩa vụ buộc nông dân phải thực hiện, từ đó hình thành và củng cố ý thức trách nhiệm theo khuôn khổ chuẩn mực xã hội. Ở đây, có thể thấy rằng pháp luật vừa là “hàng rào” bảo vệ lợi ích của nông dân, vừa là “công cụ” định hướng trách nhiệm cộng đồng của họ.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của chính quyền địa phương các cấp lại chính là cầu nối, biến chủ trương, chính sách thành hiện thực. Khi chính quyền vận dụng linh hoạt, sáng tạo, gắn chính sách với nhu cầu thực tiễn, thì ý thức trách nhiệm của nông dân được khơi dậy, trở thành động lực tự giác. Ngược lại, nếu sự lãnh đạo thiếu hiệu quả, áp đặt hoặc hình thức, sẽ dễ làm nảy sinh tâm lý thờ ơ, khoán trắng cho Nhà nước, khiến ý thức trách nhiệm của nông dân, cộng đồng bị suy giảm.

Có thể khẳng định rằng, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và sự lãnh đạo của chính quyền các cấp chính là “nhân tố quy định tính định hướng và chuẩn mực” của ý thức trách nhiệm nông dân. Nếu điều kiện kinh tế - xã hội là “cơ sở vật chất”, thì hệ thống chính trị - pháp luật chính là “hạt nhân ý thức” dẫn dắt, bồi đắp và duy trì tính bền vững của trách nhiệm xã hội trong xây dựng nông thôn mới.

Thứ ba, giáo dục, truyền thông và công nghệ là những nhân tố có tính chất “khai sáng” và “tăng tốc”, tác động trực tiếp đến sự hình thành, phát triển ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới.

Giáo dục, với tư cách là hoạt động xã hội mang tính nền tảng, không chỉ truyền đạt tri thức mà còn rèn luyện phẩm chất, ý thức công dân và năng lực hành động cho nông dân. Khi được tiếp cận với các chương trình đào tạo nghề, bồi dưỡng kiến thức khoa học - kỹ thuật, quản lý sản xuất hay khởi nghiệp, người nông dân không chỉ nâng cao trình độ mà còn thấy rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong quá trình phát triển nông thôn. Giáo dục ở đây không đơn thuần là việc “truyền thụ kiến thức” mà còn là “quá trình đánh thức ý thức”, giúp nông dân chuyển từ tâm thế thụ động sang chủ động tham gia xây dựng cộng đồng.

Truyền thông đại chúng và các hoạt động tuyên truyền, cổ động xã hội đóng vai trò lan tỏa, phổ biến chủ trương, chính sách, đồng thời phản ánh gương điển hình, mô hình tiên tiến. Nhờ có truyền thông, thông tin về xây

dựng nông thôn mới không chỉ dừng lại ở văn bản hành chính mà trở thành “nguồn động lực tinh thần” nuôi dưỡng niềm tin và ý chí của nông dân. Truyền thông còn là kênh phản biện, giúp người nông dân ý thức sâu sắc hơn về trách nhiệm, quyền lợi và những hạn chế còn tồn tại trong thực tiễn.

Công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và chuyển đổi số, mở ra những không gian mới để người nông dân tiếp cận tri thức, giao lưu và tham gia quản lý cộng đồng. Ứng dụng công nghệ trong sản xuất, thương mại điện tử, quản lý dữ liệu nông thôn... không chỉ giúp nâng cao hiệu quả lao động mà còn buộc người nông dân phải thay đổi tư duy, nâng cao trách nhiệm cá nhân gắn với trách nhiệm xã hội. Công nghệ làm cho ý thức trách nhiệm không còn chỉ là “tự giác truyền thống” mà còn là “tự giác hiện đại”, được củng cố bằng thông tin minh bạch, số liệu khách quan và khả năng giám sát cộng đồng.

Tóm lại, giáo dục, truyền thông và công nghệ chính là những nhân tố “mở rộng tầm nhìn” và “tăng cường năng lực” cho nông dân. Nếu kinh tế - xã hội cung cấp nền tảng vật chất, chính sách - pháp luật quy định chuẩn mực, thì giáo dục, truyền thông và công nghệ lại làm nhiệm vụ “khai phóng”, “gia tốc hóa” ý thức trách nhiệm, biến trách nhiệm thành năng lực hành động cụ thể trong xây dựng nông thôn mới.

Thứ tư, văn hóa truyền thống, phong tục tập quán, tín ngưỡng và tâm lý cộng đồng là những yếu tố mang tính “căn tính”, vừa tạo nền tảng vừa quy định chiều sâu tinh thần của ý thức trách nhiệm nông dân trong xây dựng nông thôn mới.

Văn hóa truyền thống của dân tộc, với những giá trị như tinh thần yêu nước, đoàn kết, cần cù, hiếu học, thủy chung, nghĩa tình, đã trở thành “hệ gen xã hội” nuôi dưỡng ý thức và hành vi của nông dân. Trong môi trường nông thôn, các giá trị văn hóa truyền thống không chỉ được bảo tồn mà còn lan tỏa mạnh mẽ thông qua gia đình, dòng họ, làng xóm, tạo thành sức mạnh tinh

thần thúc đẩy nông dân gắn bó, trách nhiệm với quê hương. Khi truyền thống được khơi dậy và làm mới, nó trở thành động lực nội sinh để nông dân tự giác tham gia xây dựng cộng đồng.

Phong tục, tập quán và tín ngưỡng cũng là những kênh điều chỉnh hành vi xã hội. Trong nhiều trường hợp, phong tục, luật tục là “luật bất thành văn” có sức mạnh chi phối không kém pháp luật. Chẳng hạn, tập quán về đoàn kết làng xã, tinh thần “tương thân tương ái”, “láng giềng tối lửa tắt đèn có nhau” đã trở thành chuẩn mực khiến nông dân ý thức được trách nhiệm của mình trong công việc chung. Ngược lại, những phong tục lạc hậu, mê tín cực đoan có thể làm giảm ý thức trách nhiệm, dẫn đến tâm lý ỷ lại hoặc hành động thiếu khoa học.

Tín ngưỡng và tôn giáo, nếu được định hướng đúng đắn, trở thành điểm tựa tinh thần giúp nông dân sống nhân ái, hướng thiện, đề cao trách nhiệm với gia đình và cộng đồng. Tâm lý cộng đồng - vốn hình thành từ đời sống tập thể làng xã - khiến người nông dân luôn đặt lợi ích chung lên trên lợi ích riêng, đồng thời có ý thức giữ gìn danh dự cá nhân gắn với danh dự cộng đồng. Tuy nhiên, trong điều kiện kinh tế thị trường, tâm lý cộng đồng đôi khi cũng dẫn đến sự “hòa tan trách nhiệm”, làm mờ ranh giới giữa trách nhiệm cá nhân và tập thể, gây khó khăn cho việc nâng cao ý thức trách nhiệm cá nhân cụ thể.

Đặc biệt, với các nhóm dân tộc thiểu số Tây Nguyên thuộc Nam Trung Bộ, sự tồn tại dai dẳng của luật tục, tín ngưỡng truyền thống, phong tục tập quán vừa có thể là nguồn lực văn hóa tích cực, vừa có thể là rào cản đối với tiến trình hiện đại hóa nông thôn. Những tư tưởng, phong tục, tập quán này có cả mặt tích cực lẫn mặt tiêu cực, đã, đang tác động tới đời sống xã hội của người nông dân. Do vậy, một trong những nhiệm vụ quan trọng của việc xây dựng đời sống tinh thần nói chung và ý thức xã hội mới nói riêng hiện nay ở nước ta là tiến hành đấu tranh nhằm hạn chế và khắc phục các loại hình tư tưởng, phong tục, tập quán cũ, lạc hậu đó. Tuy nhiên, do những tư tưởng,

phong tục, tập quán này đã tồn tại lâu dài, đã len lỏi vào những khía cạnh sâu xa trong đời sống xã hội cũng như thấm đẫm trong cung cách, giao tiếp, hành vi, thói quen,... của mỗi con người nên quá trình khắc phục những biểu hiện tiêu cực không hề đơn giản mà là cả một quá trình khó khăn, lâu dài. Những thói quen ấy đã, đang và sẽ tác động, ảnh hưởng không nhỏ đến ý thức trách nhiệm của nông dân. Do vậy, nâng cao ý thức trách nhiệm không chỉ dừng ở việc tuyên truyền, mà còn phải là một tiến trình cải tạo, chuyển hóa bền bỉ và lâu dài từ gốc rễ của nhận thức văn hóa.

Như vậy, văn hóa truyền thống, phong tục, tín ngưỡng và tâm lý cộng đồng chính là “khung nền tinh thần” định hướng sự hình thành và phát triển ý thức trách nhiệm của nông dân. Chúng vừa có tác dụng củng cố sự bền vững xã hội, vừa tiềm ẩn những hạn chế cần được điều chỉnh. Điều quan trọng là phải biết kế thừa, phát huy giá trị tích cực, đồng thời khắc phục ảnh hưởng tiêu cực, để từ đó xây dựng một hệ giá trị văn hóa mới phù hợp với tiến trình xây dựng nông thôn mới.

Thứ năm, hoạt động cộng đồng, các tổ chức chính trị - xã hội và hợp tác quốc tế

Hoạt động cộng đồng, sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành, định hướng và phát huy ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới. Các tổ chức này không chỉ là “cầu nối” giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, mà còn là môi trường để nông dân rèn luyện, thử thách, bộc lộ trách nhiệm của mình thông qua các hoạt động thực tiễn. Thông qua vai trò của Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ... những giá trị trách nhiệm cộng đồng, tương trợ, gắn bó được củng cố và lan tỏa, làm cho ý thức trách nhiệm không chỉ dừng lại ở phạm vi cá nhân hay gia đình, mà được nâng lên thành trách nhiệm xã hội rộng lớn hơn.

Hoạt động cộng đồng và sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội có ý nghĩa đặc biệt trong việc định hướng, điều tiết và khơi gợi tinh thần trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới. Ở phương diện này, tổ chức cộng đồng chính là không gian xã hội, nơi cá nhân nông dân được hòa mình vào các hoạt động tập thể, qua đó hình thành và củng cố ý thức “sống cùng nhau” và “chịu trách nhiệm cùng nhau”. Thông qua Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ..., nông dân được giáo dục, vận động, đồng thời có cơ hội trực tiếp tham gia giám sát, phản biện xã hội và triển khai các phong trào thi đua yêu nước. Chính những cơ chế tập thể này tạo điều kiện để trách nhiệm không chỉ là bổn phận cá nhân mà còn trở thành “chuẩn mực cộng đồng”, qua đó thúc đẩy tính tự giác và tinh thần đồng thuận xã hội.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tạo điều kiện để nông dân Việt Nam, trong đó có nông dân Tây Nguyên thuộc Nam Trung Bộ, tiếp cận với những mô hình, phương thức sản xuất và quản lý nông thôn tiên tiến của các quốc gia trên thế giới. Sự giao lưu, học hỏi đó không chỉ mang lại lợi ích về mặt kỹ thuật, công nghệ mà còn khơi gợi và nâng cao tinh thần trách nhiệm trong tiếp thu, chọn lọc, vận dụng sáng tạo phù hợp với thực tiễn địa phương. Ở tầm sâu xa hơn, quá trình hợp tác quốc tế còn đặt người nông dân trước yêu cầu hội nhập về giá trị, trong đó ý thức trách nhiệm chính là “thước đo” để khẳng định vị trí, vai trò của họ trong tiến trình toàn cầu hóa.

Như vậy, thông qua hoạt động cộng đồng, sự định hướng của các tổ chức chính trị - xã hội và sự mở rộng hợp tác quốc tế, ý thức trách nhiệm của nông dân được nuôi dưỡng, phát triển theo hướng toàn diện hơn, gắn kết hài hòa giữa lợi ích cá nhân - cộng đồng - quốc gia và nhân loại. Đây là điều kiện quan trọng để nông dân Nam Trung Bộ nói chung, nông dân Tây Nguyên nói riêng phát huy vai trò chủ thể trong xây dựng nông thôn mới.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu đã tiếp cận lý luận về trách nhiệm và ý thức trách nhiệm ở những góc độ, lĩnh vực nghiên cứu khác nhau. Tính đến những công trình gần nhất đã tổng quan có thể hiểu rằng ý thức trách nhiệm là sự chủ động, tự nguyện quan tâm đến phúc lợi của người khác và xã hội trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực đạo đức và pháp luật, được biểu hiện tích cực trên ba mặt nhận thức, tình cảm, thái độ. Xét về mặt cấu trúc, ý thức trách nhiệm xã hội gồm 03 thành phần cơ bản là Nhận thức - Tình cảm - Thái độ. Như vậy, về mặt lý luận, hai thuật ngữ “ý thức trách nhiệm xã hội” và “ý thức trách nhiệm” về cơ bản có nhiều điểm tương đồng nhau cả về nội hàm, cấu trúc, nhưng nghiên cứu sinh cho rằng nếu như lý luận về “ý thức trách nhiệm xã hội” là sự quan tâm của chủ thể đối với người khác và cộng đồng xã hội, thì “ý thức trách nhiệm” cũng là sự quan tâm của chủ thể đối với các khách thể khác, với cộng đồng xã hội và với chính mình. Do đó, luận án tiếp tục bổ sung, hoàn thiện về khái niệm, cấu trúc của “ý thức trách nhiệm”.

Thứ hai, chương trình xây dựng nông thôn mới đã trải qua gần 15 năm triển khai và thực hiện. Trong thời gian này, có khá nhiều công trình nghiên cứu về nông dân, vai trò chủ thể của nông dân. Thông qua một số văn kiện tiêu biểu như Nghị quyết số 26 NQ/TW ngày 05/8/2008 về *nông nghiệp, nông dân, nông thôn*; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 về *nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, quyết định số 265/QĐ-TTg ngày 04-6-2021 phê duyệt “*Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025*” đã đề cập đến khái niệm về nông thôn mới, nông dân. Luận án đã kế thừa khái niệm về nông thôn mới, nông dân đồng thời tiếp tục bổ sung và hoàn thiện khái niệm về “ý thức trách nhiệm của nông dân” và “ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới”. Bên cạnh đó, luận án cũng phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới hiện nay.

Chương 3

Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở NAM TRUNG BỘ HIỆN NAY (QUA KHẢO SÁT CÁC TỈNH TÂY NGUYÊN CŨ) - THỰC TRẠNG VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. KHÁI LƯỢC VỀ NAM TRUNG BỘ VÀ NÔNG DÂN CÁC TỈNH NAM TRUNG BỘ

3.1.1. Khái lược về Nam Trung Bộ

3.1.1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên các tỉnh Nam Trung Bộ

Nam Trung Bộ (Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên) gồm 6 tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Lâm Đồng [24]. Với diện tích 99.154 km², chiếm khoảng 30,3% diện tích cả nước và dân số khoảng 18,3 triệu người (chiếm 18% dân số cả nước). Nam Trung Bộ là vùng đất có vị trí địa – chính trị đặc biệt: phía Đông giáp biển; phía Tây giáp Lào và Campuchia, phía Bắc giáp Thừa Thiên Huế, phía Nam giáp Đông Nam Bộ. Đây là khu vực có ý nghĩa chiến lược về quốc phòng – an ninh, đồng thời là cầu nối giữa Bắc và Nam, giữa vùng duyên hải và Tây Nguyên.

Địa hình Nam Trung Bộ tương đối phức tạp, có xu hướng thấp dần từ tây sang đông. Phía Tây là núi cao, đầu nguồn lưu vực các con sông là địa bàn cư trú của đồng bào các dân tộc thiểu số, phần lớn người dân sống bằng nghề nông, lâm nghiệp với phương thức canh tác nhỏ lẻ, lạc hậu. Thế mạnh của vùng là trồng rừng, trồng dược liệu, chăn nuôi đại gia súc và một số loại cây công nghiệp dài ngày, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành các vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nông lâm sản, thực phẩm. Vùng Trung du có độ cao trung bình 100m, đồi núi xen kẽ đồng bằng, thích hợp với trồng lúa, hoa màu, cây ăn quả, khai thác khoáng sản nhỏ lẻ. Dải đồng bằng ven biển tuy hẹp nhưng được bồi đắp phù sa, thuận lợi cho trồng lúa nước, cây

công nghiệp ngắn ngày, hoa màu và nuôi trồng thủy sản. Với vị trí địa lý giàu tiềm năng Nam Trung Bộ đang hội tụ đầy đủ tiềm năng để phát triển mạnh mẽ kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ du lịch. Tuy nhiên, Sự phân hóa địa hình, khí hậu khắc nghiệt cùng những biến động của thiên nhiên khiến đời sống nông dân trong vùng chịu nhiều rủi ro, hình thành ý thức lao động cần cù, tiết kiệm, đoàn kết, tính cộng đồng cao. Đồng thời, vị trí chiến lược đặc biệt của vùng khiến việc xây dựng nông thôn mới không chỉ mang ý nghĩa phát triển kinh tế mà còn là nhiệm vụ xã hội – chính trị góp phần củng cố thể trận lòng dân và bảo đảm an ninh khu vực.

Trong đó, Tây Nguyên cũ bao gồm 05 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng, với tổng diện tích 54.474 km², chiếm khoảng 16,8% diện tích cả nước, và dân số trên 5,8 triệu người, tương đương hơn 6,1% dân số toàn quốc. Vị trí địa lý của Tây Nguyên mang tính chiến lược đặc biệt quan trọng. Với địa thế được mệnh danh là “nóc nhà Đông Dương” và “phên dậu quốc gia”, Tây Nguyên tiếp giáp với Lào và Campuchia qua gần 400km đường biên giới phía Tây; về quốc phòng - an ninh, nông dân vào vị trí không chỉ là chủ thể kinh tế mà còn là lực lượng giữ gìn ổn định chính trị - xã hội. Việc sinh sống trong khu vực biên giới, giao thoa nhiều dân tộc, nhiều tôn giáo và văn hóa khiến ý thức cộng đồng, tinh thần đoàn kết và trách nhiệm gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc trở thành yếu tố sống còn. Họ càng ý thức sâu sắc vai trò “người lính bàn cây”, vừa sản xuất, vừa canh giữ rừng, đất, khiến trách nhiệm cộng đồng gắn chặt với bảo vệ tài nguyên, thiên nhiên, môi trường.

Về địa hình - địa chất, Tây Nguyên được chia thành 21 vùng lãnh thổ, gồm 9 vùng đồi núi, 5 vùng trũng và 7 cao nguyên tạo nên hệ tầng địa mạo phong phú, đa dạng. Cao nguyên có nền đất bazan phì nhiêu, thuận lợi cho phát triển các loại cây công nghiệp dài ngày như cà phê, hồ tiêu, cao su, ca cao, điều, dâu tằm... Hai cao nguyên còn lại hình thành trên nền đá granit và

phiến sét, cũng mang giá trị nhất định trong khai thác khoáng sản như bauxite, alumin, phục vụ công nghiệp luyện kim, vật liệu xây dựng. Phát triển cây dược liệu quý như sâm Ngọc Linh, sâm bố chính, hà thủ ô trắng, sa nhân... cùng với hệ động vật phong phú cho thấy tiềm năng lớn về dược liệu và phát triển y học bản địa. Đặc điểm địa hình phân tầng tạo nên sự phân hóa khí hậu thành ba tiểu vùng: Bắc Tây Nguyên (Kon Tum, Gia Lai), Trung Tây Nguyên (Đắk Lắk) và Nam Tây Nguyên (Đắk Nông, Lâm Đồng). Khí hậu Tây Nguyên mang tính chất nhiệt đới xavan, với hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô - điều kiện lý tưởng cho phát triển du lịch sinh thái và nông nghiệp ôn đới. Ngoài ra, thiên nhiên ưu đãi cho Tây Nguyên nguồn tài nguyên đa dạng như đất, nước, gió, rừng,... Sự đa dạng này không chỉ đòi hỏi nông dân phải linh hoạt, sáng tạo trong tổ chức sản xuất mà còn thúc đẩy họ nâng cao trình độ, tiếp thu khoa học kỹ thuật, thích nghi với chuyển đổi mô hình sinh kế. Chính trong quá trình đó, ý thức trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường, với tương lai bền vững của vùng đất dần được hình thành và phát triển như một yếu tố nội tại trong hành vi lao động - sản xuất.

Nhìn chung, đặc điểm địa lý - tự nhiên của Tây Nguyên vừa là lợi thế chiến lược, vừa là bài toán phát triển đầy phức tạp, đòi hỏi một tầm nhìn toàn diện trong quản lý tài nguyên, phát triển bền vững và phát huy nội lực con người - nhất là nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân trong công cuộc xây dựng nông thôn mới hiện nay.

3.1.1.2. Cơ cấu kinh tế - xã hội, mô hình sản xuất

Nam Trung Bộ nằm trong vùng kinh tế trọng điểm của miền Trung, đồng thời nằm trong hành lang kinh tế Đông Tây, vị trí địa lý này tương đối thuận lợi cho phát triển kinh tế của vùng. Sở hữu các di sản văn hóa thế giới thuận lợi phát triển du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng... Mặt khác, Nam Trung Bộ sở hữu các khu công nghiệp lớn, cảng biển, sân bay

quốc tế của miền Trung, có cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ tạo điều kiện thuận lợi cho liên kết kinh tế vùng. Quốc lộ 1A, 14B, 19 là những con đường giao thông huyết mạch chính không những tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển công nghiệp và dịch vụ mà còn góp phần đưa nông sản đến các vùng và xuất sang các quốc gia khác.

Tây Nguyên – nay thuộc vùng Nam Trung Bộ – giữ vai trò chiến lược trong phát triển nông nghiệp, công nghiệp chế biến và bảo tồn sinh thái. Báo cáo kinh tế - xã hội năm 2024 cho thấy GRDP vùng đạt 484,6 nghìn tỷ đồng, tăng 4,6% so với năm trước, trong đó nông – lâm nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ trọng gần tương đương (khoảng 37%). Cơ cấu kinh tế đã và đang chuyển dịch theo hướng phát huy thế mạnh nông nghiệp kết hợp công nghiệp chế biến, dịch vụ, du lịch và bảo vệ môi trường sinh thái [56]. Điều này cho thấy sự phát triển toàn diện, đặc biệt là các ngành kinh tế chủ lực.

Nông nghiệp vẫn là trụ cột của vùng với các cây công nghiệp chủ lực như cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, chè... Cà phê Tây Nguyên chiếm khoảng 90% sản lượng cả nước; cao su chiếm hơn 27% diện tích toàn quốc, tập trung tại Gia Lai và Đắk Lắk. Ngoài ra, nhiều địa phương đã hình thành các chuỗi liên kết sản xuất – chế biến – tiêu thụ, đặc biệt ở Lâm Đồng và Đắk Lắk, tạo nền tảng kinh tế nông nghiệp bền vững. Tuy vậy, ở nhiều nơi, mô hình sản xuất hộ cá thể nhỏ lẻ vẫn phổ biến, canh tác manh mún và thiếu liên kết, làm giảm hiệu quả kinh tế và thể hiện sự hạn chế trong ý thức trách nhiệm với tài nguyên, môi trường và cộng đồng.

Bên cạnh thế mạnh nông nghiệp, Tây Nguyên còn có tiềm năng lớn về du lịch sinh thái và văn hóa. Cảnh quan tự nhiên hùng vĩ, khí hậu ôn hòa, cùng không gian văn hóa Công chiêng được UNESCO công nhận là di sản phi vật thể của nhân loại đã và đang tạo động lực phát triển kinh tế du lịch, góp phần nâng cao thu nhập và thay đổi nhận thức của người dân. Những

nông dân có trình độ nhận thức, tích cực tiếp thu kỹ thuật, học hỏi mô hình mới, năng động, sáng tạo, chủ động, thể hiện ý thức trách nhiệm cao hơn đối với cộng đồng. Ngược lại nhóm nông dân giữ tập quán canh tác cũ, lạc hậu, thụ động trong học hỏi và vận dụng những mô hình sản xuất mới,... thì trong xây dựng nông thôn mới cũng thể hiện ý thức trách nhiệm không cao.

Như vậy, cơ cấu kinh tế – xã hội và mô hình sản xuất đa dạng của vùng Nam Trung Bộ không chỉ phản ánh đặc điểm phát triển kinh tế mà còn là nền tảng hình thành, chi phối và thể hiện ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới hiện nay.

3.1.1.3. Văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng

Về khía cạnh tôn giáo và tín ngưỡng, các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ thường có sự kết hợp mạnh mẽ giữa Phật giáo (chiếm từ 22-25%), đạo Chăm Bani, và một bộ phận Công giáo, Tin Lành. Các tỉnh ven biển nên tín ngưỡng dân gian gắn với hoạt động ngư nghiệp như thờ cá Ông, lễ hội Cầu Ngư, lễ hội Bà Thu Bồn,... tạo nên không gian tín ngưỡng vừa biển vừa đồng bằng. Trong khi đó, Tây Nguyên diễn ra quá trình giao thoa văn hóa đã dẫn đến sự phát triển của các tôn giáo như Công giáo (khoảng 670.000 tín đồ, gần 11,5% dân số toàn vùng), Tin lành (khoảng 510.000 tín đồ, chiếm 8,8%) và Phật giáo. Sự đa dạng này vừa phản ánh quá trình tiếp biến văn hóa, vừa khẳng định tính mở và khả năng dung hợp trong đời sống tinh thần của cư dân các dân tộc tại chỗ. Tín ngưỡng nổi bật của Tây Nguyên là vạn vật hữu linh. Người dân tin vào linh hồn núi rừng, sông suối, đất đai - những lực lượng siêu nhiên bảo hộ cộng đồng. Niềm tin vào thần linh đồng thời thể hiện sự cam kết, giao ước giữa con người với thiên nhiên, điều đó có nghĩa là họ phải có ý thức trách nhiệm bảo tồn văn hóa, bảo vệ thiên nhiên, đây cũng là một phần trong nội dung xây dựng nông thôn mới.

Về văn hóa, Duyên hải Nam Trung Bộ là nơi giao thoa giữa văn hóa của ngư dân sống ở biển và văn hóa Chăm độc đáo. Những di sản văn hóa

Chăm như tháp Chăm, múa Chăm, lễ hội Kate,... kết hợp kiến trúc làng chài,... tạo nên sự kết hợp giữa văn hóa Việt và văn hóa Chăm. Trong khi đó, Tây Nguyên được khắc họa rõ nét qua không gian văn hóa cồng chiêng (UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại năm 2005), với hơn 6.000 bộ cồng chiêng hiện đang được lưu giữ, sử dụng và hơn 200 lễ hội truyền thống diễn ra hằng năm như lễ bỏ mả, lễ đâm trâu, lễ mừng lúa mới,... Không gian văn hóa không chỉ tái hiện thế giới quan “vũ trụ ba tầng” (thần linh - con người - thiên nhiên) mà còn là phương thức tái khẳng định bản sắc cộng đồng.

Hiện nay, theo thống kê của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, hơn 90% buôn làng ở các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Kon Tum, Lâm Đồng... vẫn còn duy trì ít nhất một đội chiêng và các nghệ nhân cồng chiêng. Tính sử thi còn thể hiện đậm nét qua kho tàng trên 1.000 tác phẩm (Đam San, Xinh Nhã) như những “bản hiến pháp” tinh thần bất thành văn của các tộc người Tây Nguyên đã được sưu tầm, biên dịch và xuất bản. Kiến trúc nhà dài, nhà rông, nghệ thuật điêu khắc tượng gỗ, tượng nhà mồ, kho tàng sử thi, truyện kể dân gian đặc sắc... Nghệ thuật trình diễn dân gian phong phú bao gồm hát kể sử thi, diễn tấu cồng chiêng, múa xoang... phản ánh những sinh hoạt cộng đồng và quan niệm nhân sinh.

Xét về dân trí, khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ tương đối phát triển với tỷ lệ biết chữ >96%, tỷ lệ tốt nghiệp THPT từ 70-75%; dân trí cao hơn Tây Nguyên nhờ các đô thị ven biển như Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Phan Thiết, Nha Trang. Các khu công nghiệp lớn phát triển tiếp nhận mạnh mẽ khoa học - công nghệ nhờ vai trò trung tâm kinh tế miền Trung, thu hút lượng lớn lao động và lao động chất lượng cao, trong đó có cả lao động các tỉnh Tây Nguyên. Trình độ dân trí của người dân Tây Nguyên đã có bước phát triển đáng kể nhờ các chính sách giáo dục như xóa mù chữ, phổ cập giáo dục

tiểu học, trung học cơ sở. Theo thống kê của Bộ Giáo dục và đào tạo năm 2021, tỷ lệ biết chữ ở người từ 15 tuổi trở lên đạt khoảng 92-93%, cao hơn mức 83% của năm 2000. Tuy nhiên, vẫn tồn tại chênh lệch khá lớn giữa các vùng, chẳng hạn như ở một số xã vùng sâu của Kon Tum, Đắk Lắk..., tỷ lệ mù chữ còn khoảng 6-8%; tỷ lệ tốt nghiệp THPT toàn vùng chỉ đạt 60-65%, thấp hơn so với trung bình cả nước (75-80%). Đặc biệt, tảo hôn vẫn là vấn đề xã hội đáng lo ngại, với tỷ lệ dao động từ 20-28% trong một số cộng đồng dân tộc thiểu số [109].

Đặc điểm tộc người, tôn giáo, văn hóa và dân trí của người dân Tây Nguyên phản ánh một cấu trúc xã hội có tính chất quần cư - cộng cảm - cộng tồn, trong đó yếu tố “cộng đồng” đóng vai trò nền tảng. Chính yếu tố này tạo ra sự bền vững văn hóa, nhưng cũng đồng thời là rào cản trong tiếp nhận những biến đổi xã hội hiện đại. Việc gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa Tây Nguyên vì vậy phải đặt trong mối quan hệ biện chứng giữa bảo tồn - phát triển; giữa truyền thống - hiện đại; và giữa bản sắc riêng - hội nhập chung. Sự bảo thủ, tâm lý “ăn chắc mặc bền”, “khép kín buôn làng” phần nào giảm đi tính năng động, chủ động trong xây dựng nông thôn mới. Trong khi đó, việc phá vỡ bớt tính cộng đồng khép kín qua quá trình di dân đã tạo áp lực buộc họ phải mở lòng, chủ động chia sẻ lợi ích, nghĩa vụ với cả làng, cộng đồng.

3.1.2. Nông dân các tỉnh Nam Trung Bộ

3.1.2.1. Vài nét về quá trình hình thành dân cư các tỉnh Nam Trung Bộ

Nam Trung Bộ có dân số khoảng 18,3 triệu người, chiếm khoảng 18% dân số cả nước. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ cũ (Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận) chủ yếu là người Kinh chiếm đa số, chỉ có một số ít dân tộc như Chăm, Raglai, Cơ Ho, Cơ Tu... sống đan xen, quy mô nhỏ. Tính “bản địa” của các tộc người ở đây

yếu hơn, thay vào đó là cơ cấu dân cư sống ven biển, tập trung vào phát triển ngư nghiệp, dịch vụ biển, du lịch.

Bên cạnh đó, các tỉnh Tây Nguyên cũ (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng) có tương đối đầy đủ các dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Nhóm tộc người nói ngôn ngữ Môn - Khme có 10 dân tộc đó là: Ba Na, Cơ Ho, Xơ Đăng, Mnông, Mạ, Giẻ - Triêng, Hrê, Rmăm, Brâu, Xtiêng; nhóm dân tộc nói ngôn ngữ Nam Đảo có 4 dân tộc là: Gia Rai, Ê Đê, Chu Ru và Raglai; Các dân tộc thuộc nhóm Môn - Khme cư trú ở hai đầu, Bắc và Nam Tây Nguyên, nhóm phía Bắc (Ba Na, Xơ Đăng, Giẻ - Triêng, Hrê, Rmăm và Brâu) gọi là nhóm ngôn ngữ Banaic; nhóm phía Nam (Mnông, Cơ Ho, Mạ, Xtiêng), gọi là nhóm ngôn ngữ Mnôngic. Còn các dân tộc nhóm Nam Đảo thường cư trú ở khu vực giữa của Tây Nguyên. Nơi đây trở thành vùng đất đa văn hóa, đa dân tộc cùng sinh sống, tồn tại và phát triển. Những dân tộc bản địa gắn bó lâu đời thường giữ được những nét văn hóa riêng của tộc người, song do quá trình di cư của các dân tộc khác đến đến cũng đã làm phai nhạt dần, vì thế cũng có những nét văn hóa không còn giữ nguyên bản, đã có sự pha trộn, xen lẫn vào nhau trong quá trình sống, lao động, sinh hoạt.

Trước đây, buôn làng là đơn vị xã hội cơ bản và chủ đạo ở Tây Nguyên thể hiện qua đặc trưng về văn hóa, kinh tế, tôn giáo, như buôn làng là một cộng đồng cư trú; buôn làng là một cộng đồng sở hữu; buôn làng là một cộng đồng tôn giáo và buôn làng là một cộng đồng văn hóa. Đến trước thời kì đổi mới, nhìn chung nền tảng văn hóa Tây Nguyên dựa trên sở hữu cộng đồng buôn làng đối với đất đai và tài nguyên rừng. Rừng là cội nguồn đại diện cho văn hóa Tây Nguyên. Tuy nhiên, nhược điểm của buôn làng là tính khép kín, đã làm giảm sự liên kết xã hội ở mức độ rộng của cộng đồng nơi đây với các nhóm cư dân khác, mà thiếu nó rất khó tạo ra sự hội nhập của các cư dân tại chỗ với tiến trình hiện đại hóa, nên khó kích thích nguồn lực nội sinh phát triển.

Cấu trúc buôn làng truyền thống ở Tây Nguyên duy trì vai trò chủ đạo cho đến khi các cuộc di dân lớn phá vỡ tính khép kín, làm biến đổi sâu sắc cơ cấu dân cư và đời sống xã hội. Người di cư mang đến phương thức canh tác mới, trong đó có việc đốt rừng làm nương rẫy, cùng với những lối sống và giá trị văn hóa khác biệt. Sự suy giảm rừng và biến động về sở hữu đất đai khiến văn hóa bản địa thay đổi mạnh mẽ. Tây Nguyên vì thế hòa nhập muộn vào cộng đồng quốc gia nhưng lại sớm chịu tác động của kinh tế thị trường. Hai dòng văn hóa – bản địa truyền thống và di cư hiện đại – giao thoa, tạo nên bức tranh văn hóa đa dạng, nơi con người vừa muốn tiếp nhận cái mới vừa cố giữ bản sắc cũ. Sự đa dạng về văn hóa, lối sống, tộc người và kinh tế đã mở ra không gian tự do phát triển; vì vậy, thay vì tìm kiếm tính thuần nhất văn hóa, điều quan trọng hơn là hướng đến phát triển bền vững, thay cho “tăng trưởng nóng”, để có thể bảo tồn đặc trưng của Tây Nguyên lâu dài.

3.1.2.2. Đặc điểm nông dân các tỉnh Nam Trung Bộ

Con người vốn là một thực thể sinh học - xã hội, vì vậy, đặc điểm của con người gắn liền với hoạt động sống - hoạt động xã hội, chịu sự chi phối bởi hoàn cảnh sống và lao động xã hội mà họ được sinh ra và trưởng thành. Do ảnh hưởng từ quá trình sản xuất nông nghiệp, cho nên xét về tâm lý xã hội của nông dân Nam Trung Bộ có những đặc điểm như:

Thứ nhất, cần cù, siêng năng trong lao động sản xuất là đức tính tiêu biểu của người nông dân. Xuất phát từ phương thức sản xuất nông nghiệp, địa hình đa dạng, phân tán, điều kiện tự nhiên miền Trung khắc nghiệt không mấy thuận lợi buộc nông dân luôn phải lao động vất vả, cần cù, chăm chỉ mới đủ ăn, nên họ không chỉ siêng năng mà còn tiết kiệm. *Thứ hai*, nông dân Nam Trung Bộ có tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, yêu quê hương, đất nước, gắn bó với quê cha đất tổ, yếu tố cội nguồn được đề cao, có tính cố kết

cộng đồng làng xã tạo nên sức mạnh để chống chọi với giặc ngoại xâm trong kháng chiến, chống lại thiên tai, bão lũ trước khí hậu thời tiết khắc nghiệt như hiện nay. Vì vậy, ở nông dân luôn có sự tương đồng đó là cùng chung một chí hướng, chung một ước mơ, hoài bão về một cuộc sống thanh bình và tốt đẹp. Điều này làm cho họ dễ cảm thông, chia sẻ, xích lại gần nhau hơn trong cuộc sống. *Thứ ba*, nông dân Nam Trung Bộ giàu tri thức kinh nghiệm được tích lũy từ cuộc sống lao động sản xuất. Tuy nhiên, do nông dân chịu ảnh hưởng của nền sản xuất tự cung tự cấp, khép kín, bó buộc,... dễ hình thành nên tính bảo thủ, cục bộ, khó tiếp nhận cái mới.

Mặc dù Tây Nguyên cũ nằm trong vùng Nam Trung Bộ, nhưng do đặc điểm vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, văn hóa đã hình thành nên đặc điểm nông dân ở Tây Nguyên. Ngoài những đặc điểm chung của nông dân vùng Nam Trung Bộ, nông dân Tây Nguyên còn có những đặc điểm riêng:

Thứ nhất, người nông dân Tây nguyên chân chất, mộc mạc, nhưng rất mạnh mẽ, cá tính; ứng xử thẳng thắn, hài hòa, thân thiện với thiên nhiên. Có thể nói, tâm lý, tính cách, tâm linh của người nông dân Tây Nguyên tương thích với không gian sinh tồn của họ. Trước thiên nhiên bao la, rộng lớn, con người trở nên bé nhỏ như một phần của tự nhiên. Đặc điểm con người Tây Nguyên nói chung, người nông dân Tây Nguyên nói riêng vốn gắn bó với đại ngàn, với thiên nhiên hùng vĩ, núi rừng. Chẳng hạn như người Ba Na thích sống gần sông, nước, ao, hồ,... thì người Sê Đăng lại thích sống gần rừng và trên những ngọn núi cao... Cùng với quá trình lao động, sản xuất, chinh phục tự nhiên, con người Tây Nguyên nói chung và nông dân Tây Nguyên nói riêng vừa dung dị, hiền hòa, chân chất, mộc mạc, nhưng cũng vừa mạnh mẽ, quyết liệt, cá tính. Trong các mối quan hệ, họ cư xử rất bình đẳng, công bằng với nhau (ngoại trừ cha xứ và già làng). Sở dĩ sở hữu những nét tính cách ấy bởi họ là con của núi rừng, họ được sinh ra và mang trong mình hơi thở của

núi rừng. Họ sống hiền hòa, dung dị giữa lòng đại ngàn, họ thuận theo tự nhiên, họ sử dụng sản vật của tự nhiên để tự nuôi sống bản thân mình, có lẽ vì thế họ nương theo sự thiên biến vạn hóa, lúc nhanh lúc chậm, lúc như dự báo trước, lúc đầy bất ngờ của tự nhiên. Tổ tiên, ông cha và biết bao thế hệ giàng đã sinh ra, lớn lên, nằm xuống, hóa thân vào núi rừng, ngay cả những âm thanh, nhạc cụ như cồng chiêng, các loại đàn, ... được tạo ra cũng là phương tiện để họ giao lưu, giao tiếp với thế giới tâm linh, thế giới thần linh, thế giới niềm tin riêng của mỗi cộng đồng, buôn làng. Trong tâm thức của con người Tây Nguyên nói chung, người nông dân Tây Nguyên nói riêng, thiên nhiên có sức mạnh vô tận, vừa chở che, ban phát cho con người những sản vật của núi rừng nhưng cũng vừa như đáng tối cao vô hình, trừng phạt những kẻ phá hoại, phản bội lại lời nguyện, lời hứa... Đó là mối quan hệ nhân - quả, có vay có trả, tự nguyện và phục tùng. Niềm tin đó quy định tình cảm, thái độ của người nông dân đối với thiên nhiên, mùa vụ, và cả trong tương tác với nhà nước.

Tại Gia Lai và Kon Tum, nhiều làng vẫn duy trì nghi lễ cúng đất, cúng rừng, lễ mừng lúa mới, trong khi tín ngưỡng đa thần và thờ mẫu vẫn phổ biến ở Đăk Nông, Lâm Đồng. Tín ngưỡng truyền thống này có hai mặt: một mặt giúp gắn kết cộng đồng, duy trì đạo đức tập thể; mặt khác, trong bối cảnh hiện đại, nó có thể cản trở quá trình tiếp nhận khoa học kỹ thuật và tư duy pháp lý hiện đại, nếu không có sự hướng dẫn - chuyển hóa phù hợp.

Bên cạnh đó, sự lan rộng của các tôn giáo mới như Tin Lành (ở Đăk Lăk, Kon Tum) cũng đang tái cấu trúc niềm tin và mô hình tổ chức xã hội nông thôn, làm thay đổi thẩm quyền truyền thống và tác động trực tiếp đến hành vi, trách nhiệm xã hội của nông dân trong các chương trình phát triển, đặc biệt là xây dựng nông thôn mới.

Bên cạnh đó, người đồng bào DTTS có phần thiếu tự tin, rụt rè, chậm chạp. Thêm vào đó, trình độ nhận thức của họ có phần hạn chế, rất dễ trở thành đối tượng bị lôi kéo, xúi dục, lợi dụng,... của các thế lực thù địch, các

nhóm phản động, chống chính quyền, âm mưu bạo loạn, khủng bố, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thứ hai, người nông dân Tây Nguyên có tính cố kết cộng đồng chặt chẽ trong sản xuất và văn hóa. Cơ cấu dân cư Tây Nguyên bao gồm người DTTS tại chỗ và dân di cư nơi khác đến tạo nên sự giao thoa về văn hóa, lối sống. Hình thức cộng cư giữa các dân tộc trên cùng một địa bàn nhỏ là biểu hiện phổ biến ở Tây Nguyên. Với những người là DTTS tại chỗ, họ thường mang nét tính cách hiền lành, thật thà, chất phác, thuận theo tự nhiên, chịu sự chi phối bởi các quan hệ cộng đồng buôn, làng. Đồng thời, với ưu thế là người DTTS tại chỗ, ban đầu họ có ưu thế về đất đai, được chia đất canh tác hoặc tự khai hoang canh tác. Nhưng họ duy trì tập quán canh tác thô sơ, lạc hậu, manh mún, nhỏ lẻ, tự phát, chậm đổi mới nên chậm phát triển. Thậm chí có hộ sẵn sàng bán đất canh tác của mình và đi làm công, làm thuê cho người khác. Trong khi đó, người ở những vùng miền khác di cư đến, họ thường có tính cần cù, chịu khó trong lao động, tích cực mở rộng, khai hoang, tích tụ nhiều ruộng đất, tiếp cận nhanh và áp dụng kỹ thuật mới vào sản xuất, tạo ra năng suất cao hơn trong lao động, nhiều người sở hữu các trang trại, vừa cây ăn trái, vườn cà phê, tiêu, cao su...

Thực trạng di cư, cộng cư xét ở khía cạnh tích cực góp phần làm khai thông dân tư tưởng cho người bản địa, để thay đổi những thói quen, tập tục lạc hậu, vốn đã lỗi thời. Nhờ vào cộng cư mà họ có điều kiện thuận lợi để học hỏi lẫn nhau cùng phát triển, hạn chế và đi đến triệt tiêu tính tự ti dân tộc cũng như chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, tiếp thu những ưu điểm, tích cực của nhau. Nhưng ở một khía cạnh khác, đây cũng chính là lý do nảy sinh những xung đột, mà nhất là những xung đột về văn hóa trong cuộc sống thường nhật. Bên cạnh đó, tính đa tôn giáo hiện nay của Tây Nguyên cũng có thể là nguyên nhân dẫn đến mầm mống và tính chất của những xung đột về tín ngưỡng, tôn giáo.

Mặt khác, tính đan xen về cơ cấu dân tộc gắn với địa bàn lãnh thổ như phân tích ở trên đã có sự tác động không nhỏ đến sự thay đổi lớn trong cung cách làm ăn, cũng như kỹ thuật canh tác của người lao động là người dân tộc thiểu số thông qua sự giao lưu học hỏi lẫn nhau. Tình trạng chung ở Tây Nguyên hiện nay là sự đan xen nhiều tầng nấc trình độ, phương thức sản xuất và tổ chức sản xuất, dẫn đến sự phân tầng xã hội ở Tây Nguyên là rất lớn và có khuynh hướng ngày càng sâu sắc thêm. Điều đó sẽ phá vỡ nét tâm lý bình quân chủ nghĩa thô sơ và đơn giản của các cộng đồng dân tộc thiểu số - vốn là nét truyền thống xưa nay; hệ quả của xu hướng này, một mặt góp phần tích cực hình thành tâm lý cạnh tranh, thi đua trong phát triển kinh tế, nhưng đồng thời cũng nảy sinh tâm lý ganh ghét, đố kỵ, tự ty, mặc cảm, tâm lý bất an, thua thiệt với cảm giác mất nhiều hơn được trong cuộc sống mới hôm nay của một bộ phận đồng bào còn nghèo khó, nhưng lại là những người gắn bó với cách mạng trong hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.

Cấu trúc xã hội nông thôn ở đây chịu tác động mạnh của tính cộng đồng - tộc người, nơi mà “người nông dân” không chỉ là một cá thể lao động mà còn là “người mang bản sắc” - mang theo hệ giá trị, ngôn ngữ, biểu tượng và tập quán riêng biệt. Chính sự đa tộc hóa này tạo ra một không gian nông thôn phức hợp, nơi mà ý thức trách nhiệm không đồng nhất, mà mang tính tương đối, lệ thuộc vào cơ chế vận hành xã hội của từng cộng đồng cụ thể.

Người nông dân Tây Nguyên có tính cố kết cộng đồng chặt chẽ. Tính tự quản cộng đồng làng, bản, cộng với những quan niệm cổ truyền như sản vật thiên nhiên là sự ban phát của đấng tạo hóa cho con người, không của riêng ai; một con thú săn được cả cộng đồng đều hưởng, tính tư hữu (ở phạm vi cá nhân và gia đình) của người dân ở đây vì thế chưa được phát triển. Sống chung, làm chung, vui buồn chung và hưởng chung là nét văn hóa nổi trội của đồng bào các dân tộc thiểu số bản địa ở Tây Nguyên. Ở một khía cạnh nào đó,

đây là một nếp sống có tính tích cực, vô tư, phóng khoáng, không vụ lợi trong tiêu dùng. Nhưng mặt khác, chính điều này cũng là vật cản trong quá trình phát triển đi lên của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên. Đó là trình độ tổ chức tiêu dùng, tổ chức cuộc sống gia đình còn yếu. Tình trạng đói nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số thời gian qua có nhiều nguyên nhân (như thiếu khoa học kỹ thuật, thiếu trình độ canh tác và trình độ tổ chức sản xuất, vốn...), nhưng trong đó có nguyên nhân không nhỏ là từ vấn đề tiêu dùng, từ trình độ tổ chức tiêu dùng của người dân ở đây còn thiếu khoa học và hiệu quả (tình trạng đói giáp hạt, hoặc đứt bữa của đồng bào hiện nay là khá phổ biến). Một bộ phận không nhỏ người DTTS nói chung, những nông dân DTTS tại chỗ nói riêng chưa thật sự có ý chí tự lực để thoát nghèo, mong muốn thoát nghèo. Họ vẫn còn có tâm lý trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ từ bên ngoài gia đình, cộng đồng hoặc các tổ chức trong và ngoài nước.

Về phương diện văn hóa, lối sống, người nông dân Tây Nguyên, đang ở trong một trạng thái chuyển tiếp giữa một bên là nếp sống cộng đồng, gắn bó với làng, với rừng, với không gian thiêng liêng; bên kia là áp lực của cá nhân hóa, đô thị hóa và kinh tế thị trường. Sự khác biệt về lối sống giữa các nhóm dân cư, đặc biệt là giữa người bản địa và người nhập cư (ở Đăk Lăk, Đăk Nông), cũng tạo ra những rạn nứt về văn hóa ứng xử, từ đó ảnh hưởng đến khả năng hình thành một hệ giá trị chung - nền tảng cho sự đồng thuận và hợp tác trong xây dựng nông thôn mới.

Thứ tư, tâm lý tiểu nông, sản xuất nhỏ lẻ, manh mún mang tính tự cung tự cấp vẫn nổi trội ở người nông dân Tây Nguyên. Đa phần nông dân Tây Nguyên hiện nay vẫn chỉ tập trung sử dụng sức lực để lao động, làm việc trong nông nghiệp. Họ có tâm lý an phận thủ thường, tự tiết chế nhu cầu, tự ti, đôi khi có phần mặc cảm cho rằng mình thấp cổ bé họng. Trong cân nhắc tính toán làm ăn họ chú trọng ăn chắc, mặc bền, tính toán kiểu “cò con”, giỏi bắt

chước nhưng ít sáng tạo vì vậy cách thức làm ăn và phương thức sản xuất thường không mấy đổi mới, trì trệ,...

Phương thức sản xuất nông nghiệp tại Tây Nguyên mang tính đan xen: vừa mang dấu vết của nền kinh tế tự cấp, tự túc, vừa đang dần tiếp cận các mô hình sản xuất hàng hóa. Trong khi một số địa phương ở Đắk Lắk, Lâm Đồng, đã hình thành vùng nguyên liệu quy mô lớn, liên kết chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp; tại các xã vùng sâu vùng xa của Kon Tum và Gia Lai vẫn duy trì phương thức canh tác du canh, lạc hậu. Hiện tượng dân di cư tự do vẫn diễn ra tạo nên những mô hình canh tác thiếu bền vững, họ khai thác đất rừng quá mức, xâm hại tài nguyên. Sự thiếu ổn định trong sản xuất đồng nghĩa với việc ý thức trách nhiệm của người nông dân không có “chân đứng” vững chắc - bởi chỉ khi gắn bó lâu dài với đất đai, cộng đồng và thị trường, người nông dân mới có thể phát triển tinh thần trách nhiệm.

3.2. THỰC TRẠNG Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở NAM TRUNG BỘ HIỆN NAY (QUA KHẢO SÁT CÁC TỈNH TÂY NGUYÊN CŨ)

3.2.1. Những ưu điểm về ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Tây Nguyên hiện nay

Để đánh giá khách quan và cụ thể mức độ ý thức trách nhiệm của nông dân các tỉnh Tây Nguyên trong công cuộc xây dựng nông thôn mới, qua các báo cáo tổng kết của địa phương có thể thấy rằng, ý thức trách nhiệm của nông dân Tây Nguyên trong xây dựng nông thôn mới đã và đang được hình thành, củng cố trên cả ba phương diện: ủng hộ chủ trương, tổ chức thực hiện và gìn giữ thành quả. Tuy nhiên, các số liệu báo cáo chủ yếu phản ánh góc nhìn từ phía quản lý, với thiên hướng định lượng và hành chính, phần nào chưa thể lột tả trọn vẹn chiều sâu của ý thức trách nhiệm từ phía chủ thể nông dân - những người trực tiếp tham gia và chịu tác động của quá trình này. Do

đó, để có cái nhìn toàn diện và khách quan hơn, cần thiết phải khảo sát từ chính trải nghiệm, nhận thức và hành động cụ thể của nông dân qua phương pháp điều tra xã hội học. Kết quả điều tra sẽ giúp bổ sung, đối sánh, làm rõ những biểu hiện cụ thể của ý thức trách nhiệm trong thực tiễn, đồng thời phát hiện những hạn chế, rào cản chưa được nhận diện đầy đủ trong các báo cáo chính thống.

Nghiên cứu sinh đã tiến hành khảo sát 500 nông dân trên địa bàn 05 tỉnh Tây Nguyên cũ (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng); thời gian thực hiện năm 2024; nghiên cứu lựa chọn ngẫu nhiên mỗi tỉnh từ 02 đến 03 xã. Trung bình mỗi tỉnh khảo sát 100 phiếu tương ứng 100 nông dân ở nhiều độ tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn, giới tính khác nhau đang sinh sống ở địa bàn Tây Nguyên. Ngoài ra, nghiên cứu kết hợp phỏng vấn sâu, ngẫu nhiên một số nông dân ở địa phương trong quá trình thực hiện điều tra khảo sát. Mục đích của khảo sát tập trung vào ba nội dung chính phản ánh các cấp độ biểu hiện ý thức trách nhiệm của nông dân: (1) sự ủng hộ về nhận thức đối với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; (2) mức độ tham gia tổ chức thực hiện; (3) hành vi bảo vệ và phát huy những thành quả đã đạt được. Kết quả như sau:

3.2.1.1. Ưu điểm về ý thức trách nhiệm của nông dân Tây Nguyên trong ủng hộ các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật Nhà nước, địa phương về xây dựng nông thôn mới

Nông dân thể hiện sự đồng thuận, ủng hộ đối với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước thông qua việc tham gia các cuộc họp thôn, xã, lắng nghe tuyên truyền, đăng ký thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Kết quả, tính đến tháng 1 năm 2025, Tây Nguyên có 362/589 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 61,5%, trong đó có 62 xã đạt nông thôn mới nâng cao, 22 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu, bình quân đạt 16,7 tiêu chí/xã, cơ bản hoàn thành mục tiêu Chính phủ đề ra về xây dựng nông thôn

mới cho giai đoạn 2021-2025 [82], [110], [113], [115]. Trong đó, tỉnh Lâm Đồng được xem là lá cờ đầu trong phong trào xây dựng nông thôn mới ở Tây Nguyên khi có 106/106 xã (đạt tỷ lệ 100% các xã) đạt chuẩn nông thôn mới, 05/10 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, là tỉnh chú trọng đầu tư phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng phát triển kinh tế nông nghiệp [119].

Sự đồng thuận này không chỉ thể hiện ở nhận thức, tinh thần trách nhiệm mà còn ở thái độ tích cực, thể hiện niềm tin và sự kỳ vọng vào chủ trương này như một phương hướng phát triển nông thôn bền vững, góp phần cải thiện đời sống và nâng cao vị thế của người nông dân. Do đó, nông dân đã chủ động hưởng ứng các phong trào nằm trong Chương trình xây dựng nông thôn mới của các tổ chức chính trị-xã hội như: “cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới”, “Dân vận khéo”, “xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”, “đoạn đường phụ nữ tự quản”, “Thôn, làng phụ nữ kiểu mẫu”, “nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới”; “Thanh niên chung tay xây dựng nông thôn mới” [82], [110], [113], [115]. Qua đây có thể nhận thấy, nông dân đã trở thành lực lượng nòng cốt, lan tỏa tinh thần trách nhiệm, củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời nâng cao vị thế của mình trong đời sống xã hội nông thôn với tư cách là chủ thể chính trong tất cả các hoạt động xây dựng nông thôn mới.

Đáng chú ý, nhiều nông dân không chỉ dừng lại ở việc thực hiện mà còn trở thành tuyên truyền viên tích cực, chủ động chia sẻ kinh nghiệm và chuyển giao kỹ thuật. Nhiều mô hình cải tiến sản xuất, áp dụng công nghệ cao đã được chính bà con nông dân hướng dẫn, chia sẻ cho nhau, góp phần nhân rộng những mô hình hay, giống cây trồng vật nuôi đem lại hiệu quả. Cụ thể: tỉnh Kon Tum phát triển mô hình chế phẩm sinh học trong sản xuất cà phê vối, mô hình cà phê sạch, rau sạch, sâm Ngọc Linh, hồng đẳng sâm dưới tán

rừng, cây dược liệu...; Tỉnh Gia Lai phát triển mô hình rau theo tiêu chuẩn VietGAP (Đak Đoa, Phú Thiện, Krông Pa, Ayun Pa), bà con nông dân chia sẻ nhau kinh nghiệm xử lý bệnh trắng lá mía, bệnh vàng lá chết chậm trên cây hóc, mô hình thâm canh cây chanh dây, chăn nuôi heo theo tiêu chuẩn Viet Gap, mô hình tưới tiết kiệm theo công nghệ NETAFIM,... Mỗi mô hình đem lại hiệu quả, đều được nông dân truyền tai nhau, đến tham quan học hỏi, sẵn sàng chuyển giao công nghệ, kỹ thuật cho nhau.

Báo cáo từ các địa phương cho thấy, đa số nông dân Tây Nguyên đã nhận thức rõ vai trò và ý nghĩa của chương trình xây dựng nông thôn mới. Nếu giai đoạn 2016-2020 tập trung vào đầu tư hạ tầng, thì từ 2021-2025 các địa phương chuyển sang chú trọng các nội dung thực chất hơn nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân. Sự thay đổi này cho thấy chương trình đã đáp ứng đúng nhu cầu, nguyện vọng của nông dân, tạo động lực để họ tham gia tích cực và tự giác hơn với ý thức trách nhiệm ngày càng cao trong xây dựng nông thôn mới.

Theo kết quả điều tra khảo sát, mức độ nhận thức của nông dân về mục tiêu chương trình xây dựng nông thôn mới, trong biểu đồ 3.1, thể hiện có 30% số nông dân được hỏi chọn tất cả các phương án; 21% nông dân chọn đồng thời nhiều phương án (từ 4 phương án trở lên); có thể thấy khoảng hơn 50% nông dân tham gia khảo sát đã nêu tương đối đầy đủ các mục tiêu trọng yếu của chương trình xây dựng nông thôn mới. Như vậy cho thấy hiểu biết của họ không còn mang tính cảm tính mà đã có sự chuyển biến trong nhận thức về ý nghĩa, mục tiêu của chương trình, từ đó hình thành niềm tin chính trị, tình cảm xã hội tích cực đối với Đảng và Nhà nước.

Về thời gian, khi được hỏi “*Theo ông/bà chương trình xây dựng nông thôn mới sẽ hoàn thành trong thời gian bao lâu?*”, Biểu đồ 3.2 cho thấy, đa số nông dân chiếm 59,4% cho rằng thời gian xây dựng nông thôn mới còn lâu dài, chia thành nhiều giai đoạn; 6,5% chọn 20 năm. Nhìn chung, nông dân đã

xác định không thể hoàn thành những tiêu chí xây dựng nông thôn mới trong thời gian ngắn. Vì vậy, chủ thể càng không nên chủ quan, đốt cháy giai đoạn, bằng cách huy động từ các nguồn lực để chạy theo thành tích, hoàn thành tiêu chí, mà cần xác định đây là một nhiệm vụ lâu dài, trải qua nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn đánh dấu bước tiến, sự thay đổi từ trong nhận thức đến hành động, hoàn thành những mục tiêu ngắn hạn là bước đệm để tiến đến những mục tiêu lâu dài. Xác định thời gian liên quan đến việc đề xuất những nhiệm vụ trước mắt và những nhiệm vụ lâu dài, được cụ thể hóa trong từng kế hoạch của chính quyền địa phương. Việc nhận thức về mặt thời gian, tiến độ như vậy cũng đã giúp họ thay đổi trong hành động, không chủ quan, nóng vội hay làm cho xong, làm để được công nhận.

Nhận thức đúng đắn là nền tảng hình thành ý thức trách nhiệm của nông dân, giúp họ đồng hành cùng chính quyền trong việc thực hiện các Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Từ nhận thức đó, nông dân thể hiện thái độ tích cực, chủ động tham gia với tinh thần tự giác, tránh tư tưởng chủ quan, chạy theo phong trào hay thành tích hình thức như từng xảy ra trước đây. Ý thức trách nhiệm được xây dựng trên cơ sở hiểu biết và niềm tin, tạo nên tình cảm gắn bó giữa người dân với chính quyền, giữa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng.. Đây là một trong những trách nhiệm quan trọng của chính quyền trong công tác lãnh đạo, định hướng tư tưởng đối với quần chúng nhân dân, nhằm tạo sự đồng tình, ủng hộ về mặt chủ trương, chính sách cùng chung tay xây dựng nông thôn mới.

Ngoài ra, luận án tiến hành phỏng vấn sâu ý kiến của nông dân một số tỉnh Tây Nguyên về chủ thể xây dựng nông thôn mới, họ xác định bao gồm: Nhà nước và các cơ quan trung ương; Chính quyền cấp tỉnh, huyện, xã; các tổ chức chính trị - xã hội; cán bộ cơ sở; Người dân địa phương (Phỏng vấn sâu, nông dân xã Hòa Phú, huyện Chư Păh, tháng 3/2024).

Khi điều tra khảo sát về “đánh giá mức độ quan trọng của các chủ thể đã được kể trên trong tham gia xây dựng nông thôn mới”, các ý kiến đánh giá mức độ từ “ít quan trọng” đến “rất quan trọng” tương ứng từ 1 điểm đến 5 điểm thể hiện như trong Biểu đồ 3.3.

Biểu đồ radar phản ánh nhận thức, đánh giá của nông dân các tỉnh Tây Nguyên về mức độ quan trọng khác nhau giữa các chủ thể tham gia vào quá trình xây dựng nông thôn mới. Các chủ thể được đánh giá gồm: Chính quyền Trung ương; Chính quyền cấp tỉnh/huyện; Chính quyền xã và các tổ chức chính trị - xã hội; Cán bộ cơ sở và người dân; Người dân địa phương.

Từ hình dạng của biểu đồ, có thể nhận thấy một sự dịch chuyển trọng tâm từ các chủ thể mang tính "quản lý hành chính nhà nước" (chính quyền các cấp) sang các chủ thể mang tính "cơ sở và cộng đồng" (người dân, cán bộ địa phương). Đường màu xanh thể hiện đánh giá "rất quan trọng", với độ vươn mạnh nhất ở nhóm “Cán bộ cơ sở và người dân”, cho thấy đây là nhóm chủ thể được đánh giá cao nhất - đạt điểm trung bình 4,2/5. Theo sau là “Người dân địa phương” với 3,3/5 điểm. Dễ nhận thấy rằng chính quyền Trung ương và cấp tỉnh, huyện đánh giá thấp hơn hẳn. Điều này không có nghĩa họ không quan trọng, mà phản ánh một thực tế: vai trò của họ mang tính định hướng vĩ mô, không trực tiếp chạm đến quá trình hiện thực hóa các mục tiêu tại cộng đồng. Khi khoảng cách giữa cấp điều hành và cấp thực thi lớn, tính hiệu quả phụ thuộc gần như hoàn toàn vào cấp thực thi - ở đây là cơ sở và người dân. Chính việc người dân tự nhận thức được vai trò chủ thể của mình - và được cộng đồng xác nhận - sẽ tạo nên động lực nội tại mạnh mẽ, làm nảy sinh và phát triển ý thức trách nhiệm xã hội. Người dân sẽ không chỉ làm theo, mà làm vì thấy mình có vai, có phần, có nghĩa vụ và quyền lợi trong quá trình kiến tạo cộng đồng.

Số liệu điều tra được thực hiện vào năm 2024, khi chương trình xây dựng nông thôn mới đã bước sang giai đoạn 2021-2025. Bảng 3.1, trong số

những nông dân tham gia khảo sát, 44,7% xã nơi họ cư trú vẫn “chưa hoàn thành 19 tiêu chí nông thôn mới”; 17,8% xã có nông dân tham gia khảo sát “Đã hoàn thành 19 tiêu chí nông thôn mới”; 16% xã có nông dân tham gia khảo sát “Đang xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu”; 21,6% xã có nông dân tham gia khảo sát “Đang xây dựng nông thôn mới nâng cao”. Điều này cũng có nghĩa là 55,3% số nông dân đã hoàn thành xây dựng nông thôn mới trở lên, đã trải nghiệm thời gian thâm nhập thực tiễn, cùng hòa mình vào phong trào, cùng thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới với các chủ thể khác, qua đó họ có sự nhận thức, đánh giá đầy đủ và toàn diện hơn về những đóng góp, cũng như vai trò của từng chủ thể khác nhau trong thực tiễn. Điều quan trọng là họ đã nhận thức và đánh giá đúng chủ thể đóng vai trò quan trọng trong đó là chính họ - Người dân địa phương (nông dân). Họ là chủ thể có vai trò rất quan trọng, nên họ cần hành động đúng với “vai” của “chủ” chứ không phải là “khách”, là “khán giả” trong chính sân chơi của mình.

Phương diện thành viên cộng đồng xã hội, một trong những đặc điểm tính cách của nông dân các tỉnh Tây Nguyên là đề cao tính cộng đồng, là coi trọng các hoạt động mang tính cộng đồng, các hoạt động sinh hoạt cộng đồng trong buôn, làng có ý nghĩa quan trọng gắn kết mọi thành viên với nhau. Xuất phát từ đặc điểm riêng này, xây dựng nông thôn mới đối với các buôn, làng nhằm nâng cao đời sống vật chất, góp phần làm phong phú đời sống tinh thần của người dân. Biểu đồ 3.4 cho thấy, xuất phát từ lợi ích thiết thân như mục tiêu chương trình xây dựng nông thôn mới mang lại, 82,8% người nông dân Tây Nguyên khi được hỏi đều mong muốn xã mình sớm hoàn thành và được công nhận “Đạt chuẩn nông thôn mới”. Nguyên vọng này thể hiện động lực, động cơ dẫn đến sự ủng hộ nhiệt tình của nông dân đối với những chủ trương, đường lối liên quan đến chương trình xây dựng nông thôn mới của địa phương.

Nhìn chung, đa số nông dân Tây Nguyên đã nhận thức được mục tiêu, tiêu chí, thời gian, tiến độ xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, họ cũng nhận thức được vai trò chủ thể, pháp lý của người dân (nông dân) để đảm bảo mỗi quyết định triển khai trong thực tiễn đều phải phát huy, đem lại lợi ích cho cộng đồng và hiệu quả lâu dài. Do đó, họ thể hiện ý thức trách nhiệm vừa với tư cách là nông dân vừa với tư cách công dân thông qua ủng hộ đường lối, chủ trương, chính sách của chính quyền, ý thức tuân thủ pháp luật Nhà nước, hương ước, luật tục của cộng đồng. Họ còn thể hiện nhận thức thông qua tích cực, chủ động, trách nhiệm trong công tác tuyên truyền, chia sẻ, kết nối, biến chủ trương trở thành mục tiêu hành động, đồng hành cùng với chính quyền, địa phương để hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

3.2.1.2. Ưu điểm về ý thức trách nhiệm của nông dân Tây Nguyên trong tham gia tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới

Trong giai đoạn triển khai các tiêu chí nông thôn mới, nông dân Tây Nguyên đã có những đóng góp quan trọng, cả về vật chất lẫn tinh thần. Theo báo cáo, nhiều hộ gia đình tự nguyện hiến đất làm đường, đóng góp công lao động và tiền của để xây dựng các công trình phúc lợi như trường học, trạm y tế, đường giao thông nông thôn, nhà văn hóa, kênh mương nội đồng... Một số mô hình tổ tự quản, tổ liên kết sản xuất được người dân tham gia tích cực, tạo điều kiện cho quá trình tái cơ cấu nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn.

Giai đoạn 2021-2025, tổng nguồn vốn đầu tư cho xây dựng nông thôn mới là 98.740,4 tỷ đồng. Trong đó vốn Trung ương 2.972 tỷ (chiếm 3%); Vốn địa phương là 3.3459,6 tỷ (chiếm 3,5%); vốn lồng ghép 14.077,2 tỷ (14,2%); vốn tín dụng 63.540,3 tỷ (chiếm 64,3%); vốn doanh nghiệp 2.505,9 tỷ (2,5%), vốn cộng đồng và người dân đóng góp, ủng hộ là: 3.226,6 tỷ (chiếm 3,2%) . [111][114][115][116][103]. Chỉ tính riêng năm 2023, tỉnh Đắk Lắk vận động người dân tự nguyện tham gia 3.000 ngày công lao động, hiến hơn 50.000m² đất, hơn 89 tỷ đồng tiền mặt để hoàn thiện 60,63 km đường giao thông nông

thôn, nâng cấp sửa chữa 14 công trình thủy lợi, 48 phòng học và nhà hiệu bộ, trồng hoa, dọn vệ sinh khuôn viên tạo cảnh quan sáng, xanh, sạch đẹp [71].

Nông dân có ý thức chủ động trong tham gia các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản, tự tìm giải pháp, nguồn ra cho nông sản khi liên kết “4 nhà”, “5 nhà”. Tiêu biểu như các hộ nông dân ở thành phố Đà Lạt, huyện Lạc Dương, Đức Trọng đã ký kết với công ty cổ phần Nông sản Lâm Đồng, Trang trại Phong Thúy. Các tổ hợp tác cũng đã chủ động liên kết đảm bảo đầu vào cho trong chuỗi liên kết như Tổ cấy cà phê Đà Lạt Hasfarm liên kết với công ty TNHH Đà Lạt Hasfarm; tổ hợp tác rau Suối Thông 2 cung cấp rau sạch cho siêu thị Metro; Tổ hợp tác bò sữa Hiệp Thành liên kết với công ty Sữa Đalat milk... Nhiều nông dân trong cùng tổ hợp tác, hợp tác xã cũng đã chủ động liên kết nhau hình thành vùng sản xuất quy mô lớn theo mô hình chuỗi liên kết như Đăk Nông, Kon Tum trong trồng cây cà phê với diện tích lên đến 20.000 ha. Nhiều mô hình sáng tạo nâng cao sinh kế cho người dân cũng được các địa phương chú trọng như mô hình làng hoa kết hợp với làng nghề và du lịch cộng đồng homestay. Hiện nay, các tỉnh đã và đang khuyến khích nông dân ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, mang lại hiệu quả kinh tế. Doanh thu từ những mô hình mới này đã tạo động lực để nông dân tích cực, hăng hái tham gia học tập, ứng dụng trên chính rẫy, vườn của mình, tạo nên diện mạo mới, đang trở thành ngành kinh tế chủ lực của địa phương.

Theo đó, thu nhập bình quân đầu người của nông dân Tây Nguyên ngày càng tăng năm 2018 đạt khoảng 30,45 triệu đồng/người; GRDP bình quân đầu người năm 2024 đạt 78,5 triệu đồng/người/năm, tăng 16% so với năm 2023. Tỷ lệ hộ nghèo nông thôn ở vùng Tây Nguyên giảm mạnh từ 20,16% (2010) xuống 13,03% (2015), 10,36% (2018), hướng đến mục tiêu 1,5%. Lồng ghép với các chương trình hỗ trợ, các hộ trong diện hộ nghèo, hộ chính sách, hộ dân tộc thiểu số đã xóa được nhiều nhà tạm, nhà dột nát, đảm bảo điều kiện

sinh hoạt cho người dân. Các gia đình nông dân cũng đã chủ động đầu tư sửa chữa nâng cấp nhà ở đảm bảo tiêu chí 3 cứng, có công trình vệ sinh, hàng rào, cổng ngõ, nhà hai công,... tạo cảnh quan chung cho khu vực nông thôn.

Với tư cách là công dân, trên cơ sở hiểu biết và nắm bắt, cập nhật những quy định của pháp luật, nông dân có ý thức tuân thủ pháp luật, luật lệ giao thông, tham gia các tổ tự quản thôn để phối hợp công an địa phương tuần tra, giữ gìn an ninh trật tự khu dân cư. Nông dân các xã giáp biên giới tham gia đấu tranh tố giác tội phạm buôn lậu, bán hàng cấm, đồng thời vận động người thân không sa vào con đường nghiện ngập, ma túy, không để các nhóm phản động lôi kéo, dụ dỗ, hành động trái pháp luật... Công tác phòng ngừa, đấu tranh tố giác tội phạm được nông dân tham gia góp phần phát hiện sớm, giải quyết dứt điểm những vụ việc xảy ra.

Bên cạnh việc loại bỏ những hủ tục, những lễ hội của các tộc người đang bị mai một cũng đã được người dân chú trọng phục dựng, nhiều lễ hội, văn hóa đã được công nhận là di sản phi vật thể như: Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên (các tỉnh Tây Nguyên); Sử thi Khan của người Ê Đê (Đắk Lắk); sử thi Ot Ndrong của người Mnông (Đắk Nông); sử thi Hơmom của người Ba Na (Gia Lai); sử thi Hơmom của người Ba Na - Rơ Ngao (Kon Tum); dân ca Nau M'Pring của người M' Nông (Đắk Lắk); lễ "Ét đông" của nhóm Giơ Lâng (Ba na) (Kon Tum); nghề dệt thủ công truyền thống của người Ba Na (Kon Tum); lời nói vắn của người Ê đê; lễ mừng thọ của người M' nông (Đắk Lắk); góp phần nâng cao đời sống tinh thần của người nông dân đồng thời phát huy và bảo tồn nét đậm đà bản sắc văn hóa đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.

Theo kết quả điều tra khảo sát của tác giả luận án, trong thực tiễn triển khai xây dựng nông thôn mới, tổ chức thực hiện là giai đoạn chuyển biến từ nhận thức đến hành động của chủ thể. Xây dựng nông thôn mới là quá trình đảm bảo tính dân chủ, công khai, minh bạch để dân biết, dân bàn, dân quyết,

dân làm. Việc người dân có quyền được nhận thông tin, bàn bạc, trao đổi trước về những dự định mà cán bộ sẽ triển khai, điều này có thể xem như là một quyền cơ bản của công dân. Khi được hỏi “Ở địa phương ông/bà có được biết, thông báo, bàn bạc, trao đổi trước về những tiêu chí mà địa phương dự định chuẩn bị xây dựng, thực hiện hay không? Theo biểu đồ 3.6, Kết quả thu được là 97,2% nông dân đưa ra câu trả lời “Có” được biết, thông báo, thông tin, bàn bạc, trao đổi trước khi địa phương dự định triển khai các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Những biểu hiện và mức độ tham gia của nông dân trong tổ chức xây dựng nông thôn mới, biểu đồ 3.7 như sau: Khi bàn luận, thảo luận trong các buổi họp cộng đồng: 57,3% nông dân “Đi họp đông đủ”; 52,4% nông dân “Lắng nghe và đồng thuận cao”; 41,2% nông dân tham gia “Phát biểu ý kiến cá nhân tại cuộc họp”. Đây là dạng câu hỏi người tham gia trả lời được lựa chọn nhiều ý, tỷ lệ trên đã thể hiện phần lớn những biểu hiện của đa số nông dân trong quá trình tiếp nhận thông tin và phản hồi thông tin. Nhìn chung, chủ yếu nông dân tham gia các cuộc họp đều thể hiện sự đồng thuận, ủng hộ chủ trương cách làm cán bộ địa phương đề xuất.

Về nguồn kinh phí xây dựng nông thôn mới, 84,6% nông dân được hỏi xác định kinh phí từ ba nguồn chủ yếu là Nhà nước, chính quyền địa phương và người dân. Trong thực tiễn tổ chức triển khai thực hiện, chính quyền huy động nông dân tham gia ủng hộ với tư cách đại diện hộ gia đình, các hình thức ủng hộ tương đối đa dạng, biểu đồ 3.8 cho thấy: 64,5% “Tự nguyện ủng hộ trong khả năng tài chính gia đình”; 39,3% “Đóng góp theo quy định”; 32% “Quy đổi thành ngày công lao động”; 29,7% “Hiến đất”; 9,1% “đóng góp bằng các hình thức khác”. Về cơ bản, khả năng đóng góp, ủng hộ, huy động kinh phí đối ứng của nông dân phụ thuộc chủ yếu vào thu nhập từng hộ gia đình. Mức thu nhập của các hộ nhìn chung không đồng đều, do đó, mức huy động từng khu vực, buôn, thôn, xã... cũng sẽ không thể

nhau. Nhận thức được vấn đề này, các địa phương đã linh hoạt trong phương án huy động kinh phí.

Cụ thể biểu đồ 3.5 cho thấy, 71% nông dân lựa chọn phương án các khoản đóng góp phù hợp với thu nhập của nông dân; có 9% nông dân còn cho rằng thấp hơn so với thu nhập của họ. Như vậy, có đến 80% nông dân, chiếm tỷ lệ đa số đánh giá mức huy động của chính quyền địa phương là phù hợp so với thu nhập của gia đình các hộ nông dân. Điều này tạo động lực để nông dân tự nguyện, tích cực ủng hộ, đóng góp trong điều kiện của gia đình, mà không cảm thấy áp lực kinh tế. Mặt khác, bằng sự linh động trong hình thức đóng góp giúp nông dân tự tin hơn đối với cộng đồng, lảng giềng nếu họ không có đủ điều kiện kinh tế như những gia đình khác.

Vì vậy, khi người dân tham gia đóng góp đồng nghĩa với việc họ cũng tham gia quyết định trong việc sử dụng kinh phí khi xây dựng các tiêu chí ở địa phương. 62,9% nông dân cho rằng “Cộng đồng người dân và chính quyền cùng bàn bạc quyết định việc sử dụng kinh phí”.

- Khi nông dân tham gia và hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, bảng 3.2 tiêu biểu một vài hoạt động trong thực tiễn được triển khai. Mức độ từ thấp đến cao, từ “hiếm khi” đến “đôi khi”, “thường xuyên”, “tích cực”.

Nông dân tự đánh giá mức độ “Hiếm khi” đến “tích cực”, với mức điểm đánh giá trên trung bình (3.53 điểm/4 điểm). Cho thấy các hoạt động này nông dân đã biết, đã tham gia làm và đã được triển khai, thực hiện rộng rãi trong giai đoạn vừa qua. Các mục như “nắm bắt thông tin về kế hoạch, dự kiến thực hiện tiêu chí nông thôn mới”; “Tham gia thực hiện các công việc của dự án”; ở mức độ “tích cực” chiếm tỷ lệ cao hơn 60% trở lên. Những công việc như: Tham gia giám sát sử dụng kinh phí; Giám sát triển khai, kiểm định chất lượng thi công các công trình; Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao cộng đồng; Học tập, triển khai các mô hình phát triển kinh tế hộ gia đình;

Trao đổi, bàn bạc tìm giải pháp để xây dựng nông thôn mới; ở mức độ “thường xuyên” chiếm tỷ lệ từ 40% trở lên. Nếu tính tổng cả hai cột mức độ “thường xuyên” và “tích cực”, đạt tỷ lệ lên đến trên 80%.

Nhìn chung, trong tổ chức thực hiện nông dân chủ yếu thể hiện ý thức trách nhiệm bằng cách tham gia trực tiếp vào những công việc, phần việc, hoạt động cụ thể như phát triển kinh tế, tổ chức lại sản xuất, xây dựng hạ tầng thiết yếu, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, xây dựng đời sống mới và quản lý xã hội, xây dựng và giữ gìn cảnh quan, bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh trật tự... Họ tham gia góp ý, góp công, góp sức, góp tiền, góp đất, góp hiện vật, thời gian và nhiều loại tài sản hữu hình, vô hình khác vào các hoạt động này. Điều đó cho thấy, họ thực sự trân trọng, tin tưởng vào những thành quả chung từ chương trình xây dựng nông thôn mới đã tạo dựng được, đồng thời nhiệt tình, tích cực cùng chia sẻ, đồng hành, gánh vác trách nhiệm với cộng đồng.

3.2.1.3. Ưu điểm về ý thức trách nhiệm của nông dân Tây Nguyên đối với bảo vệ và phát huy kết quả đạt được trong xây dựng nông thôn mới

Theo báo cáo các địa phương, người dân đã thể hiện ý thức trách nhiệm cao trong việc giữ gìn thành quả chung trong xây dựng nông thôn mới. Họ chủ động tham gia vào các hoạt động bảo trì đường sá, chăm sóc cây xanh, giữ gìn cảnh quan. Cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng nông thôn sau khi hoàn thành tiêu chí công nhận nông thôn mới, được người dân đưa vào sử dụng hiệu quả. Hệ thống đường nông thôn được mở rộng, phục vụ giao thông nông thôn đồng thời góp phần thuận lợi trong quá trình thông thương nông sản của nông dân. Xe thu mua có thể vào đến tận vườn, rẫy, vựa của nông dân mà không còn gặp nhiều trở ngại như trước. Ngoài ra, các địa phương duy trì một khoản quỹ trích từ huy động đóng góp của các nông hộ, giành cho công tác bảo trì, bảo dưỡng đường xá định kỳ, trả tiền điện các công trình công cộng.

Thông qua xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu đã làm cho cảnh quan môi trường thay đổi, diện mạo nông thôn khởi sắc, người nông dân ý thức hơn trong “làm đẹp” môi trường sống từ trong nhà ra ngoài ngõ, nơi sinh hoạt cộng đồng. Nông dân đã dần hình thành thói quen phân loại và xử lý rác thải sinh hoạt. Một số địa phương như Lâm Đồng, Gia Lai đã có doanh nghiệp đến đầu tư công trình xử lý chất thải rắn. Các bao bì thuốc bảo vệ thực vật cũng được nông dân ý thức thu gom và xử lý, hình thành ý thức “làm sạch” cả trong những thói quen sinh hoạt hằng ngày góp phần bảo vệ môi trường, bảo vệ cộng đồng, gia đình và sức khỏe của chính mình. Đặc biệt đối với vùng có đồng bào dân tộc ít người, những hủ tục lạc hậu trong sinh hoạt ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe của người dân đang từng bước được loại bỏ ví dụ như làm và ăn mắm dỏ (từng gây ra một số vụ ngộ độc); tục cúng cơm cho người đã mất (gây ô nhiễm môi trường);... Đặc biệt, từ khi nông dân được giao quản lý rừng, họ đã chủ động trồng rừng, bảo vệ và mở rộng diện tích rừng, hiện nay Tây Nguyên là vùng có tỷ lệ che phủ rừng cao nhất cả nước đạt 46%.

Duy trì hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa - thể thao - khuyến học được các hộ chủ động tham gia, tạo thành phong trào rộng khắp trong khu dân cư. Các câu lạc bộ, hội, nhóm múa xoan, đội công chiêng, các đội bóng chuyền hơi, dân vũ,... cũng được duy trì đều đặn, tạo nên đời sống tinh thần mới trong các khu dân cư. Chẳng hạn như huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum hiện đạt 15 tiêu chí/xã, huyện đã huy động nhiều nguồn kinh phí để hỗ trợ các xã xây dựng các thiết chế trong đó có thiết chế văn hóa như nhà văn hóa, nhà rong và khuôn viên văn hóa đảm bảo về diện tích thiết kế quy hoạch. Trong nhà văn hóa các xã trang bị đầy đủ tủ sách, bàn ghế, loa, tivi đảm bảo phục vụ hoạt động cộng đồng; trong khuôn viên có sân chơi bóng chuyền và một số hoạt động thể thao ngoài trời như đá cầu, cầu lông. Từ khi đưa vào sử dụng,

nhà văn hóa không chỉ là địa điểm tổ chức các buổi họp dân, thể thao, văn nghệ, lễ hội,... mà còn là nơi sinh hoạt cho các hội, nhóm, câu lạc bộ.

Điều này cho thấy ý thức trách nhiệm, khi được khơi dậy đúng mức, có thể trở thành nguồn lực xã hội quan trọng để nâng cao chất lượng cuộc sống nông dân, nâng cao đời sống tinh thần của cư dân nông thôn.

Theo kết quả điều tra khảo sát của tác giả luận án, ý thức trách nhiệm của nông dân thể hiện từ nhận thức đến tổ chức thực hiện, nông dân tham gia giữ gìn và phát huy những kết quả đã đạt được trong thang đo từ 1- Hoàn toàn không; 2-Thỉnh thoảng; 3-Thường xuyên; 4-Tích cực, tương ứng từ 1 đến 4 điểm. Kết quả bảng 3.4 cho thấy:

Phần đông các ý kiến lựa chọn tập trung ở mức độ “Thường xuyên” và “Tích cực”, điều này thể hiện mức độ chủ động tham gia vào các hoạt động bảo vệ và phát triển các tiêu chí sau khi hoàn thành của nông dân. Nguyên nhân cơ bản là do họ nhận thức được lợi ích của chương trình xây dựng nông thôn mới đem lại từ sự thụ hưởng những thành quả, sẽ trở thành động lực, trách nhiệm để họ tiếp tục tham gia, đồng thời có ý thức hơn trong tự quản, kiểm tra, giám sát, cải tạo,... Người dân có quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm hơn khi thực hiện quyền làm chủ của mình. Vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới ngày càng trở nên quan trọng, mang tính quyết định. Việc trao quyền đầy đủ cho người dân và người dân có đủ năng lực thực hiện các quyền đó không chỉ đảm bảo thành công cho quá trình phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, mà quan trọng hơn, là duy trì bền vững các tiêu chí đã được công nhận hoàn thành của nông thôn.

Nhìn chung, với các cơ sở hạ tầng thiết yếu, nếu không có sự tham gia của người dân các địa phương, không thể có đủ nguồn lực xây dựng hoặc xây dựng không phù hợp với nhu cầu thực tế, không thể duy trì hoạt động hiệu quả và đảm bảo công tác duy tu, bảo dưỡng thường xuyên, lâu dài. Vai trò của người dân chỉ có thể phát huy tốt khi họ nhận thức được giá trị của những

thiết chế nông thôn mới và trách nhiệm của họ trong việc giữ gìn, phát huy hiệu quả các thiết chế đã đưa vào sử dụng. Đây là điểm cốt yếu nhất, vì các trụ cột bền vững của phát triển nông thôn đều tùy thuộc vào ý thức tham gia thực hiện và quản lý của người dân.

Từ những thành tựu đạt được có thể khẳng định rằng, ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới đã được biểu hiện rõ nét trên ba phương diện cơ bản. *Thứ nhất*, nông dân ngày càng thể hiện sự đồng thuận, ủng hộ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; đó chính là sự chuyển hóa từ “niềm tin chính trị” thành hành động thực tiễn. *Thứ hai*, nông dân đã tích cực, chủ động tham gia vào quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cụ thể của chương trình, từ hiến đất, đóng góp ngày công, đến tham gia sản xuất, bảo vệ môi trường, qua đó cho thấy tinh thần trách nhiệm đã trở thành động lực nội sinh thúc đẩy sự phát triển. *Thứ ba*, nông dân còn phát huy vai trò là chủ thể trong việc giữ gìn, bảo vệ và phát huy những thành quả đã đạt được, coi đó không chỉ là lợi ích trước mắt mà còn là trách nhiệm lâu dài đối với cộng đồng và các thế hệ mai sau. Như vậy, ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới không dừng lại ở chỗ tiếp nhận, mà đã được nâng lên thành sự gắn kết, đồng hành và bảo vệ. Đây chính là nền tảng quan trọng để bảo đảm cho sự bền vững của chương trình xây dựng nông thôn mới trong hiện tại và tương lai.

3.2.2. Một số hạn chế về ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Tây Nguyên hiện nay

3.2.2.1. Một số nông dân Tây Nguyên chưa thể hiện rõ trách nhiệm trong ủng hộ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới

Mặc dù có nhiều ưu điểm đáng khích lệ, song ý thức trách nhiệm của một bộ phận nông dân ở Tây Nguyên trong ủng hộ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vẫn còn những hạn chế nhất định.

Theo báo cáo Bộ Kế hoạch và đầu tư về hoạt động của Hội đồng điều phối vùng Tây Nguyên năm 2024, tốc độ phát triển GRDP vùng Tây Nguyên năm 2024 ước đạt 4,85%, thuộc nhóm thấp của cả nước và chưa đạt mức bình quân mục tiêu trong giai đoạn 2021 - 2030 khoảng 7,0% - 7,5%, GRDP bình quân đầu người xếp thứ 5 trong 6 vùng kinh tế - xã hội (chỉ cao hơn vùng Trung du và Miền núi phía Bắc). Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới còn thấp đạt 62,5%, đứng thứ 5/6 vùng kinh tế - xã hội. Thực tế chỉ ra tiến độ xây dựng nông thôn mới ở Tây Nguyên còn chậm và vẫn gặp nhiều khó khăn. Số liệu này phần nào phản ánh thực trạng về nhận thức của nông dân Tây Nguyên trong xây dựng nông thôn mới còn hạn chế. Một bộ phận nông dân chưa ủng hộ chủ trương, đường lối về xây dựng nông thôn mới, chưa nhận thức đầy đủ về vai trò chủ thể, ý thức trách nhiệm của cá nhân trong xây dựng nông thôn mới. Mặc dù đã có sự chuyển biến tích cực về mặt số lượng xã đạt chuẩn, nhưng sự gia tăng này chưa phản ánh một sự chuyển dịch thực sự về chất lượng. Điều này phần nào xuất phát từ việc người dân, đặc biệt là nông dân vẫn còn tâm lý ỷ lại vào Nhà nước, xem xây dựng nông thôn mới là trách nhiệm của các cấp chính quyền, chưa thấy rõ mối quan hệ biện chứng giữa quyền lợi cá nhân và trách nhiệm cộng đồng.

Hệ thống hạ tầng giao thông, thông tin kết nối chưa đồng bộ, nguồn nhân lực chưa được huy động và sử dụng hiệu quả, chất lượng nguồn nhân lực chưa cao, thu nhập của người dân trong vùng còn thấp, còn nhiều khó khăn là một trong những nguyên nhân cản trở quá trình nâng cao nhận thức của nông dân. Trình độ dân trí không đồng đều giữa các tộc người, đặc biệt là trong các cộng đồng dân tộc thiểu số, khiến việc tiếp cận, thẩm thấu và vận dụng các chính sách về xây dựng nông thôn mới còn hạn chế. Khi năng lực tiếp nhận thông tin, phân tích và ra quyết định bị giới hạn, nông dân dễ rơi vào tình trạng thụ động, thực hiện các yêu cầu một cách hình thức, không xuất phát từ sự thấu hiểu sâu sắc về mục tiêu, ý nghĩa và giá trị lâu dài của chương

trình, tác động đến khả năng tiếp thu, nhận thức chủ trương, chính sách từ chính quyền của nông dân.

Tây Nguyên là nơi cư trú của nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số với đặc trưng văn hóa, tín ngưỡng và lối sống cộng đồng chặt chẽ. Trong một số trường hợp, những đặc điểm này có thể trở thành rào cản cho việc tiếp nhận các giá trị mới mang tính hiện đại và quy chuẩn hóa theo tiêu chí nông thôn mới. Nếu không được định hướng một cách mềm dẻo và phù hợp với văn hóa bản địa, các chính sách dễ bị hiểu lầm hoặc từ chối, dẫn đến sự kháng cự âm ỉ từ phía cộng đồng dân cư, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Ý thức ủng hộ vẫn còn mang tính hình thức ở một bộ phận nông dân, đặc biệt là ở các khu vực đồng bào dân tộc thiểu số, nơi mà trình độ dân trí và khả năng tiếp cận thông tin còn hạn chế.

Phương diện cá nhân, ý thức trách nhiệm của nông dân các tỉnh Tây Nguyên trong ủng hộ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới vẫn còn hạn chế. Kết quả khảo sát ở Biểu đồ 3.1 cho thấy, có đến 69,9% nông dân chưa nhận thức đầy đủ, toàn diện về tất cả các mục tiêu mà chương trình xây dựng Như vậy, bảo vệ và phát huy thành quả trong xây dựng nông thôn mới không chỉ là trách nhiệm sau cùng, mà là bước tiếp nối tất yếu của một tiến trình phát triển có chiều sâu và bền vững. Ý thức trách nhiệm của nông dân trong giai đoạn này chính là thước đo thực chất nhất cho sự chuyển hóa từ “thành tích” sang “giá trị sống”, từ “kết quả công nhận” sang “chất lượng hiện thực”. Khi nông dân thực sự trở thành chủ thể bảo vệ, gìn giữ và phát triển các thiết chế, thì thành quả của chương trình không còn là những con số báo cáo, mà trở thành chất liệu cho một đời sống nông thôn năng động, hiện đại và bền vững. Do đó, phát huy ý thức trách nhiệm của nông dân trong giai đoạn này không chỉ là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, mà còn là điều kiện căn bản để xây dựng một nông thôn mới thực chất, có chiều sâu văn hóa, tính hiệu quả lâu dài và khả năng tự

tái sinh, tự phát triển từ bên trong cộng đồng đề ra. Nhận định của người dân còn mang tính cụ thể, từng mặt, từng bộ phận và đặc biệt tập trung vào những thay đổi trong thực tiễn như về cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường, trạm,...), về tổ chức sản xuất mà chưa thực sự quan tâm đến các mục tiêu khác như môi trường, hệ thống chính trị, văn hóa, giáo dục... Bên cạnh đó, trên thực tế việc đánh giá, thẩm định, triển khai các tiêu chí “cứng” dễ trông thấy, nhìn thấy hơn so với những tiêu chí “mềm”, nên nhận thức không đầy đủ của đa số nông dân Tây Nguyên về mục tiêu là điều không thể tránh khỏi.

Biểu đồ 3.2 cho thấy, mặc dù chương trình xây dựng nông thôn mới đã triển khai gần 15 năm, nhưng vẫn có đến 21,7% nông dân cho rằng 10 năm sẽ hoàn thành và 12,4% nông dân những tỉnh này cho rằng 15 năm sẽ hoàn thành. Khi phỏng vấn sâu những nông dân này, nông dân 1 lý giải rằng “địa phương của họ đã được công nhận xã hoàn thành 19 tiêu chí sau 12 năm và bây giờ đang xây dựng nông thôn mới nâng cao”. Nông dân 2 lại cho rằng “họ tin và dự đoán như vậy”, “chúng tôi không rõ lắm, nên chỉ dự đoán như vậy”. Nông dân 3 là trường hợp hàng ngày đi làm thuê, tối về nhà nên không thật sự quan tâm đến thời gian xây dựng nông thôn mới của địa phương bắt đầu khi nào, đến khi nào kết thúc (Phỏng vấn sâu, tháng 4/2024).

Phương diện công dân, biểu đồ 3.3, trong khi đa số nông dân đánh giá cao tầm quan trọng của chủ thể nông dân và cán bộ địa phương, thì vẫn có một bộ phận nông dân dù không nhiều đánh giá “nhầm vai”, cho rằng nhà nước và các cơ quan Trung ương đóng vai trò rất quan trọng, họ giải thích rằng: “các quyết định đều phải được Trung ương duyệt, tiền cũng do Trung ương cho, nên Trung ương vẫn quan trọng nhất”.

Phương diện thành viên cộng đồng xã hội, biểu đồ 3.4, vẫn có 11,1% không rõ về nguyện vọng xây dựng nông thôn mới, nên đưa ra nhận định “Đạt cũng được, chưa đạt cũng không sao”; thậm chí 6,1% “không mong muốn” hoàn thành, được công nhận nông thôn mới. Khi phỏng vấn sâu

những nông dân chọn phương án này đã chia sẻ: xã của họ đã được công nhận hoàn thành nông thôn mới, tuy nhiên từ khi xã được công nhận hoàn thành nông thôn mới thì những hộ từng là hộ nghèo, hộ cận nghèo không còn được nhận hỗ trợ từ các chính sách như trước đây của xã. Họ mất đi một nguồn hỗ trợ đối với gia đình, nên không thật sự mong muốn xã được công nhận nông thôn mới (Phỏng vấn sâu, nông dân tại xã Hiếu, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, tháng 4/2024).

Điều này cho thấy, vẫn còn một bộ phận nhỏ nông dân vì những lợi ích riêng, trước mắt của bản thân và gia đình mà chưa ủng hộ nhiệt tình, có trách nhiệm đối với những chủ trương, chính sách về nông thôn mới của Đảng, Nhà nước và địa phương.

3.2.2.2. Một số hộ nông dân Tây Nguyên có biểu hiện thiếu nhiệt tình tham gia xây dựng nông thôn mới

Theo báo cáo bên cạnh những kết quả đáng ghi nhận, việc tổ chức thực hiện vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Trong khi thế mạnh của vùng Tây Nguyên là nông, lâm, thủy sản, tỷ trọng tăng từ 34,0% (năm 2023) lên 37,2% (năm 2024), nhưng năm 2024 ngành nông, lâm, thủy sản không phải là ngành chiếm tỷ trọng cao nhất trong 3 lĩnh vực (công nghiệp, xây dựng: 21,3%; dịch vụ: 37,2%). Phát triển kinh tế chưa có tính đột phá, các ngành kinh tế trọng điểm đóng góp chưa rõ nét; Tăng trưởng về nông nghiệp, lâm nghiệp chưa thật sự bền vững, chưa đóng vai trò là trụ đỡ cho phát triển vùng; Du lịch có bước phát triển nhưng chưa xứng với tiềm năng, lợi thế, thiếu sản phẩm du lịch đặc sắc. Phát triển kinh tế của vùng chưa có tính đột phá, các ngành trọng điểm đóng góp chưa rõ nét, dẫn đến tâm lý hoài nghi của người dân về hiệu quả thực tế của chương trình xây dựng nông thôn mới. Nếu người dân cảm thấy những nỗ lực của mình không mang lại kết quả rõ ràng hoặc không được ghi nhận một cách công bằng, họ sẽ dễ rơi vào trạng thái thờ ơ, lãnh đạm, hoặc chỉ tham gia mang tính hình thức. Đây là một rào cản lớn cản

được nhận diện và giải quyết từ cả phía chính quyền và tổ chức chính trị - xã hội trong vùng.

Vùng có 362/589 xã (61,5%, chỉ tiêu giao đến năm 2030 là 85%) đạt chuẩn nông thôn mới (tăng 16,4% so với cuối năm 2020), trong đó có 48 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (tăng 42 xã so với cuối năm 2020) và 16 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (tăng 16 xã so với cuối năm 2020); bình quân vùng đạt 16,7 tiêu chí/xã (tăng 1,46 tiêu chí so với cuối năm 2020). Tỷ lệ nghèo đa chiều cao ở mức thứ hai cả nước là 10,3%, với tỷ lệ hộ nghèo đa chiều 4,93%, tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều 5,38%, nguy cơ tái nghèo còn cao; Cùng với thu nhập còn thấp khiến nhiều nông dân phải ưu tiên cho các vấn đề sinh kế trước mắt. Trong hoàn cảnh đó, xây dựng nông thôn mới - với những nội dung mang tính chiến lược, lâu dài - khó có thể trở thành mối quan tâm hàng đầu. Khi chưa thoát khỏi áp lực “cơm áo gạo tiền”, nông dân có xu hướng xem nhẹ các tiêu chí phát triển bền vững như bảo vệ môi trường, phát triển cộng đồng, văn hóa hay cải cách hành chính cấp cơ sở. Hạn chế này không chỉ là vấn đề nhận thức mà còn là biểu hiện của sự giằng co giữa nhu cầu tồn tại và lý tưởng phát triển, nên có tình trạng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước vẫn tồn tại ở một số địa bàn; việc huy động sức dân chưa thật sự bền vững, chủ yếu dựa vào vận động hành chính. Điều này cho thấy ý thức trách nhiệm chưa được chuyển hóa thành động lực nội sinh mạnh mẽ ở một bộ phận nông dân.

Theo điều tra khảo sát, Bảng 3.3, khi bàn luận, thảo luận trong các buổi họp cộng đồng: 86% nông dân “Đi họp đông đủ”; 75,7% nông dân “Lắng nghe và đồng thuận cao”; biểu hiện của tinh thần trách nhiệm là đưa ra quan điểm cá nhân còn chưa cao, chỉ chiếm 27,7%. Thực tế này xuất phát từ tâm lý của người nông dân Tây Nguyên nói chung, nông dân là người DTTS nói riêng thường có phần rụt rè, ngại giao tiếp với người ngoài cộng đồng, ít thể hiện chính kiến, thường làm theo số đông. Cũng vì vậy, có đến 22% nông dân

hiếm khi tham gia bàn bạc, đóng góp ý kiến về quy hoạch, xây dựng nông thôn mới.

Bên cạnh những phong tục mang ý nghĩa nhân văn của người dân tộc thiểu số, trong dân làng vẫn còn tồn tại những hủ tục, tập tục lạc hậu, việc “xóa bỏ những tập tục lạc hậu, giữ gìn và bảo vệ môi trường” cũng hiếm khi được 22% nông dân thực hiện. Có những món ăn không đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm gây ngộ độc thực phẩm, người dân đã nhận thức và bỏ dần, nhưng vẫn còn một số tập tục, thói quen trong sinh hoạt hằng ngày của người đồng bào DTTS họ vẫn duy trì truyền qua nhiều thế hệ như: tập tục mời thầy mo về cúng khi trong nhà có người ốm đau; đập niêu đất để xua vận hạn của gia đình; tập tục cúng giỗ nhiều lần (xã Đăk Nén và xã Đăk Ring); một số ít Người M'Nâm chủ yếu ở các xã: Măng Cành, xã Hiếu và Thị trấn Măng Đen vẫn chế biến món ăn theo tập tục làm “*Mắm dố*” là không đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân, dễ dẫn đến tử vong do suy hô hấp hoặc viêm não; điển hình là vụ ngộ độc thức ăn tại làng Kon Kum, xã Măng Cành [22].

Thực tế trên cho thấy, những hủ tục, thói quen, nếp nghĩ lạc hậu còn tồn tại trong một bộ phận nông dân đã ảnh hưởng không nhỏ tới ý thức trách nhiệm của họ trong tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới. Vì vậy, việc xóa bỏ một số tập tục không còn phù hợp, phát huy phong tục tốt đẹp, nét văn hóa truyền thống để nông dân thật sự có ý thức trách nhiệm với sức khỏe, môi trường sống của chính mình và cộng đồng xã hội, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của họ trong tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhưng đầy khó khăn.

3.2.2.3. Ý thức trách nhiệm của nông dân Tây Nguyên đối với bảo vệ, phát huy kết quả đạt được trong xây dựng nông thôn mới còn nhiều hạn chế

Một trong những thách thức hiện nay đối với chương trình nông thôn mới là làm sao để duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt. Điều này gặp không ít khó khăn bởi ý thức trách nhiệm của nông dân Tây nguyên đối với việc bảo vệ, phát huy kết quả đạt được trong xây dựng nông thôn mới vẫn còn những hạn chế nhất định.

Theo các báo cáo, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân của vùng đang có xu hướng chậm lại, thấp hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của cả nước. Các tiêu chí sau khi hoàn thành, một số xã có xu hướng “chững lại”. Thậm chí một số tiêu chí bị “sụt giảm”, tính đến tháng 6/2024, Đắk Lắk có 79 xã đạt 19/19 tiêu chí nông thôn mới, trong đó 74 xã được công nhận, nhưng theo bộ tiêu chí mới, hiện nay một số xã trong số này đã bị hạ tiêu chí, các tiêu chí sụt giảm chủ yếu là tiêu chí giao thông, tiêu chí hộ nghèo và tiêu chí thu nhập. Tỷ lệ nghèo đa chiều cao ở mức thứ hai cả nước là 10,3%, với tỷ lệ hộ nghèo đa chiều 4,93%, tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều 5,38%, nguy cơ tái nghèo còn cao [56].

Nông dân ít tích cực hơn trong việc duy trì những thiết chế không thực sự phù hợp với phong tục của người đồng bào các dân tộc thiểu số như quy tập người đã mất vào nghĩa địa, tập trung buôn bán ở các chợ theo quy hoạch, một số dân tộc ít người chưa quen với việc gìn giữ vệ sinh môi trường sống như không có công trình vệ sinh gia đình, không phối hợp với địa phương trong thu gom rác, bảo quản công trình công cộng hay giữ gìn an ninh trật tự.

Kết quả khảo sát của tác giả luận án cho thấy, vẫn còn một tỷ lệ nhất định những nông dân chọn “hoàn toàn không”, “thỉnh thoảng” tham gia đối với việc “Giám sát triển khai, kiểm định chất lượng thi công các công trình”; “Kiểm tra, bảo quản, bảo trì đối với các tiêu chí đã hoàn thành”; “Tham gia thảo luận, bàn bạc để sử dụng hiệu quả các tiêu chí”.

Trong Bảng 3.3, mức tự đánh giá của nông dân các tỉnh Tây Nguyên trung bình 3,51/4 điểm, tuy nhiên đối chiếu với Bảng 3.2, mục “Giám sát triển

khai, kiểm định chất lượng thi công các công trình” có thể thấy chưa nhất quán trong phản ánh chức năng kiểm tra, giám sát của người dân, bởi vì có đến 20% và 22% nông dân chọn “hiếm khi”, “thỉnh thoảng”. Tác giả Luận án kết hợp phỏng vấn sâu đối với nông dân về giám sát chi tiêu cũng như chất lượng triển khai công trình trong kế hoạch xây dựng nông thôn mới của thôn, bản, xã. Câu trả lời nhận được: Ngoài ra, phỏng vấn một số nông dân về giám sát chi tiêu, kiểm tra chất lượng triển khai công trình trong kế hoạch xây dựng nông thôn mới, nông dân 1, chia sẻ: “Việc chi tiêu kinh phí của xã cũng được cán bộ xã công khai trong cuộc họp, cũng có những người được cộng đồng phân công phụ trách giám sát việc chi tiêu này. Khi cán bộ xã báo cáo, những người được phân công không hỏi gì, nói chung là đồng ý, thì người dân tham gia họp cũng đồng ý, chứ chúng tôi không biết hết được”. Nông dân 2, cho rằng: “dân có người được học nhiều, nhưng nhiều người lại ít học, nghe thì biết vậy thôi. Mà nếu có hỏi lại thì cán bộ cũng đưa giấy tờ, biên lai mua vật liệu cho xem đầy đủ. Lúc đầu cũng có vài người bàn tán không biết có thật chi như thế không? Nhưng nghĩ lại, nếu họ có muốn tham thì họ cũng đã chuẩn bị đủ giấy tờ rồi. Minh xem cho biết thôi, chứ không thể kiểm tra lại xem có đúng với thực tế hoàn toàn không” (Phỏng vấn sâu, nông dân tại xã Ea Tam, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, tháng 5/2024).

Mặt khác, qua thực địa cho thấy, nhìn chung người nông dân các tỉnh Tây Nguyên thường sống cùng bản, cùng thôn, cùng làng, cùng khu dân cư, mà rộng hơn thậm chí cùng xã. Giữa họ không chỉ có mối quan hệ láng giềng, mà còn là những người thân thuộc trong họ hàng gần, họ hàng xa của nhau. Quan hệ dòng họ, tộc người, tôn giáo, giáo xứ, xóm đạo,... nên vẫn có tâm lý ngại va chạm, ngại điều tra hỏi đến cùng. Trong một vài trường hợp, phần là do trình độ văn hóa thấp mà họ không tự tin, ngại hỏi lại thậm chí cả khi không hiểu hoặc rất ít khi đưa ra quan điểm cá nhân, phần lớn là thuận theo quyết định của cộng đồng. Do đó, đây cũng là một phần thực trạng ý

thức trách nhiệm chưa cao của nông dân các tỉnh Tây Nguyên khi thực hiện kiểm tra, giám sát trước, trong và sau đối với việc thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Nhìn chung, ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới vẫn còn bộc lộ một số hạn chế. *Thứ nhất*, sự ủng hộ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ở một bộ phận nông dân chưa thật sự sâu sắc, chưa toàn diện, còn mang tính hình thức, thậm chí thụ động, dẫn đến khoảng cách giữa nhận thức và hành động. *Thứ hai*, trong quá trình tổ chức thực hiện, vẫn còn hiện tượng nặng về trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, thiếu sự chủ động, sáng tạo và tự giác của chính người dân, khiến cho một số tiêu chí chưa đạt hiệu quả bền vững. *Thứ ba*, việc bảo vệ và phát huy các thành quả của xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương chưa được coi trọng đúng mức; tình trạng buông lỏng, thiếu kiên trì giữ gìn các chuẩn mực đã đạt được vẫn diễn ra, dẫn đến nguy cơ tái nghèo, tái lạc hậu trong cộng đồng.

Như vậy, có thể thấy ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới hiện nay vẫn còn khoảng trống giữa nhận thức và hành động, giữa sự hưởng ứng ban đầu và sự gắn bó lâu dài. Những hạn chế này đặt ra yêu cầu khách quan phải có giải pháp toàn diện, vừa phát huy những mặt tích cực đã đạt được, vừa khắc phục triệt để những yếu kém, nhằm hướng tới xây dựng nông thôn mới thực chất, bền vững và giàu bản sắc văn hóa.

Thực trạng trên xuất phát từ những nguyên nhân sau:

Nguyên nhân của những ưu điểm:

Thực tiễn xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh Tây Nguyên cho thấy, sự chuyển biến tích cực trong ý thức trách nhiệm của nông dân không phải là hiện tượng ngẫu nhiên, mà bắt nguồn từ nhiều điều kiện lịch sử - xã hội, chính trị - pháp lý, văn hóa - tinh thần cụ thể. Có thể khái quát một số nguyên nhân cơ bản sau:

Thứ nhất, Chương trình xây dựng nông thôn mới được xác định với mục tiêu “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”, đã tạo ra một định hướng phát triển toàn diện cho đời sống xã hội nông thôn. Trong định hướng đó, nông dân vừa là chủ thể, vừa là đối tượng thụ hưởng. Việc gắn liền lợi ích trực tiếp của nông dân với mục tiêu phát triển đã khơi dậy động lực tự thân, biến lợi ích trở thành nền tảng cho ý thức trách nhiệm, thúc đẩy nông dân tham gia một cách chủ động, tích cực.

Thứ hai, kết quả khảo sát đã cho thấy đây là nguyên nhân chiếm tỷ lệ cao nhất khiến nông dân thay đổi nhận thức đó là 97% hộ được thông báo, bàn bạc trước khi triển khai tiêu chí, gần 60% các hộ tham gia họp đông đủ và góp ý tích cực. Điều đó cho thấy công tác tuyên truyền, vận động và sự đồng hành của hệ thống chính trị đã đóng vai trò then chốt. Khi thông tin được truyền tải đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, nông dân không chỉ tiếp nhận tri thức mới mà còn chuyển hóa thành niềm tin, sự đồng thuận và ý thức trách nhiệm đối với chủ trương, chính sách. Đây là điều kiện để hình thành sự gắn bó hữu cơ giữa ý chí của Đảng và nguyện vọng của nông dân.

Thứ ba, các chính sách cụ thể được ban hành phù hợp với đặc điểm, đặc thù và tính chất của Tây Nguyên đã khích lệ nông dân tham gia. Trên cơ sở ban hành Bộ tiêu chí đầu tiên về nông thôn mới đã được xây dựng và áp dụng ở cấp xã theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Các tiêu chí có định mức đạt chuẩn khác nhau theo 07 vùng sinh thái để phù hợp với khả năng thực hiện khác nhau của mỗi vùng, đồng thời tạo động lực cho các vùng phấn đấu vượt qua khó khăn trở ngại riêng. Xây dựng nông thôn mới là thực hiện ở tất cả các địa phương trên cả nước. Do đó chính sách càng minh bạch, cơ chế giám sát và đối thoại càng dân chủ thì nông dân càng nhận thức rõ quyền và nghĩa vụ của mình, từ đó chuyển hóa thành trách nhiệm trong hành động. Điều này thể hiện một logic: sự minh

bạch - công bằng trong quản trị xã hội chính là chất xúc tác cho ý thức trách nhiệm cộng đồng được phát huy.

Thứ tư, sự nâng cao về trình độ dân trí và năng lực hội nhập của nông dân đã góp phần tạo ra một lớp chủ thể mới, biết làm chủ khoa học - công nghệ, biết sáng tạo trong sản xuất, biết xây dựng thương hiệu nông sản, hàng hóa. Tri thức trở thành “sức mạnh mềm” giúp nông dân củng cố ý thức làm chủ, trách nhiệm với sản phẩm lao động, với cộng đồng và với tương lai phát triển bền vững. Đặc biệt, người nông dân Tây Nguyên khi tham gia vào chuỗi giá trị xuất khẩu như cà phê 4C, tiêu hữu cơ, hồ tiêu Fairtrade,... buộc nông dân phải tuân thủ các tiêu chí nghiêm ngặt về môi trường, lao động, điều kiện việc làm,.. Nhờ vậy, họ hiểu rằng trách nhiệm với thiên nhiên và cộng đồng chính là “tấm vé” để sản phẩm vươn ra thế giới.

Thứ năm, thành quả từ quá trình xây dựng nông thôn mới như cơ sở hạ tầng được cải thiện, mức sống và chất lượng cuộc sống nâng cao, đã trở thành nguồn cổ vũ, khích lệ tinh thần mạnh mẽ. Khi nông dân cảm nhận rõ lợi ích thực tế trong đời sống hàng ngày, ý thức trách nhiệm càng được nuôi dưỡng và củng cố, bởi trách nhiệm lúc này gắn liền với sự bảo vệ và tiếp tục phát triển những thành quả đạt được.

Thứ sáu, tâm lý an tâm về sinh kế đã tạo điều kiện, cơ hội cho nông dân phát huy tư duy phản biện, khả năng sáng tạo và sự chủ động trong bàn bạc, hiến kế, tham gia các hoạt động cộng đồng. Từ chỗ chỉ là “người thực hiện”, nông dân dần trở thành “người đồng kiến tạo”, gánh vác trách nhiệm cùng Nhà nước và cộng đồng xã hội trong sự nghiệp xây dựng nông thôn mới.

Có thể nói, sự hội tụ của các nguyên nhân trên đã tạo nên nền tảng vững chắc để ý thức trách nhiệm của nông dân không chỉ dừng ở mức tuân thủ, ủng hộ, mà còn được nâng lên thành sự tự giác, tự chủ và sáng tạo. Đây chính là cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng khẳng định vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển nông thôn mới ở Tây Nguyên.

Nguyên nhân của những hạn chế:

Thứ nhất, trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở cơ sở vẫn còn biểu hiện nặng về tính hành chính, hình thức, thậm chí bao biện làm thay. Thực chất, điều này phản ánh một nghịch lý mang tính biện chứng: sự năng động của chủ trương, chính sách từ trên xuống lại gặp phải sự hạn chế khi triển khai ở cơ sở. Do đặc điểm đa dân tộc ở Tây Nguyên, việc truyền đạt chủ trương, chính sách xây dựng nông thôn mới gặp khó khăn lớn về ngôn ngữ, văn hóa. Trong nhiều trường hợp, cán bộ cơ sở không thể chuyển tải đầy đủ tinh thần và nội dung của chương trình đến từng nhóm dân cư, khiến việc tiếp nhận, thấu hiểu và đồng thuận của nông dân còn hạn chế. Đây là nguyên nhân sâu xa dẫn đến tình trạng một số nơi, cán bộ phải trực tiếp “cầm tay chỉ việc”, hoặc can thiệp hành chính để công việc triển khai đúng tiến độ, nhưng lại vô tình triệt tiêu tính tự giác và ý thức trách nhiệm vốn cần được phát huy ở nông dân.

Thứ hai, hạn chế còn bắt nguồn từ trình độ dân trí và năng lực nhận thức của một bộ phận nông dân Tây Nguyên chưa cao. Trong khi ý thức trách nhiệm là sự thống nhất giữa tri thức, tình cảm và thái độ, thì những hạn chế về nhận thức dẫn tới sự khuyết thiếu trong tình cảm và thái độ. Nông dân chưa thấy rõ lợi ích lâu dài, giá trị bền vững của xây dựng nông thôn mới, từ đó tình cảm của họ đối với công cuộc này chưa đủ sâu sắc, chưa được nâng lên thành động lực tinh thần. Vì vậy, nhiều khi việc tham gia xây dựng nông thôn mới chỉ dừng ở mức “đổi phó”, hình thức, chứ chưa trở thành một hành vi có tính tự giác, chủ động và sáng tạo.

Thứ ba, điều kiện tự nhiên và đặc điểm phân bố dân cư của Tây Nguyên cũng là nguyên nhân quan trọng. Địa hình đồi núi cao nguyên, dân cư sống rải rác thành từng buôn, làng, khoảng cách xa nhau khiến việc tuyên truyền, vận động gặp nhiều trở ngại. Người cán bộ khó có thể tập trung đông đảo nông dân để truyền đạt một cách đồng bộ; trong khi đó, quỹ thời gian của bà con chủ yếu dành cho lao động sản xuất, ban ngày đi rẫy, đi rừng, ban đêm

lại ít thuận lợi cho việc tiếp nhận thông tin. Điều này dẫn đến công tác tuyên truyền, vận động không đạt được hiệu quả mong muốn, từ đó làm chậm quá trình chuyển biến về nhận thức và hành động của nông dân trong xây dựng nông thôn mới.

Thứ tư, đời sống vật chất của nông dân Tây Nguyên còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao, thu nhập bấp bênh. Chính sự chi phối của nhu cầu sinh tồn trước mắt đã khiến họ chưa thể dành nhiều sự quan tâm cho những mục tiêu chiến lược lâu dài như xây dựng nông thôn mới. Đây là sự giằng co giữa cái tất yếu và cái ngẫu nhiên trong đời sống: trong khi xây dựng nông thôn mới là tất yếu khách quan của sự phát triển, thì nhu cầu mưu sinh trước mắt lại là áp lực thường trực, kìm hãm sự phát huy ý thức trách nhiệm ở mỗi người nông dân.

Thứ năm, hiệu quả của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới sau hơn 15 năm triển khai vẫn chưa thực sự tạo ra sức thuyết phục mạnh mẽ đối với nông dân Tây Nguyên. Một số mô hình thành công, điển hình như ở Lâm Đồng, nhưng chưa đủ sức lan tỏa và truyền cảm hứng cho các tỉnh khác. Điều đó cho thấy tính chất thiếu đồng đều, thiếu tính hệ thống trong kết quả thực hiện, khiến nông dân chưa thật sự “tin” vào khả năng thành công của chương trình, từ đó chưa chủ động biến nó thành động lực nội sinh cho hành động của mình.

Thứ sáu, sự tác động của các yếu tố văn hóa - xã hội đặc thù cũng là nguyên nhân không thể bỏ qua. Nông dân Tây Nguyên vốn có đời sống tâm linh, tín ngưỡng đậm nét truyền thống, nặng về tình cảm cộng đồng buôn làng, trong khi ý thức trách nhiệm đối với một chương trình có tính vĩ mô như xây dựng nông thôn mới đòi hỏi sự nâng tầm từ tình cảm truyền thống lên tầm tư duy hiện đại. Khoảng cách này, nếu không được khắc phục bằng các biện pháp tuyên truyền, giáo dục và sự hỗ trợ thực tiễn, sẽ trở thành “khoảng

trông” trong ý thức, khiến nông dân khó hòa nhập một cách trọn vẹn vào công cuộc xây dựng nông thôn mới.

3.3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở TÂY NGUYÊN HIỆN NAY

Thứ nhất, một bộ phận nông dân Tây Nguyên chưa nhận thức đầy đủ mối quan hệ giữa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài trong xây dựng nông thôn mới

Xây dựng nông thôn mới là một chương trình chiến lược, được khẳng định như bước đi tất yếu trong tiến trình phát triển đất nước. Mục tiêu cốt lõi của chương trình không nằm ở việc hoàn thành những chỉ tiêu định lượng hay những công trình vật chất cụ thể, mà là sự chuyển biến về chất lượng đời sống của người dân nông thôn theo hướng bền vững, văn minh và tự chủ.

Tuy nhiên, ở nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số tại Tây Nguyên, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa, việc triển khai chương trình không tránh khỏi khó khăn do chính tâm lý và nhận thức của một bộ phận người dân. Nhiều trường hợp còn thiếu tinh thần trách nhiệm, thiếu sự gắn bó và thái độ tích cực đối với công cuộc xây dựng nông thôn mới. Điều này không chỉ xuất phát từ hạn chế về trình độ, mà còn từ tâm lý lo ngại “thoát nghèo là mất quyền lợi”. Thực tế, chính sách dành cho vùng đặc biệt khó khăn trong những năm qua mang lại nhiều hỗ trợ thiết thực như miễn giảm học phí, hỗ trợ y tế, bảo hiểm, tín dụng, đào tạo nghề, giải quyết việc làm. Nhưng nghịch lý nảy sinh khi việc đạt chuẩn nông thôn mới hoặc thoát nghèo đồng nghĩa với việc chấm dứt các ưu đãi này, dẫn đến xu hướng trì hoãn, thậm chí thụ động hoặc chống đối chủ trương, phong trào của Nhà nước. Nói cách khác, đã xuất hiện sự xung đột giữa lợi ích cá nhân ngắn hạn với lợi ích cộng đồng và lợi ích phát triển lâu dài.

Xét trên bình diện lý luận, khi lợi ích cá nhân chưa được soi chiếu trong quan hệ biện chứng với lợi ích chung, thì ý thức trách nhiệm dễ bị lệch lạc,

thậm chí tha hóa. Lợi ích kinh tế ngắn hạn, nếu không gắn kết với mục tiêu phát triển bền vững và tinh thần trách nhiệm công dân, sẽ trở thành lực cản đối với sự vận động đi lên của đời sống xã hội.

Về phương diện chính sách, tâm lý ngại “ra khỏi diện hộ nghèo” cũng phản ánh khoảng trống trong cơ chế hỗ trợ. Khi các chính sách tập trung nhiều vào bảo đảm quyền lợi trước mắt mà thiếu cơ chế khuyến khích vươn lên, vô hình trung lại tạo ra tâm lý duy trì tình trạng nghèo để được hưởng lợi. Một số điều chỉnh gần đây của cơ quan quản lý đã bước đầu tính đến lộ trình hỗ trợ chuyển tiếp khi hộ dân thoát nghèo, nhằm giảm “cú sốc” về kinh tế - xã hội, đồng thời kích lệ tinh thần tự lực, song hiệu quả thực tế vẫn cần tiếp tục được kiểm chứng.

Từ thực tiễn có thể thấy, vấn đề này không chỉ nằm ở phía người dân mà còn bộc lộ hạn chế trong công tác tuyên truyền, vận động và quản lý chương trình. Ở nhiều nơi, vai trò giải thích, thuyết phục của cán bộ cơ sở chưa thật sự phát huy; thông điệp cốt lõi “xây dựng nông thôn mới không phải là mất quyền lợi, mà là nền tảng để phát triển bằng chính nội lực” chưa được truyền đạt một cách sâu sắc và thuyết phục.

Tóm lại, ý thức trách nhiệm của một bộ phận nông dân Tây Nguyên trong xây dựng nông thôn mới vẫn bị chi phối mạnh bởi lợi ích ngắn hạn và tâm lý ỷ lại vào chính sách. Nếu mâu thuẫn giữa “được hỗ trợ” và “tự phát triển” không được hóa giải, thì mục tiêu căn bản của chương trình - phát triển nông thôn bền vững trên nền tảng nội lực và sự tự chủ của người dân - khó có thể hiện thực hóa. Điều đó đòi hỏi sự kết hợp hài hòa giữa giáo dục, chính sách và truyền thông, qua đó từng bước hình thành ý thức trách nhiệm cộng đồng và niềm tin vững chắc vào con đường phát triển mà chính người dân là chủ thể kiến tạo.

Thứ hai, mâu thuẫn giữa nỗ lực của hệ thống chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới và sự hạn chế trong ý thức trách nhiệm của nông dân Tây Nguyên đối với việc gìn giữ, phát huy các thành quả đã đạt được.

Một trong những mục tiêu cốt lõi của xây dựng nông thôn mới là hình thành đời sống văn hóa phong phú, khơi dậy tinh thần cộng đồng, để người nông dân yêu và tự hào về quê hương mình. Các thiết chế văn hóa - nhà văn hóa thôn, khu thể thao, không gian sinh hoạt cộng đồng - ra đời nhằm tạo điều kiện cho các hoạt động văn nghệ, thể thao, giao lưu cộng đồng, góp phần xây dựng lối sống lành mạnh, gắn bó và đoàn kết. Thế nhưng, thực tế ở Tây Nguyên cho thấy, nhiều công trình được xây dựng nhưng lại không được khai thác đúng mức. Tỷ lệ người dân thường xuyên tham gia các hoạt động văn nghệ, thể thao chỉ dao động khoảng 15% - 17%; nhiều nhà văn hóa thôn bản chủ yếu được sử dụng để họp dân, sân thể thao bị bỏ hoang, thiết bị xuống cấp mà không được bảo trì. Khoảng cách giữa công trình vật chất và nhu cầu văn hóa thực chất của cộng đồng là khá rõ nét.

So với các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ, sự khác biệt càng trở nên rõ nét. Tại các địa phương duyên hải như Quảng Ngãi (cũ), Bình Định (cũ) hay Khánh Hòa (cũ), Bình Thuận (cũ), các thiết chế văn hóa - thể thao, dù còn hạn chế về quy mô và điều kiện kinh phí, vẫn thường xuyên gắn kết với các hoạt động lễ hội làng biển, các sinh hoạt văn nghệ dân gian và phong trào thể thao quần chúng. Chính sự gắn bó giữa công trình hiện đại với đời sống văn hóa truyền thống đã tạo ra động lực để người dân tự nguyện tham gia và duy trì hoạt động. Ngược lại, ở các địa phương thuộc Tây Nguyên (cũ), nơi đời sống văn hóa gắn với tín ngưỡng, lễ hội truyền thống và chu kỳ nông nghiệp, các thiết chế văn hóa hiện đại nếu không gắn với nội dung và phương thức tổ chức của cư dân nơi đây sẽ khó có thể trở thành nhu cầu tự thân, dẫn đến tình trạng “công trình thì có, sinh hoạt thì vắng”.

Nguyên nhân của thực trạng này có nhiều mặt. *Trước hết*, thiếu hụt đội ngũ tổ chức và hướng dẫn hoạt động văn hóa - thể thao khiến cho các thiết chế bị “đóng băng”. Báo cáo giám sát gần đây cho thấy, trên 60% cán bộ phụ trách văn hóa ở cấp xã không được đào tạo chuyên môn, chủ yếu kiêm nhiệm, dẫn đến hoạt động bị gián đoạn, thiếu tính bền vững. *Hai là*, sự hạn chế về nguồn lực tài chính cũng khiến nhiều công trình chỉ tồn tại về hình thức mà không có điều kiện duy trì hoạt động thường xuyên. *Ba là*, vai trò chủ thể của người dân chưa được phát huy; phần đông vẫn có tâm lý trông chờ vào sự phát động của các tổ chức chính trị - xã hội, phong trào qua đi thì thiết chế cũng trở nên nguội lạnh. *Bốn là*, có một khoảng cách giữa chính sách hiện đại và phong tục - tín ngưỡng truyền thống: trong khi đời sống văn hóa của đồng bào dân tộc gắn liền với nghi lễ, lễ hội theo chu kỳ sản xuất, thì các thiết chế hiện đại lại xa lạ, không hòa nhập với mạch sống tâm linh vốn có. Thêm vào đó, nhiều công trình được xây dựng theo cách “trên làm - dưới hưởng”, thiếu sự tham vấn và đồng thuận, khiến người dân không thực sự coi đó là thành quả của chính mình, và vì thế cũng không có ý thức gìn giữ.

Nhìn từ phương diện lý luận, có thể thấy rằng, khi sản phẩm của quá trình cải biến xã hội không hòa nhập với hệ giá trị và nhu cầu tinh thần của cộng đồng, thì dù hiện đại đến đâu, nó vẫn khó trở thành một bộ phận hữu cơ của đời sống xã hội. Xây dựng nhà văn hóa không thể thay thế cho việc xây dựng văn hóa của nhà, tức là những quan hệ văn hóa tự nhiên, sinh động, gắn kết và được chính cộng đồng nuôi dưỡng. Sự hạn chế trong ý thức trách nhiệm của nông dân Tây Nguyên đối với việc bảo vệ và phát huy thành quả văn hóa nông thôn mới, xét đến cùng, phản ánh sự thiếu thống nhất giữa thiết chế vật chất và nền tảng tinh thần - giữa cái được kiến tạo từ bên ngoài và cái được nuôi dưỡng từ nội tại.

Do đó, để các thành quả xây dựng nông thôn mới, đặc biệt trong lĩnh vực văn hóa, có sức sống bền vững, cần thiết phải thay đổi cả tư duy chính

sách lẫn phương thức tổ chức thực hiện. Văn hóa chỉ thực sự trở thành linh hồn của nông thôn mới khi người dân được trao quyền, được dẫn dắt, được tham gia ngay từ đầu và cảm thấy mình là chủ thể kiến tạo chứ không chỉ là đối tượng thụ hưởng.

Thứ ba, mặc dù đa số nông dân Tây Nguyên tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới, song vẫn còn một bộ phận chưa thực sự tin tưởng vào khả năng thành công của chương trình.

Doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn chiếm tỷ lệ còn thấp so với mặt bằng chung cả nước. Nguyên nhân chủ yếu là do chính sách ưu đãi chưa đủ mạnh, chưa đáp ứng đúng những nhu cầu cốt lõi của doanh nghiệp, khiến việc thu hút còn hạn chế. Khi chưa có nhiều doanh nghiệp đầu tư vào chuỗi sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản, thì việc giải quyết lao động nông thôn và xây dựng nền nông nghiệp hiện đại vẫn là thách thức. Thực tế cho thấy, phần lớn thanh niên trong độ tuổi lao động ở Tây Nguyên có xu hướng di cư đến các đô thị lớn để làm việc trong các khu công nghiệp; lực lượng gắn bó với nông nghiệp chủ yếu là người trung niên trên 45 tuổi hoặc có trình độ học vấn hạn chế, khó tìm việc ngoài khu vực nông thôn.

Trong lĩnh vực kinh tế tập thể, chỉ khoảng 7% hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả; số còn lại tồn tại dưới dạng hình thức. Mặc dù đã chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã mới, nhưng những vấn đề cốt lõi vẫn chưa được khắc phục: giám đốc hợp tác xã thường do Đảng ủy phân công thay vì do xã viên bầu chọn; phần lớn thiếu kiến thức về quản lý, kinh doanh và thị trường. Xã viên nhiều nơi chưa thực sự là chủ thể tự nguyện: họ không có đơn gia nhập, không góp vốn, không tham gia lao động theo phân công, mà chỉ mặc nhiên được coi là xã viên do gắn bó với nông thôn và sản xuất nông nghiệp.

Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) tạo ra động lực mới cho phát triển nông thôn, góp phần nâng cao thu nhập cho nông dân và khơi dậy giá trị văn hóa bản địa. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều sản phẩm OCOP lại rơi

vào tay doanh nghiệp ngoài địa phương, thay vì khai thác nguyên liệu và lao động bản địa, nâng cấp thành sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Thêm vào đó, một số tiêu chí đánh giá OCOP chưa phù hợp với bản chất “sản phẩm đặc sản”. Ví dụ, điều kiện nâng hạng từ 3 sao lên 4 sao đòi hỏi cơ sở phải sử dụng máy móc hiện đại. Trong khi đó, theo quan điểm của nhiều nông dân, nét riêng biệt của sản phẩm OCOP chính là phương thức chế biến thủ công, mang tính gia truyền, đậm bản sắc vùng miền; việc áp dụng máy móc có thể làm mất đi giá trị độc đáo này.

Liên quan đến phát triển kinh tế nông thôn, đất đai tiếp tục là trở ngại lớn. Nhiều hộ nông dân sau khi được cấp đất sản xuất lại không biết cách khai thác hoặc sử dụng kém hiệu quả, dẫn đến việc bán hoặc chuyển nhượng. Sau khi tiêu hết số tiền bán đất mà không có nghề nghiệp thay thế, họ mất tư liệu sản xuất và phải đi làm thuê. Đất đai cũng là nguyên nhân của khoảng 75% vụ khiếu kiện, khiếu kiện vượt cấp ở Tây Nguyên, trở thành một trong những yếu tố tiềm ẩn gây mất ổn định xã hội.

Ngoài ra, ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng. Rác thải sinh hoạt và chất thải chăn nuôi chưa được xử lý đúng cách, nhiều nơi xả thẳng ra kênh mương, vừa ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, vừa làm suy giảm chất lượng nông sản, phá vỡ cảnh quan nông thôn và tác động tiêu cực đến mục tiêu phát triển nông thôn mới bền vững.

Những vấn đề trên cho thấy, niềm tin của nông dân vào tính khả thi của chương trình có quan hệ mật thiết với ý thức trách nhiệm của nông dân. Khi niềm tin chưa được củng cố đầy đủ thì ý thức trách nhiệm khó có thể phát huy trọn vẹn, dẫn đến những hạn chế nhất định trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở Tây Nguyên. Thực tế này một lần nữa khẳng định mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Nếu những kết quả xây dựng nông thôn mới chưa thật sự rõ nét, bền vững, minh bạch thông tin,... thì tất

yếu sẽ tác động trực tiếp đến niềm tin, từ đó chi phối ý thức trách nhiệm và mức độ gắn bó của nông dân đối với chương trình.

Thứ tư, sự thiếu đồng bộ trong công tác lãnh đạo, quản lý và phối hợp giữa các cấp, các ngành đã làm hạn chế tính chủ động, tinh thần trách nhiệm của nông dân.

Qua thực tiễn ở một số địa phương Tây Nguyên cho thấy, mặc dù có nhiều nỗ lực, nhưng việc triển khai các tiêu chí xây dựng nông thôn mới đôi khi còn mang tính hành chính, chưa thật sự phát huy được tính tích cực, ý thức trách nhiệm của nông dân. Một số nơi còn tình trạng “trên nóng, dưới lạnh”, chủ yếu dựa vào sự vận động, chỉ đạo từ cấp trên, chưa khuyến khích được tính sáng tạo, tự giác của nông dân.

Bên cạnh đó, cơ chế phối hợp giữa chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp chưa thật chặt chẽ, dẫn đến nguồn lực phân tán, hiệu quả thấp. Khi thiếu một cơ chế đồng bộ và minh bạch, nông dân khó có điều kiện tham gia đầy đủ, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến ý thức trách nhiệm của họ đối với chương trình.

Tham khảo ở những mô hình thành công như Hàn Quốc với phong trào Saemaul Undong, chính quyền các cấp giữ vai trò kiến tạo, nhưng điểm mấu chốt vẫn là khơi dậy được tinh thần tự lực, tự cường, phát huy trí tuệ và sức mạnh cộng đồng nông dân. Tây Nguyên thuộc Nam Trung Bộ có thể học tập kinh nghiệm này để chuyển từ cách tiếp cận “vận động, huy động” sang “trao quyền, đồng kiến tạo”, từ đó hình thành ý thức trách nhiệm bền vững hơn nơi nông dân.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Luận án đã tập trung phân tích số liệu nhằm góp phần đánh giá mức độ ý thức trách nhiệm của nông dân các tỉnh Tây Nguyên thuộc Nam Trung Bộ cả trên phương diện tích cực và hạn chế ở góc độ nhận thức đối với các chủ trương, chính sách của Nhà nước và chính quyền địa phương; tham gia vào

các hoạt động cụ thể trong xây dựng nông thôn mới; tham gia kiểm tra, đánh giá, bảo vệ, phát huy những thiết chế, tiêu chí đã hoàn thành. Trong thực tiễn xây dựng nông thôn mới, đã và đang phát sinh những vấn đề đặt ra giữa mục đích của chương trình xây dựng nông thôn mới với nhận thức, hành vi của nông dân, điều này ảnh hưởng không nhỏ đối với kết quả và tính bền vững của chương trình. Nghiên cứu thực trạng xây dựng nông thôn mới và những vấn đề đặt ra để có cái nhìn khái quát bức tranh chung về ý thức trách nhiệm của nông dân Tây Nguyên nói riêng, nông dân Nam Trung Bộ nói chung hiện nay, là cơ sở thực tiễn quan trọng để tiếp tục nghiên cứu và đề ra những giải pháp từng bước khắc phục, tháo gỡ những hạn chế thực tiễn đang đặt ra.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP CƠ BẢN NÂNG CAO Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở NAM TRUNG BỘ THỜI GIAN TỚI

4.1. QUAN ĐIỂM NÂNG CAO Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở NAM TRUNG BỘ

4.1.1. Nâng cao ý thức trách nhiệm quá trình đảm bảo lợi ích vừa trước mắt vừa lâu dài cho nông dân trong xây dựng nông thôn mới

Chủ thể nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân bao gồm 3 cấp độ: vĩ mô (Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị), trung gian (Chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội và cộng đồng nông thôn) và vi mô (Chính bản thân người nông dân). Chủ thể nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân không chỉ là các lực lượng bên ngoài như Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, mà còn chính là bản thân người nông dân - với tư cách là chủ thể tự nhận thức, tự giáo dục và tự hành động trong quá trình xây dựng nông thôn mới.

Nội dung nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân là quá trình tác động toàn diện đến ý thức pháp luật và ý thức đạo đức, nhằm hình thành ở người nông dân nhận thức đúng đắn, thái độ tích cực, tinh thần tự giác, trách nhiệm với cộng đồng đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Do đó, phương thức nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân Nam Trung Bộ là hệ thống những biện pháp tổng hợp, kết hợp giữa giáo dục, tổ chức, chính sách, văn hóa,... đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và sự tự giác của người dân. Mục tiêu cuối cùng là làm cho người nông dân từ “đối tượng được vận động” trở thành chủ thể tự giác, có tri thức, có tinh thần cộng đồng, có ý thức pháp luật và trách nhiệm xã hội cao trong xây dựng nông thôn mới.

Nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới không phải là việc các chủ thể đưa ra những chủ trương hoạt động bề nổi, có tính chất khẩu hiệu mà là phải hướng đến chiều sâu đích thực từ các kết quả đạt được; không màu mè, phô trương mà những kết quả đạt được phải đảm bảo tính chắc chắn, bền vững; không vì chạy theo chỉ tiêu số lượng, thời gian, tiến độ mà phải hướng đến tính ổn định. Tinh thần trách nhiệm không phải là sự gò ép, khiên cưỡng mà là sự tự nguyện, tự giác hòa vào phong trào của quần chúng. Mục tiêu cuối cùng của xây dựng nông thôn mới là để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người nông dân chứ không chỉ là sự thay đổi diện mạo nông thôn bằng những hạ tầng kỹ thuật như điện, đường, trường, trạm mà mà quan trọng hơn là cuộc sống của người nông dân nông thôn được nâng lên cả vật chất, tinh thần.

Cùng với sự phát triển mọi mặt của đời sống xã hội, bản thân trong giai cấp nông dân có những biến đổi như sự thay đổi về cơ cấu xã hội giai cấp, tình trạng phân hóa, phân tầng ngày càng rõ rệt, mâu thuẫn xã hội trên địa bàn nông thôn diễn ra phức tạp hơn [29, tr.30-34]. Những thay đổi về mặt xã hội là biểu hiện của mâu thuẫn kinh tế, chưa được giải quyết. Do vậy, suy đến cùng, xây dựng nông thôn mới thực chất là giải quyết những vấn đề thuộc về lợi ích của giai cấp nông dân. Trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội hiện nay, trên ba lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, trọng tâm là vấn đề kinh tế. Do đó, giải quyết lợi ích kinh tế sẽ là tiền đề quan trọng để nông dân sẽ càng ý thức hơn về trách nhiệm của họ đối với xã hội nói chung và phát huy ý thức trách nhiệm trong xây dựng nông thôn mới nói riêng.

Qua kết quả khảo sát của tác giả luận án, trong tư duy và nhận thức của không ít nông dân (chiếm tỷ lệ 27%, Bảng 2.2) cho rằng mục tiêu của nông thôn mới là tổ chức sản xuất lại một cách hợp lý, nâng cao thu nhập của nông dân. Và khi phỏng vấn sâu “*Điều ông/bà mong muốn nhất là gì khi tham gia xây dựng nông thôn mới ở địa phương?*” thì 2/3 số câu trả lời nhận được là

“mong muốn thoát nghèo, phát triển kinh tế, tăng thu nhập cho gia đình,...”. Thực tế này cho thấy, lợi ích kinh tế đối với các gia đình nông dân không chỉ là nhu cầu, mà còn là động lực để họ nỗ lực tham gia xây dựng nông thôn mới với ý thức trách nhiệm cao. Do đó, giải quyết vấn đề về lợi ích là quan điểm nòng cốt trong việc đưa ra các phương hướng, giải pháp xây dựng nông thôn mới và nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân.

Xây dựng nông thôn mới trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, trong các văn bản chính thức của Đảng, Nhà nước cũng như thực tiễn đã xác lập mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam hướng đến mục tiêu tổng quát là: “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Trong đó đích hướng tới là con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công; có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc; phát triển toàn diện. Để hiện thực hóa đặc trưng này, Đảng, Nhà nước ta đã chú trọng xây dựng, phát triển hài hòa các mặt của đời sống xã hội của nhân dân Nam Trung Bộ nói riêng, nhân dân Việt Nam nói chung.

Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm chú trọng phát triển vùng Nam Trung Bộ nói chung, Tây Nguyên nói riêng, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, đầu tư toàn diện, ưu tiên những nguồn lực lớn nhằm phát triển Tây Nguyên, trên cơ sở đó bảo đảm lợi ích cho người dân Nam Trung Bộ nói chung, nông dân Tây nguyên nói riêng. Từ khi có Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (khóa IX) phát triển vùng Tây Nguyên thời kỳ 2011 - 2020 và Quyết định 168 của Thủ tướng Chính phủ về *"Phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng vùng Tây Nguyên"*, Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về *"Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"*. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về *phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. Hai văn kiện đã xác định rõ mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, Tây Nguyên nói

riêng và Nam Trung Bộ nói chung trở thành vùng phát triển bền vững, có nền kinh tế xanh, tuần hoàn; một số tỉnh trong vùng thuộc nhóm phát triển khá của cả nước. Hệ sinh thái rừng được bảo tồn và phát triển; hình thành một số khu du lịch chất lượng cao, điểm đến hấp dẫn của du khách trong và ngoài nước. Hình thành các vùng sản xuất lớn về cây công nghiệp, cây ăn quả, rau, hoa và trung tâm năng lượng tái tạo của cả nước. Hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ. Phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và quốc phòng, an ninh; người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Bản sắc văn hóa được phát huy và trở thành nền tảng để phát triển. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc; biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường.

Để đạt được mục tiêu này, một mặt, đòi hỏi cần phải phát huy được sức mạnh tổng hợp và tinh thần đoàn kết của nhân dân trong vùng, thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, mặt khác, phải bảo đảm được lợi ích của người dân, trong đó có nông dân. Phải làm sao để người nông dân hiểu rằng xây dựng nông thôn mới là đem lại lợi ích thiết thực cho họ về mọi mặt. Khi người nông dân thấy có ích, có lợi trong xây dựng nông thôn mới, họ sẽ tích cực hưởng ứng và ủng hộ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới. Khi ấy, người nông dân sẽ phát huy ý thức trách nhiệm với tư cách là chủ thể chính trong tổ chức thực hiện, vừa là chủ thể thụ hưởng các thành quả của Chương trình xây dựng nông thôn mới. Kết quả xây dựng nông thôn mới ở địa phương là tiền đề quan trọng thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên nói riêng, Nam Trung Bộ nói chung.

4.1.2. Nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới là quá trình vừa khơi dậy những ưu điểm vừa khắc phục những hạn chế của họ

Trên cơ sở quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen, V.I.Lênin đã chỉ ra đặc điểm quan trọng của giai cấp nông dân, một mặt, họ là những con người lao động cần cù, có khả năng làm cách mạng to lớn cả trong giai đoạn giành chính quyền lẫn xây dựng chính quyền. Nhưng mặt khác, nông dân là những người tư hữu nhỏ, là những người lao động chân tay, mang bản tính bảo thủ, cục bộ, không có hệ tư tưởng độc lập nên dễ dao động, dễ thay đổi, tính toán, dễ chạy theo vì lợi ích cá nhân.

Nông dân Tây Nguyên nói riêng và nông dân Nam Trung Bộ nói chung cũng mang những đặc điểm tương đồng với giai cấp nông dân Việt Nam nhưng lại sở hữu những đặc điểm khác biệt. Nông thôn đối với nông dân Tây Nguyên không chỉ là quê hương, là nơi họ được sinh ra và lớn lên, nơi diễn ra cuộc sống thường nhật của họ, đây còn là không gian sống, môi trường lao động, sản xuất, là không gian văn hóa, tâm linh,... “Làm mới” nông thôn là xây dựng, làm mới đời sống của nông dân từ cảnh quan, môi trường,... đến cơ sở vật chất phục vụ đời sống sinh hoạt của họ và nhưng hơn nữa là sự thay đổi tư duy sản xuất đã lạc hậu, manh mún, tùy tiện,... nhằm hướng nông dân tự thoát nghèo bằng phương tiện và phương pháp hiện đại hơn, phù hợp thực tiễn hơn. Tuy nhiên, cải thiện chất lượng cuộc sống của nông dân trên mọi phương diện nhưng vẫn phải giữ gìn bản sắc văn hóa, nếp sống tốt đẹp - phần “hồn” của nông thôn.

Quan điểm này cho thấy cần làm mới những điều đã cũ và giữ gìn những cái hồn cốt, cái tinh túy trong những cái cũ, đó lại chính là cái mới. Do đó, mới không có nghĩa là xóa bỏ, phủ định những điều đã cũ, mà vừa khám phá, phát hiện những cái hay, giá trị riêng có để giữ lại, bảo tồn, phát huy, đồng thời cải tiến những cái đã bị xem là lỗi thời, lạc hậu, không còn phù hợp

với thực tiễn. Song điều quan trọng là nghiên cứu, xác định được đâu là cái cũ đã lỗi thời, lạc hậu, đâu là cái cũ nhưng vẫn còn phù hợp cần phải bảo tồn, phát huy. Đặc biệt, với đặc thù là vùng có đông đồng bào DTTS sinh sống thì vấn đề phát huy tinh thần đoàn kết dân tộc; phát huy quyền dân chủ của đồng bào DTTS, phát huy nguồn lực con người, nguồn lực văn hóa, nâng cao dân trí, khắc phục các luật tục, tập quán lạc hậu của đồng bào, phương thức canh tác lạc hậu,... là yếu tố quyết định đến việc thực hiện thành công chương trình xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, việc thực hiện thành công chương trình xây dựng nông thôn mới của vùng là điều kiện, tiền đề kinh tế - xã hội quan trọng để triển khai có hiệu quả việc nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân.

Để thực hiện được nhiệm vụ này, trong thời gian qua, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đặc biệt ở các tỉnh Nam Trung Bộ đã chủ động thực hiện lồng ghép với các Nghị quyết như: Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc Hội *phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*; Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội *phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025* và Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội *phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025*.

Để thực hiện được nhiệm vụ này, cần xây dựng quan điểm tiếp tục phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của cộng đồng, đồng thời cải tiến phương thức canh tác thô sơ, lạc hậu, những nếp nghĩ, lối tư duy cổ hủ, trì trệ, những hủ tục mê tín,... vẫn còn tồn tại trong cộng đồng hiện nay. Trong đó, cần đặc biệt phát huy những ưu điểm nổi bật của người nông dân Tây Nguyên nói riêng và nông dân Nam Trung Bộ nói chung như tinh thần cách mạng, cần cù, bền bỉ trong lao động sản xuất; ý thức cộng đồng cao; sự gắn bó sâu sắc

với đất đai, môi trường tự nhiên; cùng với đó là bản sắc văn hóa phong phú, tinh thần đoàn kết trong cộng đồng làng - xã truyền thống. Đây chính là những nền tảng nội sinh quý báu góp phần tạo nên ý thức trách nhiệm cao, trở thành động lực mạnh mẽ cho sự phát triển nông thôn mới.

Tuy nhiên, vẫn cần nhìn nhận và khắc phục những hạn chế còn tồn tại, như trình độ dân trí và năng lực tiếp cận khoa học - kỹ thuật còn hạn chế; tâm lý tự ti, trông chờ vào sự hỗ trợ từ bên ngoài; tình trạng lệ thuộc vào một số mô hình canh tác kém hiệu quả; cũng như những thói quen sản xuất, sinh hoạt mang tính tập quán nhưng không còn phù hợp trong bối cảnh phát triển mới; tư tưởng bảo thủ, cùng những hủ tục, mê tín còn tồn tại. Những yếu tố này nếu không được điều chỉnh kịp thời sẽ trở thành lực cản đối với tiến trình xây dựng nông thôn mới hiện đại, văn minh và bền vững.

Mặt khác, nông dân Nam Trung Bộ không ngừng phát huy vai trò với tư cách là chủ thể của quá trình xây dựng nông thôn mới, bằng ý chí và nội lực bản thân, vươn lên trước mọi hoàn cảnh thách thức, không ngừng khẳng định giá trị của mình bằng tinh thần trách nhiệm với chính mình, với gia đình và với xã hội. Chính trong sự chuyển hóa giữa truyền thống và hiện đại, giữa những giá trị cần giữ gìn và những giới hạn cần vượt qua, người nông dân Nam Trung Bộ đang từng bước vươn lên làm chủ sự thay đổi, kiến tạo tương lai nông thôn trên dải đất miền Trung và Tây Nguyên đầy nắng và gió này.

4.1.3. Nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới phải phù hợp thực tiễn và đặc thù của địa phương

Đặc điểm địa hình, giao thông các tỉnh Nam Trung Bộ nối liền với các tỉnh lân cận bằng những tuyến giao thông đường bộ huyết mạch như quốc lộ 1A, 14B, đường Hồ Chí Minh. Ngoài đường bộ, một số tỉnh có đường hàng không, nhưng chủ yếu sử dụng cho việc đi lại của người dân, phát triển du lịch. Hàng hóa về cơ bản lưu thông bằng đường bộ, đường thủy, đường sắt là chính. Trong giai đoạn vừa qua, chương trình nông thôn mới đã từng bước

xây dựng thiết chế hạ tầng cơ sở như bê tông hóa đường liên thôn, liên bản, người dân đã tham gia hiến đất để mở rộng đường làng, ngõ, hẻm khu dân cư. Về cơ bản cho đến nay, xe ô tô đã có thể vào tận nhà, tận rẫy, vườn để thu mua nông sản của người dân. Tuy nhiên, trong giai đoạn tiếp theo, để nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới, chính quyền cần tiếp tục nghiên cứu đề ra chủ trương, chính sách phù hợp với thực tiễn và đặc thù các tỉnh Nam Trung Bộ như tăng cường đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là tập trung vào các nội dung mang tính đột phá như hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ, nhằm tạo động lực cho sự phát triển các tiêu chí khác là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của thực tiễn đang đặt ra.

Bên cạnh đó, cần quan tâm đến một số “tiêu chí cứng” vì nhiều địa phương (nhất là những huyện nghèo theo Nghị định 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ, xã nghèo, vùng sâu, vùng xa) sẽ khó đạt được các tiêu chí như chợ, nghĩa trang, khu thể thao... Mặt khác, nhiều địa phương có lối sống, phong tục tập quán lâu đời như tục chôn cất người quá cố không ở trong các nghĩa địa được quy hoạch của đồng bào các dân tộc thiểu số; hoặc chợ của xã bên cạnh cũng đã đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa của dân cư 2 xã, không cần thiết phải xây thêm chợ cho xã; bê tông hóa nhà rông, bê tông hóa nhà sàn người DTTS đang làm mất đi nét đẹp văn hóa nhà Rông, nhà sàn Tây Nguyên,... Vì vậy, việc điều chỉnh các nội dung từng tiêu chí cụ thể này cho phù hợp với tính đặc thù của từng địa phương là cần thiết.

Nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới không thể được tiến hành theo một khuôn mẫu chung, mà phải đặt trên nền tảng thực tiễn và đặc thù của từng địa phương. Bởi lẽ, mỗi vùng miền đều có những khác biệt về điều kiện tự nhiên, trình độ kinh tế, tập quán văn hóa - xã hội và hệ giá trị tinh thần, đây là mối quan hệ giữa tồn tại xã hội tác động, quyết định, chi phối đối với ý thức xã hội, mà cụ thể là nông dân, do đó cần

phải được thiết kế phù hợp với nội dung và đối tượng. Chỉ khi sự vận động và định hướng gắn với nhu cầu, lợi ích thiết thực của cộng đồng thì ý thức trách nhiệm của nông dân mới được khơi dậy một cách tích cực, tự giác và chủ động. Nói cách khác, sự hòa hợp giữa cái phổ quát của mục tiêu xây dựng nông thôn mới và cái đặc thù của địa phương chính là chìa khóa để phát huy cao nhất tinh thần trách nhiệm của nông dân. Điều này phản ánh quy luật biện chứng giữa cái chung và cái riêng, giữa định hướng chính trị - xã hội với thực tiễn sinh động của đời sống nông thôn.

4.2. GIẢI PHÁP CƠ BẢN NÂNG CAO Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở NAM TRUNG BỘ THỜI GIAN TỚI

4.2.1. Nhóm giải pháp nâng cao nhận thức, khơi dậy tính tích cực, chủ động, tự giác của nông dân

Thứ nhất, nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý

Cán bộ ở cơ sở phải bám sát thực tiễn ở cơ sở thì mới có thể thấu hiểu được đời sống của nhân dân, hiểu được tâm lý, thói quen, nguyện vọng của nhân dân, cũng như những vướng mắc trong quá trình triển khai chủ trương, chính sách xây dựng nông thôn mới ở cơ sở; từ đó có thể đề xuất các giải pháp khả thi, thiết thực và hiệu quả. Do đó, để nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong xây dựng nông thôn mới cần tăng cường công tác cử, đưa cán bộ đi thực tế cơ sở tại các xã nghèo, có người đồng bào DTTS đang sinh sống trên địa bàn, đồng thời cần xác định đây là yêu cầu và nhiệm vụ thường xuyên, là một tiêu chuẩn quan trọng trong đánh giá chất lượng và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ ở cơ sở. Muốn làm tốt công tác tuyên truyền xây dựng nông thôn mới thực hiện dân chủ ở cơ sở trong điều kiện còn nhiều khó khăn ở vùng DTTS thì các cấp, các ngành phải có định hướng rõ ràng, nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Nội dung tuyên truyền phải làm rõ được yêu cầu cấp

thiết của việc thực hiện dân chủ ở cơ sở, phải phát huy được quyền làm chủ của nhân dân.

Trước hết, đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền thông qua đội ngũ cán bộ, báo cáo viên phụ trách công tác tuyên huấn, tuyên giáo về xây dựng nông thôn mới. Đội ngũ này không những phải có hiểu biết chuyên sâu về nội dung và các hình thức, cách thức tổ chức thực hiện; hiểu biết về luật tục của đồng bào DTTS trên địa bàn, những luật tục có giá trị tác động tích cực, cũng như những luật tục lạc hậu đang kìm hãm, gây khó khăn,... mà còn phải có kỹ năng tuyên truyền (ngắn gọn, dễ nhớ, dễ hiểu, tránh sáo rỗng), nắm bắt tâm lý, thói quen, lối sống của đồng bào DTTS, có tâm huyết và tinh thần trách nhiệm cao (vì đây là một vấn đề lâu dài, không thể một sớm một chiều, do đó đội ngũ cán bộ, báo cáo viên cần phải có tâm huyết, sự kiên trì theo phương châm “mưa dầm thấm lâu” trong tuyên truyền để người dân dần tự xóa bỏ những luật tục lạc hậu, phản tiến bộ, tác động tiêu cực đến sức khỏe, sinh hoạt, lối sống, môi trường,... đồng thời phát huy những luật tục có giá trị tích cực, thúc đẩy người dân tham gia có hiệu quả vào xây dựng nông thôn mới. Đặc biệt, cần phát huy vai trò của trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng tham gia vào việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho đồng bào DTTS về ý thức trách nhiệm trong xây dựng nông thôn mới.

Nhìn chung, tùy từng nội dung cụ thể mà lựa chọn giải pháp phù hợp, song đối với đặc thù vùng này cần đặc biệt chú trọng ba phương thức cơ bản: cán bộ phải gần gũi, thấu hiểu nông dân, nêu cao tinh thần làm gương, gương mẫu đi đầu trong các phong trào xây dựng nông thôn mới ở khu dân cư; công tác tuyên truyền nên được thực hiện thông qua người đứng đầu, già làng, trưởng bản hoặc người có uy tín trong cộng đồng; và trong giao tiếp, cán bộ cần sử dụng ngôn ngữ của các tộc người để tạo sự tin cậy và đồng thuận.

Thứ hai, nâng cao nhận thức của nông dân các tỉnh Nam Trung Bộ hướng đến xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nhằm giúp cho nông dân nhận thức rõ mục tiêu tổng quát, toàn diện của chương trình xây dựng nông thôn mới cũng như nhận thức đúng đắn về ý thức trách nhiệm cá nhân đối với bản thân, đối với cộng đồng và xã hội trong xây dựng nông thôn hiện đại. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về ý thức trách nhiệm của họ trong xây dựng nông thôn mới.

Xây dựng nông thôn mới là một chủ trương đúng đắn, thiết thực của Đảng và Nhà nước nhằm nhanh chóng phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại. Vì vậy, để đạt được mục tiêu trong xây dựng nông thôn mới mà Đảng và Chính phủ đã đề ra, đòi hỏi phải tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đưa tuyên truyền đi vào chiều sâu thực chất của phong trào bằng nhiều biện pháp cụ thể như:

Một là, công tác tuyên truyền vận động người dân nói chung và nông dân các tỉnh Nam Trung Bộ nói riêng luôn được xem là giải pháp hàng đầu trong xây dựng nông thôn mới. Qua tuyên truyền, phổ biến để người dân nắm bắt được các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn và nông dân; các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kế hoạch... của các tỉnh về xây dựng nông thôn mới. Từ đó, chính quyền địa phương phân tích chỉ ra vai trò chủ thể của nông dân, giúp cho nông dân hiểu được họ đang đóng vai chính trong xây dựng nông thôn mới nên họ vừa phải có trách nhiệm vừa được hưởng quyền lợi thiết thân khi tham gia chương trình này. Họ được quyền yêu cầu cung cấp thông tin, bàn bạc, đề xuất, thiết kế, quy hoạch, quyết định, lựa chọn những phần việc, những hạng mục phù hợp sức mình trong xây dựng nông thôn mới, đồng thời họ là người thụ hưởng, hưởng lợi trực tiếp từ những thành quả đạt được từ chương trình xây dựng nông thôn mới khi hoàn thành.

Trong thời gian qua nhờ vào công tác tuyên truyền, nông thôn mới đã đạt được những thành công bước đầu đáng ghi nhận, song công tác tuyên truyền mới cần chưa đi vào chiều sâu thực chất như:

Xây dựng và duy trì các chuyên mục chuyên sâu về xây dựng nông thôn mới trên phương tiện thông tin đại chúng địa phương. Các cơ quan báo chí, phát thanh – truyền hình của tỉnh cần mở chuyên mục riêng về xây dựng nông thôn mới, bảo đảm tính ổn định, liên tục và có chiều sâu nội dung. Đồng thời, tăng thời lượng phát sóng, đa dạng hóa hình thức thể hiện (phóng sự, tọa đàm, phản ánh gương điển hình, hỏi – đáp chính sách...) nhằm truyền tải kịp thời chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và kết quả thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

Bên cạnh đó, đa dạng hóa ngôn ngữ tuyên truyền, chú trọng các dân tộc thiểu số. Trên cơ sở đặc điểm dân cư của từng địa phương, cần tổ chức phát sóng, đăng tải thông tin bằng nhiều ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số, bảo đảm nội dung tuyên truyền gần gũi, dễ hiểu, phù hợp với trình độ nhận thức và đời sống văn hóa của nông dân. Biện pháp này góp phần khắc phục rào cản ngôn ngữ, nâng cao khả năng tiếp nhận thông tin và phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới.

Hơn nữa, cần xây dựng và vận hành hiệu quả các trang thông tin điện tử về xây dựng nông thôn mới. Các địa phương cần tạo lập và duy trì các trang/cổng thông tin điện tử chuyên về xây dựng nông thôn mới, bảo đảm cập nhật thường xuyên các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, kết quả triển khai, cũng như giới thiệu các mô hình hay, cách làm hiệu quả, tấm gương điển hình tiên tiến trong nông dân. Qua đó, hình thành kênh thông tin chính thống, thuận lợi cho cán bộ và người dân theo dõi, học tập và trao đổi kinh nghiệm.

Mặt khác, song song với công tác tuyên truyền kết hợp tuyên dương, khen thưởng và nhân rộng điển hình. Thông qua các phương tiện truyền thông và nền tảng số, đội ngũ cán bộ các cấp cần chủ động phát hiện, tuyên truyền, biểu dương kịp thời các cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng nông dân tiêu biểu trong xây dựng nông thôn mới. Việc tuyên dương, khen thưởng cần được thực hiện công khai, đa dạng hình thức, qua đó tạo hiệu ứng lan tỏa, khích lệ nông

dân nâng cao ý thức trách nhiệm và tích cực tham gia các phong trào xây dựng nông thôn mới.

Hai là, tuyên truyền, vận động nông dân Nam Trung Bộ tham gia đóng góp xây dựng nông thôn mới. Cán bộ tuyên truyền cần phải làm cho người dân hiểu được những đóng góp của họ là phục vụ cho chính lợi ích của họ, chứ không phải ai khác ngoài họ. Trên cơ sở khảo sát đánh giá nội lực của nông dân thông qua khả năng của nông dân, tổ chức cho nông dân tham quan thực tế các địa phương khác để rút ra kinh nghiệm, giúp họ có sự so sánh, quyết định mức độ đóng góp của cá nhân đối với các hạng mục, phần việc của cộng đồng. Tuyên truyền để người dân thấy được vai trò, tầm quan trọng của mình khi cùng với Nhà nước chung tay xây dựng nông thôn mới, từ đó dân tích cực hưởng ứng các cuộc vận động, ủng hộ, góp công góp sức vào xây dựng các công trình công cộng. Trên cơ sở nguồn kinh phí huy động trong dân và các nguồn lực khác, cán bộ phải công khai minh bạch các khoản thu chi cho dân biết, dân tự kiểm tra, nghiệm thu chất lượng công trình, từ đó hình thành ý thức trách nhiệm trong bảo quản thành quả mà họ đã đạt được.

Mặt khác, cần động viên nông dân đóng góp ý kiến, nêu quan điểm, xây dựng kế hoạch,... ở địa phương. Cán bộ cần có thái độ nghiêm túc, lắng nghe ý kiến nông dân khi họ nêu ra vấn đề, tôn trọng, bàn bạc, thảo luận đi đến kết luận cuối cùng để người dân thấy được tầm quan trọng của họ, sự ghi nhận của cộng đồng, sẽ khích lệ họ nhiều hơn trong tham gia những công việc chung sau này, đồng thời là một trong những giải pháp để phát huy dân chủ trong đời sống thực tiễn, góp phần nâng cao vai trò của nông dân.

Ba là, tuyên truyền, vận động người dân thực hiện những phần việc, tham gia trực tiếp vào các hoạt động xây dựng nông thôn mới. Công tác tuyên truyền cần xác định đúng mục tiêu, đối tượng để làm cho người nông dân hiểu được xây dựng nông thôn mới gồm những nội dung gì? những công việc cụ thể nào? Chính quyền địa phương hoặc cán bộ phụ trách cần đánh giá mức độ thực hiện, khả năng hoàn thành để có thể mạnh dạn giao cho cộng đồng tự

làm những công trình và phần việc vừa sức, kích thích khả năng sáng tạo, trách nhiệm đối với nhiệm vụ được giao. Song trước tiên vận động mỗi người dân, mỗi hộ gia đình cần tự chỉnh trang nơi ở, đảm bảo vệ sinh, thực hiện nếp sống văn hóa, tham gia các phong trào ở khu dân cư như: *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”* và cuộc vận động *“Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”*; các phong trào, mô hình: *“Dân vận khéo”*; *“Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới”*, *“Thanh niên tình nguyện”*; *“Nhà sạch, vườn đẹp”*, *“Giỏ rác đồng ruộng”*, *“Tiếng kèng an ninh”*, *“Tuyến đường tự quản”*, *“Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững”*, *“Tuổi cao - gương sáng”*,...

Bốn là, tuyên truyền, vận động người dân tham gia giám sát, kiểm tra các hoạt động xây dựng nông thôn mới tại địa phương. Người dân có quyền chọn đơn vị thi công, nên cần giao cho họ thực hiện chức năng giám sát, kiểm tra các hoạt động mà họ không trực tiếp thực hiện. Khi phát hiện có những biểu hiện sai trái, thiếu minh bạch, không hợp lý... thì khuyến khích người dân báo cáo lên đường dây nóng hoặc các cơ quan chức năng có thẩm quyền gần nhất để kịp thời có biện pháp xử lý, khắc phục.

Năm là, cấp ủy đảng và chính quyền địa phương thường xuyên tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình tổ chức thực hiện, phát hiện những mô hình hay, tấm gương điển hình, cá nhân ưu tú,... Thông qua tuyên truyền tăng cường việc tọa đàm, trao đổi, học tập rút kinh nghiệm giữa các địa phương. Tạo điều kiện cho nông dân tiếp cận, tham quan, học tập, trao đổi, rút kinh nghiệm. Người ta cho rằng nếu anh có một quả táo, tôi có một quả táo, trao đổi với nhau thì hai chúng ta mỗi người chỉ sở hữu một quả táo. Nhưng nếu anh có một ý tưởng, tôi có một ý tưởng, trao đổi với nhau mỗi người sẽ có hai ý tưởng. Do đó, tuyên truyền là con đường nhanh nhất làm cho cộng đồng, cá nhân biết đến nhau, tìm thấy nhau, cùng nhau thực hiện, cùng nhau thành công. Nhân rộng các mô hình hay góp phần làm cho phong trào nông thôn mới nhanh chóng tiềm cận hơn với những mục tiêu đã đề ra, đồng thời tạo nên động lực cho nông dân thoát khỏi sự khủng hoảng trong lựa

chọn hướng đầu tư, khích lệ nông dân tự tin vào sự lựa chọn của chính mình, phát huy khả năng sáng tạo tiềm ẩn trong nông dân. Trên cơ sở đó phát huy, nâng cao được ý thức trách nhiệm của nông dân Nam Trung Bộ trong xây dựng nông thôn mới.

Thứ ba, khơi dậy tính tích cực, chủ động, tự giác của nông dân Nam Trung Bộ trong tự nâng cao ý thức trách nhiệm của bản thân để xây dựng nông thôn mới

Thực tế quá trình xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh Nam Trung Bộ cho thấy lực cản lớn nhất đối với việc nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân chính là trình độ dân trí của một bộ phận nông dân còn thấp, đặc biệt nông dân người đồng bào DTTS, nên họ chưa đáp ứng được yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn, chưa chủ động tiếp thu và áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Những công trình khoa học của nông dân chiếm số lượng ít ỏi, phần đông nông dân vẫn quen với lao động theo kinh nghiệm, theo nhu cầu của bản thân và gia đình, chưa có tầm nhìn vươn ra khỏi địa giới vùng miền, vẫn quanh quẩn với mô hình sản xuất tự cung tự cấp là chính,... Do đó, vấn đề cơ bản để nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới là nâng cao mặt bằng dân trí cho nông dân. Thực hiện giải pháp này sẽ góp phần giải quyết được mâu thuẫn giữa mục tiêu xây dựng nông thôn mới với nguồn lực con người khi thực hiện nông thôn mới, đồng thời khắc phục được những hạn chế trong nhận thức của nông dân, những thói quen sinh hoạt tùy tiện, cảm tính, thiếu khoa học, những thói quen trong sản xuất vốn chỉ dựa vào kinh nghiệm bản thân làm trọng từ bao đời nay.

Suy cho cùng tri thức là nền tảng của sự phát triển, do đó thông qua công tác tuyên truyền, vận động nông dân tích cực lao động, học tập để nâng cao trình độ, hiểu biết. Để thực hiện được điều này, quan trọng là tự bản thân từng chủ thể nông dân phải luôn nêu cao ý chí tự lực tự cường, năng động, sáng tạo, vượt khó ngay trong việc học, phải học mọi lúc mọi nơi, với nhiều

hình thức đào tạo bồi dưỡng khác nhau. Bằng nhiều biện pháp cụ thể, dành cho từng đối tượng cụ thể:

Một là, đối với nông dân là những người có tuổi đời tương đối cao, người DTTS mù chữ hoặc trình độ học vấn thấp, tái mù chữ. Nhóm đối tượng này nhìn chung khả năng tiếp thu tri thức có phần bị hạn chế nên cũng không thể yêu cầu cao. Vì vậy, cần phải biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Có nhiều hình thức đơn giản nhưng khá hiệu quả trong việc nông dân tự nâng cao trình độ nhận thức nói chung, kiến thức khoa học nói riêng vào trong quá trình sản xuất cho chính mình như: tham gia các khóa tập huấn hay bồi dưỡng ngắn hạn, các cuộc hội thảo đầu bờ trên thực địa có tính chất trực quan để qua đó nông dân học về kỹ năng và kỹ thuật sản xuất, mô hình sản xuất hiệu quả, giá trị cao, phù hợp điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của từng vùng đất cao nguyên...

Ngoài ra, nông dân cũng có thể học từ đọc báo nghe đài, xem truyền hình để nắm bắt thông tin, bước đầu làm quen và có kiến thức cơ bản về tiêu chuẩn, quy chuẩn trong sản xuất theo hướng GAP, kiến thức về marketing giới thiệu sản phẩm, kiến thức về thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng ký cho thương hiệu nông sản hàng hóa; hơn nữa, thông qua báo đài nông dân còn hiểu biết về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và cũng là những vấn đề liên quan đến lợi ích thiết thân của người nông dân. Đồng thời, cần phải tạo điều kiện thuận lợi trong khả năng có thể, để con cháu mình được học hành đến nơi đến chốn.

Hai là, đối với thanh niên nông thôn càng phải ra sức học tập, phải xác định học tập là một nhu cầu, học để có tri thức, học là để tồn tại và phát triển cho bản thân. Vì vậy, thanh niên nông thôn cần tự xác lập cho mình ý chí, nghị lực và khát vọng vươn lên trong cuộc sống thông qua con đường học tập để làm nền tảng cho lập thân, lập nghiệp, tự giải thoát khỏi sự lạc hậu và nghèo nàn. Trong một số trường hợp, thanh niên có thể lựa chọn những nghề mà xã hội đang cần, thời gian học ngắn, chi phí phù hợp như tham gia các

khóa học về thú y, tía cây cảnh, thủ công mỹ nghệ,... để phục vụ ngay trong ngành nông nghiệp. Ngoài ra, với tinh thần “Ly nông bất ly hương” thanh niên nông thôn với nguồn vốn vừa phải cũng có thể tham gia vào các hoạt động kinh doanh, buôn bán nhỏ hoặc học những nghề như cơ khí, điện gia dụng, điện tử, sửa chữa xe máy, xây dựng, hớt tóc, may mặc,... để phục vụ trong các ngành công nghiệp nhẹ, dịch vụ hiện nay.

Ba là, cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương cần thường xuyên rà soát, tổ chức các lớp đào tạo nghề, bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn, hỗ trợ học nghề cho nông dân. Sau học nghề, nông dân có thể ứng dụng kiến thức, kỹ năng đã học để gia tăng năng suất, hiệu quả trong trồng trọt, chăn nuôi đối với các lớp nghề nông nghiệp. Từ việc học nghề, nâng cao tay nghề, có việc làm mới, tăng thu nhập, phát triển kinh tế gia đình, góp phần hình thành ý thức, thói quen lao động đối với lao động nông thôn, tích cực chủ động tham gia học nghề, thích nghi với sự vận động của nền kinh tế thị trường và sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trên cơ sở đó phát huy, nâng cao được ý thức trách nhiệm của nông dân Nam Trung Bộ trong xây dựng nông thôn mới.

4.2.2. Nhóm giải pháp phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, giáo dục, củng cố quốc phòng, an ninh

Thứ nhất, phát triển kinh tế - xã hội nâng cao đời sống vật chất cho nông dân các tỉnh Nam Trung Bộ.

Trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII, Đảng ta xác định Chiến lược phát triển kinh tế của vùng đặc biệt các tỉnh Tây Nguyên, đó là: “Nâng cao hiệu quả các diện tích cây công nghiệp, cây dược liệu, hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến, bảo quản và phân phối, xây dựng thương hiệu sản phẩm trên thị trường quốc tế. Chú trọng khôi phục và phát triển kinh tế rừng... [23, tr.255]. Trong Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 6/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm

2045, xác định: “Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế vùng, lấy phát triển nông, lâm nghiệp là trọng tâm, trụ đỡ; phát triển công nghiệp chế biến là động lực; phát triển du lịch là đột phá. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao hiệu quả dựa trên công nghệ cao, chuyển đổi số và giá trị gia tăng cao” [12, tr.6].

Như vậy, để phát triển kinh tế vùng Tây Nguyên, trong giai đoạn tới cần tính đến đặc điểm của từng khu vực, trong đó đặc biệt chú ý đến vùng đồng bào các DTTS để có những giải pháp phù hợp và hiệu quả, qua đó phát huy ý thức trách nhiệm của nông dân. Cụ thể, hướng phát triển kinh tế vào các trọng tâm sau:

Một là, nhanh chóng xây dựng, triển khai đồng bộ các quy hoạch, kế hoạch phát triển; bảo đảm hoạt động liên kết giữa các địa phương ở quy mô nội vùng và liên vùng. Các quy hoạch, kế hoạch phải xác định tầm nhìn chiến lược, đặc biệt là vấn đề chênh lệch giữa các địa phương trong vùng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, từ đó, kiến tạo sự phát triển đồng đều giữa các địa phương. Đồng thời, Trung ương và các địa phương trong vùng cần chủ động, sớm xác định rõ về tính đặc thù của vùng, cụ thể là cần có cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp để phát huy tiềm năng, lợi thế của vùng; các cơ quan ở Trung ương cần tăng cường phối hợp với các địa phương trong vùng, khẩn trương xây dựng, hoàn thiện, ban hành, triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách ưu tiên, có tính đặc thù cho phát triển vùng và tính đến yếu tố đặc thù trong xây dựng chính sách [119], nhằm tạo nền tảng thể chế, cơ chế đặc thù, góp phần phát huy lợi thế, tiềm năng từng địa phương và có những phát triển so sánh với các vùng, miền khác trong cả nước.

Hai là, tiếp tục triển khai xây dựng nông thôn mới ưu tiên đầu tư kinh phí phát triển kinh tế - xã hội đối với xã nghèo, xã có tỷ lệ đồng bào DTTS cao, đồng thời huy động tối đa nguồn lực của cộng đồng xã hội đầu tư cho đồng bào

DTTS. Vừa tranh thủ nguồn vốn của Nhà nước, lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, phát huy tinh thần tự lực của người dân để thực hiện khát vọng vươn lên xóa đói giảm nghèo; vừa đẩy mạnh việc tổ chức liên kết sản xuất, khuyến khích các doanh nghiệp, công ty, nông trường đóng vai trò bà đỡ, liên kết làm ăn trên cơ sở sử dụng đất đai và lao động của người dân, cộng với vốn đầu tư, khoa học kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm của doanh nghiệp nhằm thúc đẩy sản xuất, chuyển dịch cơ cấu lao động ở vùng đồng bào DTTS.

Ba là, tiếp tục đẩy mạnh sản xuất kinh doanh tổng hợp nghề rừng, tổ chức khai thác tốt diện tích rừng hiện có, bảo đảm yêu cầu về tái sinh rừng; nâng cao độ che phủ rừng như đã và đang thực hiện. Việc giao rừng cho hộ gia đình nông dân, nhóm hộ, bản làng, đã tạo động lực lâu dài cho người dân tham gia quản lý, phát triển rừng, gắn bó và đầu tư khai thác có hiệu quả. Song cần chú ý và thống nhất quan điểm: Giao rừng cho nông dân là giao tư liệu sản xuất chứ không phải thuê coi rừng lấy tiền công. Do vậy, cần có những quyết sách mạnh mẽ hơn trong việc huy động người DTTS tham gia vào quá trình xã hội hóa nghề rừng. Rừng từ lâu đã gắn bó với đời sống vật chất, tinh thần, tâm linh của người đồng bào DTTS, dó đó việc duy trì phát triển nghề rừng đối với nông dân có ý nghĩa lớn không chỉ về mặt kinh tế, mà cả về mặt xã hội, tinh thần,... Sự gắn kết này sẽ là một trong những thuận lợi cơ bản trong quá trình vừa phát triển kinh tế hộ, vừa nâng cao thu nhập của gia đình nông dân.

Bốn là, phát huy lợi thế về đất đai, đưa nông nghiệp phát triển theo chiều sâu và đa dạng hóa, trong đó chú ý đến việc phát triển cây công nghiệp dài ngày; cây dược liệu quý, nghiên cứu xây dựng chính sách đồng bộ về sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cây công nghiệp; chuyển tăng trưởng từ số lượng sang tăng trưởng về giá trị; gắn nông nghiệp với công nghiệp chế biến và xuất khẩu, bảo đảm an ninh lương thực. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông lâm sản, chú trọng mạng lưới chế biến cao su, cà phê,

chè, mít, khoai lang, sắn, tiêu... theo hướng hiện đại. Phát triển các ngành công nghiệp nhẹ sử dụng lao động và nguyên vật liệu tại chỗ. Thúc đẩy thương mại dịch vụ theo hướng đa dạng, nhất là dịch vụ sản xuất, tiêu dùng của nhân dân và hoạt động xuất nhập khẩu. Tăng cường hợp tác kinh tế, thương mại giữa Vùng với các tỉnh, thành của cả nước, cùng với các tỉnh vùng biên của Lào và Campuchia.

Năm là, tổ chức lại sản xuất và đời sống ở vùng đồng bào DTTS Tây Nguyên nói riêng và Nam Trung Bộ nói chung theo hướng phát triển kinh tế hàng hóa trên nền tảng kinh tế nông hộ. Nghiên cứu, lựa chọn, xây dựng những mô hình làm ăn có hiệu quả, phù hợp với điều kiện đất đai, hạ tầng, tập quán của từng khu vực để giúp đồng bào các DTTS phát triển sản xuất, tiếp cận đầy đủ với các nguồn vốn tín dụng và dịch vụ sản xuất. Nâng cao ý thức, kiến thức và kỹ năng về sản xuất hàng hóa và phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp cho người dân. Tổ chức lại mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm đến tận bản làng; tăng cường công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, đưa nhanh công nghệ sinh học vào sản xuất, nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất, từng bước đưa sản xuất của đồng bào DTTS thoát khỏi tình trạng manh mún, nhỏ lẻ, hòa nhập vào kinh tế thị trường.

Thực hiện tốt Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn. Tổ chức sản xuất theo hướng tập trung đảm bảo an toàn thực phẩm, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (GAP, GMP, HACCP, ISO 22000...). Nghiên cứu sản xuất sản phẩm OCOP có chất lượng, tạo thương hiệu, uy tín góp phần ổn định và nâng cao đời sống vật chất cho nông dân.

Thứ hai, phát triển văn hóa - xã hội, giáo dục, nâng cao dân trí góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân các tỉnh Nam Trung Bộ.

Đại hội lần thứ XIII xác định Chiến lược phát triển văn hóa - xã hội của vùng Tây Nguyên hiện nay thuộc Nam Trung Bộ là: “Phát triển nguồn nhân lực, ổn định dân cư, ưu tiên bảo tồn và khôi phục các giá trị truyền thống, bản sắc của các dân tộc vùng Tây Nguyên” [22, tr.255]. Trong Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 6/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, xác định:

Nâng cao trình độ dân trí, đời sống vật chất và tinh thần của người dân; hình thành nếp sống văn minh, gia đình văn hóa trong đồng bào các dân tộc. Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống tốt đẹp, các di tích lịch sử, văn hóa tiêu biểu các dân tộc Tây Nguyên; duy trì và xây dựng không gian công cộng trong buôn, làng dành cho hoạt động văn hóa cộng đồng gắn với nhà Rông, nhà dài, lễ hội công chiêng; chú trọng bảo tồn và phát huy các di sản thế giới, di tích xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt, các di sản văn hóa tiêu biểu đặc trưng của vùng và di sản văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp vùng. Cải tạo, nâng cấp, xây dựng và duy trì tốt hoạt động của các trung tâm văn hóa, sinh hoạt cộng đồng từ cấp tỉnh tới buôn, làng; huy động nguồn lực xã hội hoá để đẩy nhanh tốc độ hiện đại hoá, mở rộng mạng lưới các trung tâm văn hóa ở thành phố, khu đô thị, khu du lịch trọng điểm [12, tr.9].

Gắn với quan điểm chiến lược như vậy, trong thời gian tới để phát triển văn hóa - xã hội, cải tạo môi trường và ổn định trật tự an toàn xã hội nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào DTTS ở Tây Nguyên nói riêng và Nam Trung Bộ nói chung, cần phát huy ý thức trách nhiệm của nông dân với xây dựng nông thôn mới với các giải pháp sau:

Một là, đối với lĩnh vực văn hóa.

Giữ vững nguyên tắc đảm bảo tính công khai, dân chủ, bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Sự khác nhau về điều kiện kinh tế, xã hội và khác biệt lớn trong văn hóa làm cho các nhóm người hay các nhóm dân tộc có những mối quan tâm trở nên đặc biệt hơn so với những nhóm dân tộc khác. Nước ta đang và sẽ vẫn còn một khoảng cách rất lớn về kinh tế - xã hội và văn hóa giữa các vùng miền, giữa cư dân thành thị, nông thôn và các nhóm dân tộc. Rõ ràng là chúng ta không thể đánh đồng việc áp dụng các chính sách cũng như các tiêu chí như là tiêu chuẩn chung cho tất cả các xã, thôn, bản, mà cần gắn với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội cụ thể từng địa phương, trên nguyên tắc chung là bảo tồn, gìn giữ bản sắc văn hóa nhóm dân tộc. Khi giữ gìn được những giá trị bản sắc văn hóa dân tộc, người nông dân dân tộc mới hiểu được vai trò to lớn của xây dựng nông thôn mới. Trên cơ sở đó họ phát huy, nâng cao ý thức trách nhiệm trong xây dựng nông thôn mới.

Mỗi tộc người đều có phong tục, tập quán rất đa dạng và phong phú tạo thành bản sắc văn hóa riêng. Văn hóa này thấm đẫm và trường tồn trong đời sống, tâm hồn của người dân nói chung và nông dân nói riêng. Xây dựng các tiêu chí về văn hóa cần xác định là sự kết hợp hài hòa bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của tộc người với tinh hoa văn hóa của nhân loại. Việc lựa chọn và kết hợp giữa các giá trị văn hóa phải chọn được những quy phạm tốt đẹp và được đánh giá, cập nhật thường xuyên theo các tiêu chí cụ thể. Cần trang bị kiến thức về phong tục tập quán cho cán bộ để họ hiểu về văn hóa, về tâm lý tộc người nhằm vận dụng một cách hài hòa, đồng thời thắt chặt tình đoàn kết giữa các dân tộc, tránh nhìn nhận chủ quan, áp đặt, một chiều, thiếu khoa học. Cần quy hoạch tổng thể làng ở Tây Nguyên cũ theo từng cụm dân cư, từng tộc người cụ thể. Giải pháp này không những giúp chúng ta thuận lợi hơn trong công tác xây dựng mô hình làng văn hóa mà còn phát huy tốt ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Tây Nguyên cũ nói riêng.

Tiếp tục kết hợp chặt chẽ với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” nhằm khắc phục những vấn đề về tư tưởng đạo đức, lối sống và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong từng gia đình, bản làng, vận động nhân dân xây dựng nếp sống văn minh, lối sống lành mạnh, bài trừ những hủ tục, luật tục lạc hậu và các tệ nạn xã hội. Đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” với chất lượng cao hơn, toàn diện hơn, thu hút được đông đảo nông dân tham gia.

Một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân Nam Trung Bộ đối với tiêu chí văn hóa là thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa cộng đồng, bao gồm: lễ hội truyền thống, nghi thức sinh hoạt tín ngưỡng dân gian, các không gian trình diễn, giới thiệu và quảng bá sản phẩm văn hóa đặc trưng của địa phương như nhà rông, công chiêng, đàn đá, trang phục dân tộc, ẩm thực truyền thống... Đồng thời, tổ chức các chương trình triển lãm chuyên đề, giao lưu văn hóa giữa các tỉnh trong vùng, hoặc giữa các vùng,... Những hoạt động này không chỉ tạo không gian giao lưu, gắn kết cộng đồng mà còn khơi dậy niềm tự hào, trách nhiệm gìn giữ văn hóa truyền thống nơi người nông dân - đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số - trong quá trình xây dựng nông thôn mới.

Cùng với đó, cần xây dựng chiến lược và kế hoạch tổng thể, lâu dài trong phát triển các mô hình làng văn hóa gắn với sinh kế bền vững, phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng dựa trên nền tảng văn hóa bản địa. Khi người dân trở thành chủ thể thực sự trong hoạt động bảo tồn văn hóa và phát triển kinh tế - thông qua việc làm chủ di sản, làm chủ không gian sống, làm chủ mô hình phát triển du lịch - họ không chỉ có thêm thu nhập mà còn trở thành người quảng bá văn hóa, là cầu nối đưa các giá trị truyền thống lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

Đặc biệt, cần phát huy vai trò của đồng bào các dân tộc Nam Trung Bộ trong công tác bảo tồn và “bảo tàng hóa” di sản văn hóa truyền thống - cả theo hướng tĩnh (bảo tàng) và động (gắn liền với đời sống sinh hoạt hàng ngày). Bài học từ các quốc gia trong khu vực như Lào, Thái Lan, Indonesia cho thấy, việc kết hợp hài hòa giữa bảo tồn, trình diễn và thương mại hóa có chọn lọc các giá trị văn hóa đã mang lại hiệu quả kép về kinh tế và bảo tồn.

Ngoài ra, để nâng cao nhận thức văn hóa một cách bền vững, cần xác lập một định hướng giáo dục văn hóa dân tộc ngay từ trong hệ thống giáo dục phổ thông. Việc quy định tỷ lệ nhất định - thậm chí bắt buộc - về nội dung liên quan đến văn hóa các dân tộc thiểu số trong chương trình, sách giáo khoa là hết sức cần thiết. Đây là cách giáo dục giá trị và vai trò của văn hóa không chỉ cho học sinh mà còn lan tỏa ra toàn xã hội thông qua môi trường học đường và môi trường cộng đồng, tạo nền tảng hình thành ý thức trách nhiệm văn hóa từ thế hệ trẻ đến các chủ thể nông dân đang trực tiếp tham gia xây dựng nông thôn mới.

Hai là, đối với lĩnh vực xã hội

Đại hội XIII của Đảng xác định: “Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, tiến tới bao phủ toàn dân với các chính sách phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro cho người dân, bảo đảm trợ giúp cho các nhóm đối tượng yếu thế” [12, tr.150]. Đối với nông dân Nam Trung Bộ, vấn đề đặt ra là phải đảm bảo việc làm, khắc phục tình trạng thiếu việc làm nghiêm trọng và việc làm thu nhập thấp trong nông nghiệp nông thôn, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhà nước, chính quyền địa phương có chính sách hỗ trợ và khuyến khích phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn (chính sách thuế, đất đai, tín dụng...); hỗ trợ dạy nghề cho nông dân và hỗ trợ phát triển thị trường lao động nông thôn; thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn; di

chuyển lao động, nhất là thanh niên từ nông thôn vào các khu công nghiệp, khu chế xuất làm việc, tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân. Tăng đầu tư và ngân sách cho việc thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu về phát triển xã hội, an sinh xã hội như việc làm, phát triển nguồn nhân lực, dạy nghề, xuất khẩu lao động; giảm nghèo;... Tạo cơ hội để người nghèo, hộ nghèo ổn định cuộc sống và có việc làm, tăng thu nhập, đẩy nhanh tiến độ giảm nghèo; tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ sản xuất, dịch vụ xã hội, dịch vụ pháp lý; giảm thiểu bất bình đẳng về thu nhập và mức sống giữa các khu vực; bảo vệ phụ nữ và trẻ em; tăng thu nhập bình quân đầu người của các hộ nông dân nghèo...

Thực hiện tốt chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo trợ xã hội và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản cho đồng bào DTTS một cách đồng bộ và có hiệu quả. Chẳng hạn như: Hình thức bảo hiểm xã hội tự nguyện cho người dân cùng với một số chế độ bảo hiểm y tế cho người nghèo, bảo hiểm y tế tự nguyện và cho trẻ em thuộc các chương trình mục tiêu đang được thực hiện...; Cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản bao gồm giáo dục cơ bản (giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, xóa mù chữ cho người lớn...); chăm sóc sức khỏe ban đầu (chương trình sức khỏe cộng đồng, dịch vụ y tế cơ sở từ tuyến huyện trở xuống, chương trình quốc gia về dinh dưỡng...); dân số và kế hoạch hóa gia đình (sức khỏe sinh sản, sức khỏe vị thành niên, kế hoạch hóa gia đình...); cung cấp nước sạch sinh hoạt... phải được các cấp, các ngành, các tổ chức của các Tỉnh triển khai có hiệu quả và mang lại hiệu ứng xã hội tốt. Các chính sách hỗ trợ người nghèo về nhà ở, chính sách trợ giúp pháp lý, chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo... cũng cần được triển khai sâu rộng, hiệu quả tới từng thôn bản. Trên cơ sở đó phát huy, nâng cao được ý thức trách nhiệm của nông dân Nam Trung Bộ trong xây dựng nông thôn mới.

Với đặc thù của người nông dân Tây Nguyên cũ chủ yếu là đồng bào các dân tộc thiểu số gắn với phong tục, tập quán, văn hóa truyền thống đặc

trung của từng dân tộc, cho nên việc quy hoạch xây dựng nông thôn mới cần trên cơ sở gắn với phát triển văn hóa truyền thống Tây Nguyên, văn hóa truyền thống các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ. Cho nên, cần quy hoạch lại các làng dân tộc thiểu số, có các mô hình làng văn hóa như mô hình “Làng văn hóa thuần dân tộc” (Làng văn hóa từng dân tộc) hoặc “Làng văn hóa theo nhóm dân tộc” (Làng văn hóa)... nhằm xây dựng không gian văn hóa truyền thống, từ đó tạo tiền đề cho người nông dân thuận lợi hơn trong quá trình bảo tồn, phục dựng cũng như phát triển văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới.

Đồng thời, cần có các biện pháp để tăng cường diện tích trồng rừng, phục hồi và giữ rừng, xử lý nghiêm các hành vi phá hoại rừng và giao đất rừng cho cộng đồng, nông dân tham gia quản lý, tạo môi trường xanh, sạch, đẹp và thuận lợi cho việc thực hành văn hóa của các dân tộc Nam Trung Bộ. Như thế họ vẫn được sống trong không gian văn hóa của dân tộc mình và vẫn có điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

Ba là, phát triển giáo dục, nâng cao dân trí cho nông dân, đặc biệt nông dân người DTTS.

Đại hội XIII của Đảng xác định:

Tiếp tục đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư...; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất, nâng cao tầm vóc con người Việt Nam [12, tr.135-137].

Để phát triển giáo dục, làm tiền đề cơ sở phát huy ý thức trách nhiệm của nông dân đặc biệt vùng đồng bào DTTS, thiết nghĩ trong thời gian tới cần thực hiện đồng bộ các biện pháp sau đây:

- Xây dựng và hoàn thiện tiêu chí giáo dục theo hướng hiện đại về cơ sở vật chất. Xây dựng thiết chế văn hóa giáo dục là xây dựng hệ thống các trường học từ mầm non đến đại học, các trường dân tộc nội trú, các trường dạy nghề, các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, thành phố; hệ thống phát thanh truyền hình, truyền thanh; trung tâm văn hóa cộng đồng; bảo tàng, phòng truyền thống; bưu điện văn hóa và các kết cấu hạ tầng giao thông, kỹ thuật cho sự phát triển giáo dục. Điều này sẽ tạo điều kiện toàn dân đưa trẻ đến trường, tiến tới phổ cập giáo dục từ mầm non đến tiểu học, trung học cơ sở và phổ thông trung học.

- Cần có kế hoạch đào tạo một tầng lớp trí thức là con em dân tộc, vì chính họ sẽ là những lực lượng tiên phong, tận tụy, kiên trì và sẽ tạo độ tin cậy cao đối với cộng đồng của chính họ. Nếu chú ý đến lực lượng này chúng ta sẽ có một đội ngũ vừa am hiểu văn hóa tộc người, vừa có kiến thức hiện đại để kế nghiệp thế hệ “Khua buôn truyền thống” và Hội đồng làng để tuyên truyền, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào thôn, buôn một cách hiệu quả. Là lực lượng nòng cốt xây dựng hình ảnh người trí thức, lan tỏa những giá trị của văn hóa và con người Nam Trung Bộ, xây dựng ý thức và tinh thần trách nhiệm của họ với bản thân, cộng đồng và xã hội.

Cần nâng cao trình độ dân trí cho nông dân như trình độ học vấn, trình độ am hiểu pháp luật, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi hiện đại đạt tiêu chuẩn Vietgap. Muốn vậy, phải chú trọng giáo dục những kiến thức về khoa học, kỹ thuật, tạo cơ sở để xóa bỏ những yếu tố mê tín dị đoan, những quy định thiếu căn cứ khoa học của một số tập tục lạc hậu. Tuyên truyền về những quy định

của pháp luật, tinh thần đoàn kết cộng đồng; quyền sở hữu toàn dân, tập thể, cá nhân theo pháp luật, vấn đề tang ma theo lối sống mới; vấn đề bảo vệ tài nguyên, nhất là bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước; về ý thức chính trị, ý thức pháp luật; những giá trị văn học nghệ thuật; thể hiện ý chí vươn lên khẳng định bản thân mình, tập quán về tình thương yêu cộng đồng - “một cây thức cả rừng không ngủ”, “một người mất là nỗi đau của bản làng”; “một người trưởng thành là niềm tự hào của thôn bản”...; đức tính thật thà, chất phác; ý thức trách nhiệm công dân; ý thức cảnh giác trước những âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc...

Thực hiện biện pháp này là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, của đội ngũ báo cáo viên, cộng tác viên, Hội đồng trưởng bản - những người được quần chúng tín nhiệm, tôn vinh. Đối với những người làm công tác giáo dục, tuyên truyền vận động xây dựng nông thôn mới ở cơ sở phải am hiểu văn hóa của đồng bào các dân tộc và pháp luật của nhà nước, hiểu rõ những việc làm trái pháp luật và hơn hết là phải gương mẫu thực hiện, lời nói phải đi đôi với việc làm thì nông dân mới tin vào người cán bộ, mới tin vào Đảng và chế độ. Trên cơ sở đó phát huy, nâng cao được ý thức trách nhiệm của nông dân Nam Trung Bộ trong xây dựng nông thôn mới.

Thứ ba, tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội cho đồng bào DTTS Tây Nguyên nói riêng và Nam Trung Bộ nói chung.

Văn kiện đại hội Đảng lần thứ XIII xác định: “Bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong mọi tình huống” [12, tr.255]. Việc bảo đảm các điều kiện quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội là một trong những giải pháp quan trọng, không thể thiếu nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân, do vậy cần:

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn Nam Trung Bộ nói chung. Tổ chức tốt việc phân tích và dự báo đúng tình hình thực tế để kịp thời xây dựng chủ trương, giải pháp, đối sách chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Đảng và Nhà nước. Phát huy vai trò tổ tự quản trong cộng đồng góp phần tham gia bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội, đấu tranh có hiệu quả với các loại hình tội phạm, loại bỏ các tệ nạn xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân an tâm sản xuất và sinh hoạt. Chủ động ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện tiêu cực như độc đoán, chuyên quyền, mất dân chủ, dân chủ hình thức, tham ô, tham nhũng, các tranh chấp, khiếu kiện đất đai có liên quan đến vấn đề tôn giáo, dân tộc; xử lý nghiêm minh các hoạt động lợi dụng khiếu kiện để kích động, gây rối, phá hoại.

Kết hợp biện pháp tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục, vận động quần chúng nhân dân với huy động lực lượng vũ trang đấu tranh, trấn áp, xử lý dứt điểm những điểm nóng chính trị - xã hội, những vụ việc phức tạp, không để lan rộng, kéo dài. Chú trọng xây dựng nền quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc, tăng cường các biện pháp vận động bà con đồng bào DTTS, dựa vào bà con để nắm tình hình kịp thời phát hiện mọi âm mưu hoạt động của các thế lực thù địch chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ.

Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng phối hợp chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các địa phương, các ngành, các lực lượng hoạt động ở khu vực biên giới và các xã tiếp giáp triển khai thực hiện có hiệu quả nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, công tác đối ngoại, công tác dân tộc, tôn giáo, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân và Biên phòng toàn dân. Tăng cường chỉ đạo và phối hợp với các

lực lượng, cơ quan chức năng của Trung ương, địa phương lực lượng chức năng của nước bạn Campuchia, Lào đấu tranh, ngăn chặn kịp thời hoạt động buôn lậu, đánh bạc, buôn hàng cấm qua biên giới... nhằm giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở các xã có biên giới đất liền giáp nước bạn.

Đề xuất với Chính phủ và các địa phương quan tâm đầu tư kinh phí để xây dựng nâng cao tiềm lực quốc phòng tuyến biên giới, trọng tâm là các công trình phòng thủ, hệ thống đường tuần tra biên giới gắn với giao thông liên vùng, ưu tiên bố trí quỹ đất để xây dựng công trình quốc phòng phù hợp với quy hoạch phát triển vùng biên giới của từng địa phương, đồng thời giải quyết kịp thời nhu cầu về đất đai, nhất là trong đồng bào dân tộc thiểu số, quan tâm tuyển chọn, sử dụng lao động là người tại chỗ, phát huy kết quả mô hình kết nghĩa giữa cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang với buôn, bon, làng. Trên cơ sở đó phát huy, nâng cao được ý thức trách nhiệm của nông dân Nam Trung Bộ trong xây dựng nông thôn mới.

4.2.3. Nhóm giải pháp về phát huy vai trò của hệ thống chính trị thúc đẩy hành vi, thực thi kỷ cương

Việc nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền các cấp và cả hệ thống chính trị trong xây dựng nông thôn mới, nhất là vai trò của người đứng đầu là nhiệm vụ quan trọng, phải xem xây dựng nông thôn mới là một cuộc cách mạng, một nhiệm vụ chính trị trọng tâm cần thực hiện kiên trì, kiên nhẫn, thường xuyên và liên tục. Các ngành, các cấp phải quán triệt quan điểm xây dựng nông thôn mới gắn với thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; vừa là mục tiêu yêu cầu của phát triển bền vững, vừa là chủ trương có tầm chiến lược đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp cách mạng và mang tính nhân văn sâu sắc của Đảng, Nhà nước.

Đối với các tỉnh Nam Trung Bộ, sắp đến cần hướng vào những nhiệm vụ sau:

Một, tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng

trong phát huy ý thức trách nhiệm của nông dân. Tổ chức các buổi tuyên truyền, nâng cao nhận thức về các chủ trương, chính sách xây dựng nông thôn mới; vận động, khuyến khích người dân đóng góp ý kiến về các kế hoạch, mục tiêu xây dựng nông thôn mới của địa phương trên cơ sở nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân; kêu gọi, huy động người dân đóng góp vật chất, tinh thần, sức người, sức của... cùng chính quyền địa phương trong xây dựng mới, tu bổ, tôn tạo, giữ gìn các công trình hiện đại hóa nông thôn như điện, đường, trường, trạm, nhà văn hóa.

Hai, phát huy vai trò của chính quyền cơ sở trong việc tổ chức thực hiện có hiệu quả xây dựng nông thôn mới, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đặc biệt là Hội Nông dân gắn với phát huy ý thức trách nhiệm của nông dân - hội viên. Tổ chức các buổi tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ cơ sở về vai trò của nhân dân nói chung và nông dân nói riêng trong xây dựng nông thôn mới; quán triệt, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và địa phương trong xây dựng nông thôn mới cho đội ngũ cán bộ cấp cơ sở và người dân,... Phát huy vai trò của các lực lượng đoàn thể như đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội nông dân... trong xây dựng nông thôn mới: có các công trình của thanh niên, của Hội phụ nữ, Hội nông dân...

Ba, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã có phẩm chất, năng lực ngang tầm nhiệm vụ, tâm huyết với công việc, không ngừng khích lệ, động viên nông dân phát huy ý thức trách nhiệm của họ trong xây dựng nông thôn mới. Có cơ chế, chính sách thu hút người tài, có năng lực, phẩm chất về làm cán bộ cấp cơ sở; thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức... nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của chính đội ngũ này trong xây dựng nông thôn mới cũng như vai trò của việc huy động mọi nguồn lực trong nhân dân trong đó có nông dân vào xây dựng nông thôn mới

Bốn, phát huy vai trò đội ngũ già làng, trưởng bản, người có uy tín

trong cộng đồng ở các tỉnh Tây Nguyên cũ thuộc Nam Trung Bộ. Theo thống kê của Mặt trận Tổ quốc các tỉnh Tây Nguyên (năm 2021), toàn vùng có 3.702 già làng (trong đó, tỉnh Lâm Đồng 672, Đắk Nông 128, Đắk Lắk 556, Gia Lai 1.228 và Kon Tum 1.118) [11]. Đối với trưởng bản, vì là một phần không thể thiếu trong hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư nên ở tất cả các thôn, làng, bản... đều có một người được bầu làm trưởng bản. Còn người uy tín trong cộng đồng ở Tây Nguyên cũng đã xác định là lực lượng khá đông đảo, hiện nay trên toàn vùng là 2370 người có uy tín trong cộng đồng được công nhận*. Họ có vai trò quan trọng trong cộng đồng, luôn gần gũi nông dân, nắm bắt và thấu hiểu tâm tư nguyện vọng, họ sẽ là cầu nối quan trọng trong xây dựng nông thôn mới và phát huy ý thức trách nhiệm của nông dân.

Trước hết, cần nâng cao nhận thức cho đội ngũ già làng, trưởng bản trong việc ủng hộ chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và địa phương về xây dựng nông thôn mới. Thông qua uy tín của già làng, trưởng bản tổ chức các buổi họp bản, làng để nâng cao nhận thức cho người dân về vai trò của xây dựng nông thôn mới, và vai trò của chính mỗi người dân trong việc góp phần vào sự thành công của công cuộc xây dựng nông thôn mới; Nhờ uy tín của các già làng thuyết phục, động viên những người, hộ nông dân còn nhận thức chưa đúng về xây dựng nông thôn mới, còn đặt lợi ích riêng mà chưa ủng hộ xây dựng nông thôn mới...

TIỂU KẾT CHƯƠNG 4

Để nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân Nam Trung Bộ trong xây dựng nông thôn mới, cần phát huy những giá trị tích cực, chủ động của nông

* Theo thống kê của nghiên cứu sinh dựa trên Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 phê duyệt danh sách người có uy tín trong đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2023-2027; Quyết định số 703/QĐ-UBND phê duyệt danh sách người có uy tín trong đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2023-2027; Quyết định số 152/QĐ-UBND, ngày 01/02/2023, phê duyệt danh sách người có uy tín trong đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2023-2027; Quyết định số 523/QĐ-UBND, ngày 16/03/2023, phê duyệt danh sách người có uy tín trong đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2023-2027; Quyết định số 2211/QĐ-UBND, ngày 28/12/2022, phê duyệt danh sách người có uy tín trong đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2023-2027.

dân, đồng thời phát hiện và hạn chế những mặt tiêu cực của bản thân nông dân. Muốn thực hiện được điều đó, trong thời gian tới, vùng Nam Trung Bộ cần dựa trên các quan điểm và giải pháp sau:

Về quan điểm: Nâng cao ý thức trách nhiệm quá trình đảm bảo lợi ích vừa trước mắt vừa lâu dài cho nông dân trong xây dựng nông thôn mới; Nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới là quá trình vừa khơi dậy những ưu điểm vừa khắc phục những hạn chế của họ; Nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới phải phù hợp thực tiễn và đặc thù của địa phương

Về giải pháp: Nhóm giải pháp nâng cao nhận thức, khơi dậy tính tích cực, chủ động, tự giác của nông dân; Nhóm giải pháp phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, giáo dục, củng cố quốc phòng, an ninh; Nhóm giải pháp về phát huy vai trò của hệ thống chính trị nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới

Đây là những giải pháp vừa trước mắt, vừa lâu dài, vừa cơ bản vừa có tính hệ thống. Thực hiện tốt các giải pháp đó sẽ góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân ở Nam Trung Bộ thời gian tới.

KẾT LUẬN

Ý thức trách nhiệm, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác, không phải là một biểu hiện đơn thuần của sự tuân thủ hay áp đặt từ bên ngoài, mà là kết quả của quá trình tự ý thức - sự phản tỉnh nội tại của con người trong tính hiện thực của đời sống xã hội. Trách nhiệm, vì thế, là một phạm trù đạo đức, pháp luật được hình thành và phát triển trong chính những quan hệ xã hội cụ thể, phản ánh mối liên hệ biện chứng giữa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng. Trong mối tương quan ấy, ý thức trách nhiệm không tách rời cá nhân, nhưng cũng không thuần túy là năng lực riêng biệt của từng chủ thể; nó chính là sự biểu hiện của tư cách công dân, tư cách người cộng sự trong tiến trình phát triển xã hội, đặc biệt là trong công cuộc xây dựng nông thôn mới.

Từ cơ sở lý luận đó, luận án đã tiếp cận khái niệm “ý thức trách nhiệm của nông dân” như một sự cụ thể hóa của “ý thức trách nhiệm xã hội”, với cấu trúc gồm ba thành phần cơ bản: tri thức, tình cảm và thái độ- phản ánh mối gắn kết chặt chẽ giữa tư duy, cảm xúc và hành động của người nông dân trong tiến trình đổi mới nông thôn. Bằng việc phân tích thực trạng thông qua các báo cáo của các tỉnh và kết quả điều tra xã hội học đối tượng là nông dân trên ba nội dung chính. Bao gồm: một là, ý thức trách nhiệm của nông dân Nam Trung Bộ trong ủng hộ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các văn bản quy định của địa phương; hai là, ý thức trách nhiệm của nông dân Nam Trung Bộ trong tổ chức thực hiện, tham gia xây dựng nông thôn mới; ba là, ý thức của nông dân Nam Trung Bộ trong bảo vệ và phát huy thành quả trong xây dựng nông thôn mới.

Trên cơ sở số liệu thực tiễn, luận án đã phác họa một cách khái quát bức tranh về ý thức trách nhiệm của nông dân trong khu vực: vừa có những chuyển biến tích cực trên nhiều mặt, vừa tồn tại những giới hạn, nghịch lý và thách thức. Nhận thức của người nông dân đối với chủ trương, chính sách còn chưa đồng đều; sự tham gia của họ vào các hoạt động xây dựng nông thôn

mới có lúc còn mang tính hình thức; khả năng kiểm tra, đánh giá và bảo vệ thành quả chưa thật sự bền vững. Những hạn chế đó không đơn thuần là hệ quả của điều kiện vật chất hay cơ chế thực thi, mà sâu xa hơn, phản ánh khoảng trống trong việc hình thành và nuôi dưỡng ý thức trách nhiệm - một yếu tố quyết định thành bại của tiến trình phát triển.

Chính vì vậy, việc nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân Nam Trung Bộ trong xây dựng nông thôn mới phải được đặt trong mối liên hệ hài hòa giữa lợi ích và nghĩa vụ, giữa nhận thức và hành vi, giữa cá nhân và cộng đồng. Đây là một quá trình lâu dài, đòi hỏi sự kết hợp đồng bộ giữa hệ thống chính trị, các chính sách phát triển kinh tế - xã hội và sự giáo dục, định hướng mang tính chiến lược. Việc khơi dậy những phẩm chất tích cực, chủ động của nông dân đồng thời phát hiện và khắc phục các biểu hiện tiêu cực là yêu cầu mang tính bản chất của công cuộc đổi mới hiện nay. Đây là những giải pháp vừa trước mắt, vừa lâu dài, vừa cơ bản vừa có tính hệ thống. Thực hiện tốt các giải pháp đó sẽ góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân ở Nam Trung Bộ thời gian tới.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Trương Diệu Hải An (2021), “Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh Tây Nguyên”, *Tạp chí Sinh hoạt Lý luận*, số 6 (179).
2. Trương Diệu Hải An (2023), “Vai trò của nông dân trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở Tây Nguyên - minh chứng phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc”, *Tạp chí Sinh hoạt Lý luận*, số 6 (195).
3. Trương Diệu Hải An (2024), “Trách nhiệm của Hội Liên Hiệp phụ nữ trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 2 (Q34).
4. Trương Diệu Hải An (2025), “Ý thức trách nhiệm của nông dân Tây Nguyên trong xây dựng nông thôn mới - thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Sinh hoạt Lý luận*, số 3 (208).

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mai Ngọc Anh (2013), *Tách biệt xã hội về kinh tế đối với nông dân Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Dũng Anh (2016), *Việc làm cho nông dân bị thu hồi đất trong quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá ở Thành phố Đà Nẵng*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
3. Nguyễn Tuấn Anh (2019), *Ý thức trách nhiệm xã hội của thanh niên*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
4. Ban Chấp hành Trung ương (2008), *Nghị quyết 26-NQ/TW, ngày 05-8-2008 Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành trung ương Đảng khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, Hà Nội.
5. Ban Chấp hành Trung ương (2022), *Nghị quyết 19-NQ/TW, ngày 16-6-2022 Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành trung ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
6. Ban chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2010-2020 (2019), *Tài liệu Hội nghị tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 vùng Duyên hải nam trung bộ và Tây Nguyên*, Quảng Nam.
7. Ban Tuyên giáo Trung ương (2009), *Tư tưởng tám gương đạo đức Hồ Chí Minh về nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng, hết sức phụng sự tổ quốc, phục vụ nhân dân*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Hoàng Chí Bảo (2010), *Dân chủ và dân chủ ở cơ sở nông thôn trong tiến trình đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Nguyễn Trọng Bình (2018), “Thực hiện “tự trị thôn dân” trong xây dựng nông thôn mới ở Trung Quốc”, *Tạp chí nghiên cứu Trung Quốc*, số 5 (201).

10. Nguyễn Trọng Bình và Nguyễn Trung Tín (2018), “Về nội dung và hình thức tham gia của người dân ở cơ sở trong xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, (8).
11. Ưông Thái Biểu (2023), *Già làng Tây Nguyên (bài 2)*, tại trang <https://baolamdong.vn/hosotulieu/202110/gia-lang-tay-nguyen-bai-2-3086269/>.
12. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
13. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
14. Michel Capron Francoise Quairel-Lanoizelee (2009), *Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
15. Michael Cornwell (2006), *Trách nhiệm và cơ hội. Kinh nghiệm thực tế của các giám đốc thành công*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội.
16. Cơ quan thống kê quốc gia (2024), “*Thông cáo báo chí kết quả điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024*”, tại trang <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/01/thong-cao-bao-chi-ket-qua-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-giua-ky-nam-2024/>
17. Nguyễn Sinh Cúc (2015), “Kết quả sau bốn năm thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, 45(3).
18. Phạm Thị Hồng Diệp - Hoàng Thị Hương - Nguyễn Thị Lan Hương (2022), *Giáo trình nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội

19. Trương Minh Dục (2006), *Nông nghiệp các tỉnh duyên hải Nam trung bộ trong những năm đổi mới*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
20. Trần Sỹ Dương (2013), *Tâm lý sản xuất nhỏ ở đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp cơ sở đồng bằng bắc bộ hiện nay*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
21. Nguyễn Văn Dương (2022), *Sổ tay hướng dẫn xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu*, Nxb. Tài Chính, Hà Nội.
22. Đảng bộ tỉnh Kon Tum, Huyện ủy Kon Plông (2023), *Báo cáo số 177-BC/HU, ngày 21/8/2023 về “kết quả rà soát các hủ tục, tập tục không còn phù hợp của đồng bào DTTS trên địa bàn huyện”*.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, Tập I.
24. Đảng ủy Chính phủ (2025), *Thông báo số 65-TB/ĐU, ngày 04/6/2025 Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ tại cuộc họp về định hướng điều chỉnh phân vùng và điều chỉnh quy hoạch vùng kinh tế - xã hội*.
25. Nguyễn Tấn Đắc (2005), *Văn hóa xã hội và con người Tây Nguyên*, Nxb. Khoa học xã hội, TP Hồ Chí Minh.
26. Phạm Đi (2015), *Xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay (Nghiên cứu vùng Duyên hải Nam trung bộ)*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
27. Phạm Đi (2016), “Nhận thức của cán bộ lãnh đạo, quản lý về Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới (Qua khảo sát tại một số tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ)”, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, số 4.
28. Lương Quốc Đoàn (2021), “Khơi dậy khát vọng vươn lên và phát huy vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong phát triển nông nghiệp, kinh tế, nông thôn và xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Cộng sản*, số 971.

29. Đặng Quang Định (2010), *Quan hệ lợi ích kinh tế giữa công nhân, nông dân và trí thức ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Phạm Văn Đức, Đặng Hữu Toàn, Trần Văn Đoàn, Ulrich Dornberg (đồng chủ biên) (2008), *Công bằng xã hội, trách nhiệm xã hội và đoàn kết xã hội*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
31. Phạm Văn Đức, Joes Sayer, Đặng Hữu Toàn, Nguyễn Đình Hòa, Ulrich Dornberg (đồng chủ biên) (2010), *Trách nhiệm xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường*, Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
32. Mạc Đường (1983), *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng*, Nxb. Sở Văn hóa-Thông tin, Lâm Đồng.
33. Levinas E (1969), *Totality and Infinity (Dịch: Tổng thể và vô cực)*, Nxb. Đại học Duquesne, Bồ Đào Nha.
34. Phạm Thị Vĩnh Hà (2024), “*Nhận diện và phản bác luận điệu xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng đối với nông dân*”, tại trang <https://lyluanchinhtri.vn/nhan-dien-va-phan-bac-luan-dieu-xuyen-tac-chu-truong-duong-loi-cua-dang-doi-voi-nong-dan-4274.html?utm>.
35. Phạm Minh Hạc (2012), *Cơ sở lý luận góp phần đúc kết xây dựng giá trị chung của người Việt Nam thời nay*, Nxb. Dân trí, Hà Nội.
36. Lê Đình Hải (2018), “Giải pháp tăng cường sự sẵn lòng tham gia của người dân vào chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai”, *Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn*, kỳ 1, tháng 5/2018.
37. Hồ Quế Hậu (2012), *Liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp chế biến nông sản với nông dân ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

38. Bùi Thị Hòa (2015), *Phát triển bền vững với việc giữ gìn giá trị truyền thống các dân tộc thiểu số bản địa tỉnh Đắk Nông trong giai đoạn hiện nay*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
39. Hoàng Ngọc Hòa (2008), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
41. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2010), *Những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
42. Phạm Văn Hồ (2022), *Xây dựng nông thôn mới ở Tây Nguyên (2010-2020)*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
43. Hội đồng Lý luận Trung ương (2009), *Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn - Kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Hội đồng lý luận trung ương (2022), *Xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Sự Thật, Hà Nội.
45. Hội đồng quốc gia biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam (2005), *Từ điển bách khoa Việt Nam*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, tập 4.
46. Lưu Hùng (1987), “Vài nét về làng Tây Nguyên”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, Số 232 + 233 (Tháng 1+2).
47. Phạm Huỳnh Minh Hùng (2016), *Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

48. Phạm Huỳnh Minh Hùng (2022), *Vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bến Tre*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.
49. Lê Thị Thanh Hương (2015), *Một số yếu tố tâm lý của người nông dân ảnh hưởng đến quá trình xây dựng nông thôn mới*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
50. Bùi Thị Thu Hương (2020), “Khẳng định vai trò chủ thể của người dân thông qua việc lấy ý kiến sự hài lòng đối với kết quả xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Kinh tế và dự báo*, số 3 (720).
51. Vũ Trọng Khải (2022), “Cần chuẩn hóa các khái niệm và thuật ngữ để thảo luận và hoàn thiện chính sách phát triển nông nghiệp ở nước ta hiện nay”, tại trang <https://nongthonvaphattrien.vn/can-chuan-hoa-cac-khai-niem-va-thuat-ngu-de-thao-luan-va-hoan-thien-chinh-sach-phat-trien-nong-nghiep-o-nuoc-ta-hien-nay-a682>
52. Bùi Thị Ngọc Lan (2023), “Xu thế phát triển của giai cấp nông dân Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 543
53. Ngô Thị Phương Lan (2020), *Giáo trình phát triển nông thôn Việt Nam từ bài học kinh nghiệm của phong trào Saemaul*, Nxb. Đại học quốc gia, TP Hồ Chí Minh.
54. V.I.Lênin (1977), *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Matxcova, t.39.
55. Lê Văn Liêm (2015), *Tây Nguyên vùng văn hóa đặc sắc*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
56. Tùng Linh (2025), “Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng: các chỉ tiêu quan trọng của vùng Tây Nguyên đều tăng so với năm 2023”, tại trang <https://www.mpi.gov.vn/portal/Pages/2025-1-2/Bo-truong-Nguyen-Chi-Dung-cac-chi-tieu-quan-trong-0lplpe.aspx?utm>

57. Lê Quốc Lý (2012), *Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Vấn đề và giải pháp*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
58. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.3.
59. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.8.
60. C.Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.22.
61. Đỗ Thị Thanh Mai (2001), *Tâm lý nông dân miền Bắc Việt Nam khi chuyển sang kinh tế thị trường - Đặc trưng và xu hướng biến đổi*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
62. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4.
63. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.7.
64. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.8.
65. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.10.
66. Trương Giang Nam, Nguyễn Thành Phong (2011), *Liên kết "4 nhà" - giải pháp cơ bản góp phần xây dựng nông thôn mới ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
67. Nguyễn Thiện Nhân (2012) , “Phát triển hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới - khâu đột phá để cơ cấu lại nông nghiệp và nâng cao thu nhập bền vững cho người nông dân”, *Tạp chí Cộng sản*, (873).
68. Nguyễn Thiện Nhân (2017), “Bảo đảm vai trò chủ thể của giai cấp nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Cộng sản*, số 892.
69. Nhiều tác giả (2007), *Đất và Người Tây Nguyên*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh.
70. Nhiều tác giả (2008), *Nông dân, Nông thôn và Nông nghiệp: Những vấn đề đang đặt ra*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.

71. Ngân hàng nhà nước tỉnh Đắk Lắk (2023), *Báo cáo số 1007/BC-ĐAL, ngày 11/12/2023*.
72. Lê Hữu Nghĩa (2016), “*Thực hành và phát huy dân chủ qua 30 năm đổi mới - Thực trạng và giải pháp*”, tại trang <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/37861/thuc-hanh-va-phat-huy-dan-chu-qua-30-nam-doi-moi.aspx>
73. Nguyễn Lương Ngọc (2020), *Ý thức công dân với việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
74. Trần Thị Minh Ngọc (2008), *Việc làm của nông dân trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2020*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự Thật, Hà Nội.
75. Trần Văn Phòng, Nguyễn Thị Nga (2013), *Triết học chính trị - con người - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
76. Vũ Văn Phúc (2014), *Quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai gắn với xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh Tây Nguyên*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
77. Đỗ Thanh Phương (2009), *Kinh tế nông hộ ở Tây Nguyên đặc điểm và triển vọng*, Nxb. Thông tin và truyền thông, Hà Nội.
78. Nguyễn Thị Tố Quyên (2012), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong mô hình tăng trưởng kinh tế mới giai đoạn 2011 - 2020*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
79. M.M.Rôdentan (1975), *Từ điển Triết học*, Nxb. Tiến bộ, Matxcova.
80. Nguyễn Văn Sáu, Trần Xuân Sầm và Lê Doãn Tá (2002), *Mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân trong thời kỳ đổi mới đất nước. Vấn đề và kinh nghiệm*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

81. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (2023), *Báo cáo số 411/BC-SNN ngày 06/7/2023 về Tình hình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2023, giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2023-2025 và định hướng triển khai trong giai đoạn 2026- 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum*, Kon Tum.
82. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (2024), *Báo cáo số 79/BC-SNN ngày 22/3/2024 về Tình hình nhiệm vụ ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2021-2025*, Lâm Đồng.
83. Bùi Văn Nam Sơn dịch (2007), *I.Kant: phê phán lý tính thực hành*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
84. Bùi Văn Nam Sơn dịch (2007), *Hiện tượng học Tinh thần của Hêghen (1807)*, Nxb. Tri Thức, Hà Nội.
85. Chu Thái Sơn (2000), *Hoa văn cổ truyền Đắk Lắk*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
86. Đặng Kim Sơn (2008), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam - Hôm nay và mai sau*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
87. Đặng Kim Sơn (2008), *Kinh nghiệm quốc tế về nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong quá trình công nghiệp hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
88. Đặng Kim Sơn (2015), *Bài học từ phong trào làng mới Saemaul Undong*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
89. Đặng Kim Sơn (2015), *Đổi mới chính sách nông nghiệp Việt Nam: Bối cảnh, nhu cầu và triển vọng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
90. Đặng Kim Sơn (2022), *“Cơ chế cộng đồng” trong quản lý và phát triển nông thôn Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

91. Trần Thanh Sơn (2025), “*Nhiều xã giảm tiêu chí theo chuẩn nông thôn mới*”, tại trang <https://nongnghiep.vn/nhieu-xa-giam-tieu-chi-theo-chuan-nong-thon-moi401384.html?utm>
92. Tạp chí Cộng sản chuyên đề (2022), “Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”, *Tạp chí Cộng sản*, số 4.
93. Tạp chí Xưa và Nay (2007), *Đất và người Tây Nguyên*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh.
94. Lâm Thiện Thanh và Lâm Duy Chấn dịch (2001), *Phần 8. Thuyết học trực giác của Immanuel Kant*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.
95. Nguyễn Văn Thanh (2022), “Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, (507).
96. Mạch Quang Thắng (2015), *Cơ cấu giai cấp nông dân - một số biến đổi (chủ yếu từ năm 1996 đến nay)*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
97. Nguyễn Xuân Thắng và Bùi Quang Dũng (2013), “Trách nhiệm xã hội và vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 5 (66).
98. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 800/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04-6-2010 Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020*, Hà Nội.
99. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28-01-2022 về phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn 2050*, Hà Nội.
100. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22-02-2022 về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025*, Hà Nội.
101. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 8-3-2022 về Quyết định ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới*

và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, Hà Nội.

102. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 8/3/2022 về Quyết định về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021- 2025*, Hà Nội.
103. Minh Thư (2023), “Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Lâm Đồng tiếp tục đi vào chiều sâu”, tại trang <https://consosukien.vn/chuong-trinh-mtqg-xay-dung-ntm-giai-doan-2021-2025-cua-tinh-lam-dong-tiep-tuc-di-vao-chieu-sau.htm>
104. Nguyễn Thế Trung (2017), “Vận động nông dân và doanh nhân thực hiện chủ trương phát triển nông nghiệp công nghệ cao”, *Tạp chí Dân vận*, số 9.
105. Trung tâm phát triển nông thôn bền vững (SRD) (2014), *Xây dựng cấu trúc bộ sinh kế cộng đồng góp phần xóa đói giảm nghèo*, Nxb. Thông tin và truyền thông, Hà Nội.
106. Nguyễn Từ (2010), *Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đối với phát triển nông nghiệp Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
107. Diệp Thanh Tùng và cộng sự (2024) “Phát huy vai trò chủ thể và sự tham gia của người dân trong chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới”, tại trang <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/ngghien-cu/-/2018/940502/phot-huy-vai-tro-chu-the-va-su-tham-gia-cua-nguoi-dan-trong-chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia-xay-dung-nong-thon-moi.aspx?utm>.
108. Nguyễn Từ (2010), *Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đối với phát triển nông nghiệp Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

109. Ủy ban Dân tộc và Tổng cục thống kê (2019), *Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
110. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2023), *Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 12/1/2023 về Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 - 2025*, Đắk Lắk.
111. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2024), *Báo cáo số 85/BC-UBND ngày 21/3/2024 về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023*, Đắk Lắk.
112. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2024), *Công văn số 9503/UBND-NNMT ngày 16/10/2024 về việc tăng cường công tác theo dõi, hỗ trợ thẩm tra, thẩm định, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao năm 2024 và các năm tiếp theo*, Đắk Lắk.
113. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (2021), *Quyết định số 12/NQ-TU ngày 16/12/2021 về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025*, Đắk Nông.
114. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (2023), *Báo cáo số 673/BC-UBND ngày 17/10/2023 về Sơ kết 3 năm triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*, Đắk Nông.
115. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (2024), *Báo cáo số 05/BC-UBND ngày 12/01/2024 về Sơ kết 3 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai*, Gia Lai.
116. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (2023), *Báo cáo số 258/BC-UBND ngày 01/8/2023 về kết quả triển khai thực hiện các Chương trình mục*

tiêu quốc gia 03 năm xây dựng nông thôn mới (giai đoạn 2021 - 2023) và 6 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum, Kon Tum.

117. Đặng Nghiêm Vạn (1981), *Các dân tộc tỉnh Gia Lai - Kon Tum*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
118. Viện Ngôn ngữ học (2021), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
119. VTV News (2022), “*Toàn văn phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị phát triển vùng Tây Nguyên*”, tại trang <https://vtv.vn/chinh-tri/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-tai-hoi-nghi-phat-trien-vung-tay-nguyen20221014183444097.htm>
120. Trần Quốc Vượng (2012), *Văn hóa nông nghiệp, nông thôn và nông dân Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.
121. Như Ý (1996), *Từ điển tiếng Việt thông dụng*, Nxb. Giáo dục, TP Hồ Chí Minh.
122. www.oxfordlearnersdictionaries.com/definition/english/responsibility?utm_source=chatgpt.com

PHỤ LỤC**PHỤ LỤC 1****PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN NÔNG DÂN**

*Về đánh giá ý thức trách nhiệm của nông dân Tây Nguyên trong
xây dựng nông thôn mới*

Để phục vụ việc nghiên cứu về ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới (NTM) ở Tây Nguyên hiện nay, kính mong Ông/Bà nêu ý kiến của mình theo các câu hỏi trong phiếu trưng cầu ý kiến của chúng tôi. Ý kiến của Ông/Bà là những thông tin quan trọng, đóng góp quý báu đối với nghiên cứu của chúng tôi. Toàn bộ thông tin thu được sẽ được bảo mật và chỉ dùng cho mục đích nghiên cứu. Rất mong sự giúp đỡ của Ông/Bà. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn!

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**1. Giới tính:**
☐ Nam

☐ Nữ
2. Dân tộc:.....**3. Độ tuổi:**

Từ 18 đến 30	
Từ 31 đến 40	
Từ 41 đến 50	
Từ 50 trở lên	

4. Trình độ học vấn:
☐ Cấp 1, Cấp 2

☐ Cấp 3

☐ Trung cấp, cao đẳng, Đại học
5. Ông/ Bà đang sống ở tỉnh nào?

☐ Tỉnh Kon Tum

☐ Tỉnh Gia Lai

☐ Tỉnh Đắk Lắk

☐ Tỉnh Đắk Nông

☐ Tỉnh Lâm Đồng

6. Xã của Ông/ Bà được công nhận mức độ nào trong xây dựng NTM?

☐ Chưa hoàn thành 19 tiêu chí NTM

☐ Đã hoàn thành 19 tiêu chí NTM

☐ Đang xây dựng NTM kiểu mẫu

☐ Đang xây dựng NTM nâng cao

B. NỘI DUNG TRƯNG CẦU Ý KIẾN

Câu 1: Theo Ông/ Bà mục tiêu chương trình xây dựng NTM là:

☐ Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại

☐ Cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, nông nghiệp gắn với phát triển nhanh công nghiệp và dịch vụ

☐ Phát triển nông thôn gắn với đô thị theo quy hoạch

☐ Xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc

☐ Môi trường sinh thái được bảo vệ, an ninh trật tự được giữ vững

☐ Đời sống vật chất, tinh thần người dân được nâng cao

☐ Hệ thống chính trị nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường

☐ Tất cả các ý trên

Câu 2: Theo Ông/ Bà chương trình xây dựng NTM sẽ hoàn thành trong thời gian bao lâu?

- ☐ 10 năm
- ☐ 15 năm
- ☐ 20 năm
- ☐ Lâu dài, chia thành nhiều giai đoạn

Câu 3: Ông/ Bà đánh giá về mức độ quan trọng của các chủ thể sau đây tham gia xây dựng NTM?

	Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Ít quan trọng
Nhà nước và cơ quan Trung ương				
Chính quyền cấp tỉnh, huyện				
Chính quyền cấp xã				
Người dân địa phương				
Cán bộ xã và người dân				

Câu 4: Theo ý kiến của Ông/ Bà, kinh phí huy động xây dựng nông thôn mới hiện nay xuất phát từ những nguồn nào?

- ☐ Nhà nước đầu tư toàn bộ kinh phí
- ☐ Nhà nước và chính quyền địa phương
- ☐ Nhà nước, chính quyền địa phương và người dân
- ☐ Ý kiến khác

Câu 5: Ở địa phương Ông/ Bà đã đóng góp kinh phí xây dựng nông thôn mới bằng những hình thức nào?

- ☐ Tự nguyện ủng hộ trong khả năng có thể

- ☐ Đóng góp theo quy định
- ☐ Quy đổi thành ngày công lao động
- ☐ Hiến đất
- ☐ Hình thức khác
- ☐ Tất cả các phương án trên

Câu 6: Theo Ông/ Bà đánh giá các khoản nông dân đóng góp xây dựng nông thôn mới hiện nay?

- ☐ Cao hơn so với thu nhập của họ
- ☐ Phù hợp với thu nhập của họ
- ☐ Thấp hơn so với thu nhập của họ
- ☐ Ý kiến khác

Câu 7: Ông/ Bà có mong muốn xã của mình đang sống được công nhận Đạt chuẩn nông thôn mới không?

- ☐ Có, rất mong muốn
- ☐ Đạt cũng được, chưa đạt cũng không sao
- ☐ Không mong muốn

Câu 8: Ở địa phương Ông/ Bà, người dân có được biết, thông báo, bàn bạc, trao đổi trước về những tiêu chí mà địa phương dự định chuẩn bị xây dựng, thực hiện hay không?

- ☐ Có
- ☐ Không

Câu 9: Ông/ Bà đánh giá như thế nào về mức độ hưởng ứng, tham gia của nông dân đối với việc triển khai các hoạt động xây dựng nông thôn mới ở địa phương?

	Không đúng	Đúng
Hầu hết mọi người đều tham gia nhiệt tình		
Hầu hết mọi người đều chủ động tham gia		
Chỉ có gia đình nào cảm thấy được hưởng lợi rõ rệt thì mới nhiệt tình tham gia		
Nhìn chung, mọi người nhìn nhau rồi mới thực hiện yêu cầu của xã		
Do cán bộ xã yêu cầu thì mọi người mới tham gia		

Câu 10: Khi tham gia các cuộc họp triển khai các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, Ông/ Bà thường:

- ☐ Đi họp đông đủ
- ☐ Phát biểu ý kiến cá nhân
- ☐ Lắng nghe và đồng thuận cao
- ☐ Lắng nghe và không có ý kiến
- ☐ Chỉ đi họp khi có thời gian
- ☐ Tất cả những biểu hiện trên

Câu 11: Khi bàn bạc về sử dụng kinh phí xây dựng các tiêu chí ở địa phương ai đóng vai trò quyết định?

- ☐ Cộng đồng, người dân quyết định sử dụng kinh phí, chính quyền không can thiệp
- ☐ Chính quyền cơ sở quyết định việc sử dụng kinh phí
- ☐ Cộng đồng, người dân và chính quyền cùng bàn bạc, quyết định sử dụng kinh phí
- ☐ Ý kiến khác

Câu 12: Ông/ Bà đánh giá mức độ tham gia của cá nhân và cộng đồng khi địa phương triển khai xây dựng nông thôn mới

Đánh giá theo thang điểm từ 1 đến 5 tương ứng mức độ từ ít đến nhiều

	1	2	3	4	5
Tham gia đầy đủ để biết thông tin về dự án xây dựng nông thôn mới ở địa phương					
Tham gia bàn bạc, đóng góp ý kiến về vấn đề quy hoạch xây dựng nông thôn mới					
Tham gia đề xuất các nhóm phụ trách triển khai công việc của các dự án					
Tham gia đề xuất các nhóm giám sát quá trình triển khai và sử dụng kinh phí					
Giám sát việc sử dụng các nguồn kinh phí đầu tư cho xây dựng có hợp lý không					
Giám sát thi công các công trình trong dự án có đảm bảo chất lượng hay không					
Tham gia nhiều hơn các hoạt động văn hóa, thể thao					
Cùng gia đình triển khai những hướng dẫn của cán bộ xã về phát triển kinh tế hộ gia đình					

Quan tâm nhiều hơn đến những hoạt động chung của cộng đồng					
Chú ý hơn đến những hoạt động giữ gìn và bảo vệ môi trường					
Trao đổi bàn luận với những người khác về các vấn đề liên quan đến xây dựng nông thôn mới ở địa phương					

Câu 13: Những nguyên nhân nào làm cho Ông/ Bà mong muốn, tham gia tích cực trong xây dựng nông thôn mới ở địa phương

- ☐ Được cán bộ, chính quyền tích cực tuyên truyền, vận động thường xuyên
- ☐ Có việc làm và tăng thu nhập kinh tế gia đình
- ☐ Được chính quyền hỗ trợ kinh phí khi tham gia
- ☐ Được nâng cao hiểu biết, trình độ qua các lớp học do chính quyền tổ chức
- ☐ Chủ động kinh doanh, phát triển kinh tế hộ gia đình
- ☐ Giúp đỡ được bà con, người thân cùng phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập
- ☐ Cảnh quan nơi đang sống ngày càng hiện đại hơn, sạch đẹp hơn, văn minh hơn:
- ☐ Loại bỏ dần những hủ tục, tập tục lạc hậu, không khoa học, không phù hợp:
- ☐ Được đi giao lưu, học hỏi, biết được nhiều mô hình hay để phát triển kinh tế gia đình
- ☐ Nhiều hoạt động văn hóa tinh thần được tổ chức vui vẻ, sôi nổi, thu hút người dân tham gia
- ☐ Được chăm sóc sức khỏe, nâng cao tuổi thọ
- ☐ Ý kiến khác

Câu 14: Những nguyên nhân khiến Ông/ Bà không tham gia tích cực trong xây dựng nông thôn mới

- ☐ Phải tham gia họp nhiều

- ☐ Phải tham gia đóng góp nhiều
- ☐ Không nhận thấy lợi ích gì đối với gia đình mình khi xây dựng nông thôn mới
- ☐ Khi được công nhận đạt chuẩn, một số ưu đãi, hỗ trợ trước đây không còn được nhận nữa
- ☐ Thời gian để được công nhận đạt chuẩn quá dài, khiến dễ nản:
- ☐ Các hoạt động tổ chức nhằm chán, chưa đủ sức hấp dẫn đối với anh/ chị:
- ☐ Ý kiến khác:

Câu 15: Ông/ Bà đánh giá như thế nào về ý thức của người dân đối với những tiêu chí đã hoàn thành, được công nhận

	Hoàn toàn không	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Tích cực
Tham gia nghiệm thu, đánh giá chất lượng tiêu chí NTM				
Đánh giá tính hiệu quả, tác dụng của các tiêu chí đã hoàn thành sau khi đưa vào sử dụng				
Nhận thấy lợi ích khi tham gia xây dựng NTM				
Ý thức trong sử dụng các tiêu chí đã hoàn thành				
Kiểm tra, bảo quản, bảo trì đối với các tiêu chí đã hoàn thành của người dân				
Tham gia thảo luận, bàn bạc để sử dụng hiệu quả các tiêu chí				

Câu 16: Ông/ Bà đánh giá như thế nào về mức độ những biểu hiện của nông dân địa phương khi xây dựng nông thôn mới hiện nay:

	Hiếm khi	Đôi khi	Thường xuyên	Tích cực
Nắm bắt thông tin về kế hoạch, dự kiến thực hiện tiêu chí NTM				
Bàn bạc, đóng góp ý kiến về vấn đề quy hoạch,... xây dựng NTM				
Tham gia thực hiện các phần việc của dự án				
Tham gia giám sát sử dụng kinh phí				
Giám sát triển khai, kiểm định chất lượng thi công các công trình				
Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao cộng đồng				
Học tập, triển khai các mô hình phát triển kinh tế hộ gia đình				
Xóa bỏ những tập tục lạc hậu, giữ gìn và bảo vệ môi trường				
Trao đổi, bàn bạc tìm giải pháp để xây dựng NTM				

Câu 17: Theo Ông/ Bà giải pháp nào cần thiết để nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới

- ☐ Tăng cường công tác tuyên truyền, nói chuyện, tọa đàm, trao đổi về nông thôn mới
- ☐ Nâng cao trình độ của nông dân thông qua thực hiện công tác giáo dục, dạy nghề,.
- ☐ Tổ chức tham quan mô hình kinh doanh, làm kinh tế hiệu quả, để nông dân vận dụng, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm,...
- ☐ Trao quyền cho các xã, thôn, buôn, làng tự chủ động trong thực hiện các tiêu chí

- ☐ Tập trung nguồn lực, đẩy mạnh phát triển kinh tế địa phương, tạo động lực phát triển các lĩnh vực khác
- ☐ Xây dựng hình ảnh người nông dân thế hệ mới: Tự tin, tự chủ, bản lĩnh, hành động
- ☐ Phát huy ý thức trách nhiệm của nông dân trong nhận thức, thái độ và hành động
- ☐ Tất cả

Câu 18: Kiến nghị của Ông/ Bà đối với lãnh đạo các cấp*

- ☐ Quan tâm chỉ đạo, có chủ trương, đường lối, chính sách hỗ trợ cụ thể
- ☐ Nên xây dựng tiêu chí/ cơ chế phù hợp với thực trạng/ đặc điểm của từng địa phương
- ☐ Hỗ trợ/ cấp kinh phí đúng lộ trình đủ để thực hiện
- ☐ Hỗ trợ giải quyết các vấn đề khó khăn của địa phương
- ☐ Tập huấn, đào tạo nâng cao trình độ cán bộ
- ☐ Tuyên truyền, vận động tốt hơn
- ☐ Làm việc dân chủ, công khai, minh bạch, kiểm tra giám sát nghiêm
- ☐ Tránh làm việc kiểu phong trào, chạy đua thành tích
- ☐ Phát huy ý thức trách nhiệm, nội lực của nông dân
- ☐ Phát huy ý thức trách nhiệm của người cán bộ: nhiệt tình, tâm huyết, quyết tâm

Câu 19: Điều Ông/ Bà mong muốn nhất là gì khi tham gia xây dựng nông thôn mới ở địa phương?

.....

.....

Xin chân thành cảm ơn ông/ bà đã tham gia khảo sát!

PHỤ LỤC 2
TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC
Về đánh giá ý thức trách nhiệm của nông dân Tây Nguyên
trong xây dựng nông thôn mới

STT	Nội dung/Phương án trả lời	Số người trả lời	Tỷ lệ (%)		
A. THÔNG TIN CÁ NHÂN					
A1	Giới tính				
	Nam	291	51,9%		
	Nữ	271	48,1%		
A2	Dân tộc				
	Kinh	287	53,1%		
	Các dân tộc khác	275	46,9%		
A3	Độ tuổi				
	Từ 18 đến 30	102	20,8%		
	Từ 31 đến 40	251	43,8%		
	Từ 41 đến 50	167	28%		
	Từ 50 trở lên	42	7,3%		
A4	Trình độ học vấn:				
	Cấp I, II	323	57,5%		
	Cấp III	133	23,8%		
	Trung cấp, cao đẳng, đại học	106	18,7%		
A5	Ông/ Bà đang sống ở tỉnh nào?				
	Tỉnh Kon Tum	103	18,3%		
	Tỉnh Gia Lai	124	22%		
	Tỉnh Đắk Lắk	120	21,4%		

	Tỉnh Đắk Nông	100	17,8%		
	Tỉnh Lâm Đồng	115	20,5%		
A6	<i>Xã của Ông/ Bà được công nhận mức độ nào trong xây dựng NTM?</i>				
	Chưa hoàn thành 19 tiêu chí NTM	193	34,3%		
	Đã hoàn thành 19 tiêu chí NTM	147	26,2%		
	Đang xây dựng NTM nâng cao	128	22,8%		
	Đang xây dựng NTM kiểu mẫu	94	16,7%		
B	NỘI DUNG TRUNG CẦU Ý KIẾN				
B1	<i>Theo Ông/ Bà mục tiêu chương trình xây dựng NTM là:</i>	Số phiếu	Tỷ lệ (%)		
	Xây dựng, củng cố cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại		12%		
	Tổ chức sản xuất hợp lý, nông nghiệp gắn với phát triển nhanh công nghiệp và dịch vụ, nâng cao đời sống nông dân		27%		
	Nông thôn được quy hoạch		11%		
	Xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc		5%		
	Môi trường sinh thái được bảo vệ, an ninh trật tự được giữ vững		4%		

	Hệ thống chính trị nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường		11%		
	Tất cả các ý trên		30%		
B2	<i>Theo Ông/ Bà chương trình xây dựng NTM sẽ hoàn thành trong thời gian bao lâu?</i>	Số phiếu	Tỷ lệ (%)		
	10 năm	125	21,7%		
	15 năm	67	12,4%		
	20 năm	36	6,5%		
	Lâu dài, chia thành nhiều giai đoạn	334	59,4%		
B3	<i>Ông/ Bà đánh giá về mức độ quan trọng của các chủ thể tham gia xây dựng NTM?</i>	Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Ít quan trọng
	Chính quyền cấp Trung ương	2.5/5			1.1/5
	Chính quyền cấp tỉnh, huyện	2.1/5			1.6/5
	Chính quyền cấp xã và các tổ chức CT-XH	3.1/5			0.9/5
	Cán bộ xã và người dân	4.2/5			0.3/5
	Người dân địa phương	3.3/5			0.6/5
B4	<i>Theo ý kiến của Ông/ Bà, kinh phí huy động xây dựng nông thôn mới hiện nay xuất phát từ những nguồn nào?</i>	Số phiếu	Tỷ lệ (%)		
	Nhà nước đầu tư toàn bộ kinh phí		6,3%		
	Nhà nước và chính quyền địa phương		8,1%		

	Nhà nước, chính quyền địa phương và người dân		84,6%		
	Ý kiến khác		1%		
B5	<i>Ở địa phương Ông/ Bà đã đóng góp kinh phí xây dựng nông thôn mới bằng những hình thức nào?</i>	Số phiếu	Tỷ lệ (%)		
	Tự nguyện ủng hộ trong khả năng có thể		64,5%		
	Đóng góp theo quy định		39,3%		
	Quy đổi thành ngày công lao động		32%		
	Hiến đất		29,7%		
	Hình thức khác		9,1%		
B6	<i>Theo Ông/ Bà đánh giá các khoản nông dân đóng góp xây dựng nông thôn mới hiện nay?</i>	Số phiếu	Tỷ lệ (%)		
	Cao hơn so với thu nhập của họ		13%		
	Phù hợp với thu nhập của họ		71%		
	Thấp hơn so với thu nhập của họ		9%		
	Ý kiến khác		7%		
B7	<i>Ông/ Bà có mong muốn xã của mình đang sống được công nhận Đạt chuẩn nông thôn mới không?</i>	Số phiếu	Tỷ lệ (%)		
	Có, rất mong muốn		82,8%		

	Đạt cũng được, chưa đạt cũng không sao		11,1%		
	Không mong muốn		6,1%		
B8	<i>Ở địa phương Ông/ Bà, người dân có được biết, thông báo, bàn bạc, trao đổi trước về những tiêu chí mà địa phương dự định chuẩn bị xây dựng, thực hiện hay không?</i>	Số phiếu	Tỷ lệ (%)		
	Có		87,2%		
	Không		12,8%		
B9	<i>Ông/ Bà đánh giá như thế nào về mức độ hưởng ứng, tham gia của nông dân đối với việc triển khai các hoạt động xây dựng nông thôn mới ở địa phương?</i>	Không đúng	Đúng		
	Hầu hết mọi người đều tham gia nhiệt tình	(21,75%)	(71,75)		
	Hầu hết mọi người đều chủ động tham gia	(28%)	(65,25%)		
	Chỉ có gia đình nào cảm thấy được hưởng lợi rõ rệt thì mới nhiệt tình tham gia	(44,75%)	(43,75)		
	Nhìn chung, mọi người nhìn nhau rồi mới thực hiện yêu cầu của xã	(36,25%)	(54%)		
	Do cán bộ xã yêu cầu thì mọi người mới tham gia	(44,25%)	(44,75%)		

B10	<i>Khi tham gia các cuộc họp triển khai các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, Ông/ Bà thường:</i>	Số phiếu	Tỷ lệ (%)		
	Đi họp đông đủ		57,7%		
	Phát biểu ý kiến cá nhân		41,3%		
	Lắng nghe và đồng thuận cao		51,1%		
	Lắng nghe và không có ý kiến		14,4%		
	Chỉ đi họp khi có thời gian		8,3%		
	Tất cả những biểu hiện trên		9,1%		
B11	<i>Khi bàn bạc về sử dụng kinh phí xây dựng các tiêu chí ở địa phương ai đóng vai trò quyết định?</i>	Số phiếu	Tỷ lệ (%)		
	Cộng đồng, người dân quyết định sử dụng kinh phí, chính quyền không can thiệp		11,7%		
	Chính quyền cơ sở quyết định việc sử dụng kinh phí		21,1%		
	Cộng đồng, người dân và chính quyền cùng bàn bạc, quyết định sử dụng kinh phí		62,9%		
	Ý kiến khác		4,3%		
B12	<i>Ông/ Bà đánh giá mức độ tham gia của cá nhân và cộng đồng khi địa phương triển khai xây dựng nông thôn mới</i>	Hiếm khi	Đôi khi	Thường xuyên	Tích cực
	Tham gia đầy đủ để biết thông tin về dự án xây dựng nông thôn mới ở địa phương	117 (29,25)	79	84	101 (25,25%)
	Tham gia bàn bạc, đóng góp ý	88	84	95	102

	kiến về vấn đề quy hoạch xây dựng nông thôn mới	(22%)	(21%)		(25,5%)
	Tham gia đề xuất các nhóm phụ trách triển khai công việc của các dự án	85	80	99	94
	Tham gia đề xuất các nhóm giám sát quá trình triển khai và sử dụng kinh phí	84	80	91	99
	Giám sát việc sử dụng các nguồn kinh phí đầu tư cho xây dựng có hợp lý không	94	72	98	86
	Giám sát thi công các công trình trong dự án có đảm bảo chất lượng hay không	93	76	102	90
	Tham gia nhiều hơn các hoạt động văn hóa, thể thao	86	93	85	91
	Cùng gia đình triển khai những hướng dẫn của cán bộ xã về phát triển kinh tế hộ gia đình	85	82	89	99
	Quan tâm nhiều hơn đến những hoạt động chung của cộng đồng	89	81	83	104
	Chú ý hơn đến những hoạt động giữ gìn và bảo vệ môi trường	88	67	90	98
	Trao đổi bàn luận với những người khác về các vấn đề liên quan đến xây dựng nông thôn mới ở địa phương	87	73	87	99
	Tham gia đầy đủ để biết thông	117	79	84	101

	tin về dự án xây dựng nông thôn mới ở địa phương	(29,25)			(25,25%)
	Tham gia bàn bạc, đóng góp ý kiến về vấn đề quy hoạch xây dựng nông thôn mới	88 (22%)	84 (21%)	95	102 (25,5%)
B13	<i>Những nguyên nhân nào làm cho Ông/ Bà mong muốn, tham gia tích cực trong xây dựng nông thôn mới ở địa phương</i>	Số phiếu	Tỷ lệ (%)		
	Được cán bộ, chính quyền tích cực tuyên truyền, vận động thường xuyên		67,2%		
	Có việc làm và tăng thu nhập kinh tế gia đình		31,3%		
	Được chính quyền hỗ trợ kinh phí khi tham gia		24,4%		
	Được nâng cao hiểu biết, trình độ qua các lớp học do chính quyền tổ chức		44,3%		
	Chủ động kinh doanh, phát triển kinh tế hộ gia đình		36,6%		
	Giúp đỡ được bà con, người thân cùng phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập		62,6%		
	Cảnh quan nơi đang sống ngày càng hiện đại hơn, sạch đẹp hơn, văn minh hơn:		58,8%		
	Loại bỏ dần những hủ tục, tập		56,7%		

	tục lạc hậu, không khoa học, không phù hợp:				
	Được đi giao lưu, học hỏi, biết được nhiều mô hình hay để phát triển kinh tế gia đình		46,8%		
	Nhiều hoạt động văn hóa tinh thần được tổ chức vui vẻ, sôi nổi, thu hút người dân tham gia		49,1%		
	Được chăm sóc sức khỏe, nâng cao tuổi thọ		32,8%		
	Ý kiến khác		4,6%		
B14	<i>Những nguyên nhân khiến Ông/ Bà không tham gia tích cực trong xây dựng nông thôn mới</i>	Số phiếu	Tỷ lệ (%)		
	Phải tham gia hợp nhiều		24,7%		
	Phải tham gia đóng góp nhiều		19,7%		
	Không nhận thấy lợi ích gì đối với gia đình mình khi xây dựng nông thôn mới		16,8%		
	Khi được công nhận đạt chuẩn, một số ưu đãi, hỗ trợ trước đây không còn được nhận nữa		39,4%		
	Thời gian để được công nhận đạt chuẩn quá dài, khiến dễ nản:		24,1%		
	Các hoạt động tổ chức nhàm		21%		

	chán, chưa đủ sức hấp dẫn đối với ông/ bà				
	Ý kiến khác:		22,6%		
B15	<i>Ông/ Bà đánh giá như thế nào về ý thức của người dân đối với những tiêu chí đã hoàn thành, được công nhận</i>	Không đúng		Đúng	
	Có ý thức trách nhiệm trong giữ gìn, bảo vệ những thiết chế, tiêu chí đã hoàn thành	33		359	
	Sử dụng hiệu quả những tiêu chí vừa hoàn thành	51		323	
	Chỉ sử dụng khi cần đến	199		161	
	Không quan tâm nhiều lắm đến những tiêu chí đã được công nhận	215		148	
	Sử dụng lãng phí, thậm chí không sử dụng nếu thấy không phù hợp	234		130	
B16	<i>Ông/ Bà đánh giá như thế nào về mức độ những biểu hiện của nông dân địa phương khi xây dựng nông thôn mới hiện nay:</i>	Hiếm khi (%)	Đôi khi (%)	Thường xuyên (%)	Tích cực (%)
	Nắm bắt thông tin về kế hoạch, dự kiến thực hiện tiêu chí NTM	9	10	19	62
	Bàn bạc, đóng góp ý kiến về	22	19	20	39

	vấn đề quy hoạch,... xây dựng NTM				
	Tham gia thực hiện các phần việc của dự án	6,6	3,4	25	65
	Tham gia giám sát sử dụng kinh phí	4	10,2	40	44,8
	Giám sát triển khai, kiểm định chất lượng thi công các công trình	20	21	30	29
	Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao cộng đồng	5	7	50	38
	Học tập, triển khai các mô hình phát triển kinh tế hộ gia đình	10	20	40	30
	Xóa bỏ những tập tục lạc hậu, giữ gìn và bảo vệ môi trường	22	19	20	39
	Trao đổi, bàn bạc tìm giải pháp để xây dựng NTM	10	5	55	30
B17	<i>Theo Ông/ Bà giải pháp nào cần thiết để nâng cao ý thức trách nhiệm của nông dân trong xây dựng nông thôn mới</i>	Số phiếu	Tỷ lệ (%)		
	- Tăng cường công tác tuyên truyền, nói chuyện, tọa đàm, trao đổi về nông thôn mới:		72,3%		
	- Nâng cao trình độ của nông dân thông qua thực hiện công tác giáo dục, dạy nghề,..:		55,9%.		
	- Tổ chức tham quan mô hình		66,2%		

	kinh doanh, làm kinh tế hiệu quả, để nông dân vận dụng, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm,...:				
	- Trao quyền cho các xã, thôn, buôn, làng tự chủ động trong thực hiện các tiêu chí:		41,1%		
	- Tập trung nguồn lực, đẩy mạnh phát triển kinh tế địa phương, tạo động lực phát triển các lĩnh vực khác:		61,5%		
	- Xây dựng hình ảnh người nông dân thế hệ mới: Tự tin, tự chủ, bản lĩnh, hành động:		52,1%		
	- Phát huy ý thức trách nhiệm của nông dân trong nhận thức, thái độ và hành động:		56,2%		
	- Tất cả:		3,8%		
B18	<i>Kiến nghị của Ông/ Bà đối với lãnh đạo các cấp</i>	Số phiếu	Tỷ lệ (%)		
	Quan tâm chỉ đạo, có chủ trương, đường lối, chính sách hỗ trợ cụ thể:		71,8%		
	- Nên xây dựng tiêu chí/ cơ chế phù hợp với thực trạng/ đặc điểm của từng địa phương:		55,8%		
	- Hỗ trợ/ cấp kinh phí đúng lộ trình đủ để thực hiện:		49,3%		

	- Hỗ trợ giải quyết các vấn đề khó khăn của địa phương:		58,3%		
	- Tập huấn, đào tạo nâng cao trình độ cán bộ:		49,3%		
	- Tuyên truyền, vận động tốt hơn:		42,3%		
	- Làm việc dân chủ, công khai, minh bạch, kiểm tra giám sát nghiêm:		58,3%		
	- Tránh làm việc kiểu phong trào, chạy đua thành tích:		45%		
	- Phát huy ý thức trách nhiệm, nội lực của nông dân:		46,3%		
	- Phát huy ý thức trách nhiệm của người cán bộ: nhiệt tình, tâm huyết, quyết tâm:		51,7%		
B19	<i>Điều Ông/ Bà mong muốn nhất là gì khi tham gia xây dựng nông thôn mới ở địa phương?</i>				

PHỤ LỤC 3
TỔNG HỢP BẢNG VÀ BIỂU ĐỒ

*Về đánh giá ý thức trách nhiệm của nông dân Tây Nguyên trong
xây dựng nông thôn mới*

**Bảng 3.1. Một số đặc điểm của mẫu nghiên cứu là nông dân
các tỉnh Tây Nguyên**

Một số đặc điểm		Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	51,9%
	Nữ	48,1%
Dân tộc	Kinh	53,1%
	Các dân tộc khác	46,9%
Độ tuổi	Từ 18 đến 30	20,8%
	Từ 31 đến 40	43,8%
	Từ 41 đến 50	28%
	Từ 50 trở lên	7,3%
Trình độ học vấn	Cấp I, II	57,5%
	Cấp III	23,8%
	Trung cấp, cao đẳng, đại học	18,7%
Địa bàn tỉnh	Kon Tum	20,4%
	Gia Lai	20,3%
	Đắk Lắk	20,6%
	Đắk Nông	19,6%
	Lâm Đồng	19,1%
Tiến độ xây dựng NTM nơi nông dân đang cư trú	Chưa hoàn thành 19 tiêu chí NTM	44,7%
	Đã hoàn thành 19 tiêu chí NTM	17,8%
	Đang xây dựng NTM kiểu mẫu	16%
	Đang xây dựng NTM nâng cao	21,6%

Nguồn: Kết quả điều tra chọn mẫu do tác giả thực hiện vào năm 2024

Bảng 3.2. Mức độ tham gia xây dựng NTM của nông dân (%)

	Các phương án trả lời (%)				Điểm trung bình	Định lượng chung
	Hiếm khi	Đôi khi	Thường xuyên	Tích cực		
Nắm bắt thông tin về kế hoạch, dự kiến thực hiện tiêu chí NTM	9	10	19	62	3,59	0,68
Bàn bạc, đóng góp ý kiến về vấn đề quy hoạch,... xây dựng NTM	22	19	20	39	3,54	0,73
Tham gia thực hiện các phần việc của dự án	6,6	3,4	25	65	3,52	0,74
Tham gia giám sát sử dụng kinh phí	4	10,2	40	44,8	3,51	0,67
Giám sát triển khai, kiểm định chất lượng thi công các công trình	20	21	30	29	3,2	0,66
Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao cộng đồng	5	7	50	38	3,49	0,70
Học tập, triển khai các mô hình phát triển kinh tế hộ gia đình	10	20	40	30	3,5	0,66
Xóa bỏ những tập tục lạc hậu, giữ gìn và bảo vệ môi trường	22	19	20	39	3,54	0,64
Trao đổi, bàn bạc tìm giải pháp để xây dựng NTM	10	5	55	30	3,53	0,61
ĐTB thang đo					3,53	0,52

Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của luận án năm 2024

Bảng 3.3. Biểu hiện của nông dân khi tham gia các cuộc họp triển khai các tiêu chí xây dựng nông thôn mới

Khi tham gia các cuộc họp triển khai các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, Anh/Chị thường:	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
Đi họp đông đủ		57,7%
Phát biểu ý kiến cá nhân		41,3%
Lắng nghe và đồng thuận cao		51,1%
Lắng nghe và không có ý kiến		14,4%
Chỉ đi họp khi có thời gian		8,3%
Tất cả những biểu hiện trên		9,1%

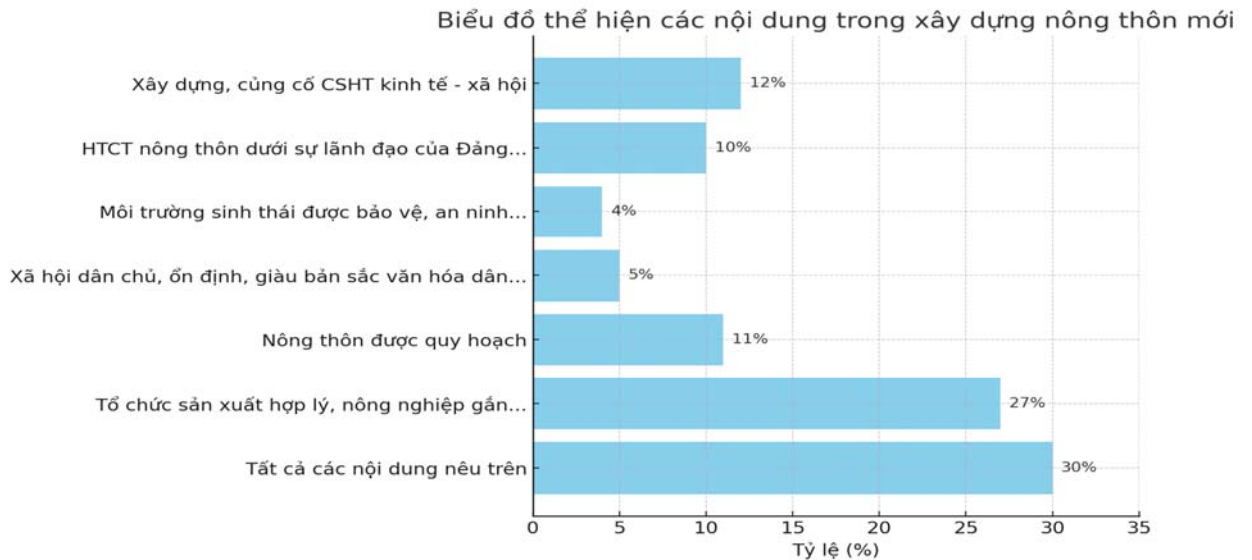
Nguồn: Kết quả điều tra chọn mẫu do tác giả thực hiện vào năm 2024

Bảng 3.4. Mức độ bảo vệ và phát triển các tiêu chí đã hoàn thành

	Các phương án trả lời (%)				ĐTB thang đo
	1	2	3	4	
Tham gia nghiệm thu, đánh giá chất lượng tiêu chí NTM	1,2	4,0	25,1	69,7	3,63
Đánh giá tính hiệu quả, tác dụng của các tiêu chí đã hoàn thành sau khi đưa vào sử dụng	6,3	12	34,2	47,5	3,23
Nhận thấy lợi ích khi tham gia xây dựng NTM	1,5	5,6	26,3	66,6	3,58
Ý thức trong sử dụng các tiêu chí đã hoàn thành	3,4	7,3	27,3	62,0	3,48
Kiểm tra, bảo quản, bảo trì đối với các tiêu chí đã hoàn thành của người dân	1,8	4,1	28,9	65,2	3,58
Tham gia thảo luận, bàn bạc để sử dụng hiệu quả các tiêu chí	0,6	5,6	30,2	63,6	3,57

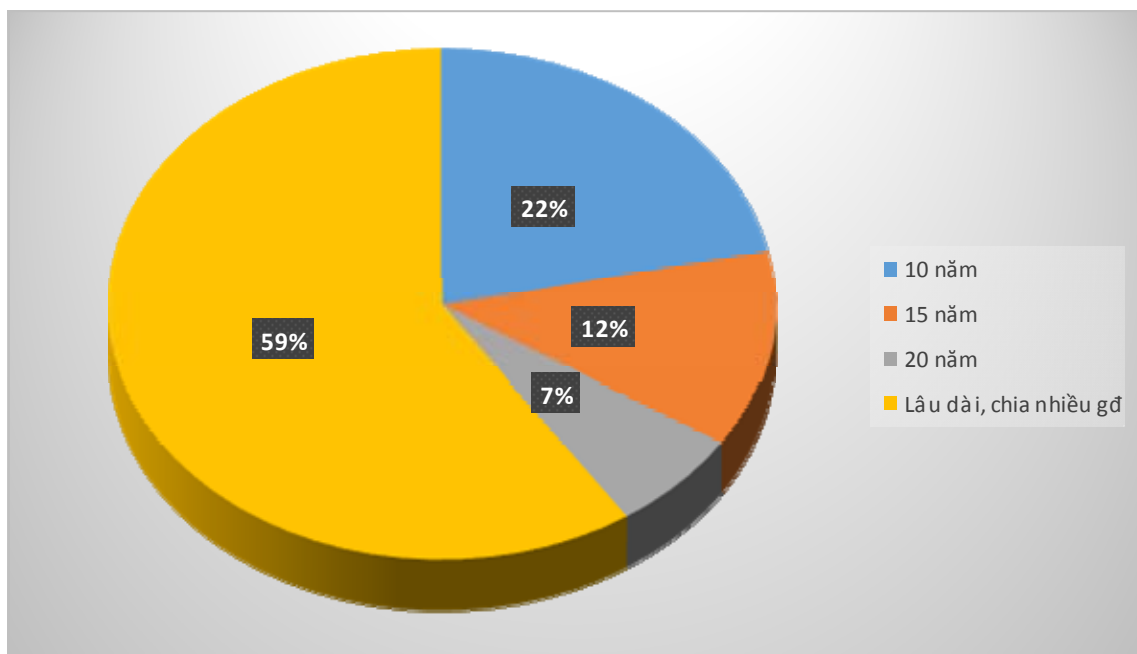
Nguồn: Kết quả điều tra chọn mẫu do tác giả thực hiện vào năm 2024

Biểu đồ 3.1: Nhận thức của nông dân Tây Nguyên về nội dung mục tiêu xây dựng nông thôn mới (%)

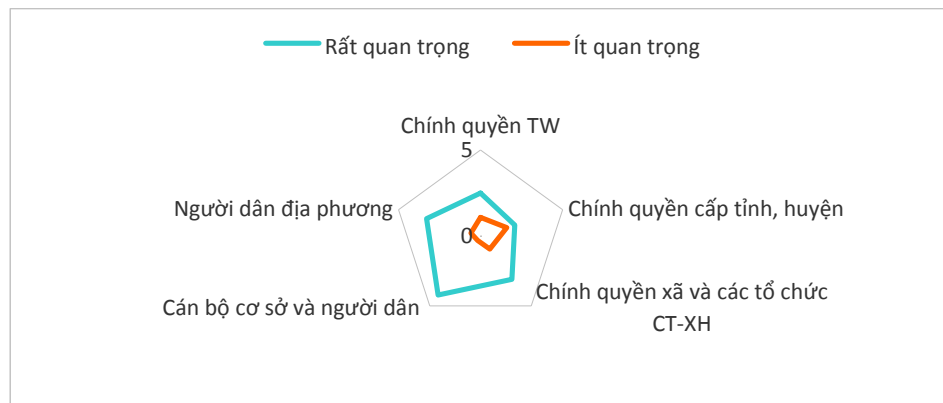


Nguồn: Kết quả điều tra chọn mẫu do tác giả thực hiện vào năm 2024.

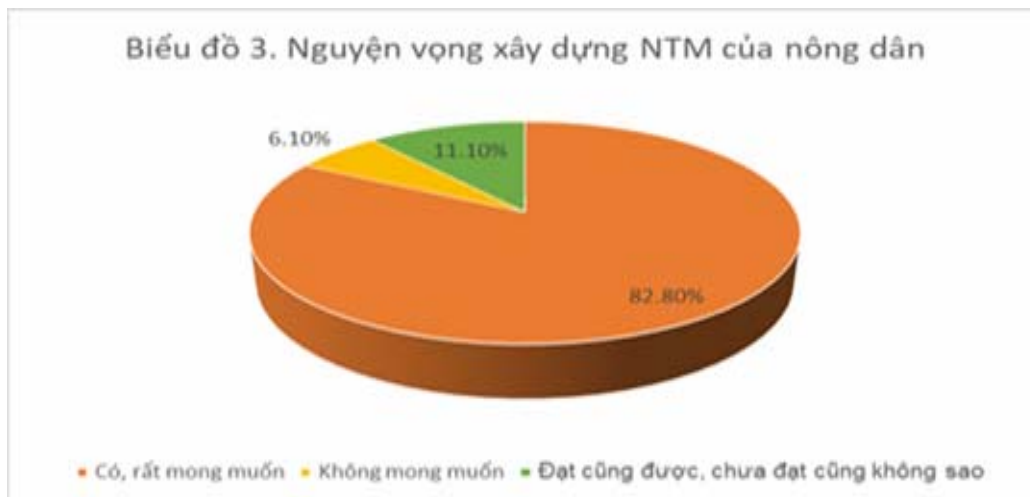
Biểu đồ 3.2: Nhận thức của nông dân Tây Nguyên về thời gian xây dựng NTM



Nguồn: Kết quả điều tra chọn mẫu do tác giả thực hiện vào năm 2024.

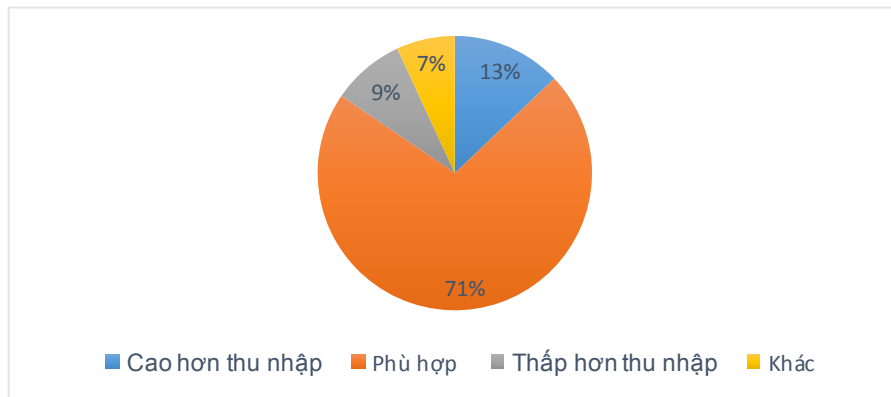
Biểu đồ 3.3. Tầm quan trọng của các chủ thể tham gia xây dựng NTM

Nguồn: Kết quả điều tra chọn mẫu do tác giả thực hiện vào năm 2024

Biểu đồ 3.4. Nguyên vọng xây dựng nông thôn mới của nông dân

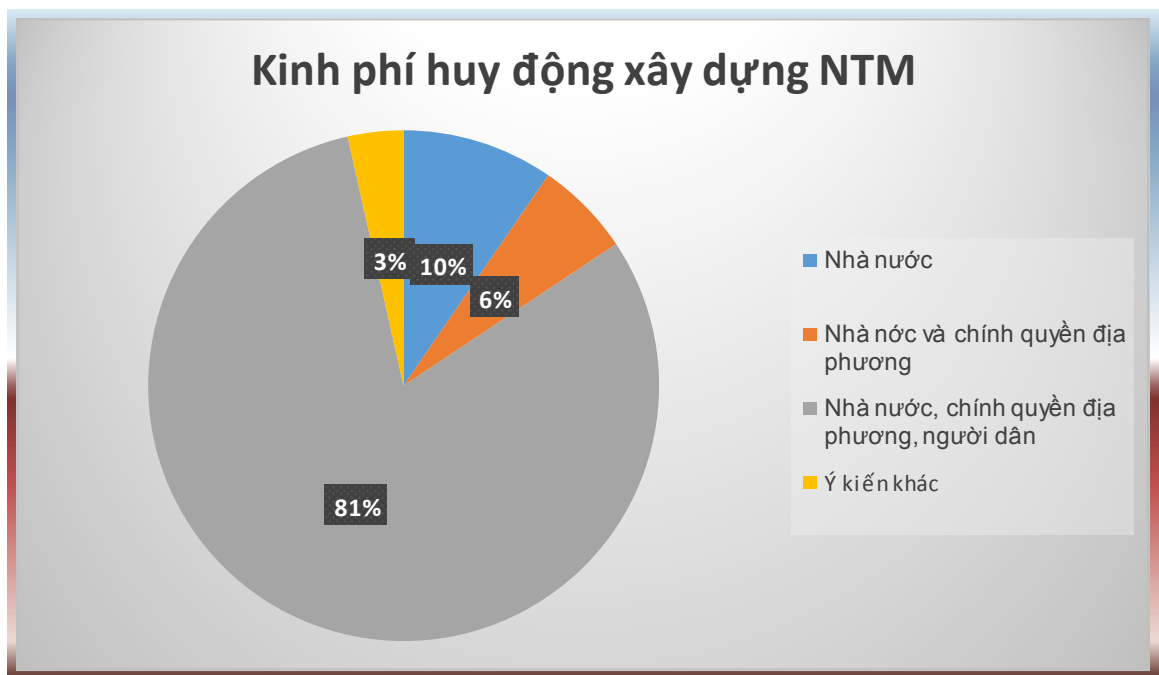
Nguồn: Kết quả điều tra chọn mẫu do tác giả thực hiện vào năm 2024

Biểu đồ 3.5. Mức độ phù hợp của các khoản đóng góp so với thu nhập của nông dân

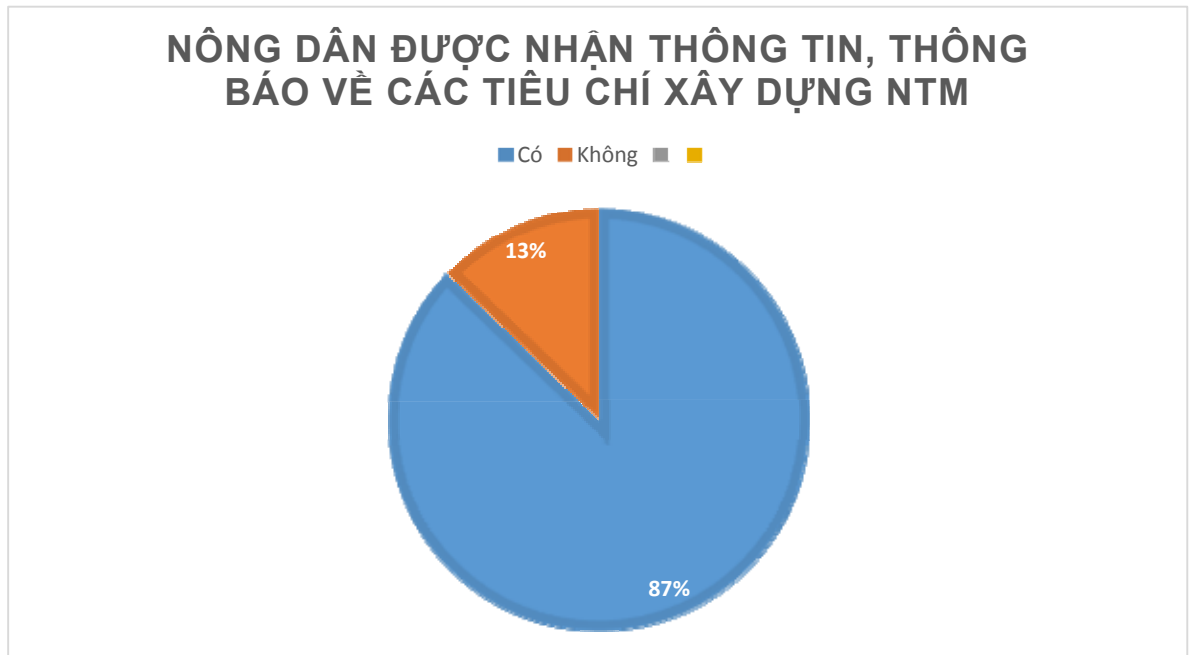


Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của luận án năm 2024

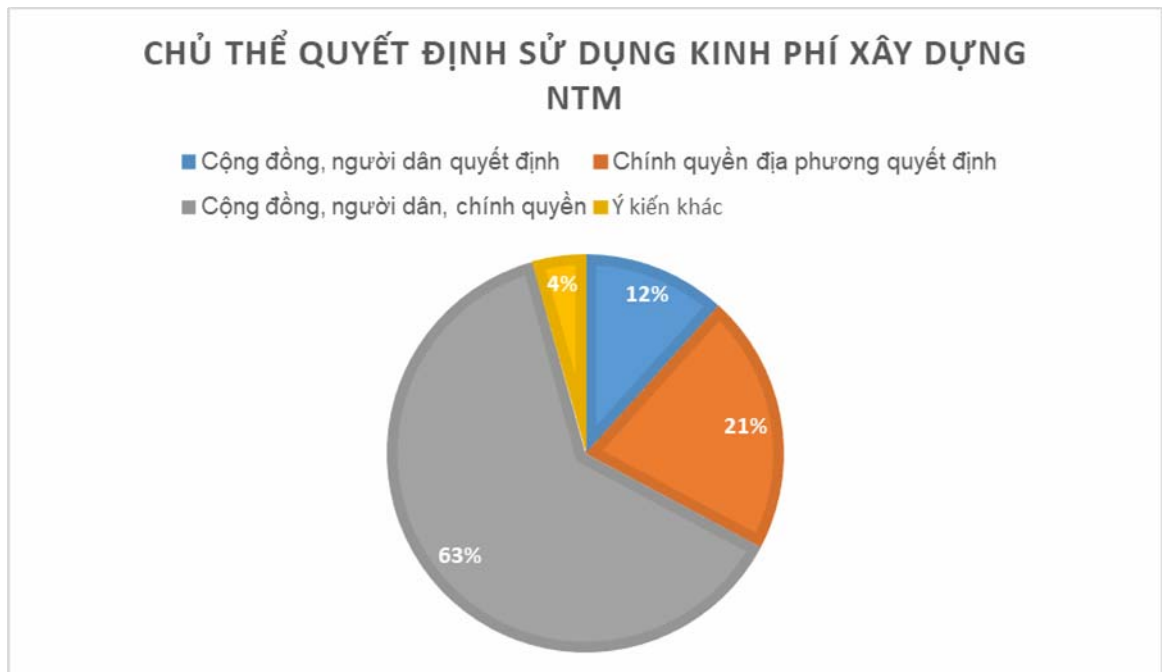
Biểu đồ 3.6. Kinh phí huy động xây dựng NTM



Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của luận án năm 2024

Biểu đồ 3.7. Mức độ nhận thông tin về xây dựng các tiêu chí NTM

Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của luận án năm 2024

Biểu đồ 3.8. Chủ thể quyết định sử dụng kinh phí xây dựng NTM

Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của luận án năm 2024

PHỤ LỤC 4
NỘI DUNG CÂU HỎI PHÒNG VẤN NÔNG DÂN
Về đánh giá ý thức trách nhiệm của nông dân Tây Nguyên
trong xây dựng nông thôn mới

Câu hỏi 1: Chủ thể xây dựng nông thôn mới bao gồm những chủ thể nào?

Trả lời:

1. Nhà nước và các cơ quan trung ương;
2. Chính quyền cấp tỉnh, huyện, xã;
3. Các tổ chức chính trị - xã hội;
4. Cán bộ cơ sở
5. Người dân địa phương

(Phòng vấn sâu, nông dân xã Hòa Phú, huyện Chư Păh, tháng 3/2024).

Câu hỏi 2: Tại sao ông/ bà cho rằng thời gian xây dựng nông thôn mới khoảng 10 hoặc 15 năm?

Trả lời:

-Nông dân 1: “địa phương của tôi đã được công nhận xã hoàn thành 19 tiêu chí sau 12 năm và bây giờ đang xây dựng NTM nâng cao”.

- Nông dân 2: “Tôi tin và dự đoán như vậy”, “chúng tôi không rõ lắm, nên chỉ dự đoán như vậy”.

-Nông dân 3: là trường hợp hằng ngày đi làm thuê, “tối về nhà nên không thật sự quan tâm đến thời gian xây dựng NTM của địa phương bắt đầu khi nào, đến khi nào kết thúc”.

(Phòng vấn sâu, tháng 4/2024)

Câu 3: Vì sao ông/ bà “không mong muốn” xã của mình hoàn thành, được công nhận nông thôn mới?

Trả lời:

Nông dân chia sẻ xã của họ đã được công nhận hoàn thành NTM, tuy nhiên từ khi xã được công nhận hoàn thành NTM thì những hộ từng là hộ

nghèo, hộ cận nghèo không còn được nhận hỗ trợ từ các chính sách như trước đây của xã. Họ mất đi một nguồn hỗ trợ đối với gia đình, nên không thật sự mong muốn xã được công nhận NTM (Phỏng vấn sâu, nông dân tại xã Hiếu, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, tháng 4/2024)

Câu 4: Ông /bà có tham gia giám sát chi tiêu cũng như chất lượng triển khai công trình trong kế hoạch xây dựng nông thôn mới của thôn, bản, xã không?

Trả lời:

- Nông dân 1, chia sẻ: “Việc chi tiêu kinh phí của xã cũng được cán bộ xã công khai trong cuộc họp, cũng có những người được cộng đồng phân công phụ trách giám sát việc chi tiêu này. Khi cán bộ xã báo cáo, những người được phân công không hỏi gì, nói chung là đồng ý, thì người dân tham gia họp cũng đồng ý, chứ chúng tôi không biết hết được”.

- Nông dân 2, cho rằng: “dân có người được học nhiều, nhưng nhiều người lại ít học, nghe thì biết vậy thôi. Mà nếu có hỏi lại thì cán bộ cũng đưa giấy tờ, biên lai mua vật liệu cho xem đầy đủ. Lúc đầu cũng có vài người bàn tán không biết có thật chi như thế không? Nhưng nghĩ lại, nếu họ có muốn tham thì họ cũng đã chuẩn bị đủ giấy tờ rồi. Mình xem cho biết thôi, chứ không thể kiểm tra lại xem có đúng với thực tế hoàn toàn không”

(Phỏng vấn sâu, nông dân tại xã Ea Tam, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, tháng 5/2024).

Câu 5: Điều ông/ bà mong muốn nhất là gì khi tham gia xây dựng nông thôn mới ở địa phương?

Trả lời: 2/3 số câu trả lời của nông dân là “mong muốn thoát nghèo, phát triển kinh tế, tăng thu nhập cho gia đình”.